

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ ĐÔ THÀNH
(1930 - 2023)

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ ĐÔ THÀNH

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ ĐÔ THÀNH
(1930 - 2023)**

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN - 2023

LỜI NÓI ĐẦU

Xã Đô Thành ngày nay bao gồm các làng Đại Độ, Gia Mỹ, Xuân Lai và Phú Tăng xưa kia. Sau cách mạng Tháng Tám năm 1945, các làng xã ấy đã nhập lại thành xã Đại Gia. Năm 1953, xã Đại Gia đổi tên thành xã Đô Thành.

Tên gọi Đô Thành mới xuất hiện cách đây 70 năm (1953 - 2023) nhưng lịch sử của vùng đất này có bề dày cũng đã hơn 500 năm.

Dưới thời phong kiến, các làng xã Đại Độ, Gia Mỹ, Xuân Lai, Phú Tăng đã nổi tiếng bởi sự phát triển về kinh tế, và sự thịnh đạt về học hành, khoa bảng...

Đặc biệt, từ ngày Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, con người và vùng quê này đã ghi vào lịch sử truyền thống của huyện nhà những trang rực rỡ, đó là sự nổi dậy giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, là những đóng góp trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), đặc biệt trở thành một trạm hậu cần trung chuyển trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1955 - 1975), góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung của dân tộc. Trong sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, bộ mặt Đô Thành đã, đang ngày một khởi sắc và vươn lên mạnh mẽ, năm 1994, xã Đô Thành được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba, năm 2014, xã đạt chuẩn nông thôn mới và là một trong những xã về đích sớm nhất của huyện Yên Thành.

Lịch sử xã Đô Thành rất vẻ vang, hào hùng, cần được ghi lại để Đảng bộ và Nhân dân xã nhà, nhất là các thế hệ trẻ, hiểu rõ để nâng cao niềm tin, tự hào và thấy rõ trách nhiệm đối với quê hương, đất nước. Vì vậy, năm 1994, với sự đóng góp nhiệt tình của toàn Đảng bộ và Nhân dân trong xã, nhất là các bậc cao niên, cuốn Lịch sử xã Đô Thành, giai đoạn 1930 - 1975 được biên soạn và hoàn thành.

Ngày 18/1/2018 Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 20-CT/TW và Ban Tuyên giáo Huyện ủy Yên Thành ban hành Hướng

dẫn về việc nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng bộ. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đô Thành đã tổ chức nhiều cuộc họp tiến tới thành lập Ban Chỉ đạo, Ban Sưu tầm và Ban Biên soạn Lịch sử Đảng bộ xã Đô Thành giai đoạn 1930 - 2023.

Trên tinh thần tuân thủ nguyên tắc tư duy khách quan, tôn trọng thực tế lịch sử; nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức về truyền thống cách mạng cho cán bộ, đảng viên, Nhân dân và thế hệ trẻ; động viên và khơi dậy lòng yêu quê hương đất nước, tạo sức mạnh tổng hợp thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh và xây dựng Đảng. Trên cơ sở cuốn Lịch sử xã Đô Thành xuất bản năm 1994, Ban Biên soạn đã tiến hành biên tập, chỉnh sửa, biên soạn bổ sung để hoàn thành cuốn sách “Lịch sử Đảng bộ xã Đô Thành (1930 - 2023)”.

Thay mặt Đảng bộ, chúng tôi chân thành cảm ơn sự chỉ đạo của Ban Tuyên giáo Huyện ủy Yên Thành, sự quan tâm, tạo điều kiện của lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể qua các thời kỳ; trân trọng cảm ơn tinh thần làm việc có trách nhiệm của Ban Sưu tầm tư liệu và Ban Biên soạn. Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng quá trình biên soạn không thể tránh khỏi những thiếu sót, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đô Thành kính mong nhận được sự đóng góp, bổ sung của cán bộ, đảng viên và Nhân dân, để cuốn sách hoàn thiện hơn khi tái bản.

BCH ĐẢNG BỘ XÃ ĐÔ THÀNH

Chương 1

KHÁI QUÁT VỀ VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI ĐÔ THÀNH

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý, địa hình

Xã Đô Thành, nằm về phía Đông Bắc huyện Yên Thành, cách huyện lỵ khoảng 16km. Phía Tây giáp với xã Đức Thành và Thọ Thành; phía Đông và Đông Bắc, tiếp giáp với 2 xã Diễn Hồng, Diễn Yên; phía Nam giáp với xã Diễn Tháp huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

Sau khi kênh Vách Bắc hoàn thành, địa hình của Đô Thành được phân thành 2 vùng Nam Đô và Bắc Đô. Vùng Nam Đô 100% diện tích là đồng bằng, vùng Bắc Đô trên 1/3 diện tích là đồi núi.

Núi, đồi ở Đô Thành phần lớn là những quả đồi bát úp với những tên gọi mộc mạc: hòn Ròng, hòn Dạ, hòn Đền, hòn Đẹt, hòn Dài, hòn Chúa, hòn Dong, hòn Lòi,... Sự hiện diện của những dãy đồi núi ấy, khiến cho địa hình của Bắc Đô mang dáng dấp của một vùng bán sơn địa.

2. Khí hậu

Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa nóng và ẩm của Bắc Trung bộ, khí hậu Đô Thành được chia làm hai mùa rõ rệt, mùa nóng và mùa lạnh.

Mùa nóng: Thường bắt đầu từ tháng 4 và kết thúc vào tháng 10. Đây là mùa có nhiệt độ cao, nhất là các tháng 6, 7 lên đến 39 - 40°C. Gió mùa Tây Nam (gió Lào) thường về vào tháng 5, năm sớm có khi từ tháng 4, khi lúa Đông Xuân (lúa chiêm) bắt đầu trổ (trước đây, khi chưa có hệ thống thủy lợi có thể gây mất mùa). Vào cuối mùa thường có mưa lớn và bão lũ, nhiều trận bão và lũ lụt lớn gây thiệt hại về nhà cửa, tài sản và con người. Trong lịch sử đã

chứng kiến nhiều trận lụt lớn gây thiệt hại về người và tài sản của người dân Đô Thành vào năm 1954, 1978, 1982...

Mùa lạnh: Thường bắt đầu từ tháng 11 và kết thúc vào tháng 3 năm sau. Mùa này, do chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông - Bắc, loại gió mang hơi lạnh về nên nhiệt độ thường xuống thấp, có khi đến dưới 10°C , gây rét đậm, rét hại và mưa phùn, ẩm ướt, ảnh hưởng lớn đến sản xuất, sức khỏe cho người và gia súc. Đầu vụ, do ảnh hưởng của gió mùa Đông - Bắc mà nhiều năm có thể có lụt lớn.

3. Tài nguyên

Đất: Theo số liệu thống kê năm 2022, Đô Thành có tổng diện tích tự nhiên là 1.052ha, được phân bổ như sau: đất nông nghiệp 739,61ha, đất sản xuất nông nghiệp 621,73ha, đất đồi núi 19,83ha, thủy sản 43,25 ha, đất thổ cư 67,49 ha. Trong lịch sử xây dựng và phát triển, Đô Thành đã có 3 lần hiến đất phục vụ cho những công trình giao thông, thủy lợi phục vụ cho sự phát triển của đất nước.

Năm 1933, chính quyền thuộc địa đã cho đào một con kênh từ ba-ra Đô Lương chảy qua các huyện Yên Thành, Diễn Châu, Quỳnh Lưu. Đoạn chảy qua địa phận xã Đô Thành, Nhân dân gọi dòng kênh này là “sông Cái”. Nhờ có sông Cái, hàng trăm héc-ta đất tự nhiên ở vùng này đã được cải tạo thành những chân ruộng 2 vụ lúa màu mỡ.

Năm 1976, tỉnh Nghệ An triển khai đào kênh Vách Bắc nối từ vùng núi phía Tây của huyện Yên Thành ra đến xã Diễn Vạn (huyện Diễn Châu). Đoạn chạy qua địa phận xã Đô Thành, độ dài cũng xấp xỉ dòng kênh Chính (sông Cái). Nhưng khác với kênh Chính, kênh Vách Bắc không có mấy giá trị kinh tế đối với xã Đô Thành. Để có đường tiêu úng cho một số xã vùng Đông Bắc huyện Yên Thành, Vách Bắc đã lấy của Đô Thành trên 150ha đất canh tác. Bù vào sự tổn thất ấy, kênh đào Vách Bắc cùng với kênh Chính như hai dải lụa màu thanh thiên vắt trên mình Đô Thành, làm cho địa hình ở đây thêm mềm mại và thơ mộng. Năm 1981, do yêu cầu

phát triển kinh tế tập thể, xã Đô Thành cắt chuyển cho sở Nông nghiệp Nghệ An 27 mẫu (thuộc vùng Am Bản đồng Chong, đồng Đẹt và Hòn Dài...)

Năm 2021, thực hiện chủ trương của Nhà nước về dự án xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam, là xã nằm trong khu vực có đường cao tốc chạy qua, Đô Thành đã hiến trên 38 ha đất.

Nước: Xã có nguồn nước mặt tương đối phong phú. Ngoài nguồn nước của các sông, suối, ao, hồ tại chỗ, Đô Thành còn được hưởng nguồn nước từ hệ thống ba-ra Đô Lương theo kênh đào chảy về tưới cho các cánh đồng Đô Thành, nhờ đó, đồng ruộng của Đô Thành ít khi bị khô hạn. Những năm gần đây, bằng nhiều nguồn vốn, Đô Thành đã đầu tư sửa chữa giếng lọc nước, giếng khoan và bể chứa nước mưa phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của Nhân dân địa phương. Đến năm 2013, Nhà máy nước sạch Đô Thành được xây dựng và đi vào hoạt động, từ đây Nhân dân xã nhà được sử dụng nước máy, nguồn nước sạch phục vụ cho đời sống.

4. Hệ thống giao thông

Đô Thành là địa phương có hệ thống giao thông tương đối thuận lợi. Sát liền với địa phận của Đô Thành về phía Đông là quốc lộ 1A, về phía Bắc và Đông Bắc là đường 48 và nhà ga xe lửa Yên Lý. Chạy giữa lòng xã Đô Thành là con đường chiến lược 205 (nay là đường 538C), nối đường 48 (Yên Lý - Nghĩa Đàn) ở phía Bắc, gặp quốc lộ 7 tại xã Diễn Bình ở phía Nam dài vài chục ki-lô-mét, đây là con đường huyết mạch vận chuyển hàng hóa, đạn dược vào chiến trường miền Nam trong những năm kháng chiến chống Mỹ. Đi qua xã Đô Thành theo hướng Đông Tây là con đường 533 (nay là đường tỉnh lộ 537), từ quốc lộ 1A chạy dọc theo kênh Vách Bắc qua xã Thọ Thành, huyện Yên Thành. Hiện nay, những con đường này đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Đô Thành.

Với phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm, sau nhiều năm, hệ thống đường giao thông trong xã phát triển khá mạnh. Hệ thống đường liên xóm được xây dựng khá rộng rãi, các quán hàng

dịch vụ, nhất là dịch vụ các nhu yếu phẩm hằng ngày của Nhân dân phát triển.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH LÀNG XÓM VÀ SỰ THAY ĐỔI ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH QUA CÁC THỜI KỲ

1. Quá trình hình thành các làng Đại Độ, Xuân Lai, Gia Mỹ và thôn Phú Tăng, những hạt nhân cấu thành nên xã Đô Thành ngày nay

Trên địa bàn Đô Thành hôm nay, vẫn còn nhiều địa danh cổ chưa bị Hán hóa. Chẳng hạn, như xứ Le Le, rộc Cá Gáy, Thung Sậy, Đồng Đậu, Còn Địa,... Điều này, cho phép chúng ta nghĩ rằng: Xa xưa, trên vùng đất Đô Thành có thể đã có các cư dân Việt cổ sinh sống.

Tuy nhiên, qua nhiều tài liệu còn lưu được ở Đô Thành¹ thì việc hình thành dòng họ và làng xóm ở vùng quê này mới diễn ra từ nửa cuối thế kỷ thứ XV trở lại đây. Cụ thể là: Vào năm thứ 2, đời vua Lê Thánh Tông (1461), ông Hoàng Quý Công (Hoàng Tộc kỳ tiên xuất giang hà quận tòng vu Nam Việt chi, Nam Định tỉnh, Nghĩa Hưng phủ, Vụ Bản huyện) nay là làng Hồ Sơn, xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, ông là Tướng quân với chức vụ “Nhất vân quyền chu Hoàng tướng quân, chi duệ vi tri, thực ư Lê triều niên gián, Tiền điện, Tiền đô, Chỉ huy sứ quân, sử tư kiêm Kiểm Tổng tri toàn Trung Bá”. Ông là người đặt chân đầu tiên đến xứ Am Bản để khai cơ, lập ấp. Tại làng Am Bản (Giờ thuộc về xã Đức Thành huyện Yên Thành) Nhân dân đã lập đền thờ ông Hoàng Quý Công. Về sau, có ông Nguyễn Kiều Lương và một số người trong dòng họ Nguyễn ở Hoàng Hóa (Thanh Hóa) cũng tìm đến xứ Am Bản, hợp lực với họ Hoàng tiếp tục công việc khẩn hoang đất đai, tạo dựng cuộc sống.

¹ Chẳng hạn như “Thông chi làng Xuân Lai”, do người già trong làng là Luyện Văn Ngoạn căn tập. Hậu học Luyện Văn Trân hiệu thảo vào năm Nhâm Dần, đời vua Thành Thái thứ 14 và tập “Xã chi Gia Hội”, do Hậu học Lai Đình Luyện Bá Nhuận căn tập, và Gia Xuân Luyện Quang Mỹ hiệu thảo vào năm đầu đời vua Kiến Phúc (1883).

Sau hàng thế kỷ nỗ lực của nhiều thế hệ dân cư, trong đó người có công đầu là Hoàng Quý Công và con cháu của ông, ấp Am Bản hoang dã đã lùi dần, nhường chỗ cho một trại cày có tên gọi mới là: trại Triêm Vũ.

Sau họ Hoàng, họ Nguyễn, nhiều dòng họ khác tiếp tục đến lập cư ở trại Triêm Vũ. Đó là: họ Trần, với ông tổ là Trần Phúc Diên; họ Bùi, với ông tổ là Bùi Phúc Thắm và nhiều dòng họ khác như họ Đàm, họ Phạm, họ Ngô,... Tính đến nay, những dòng họ này đã có hàng trăm năm lập nghiệp ở Triêm Vũ.

Ngoài ấp Am Bản, nhiều vùng đất khác, tiếp tục có người đến khai phá. Phan Thế Sung cùng thân nhân đã tìm đến khai phá vùng ấp Chùa. Họ Nguyễn với ông tổ là Nguyễn Tứ Nghị, họ Phan Đình với ông tổ là Phan Đình Dung đã cùng nhau chinh phục vùng ấp Thiên Phìn.

Về sau, trại Triêm Vũ trở thành xóm Triêm Vũ; ấp Chùa trở thành xóm Đông Thị, và ấp Thiên Phìn thành xóm Yên Hội. Ba xóm này trực thuộc thôn Ngọc Sơn (là một trong ba thôn thuộc xã Đại Độ).

Sau gần 2 thế kỷ khai cơ, lập ấp, các dòng họ Hoàng, Nguyễn, Phan, Phạm, Đàm, Ngô,... đã biến các vùng đất hoang dã dưới chân hòn Rồng, hòn Dệt, hòn Chúa, hòn Dạ,... thành những đồng ruộng màu mỡ.

Trải qua bao lần thay đổi về cương vực, cho đến năm 1945, Đại Độ là một xã lớn của tổng Quỳnh Trạch, có trên 1.500 mẫu đất canh tác, trực tiếp quản lĩnh 3 thôn Ngọc Sơn, Phú Vinh và Thọ Vực với hàng chục xóm dân cư.

Làng Xuân Lai được hình thành sau khi Đại Độ đã thành một xã lớn.

Sách Xuân Lai thông chí và gia phả của họ Hoàng ở làng Xuân Lai, cho biết: Ông Hoàng Phận Trục, thụy hiệu là Thanh Tiết phủ quân, người huyện Vũ Bản, phủ Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, giữ chức Đô Chi huy sứ, Sứ ty; là người phò Lê diệt Mạc. Khi họ Mạc

chiếm quyền nhà Lê, ông Phận Trục đã chạy vào xứ Le Le để lánh nạn. Tại đây, ông đã cùng con cháu tiến hành khai phá đất đai, tạo lập đồng ruộng, không ngừng mở mang xứ Le Le thành một trang ấp trù phú.

Cuối thời Lê Trung Hưng (1533 - 1788), một người họ Hồ, tự là Phúc Yên, dòng dõi của Trạng nguyên Hồ Tông Thốc cũng tìm đến Le Le lập nghiệp.

Gia phổ họ Luyện ở làng Xuân Lai, cũng cho biết: Năm 1626, ông Mộng Túc, hiệu là Cổ Bôn, vốn là người có võ nghệ cao cường, vì can tội với triều đình, nên cũng tìm đến đây lánh nạn.

Năm 1667, ông Luyện Phúc Thịnh, húy là Tuấn, người làng Lưu Hạ, xã Nghĩa Trang, tổng Phúc Trang, phủ Bình Giang, tỉnh Hưng Yên, (nay thuộc huyện Mỹ Hào, tỉnh Hải Hưng) cũng tìm đến lập nghiệp ở vùng đất này.

Vào khoảng năm 1672, ông Luyện Phúc Thịnh đã cùng một số vị chức sắc ở địa phương xin tách trang Le Le khỏi làng Đại Độ và lập ra một làng mới gọi là làng Xuân Lai, “phía Bắc giáp Triêm Vũ, Đường Ngang, Cồn Chong, lấy đường thẳng làm cận; phía Đông giáp thượng làng Nồi, đồng Bùn, nước Chảy; và phía Tây giáp 2 xã Đăng Công và Quỳ Trạch” (Gia Hội xã chí).

Sau khi làng Xuân Lai được thành lập, nhiều dòng họ khác tiếp tục tìm đến sinh cơ lập nghiệp ở vùng đất này.

Đến năm 1787, ông Luyện Tông Thiêm đã tập hợp một số người nổi dậy chống lại quân Tây Sơn. Sợ bị liên lụy, dân chúng Xuân Lai đã phiêu tán đi các địa phương khác để lánh nạn. Vì thế, phần lớn đất đai của Xuân Lai lại nhập vào Đại Độ.

Đến đầu thời Nguyễn, dân Xuân Lai từ các nơi đã dần dần tìm về làng cũ sinh sống. Thuở mới thành làng Xuân Lai, đất hẹp, người đông, đường đi lối lại đều qua địa phận của xã Đại Độ. Vì thế đã xảy ra nhiều cuộc kiện tụng về đất đai và địa giới hành chính giữa Xuân Lai với Đại Độ kéo dài hàng chục năm. Để có tiền kêu kiện, hào lý làng Xuân Lai đã tổ chức bán phẩm hàm,

chức sắc trong làng cho các nhà hào phú (thậm chí cho cả những người đã chết).

Cuối cùng, thì vào năm Minh Mệnh thứ 18 (1837), Đại Độ đã cắt nhường cho Xuân Lai trên 260 mẫu đất¹ bao gồm: Xứ Cồn Nguyên, 44 mẫu 5 sào; xứ Cây Me, 30 mẫu; xứ Mồ Qui, Le Le, 50 mẫu 3 sào 3 tấc; xứ Le Le, 20 mẫu; Xứ Thượng Hạ Yên Đô, 81 mẫu 9 sào; ruộng chiêm Hạ Yên Đô, 8 mẫu 9 sào; Cầu Giọt, 7 mẫu; Cầu Lộ, cắt một nửa về phía bắc 14 mẫu.

Tuy nhiên, về thuế đinh, thuế điền,... lý trưởng làng Xuân Lai không có quyền “biệt nạp” mà chỉ có quyền “tòng nạp”, nghĩa là, sau khi thu được thuế thì lý trưởng làng Xuân Lai phải nộp cho lý trưởng xã Đại Độ, chứ không có quyền nộp thẳng lên trên như các làng xã khác.

Về sau, Xuân Lai là một làng trực thuộc xã Gia Hội.

Tuy đất ruộng ít, lại thành lập sau xã Đại Độ, nhưng Xuân Lai là một trong những làng ở tổng Quỳnh Trạch có nhiều học trò thành đạt trên con đường khoa cử. Đáng kể là họ Luyện. Luyện Phúc Đạt (con trai thứ ba của ông Luyện Phúc Thịnh) là người khai khoa của làng Xuân Lai. Đồi sau có Luyện Tông Hàn đậu Phó bảng. Họ Luyện là một trong những dòng họ ở Xuân Lai, “cứ đời đời thi đỗ, làm thành họ lớn trong châu lý”².

Các tài liệu về địa chí ở Đô Thành cũng cho biết: Vào năm 1676, ông Vũ Tiến Dũng và một số con cháu trong dòng họ Vũ từ làng Trụ Vân (huyện Diên Châu), đã dời cư đến lập nghiệp tại xã Gia Hội. Vùng đất đầu tiên mà họ Vũ khai phá là ấp Nam. Ấp Nam ở về phía Nam của ấp Hoàng Lồ. Ít lâu sau, một số người họ Chu đã tìm đến khai phá vùng đất ở phía Tây của ấp Hoàng Lồ.

¹ Theo “Giấy nhường ruộng đất” của xã Đại Độ lập ngày 21/6 năm Minh Mệnh thứ 18 (1837) và giấy xin xác nhận lại quyền sử dụng hơn 200 mẫu đất của xã Gia Hội lập ngày mùng 9 tháng Giêng năm Đồng Khánh thứ 3 (1888) được chép trong “Thông chí làng Xuân Lai” năm Nhâm Dần thứ 4, đời vua Thành Thái (1902).

² Xuân Lai thông chí tài liệu đã dẫn.

Trên phần đất khai phá được họ Chu đã lập ra ấp Trung. Ấp Trung hình thành chưa được bao lâu thì gặp phải thiên tai liên tiếp. Mùa màng thất bát, dịch bệnh, đói kém đã làm cho nhiều người trong dòng họ Chu bị chết. Dân cư thất tán. Làng mạc tiêu điều, phần lớn con cháu trong dòng họ Chu phải dời nhà lên làng Bái Trạch (nay thuộc xã Thọ Thành) để sinh sống, làm ăn. Năm Cảnh Thịnh thứ 19 (1801), ông Nguyễn Tất Cường và một số người trong dòng họ Nguyễn đã tìm đến ấp Trung tiếp tục khai hoang vỡ ruộng, tạo dựng nhà cửa... Ấp Trung được đổi tên thành ấp Đoài, về sau lại gọi là Đoài giáp.

Trên vùng đất hoang tàn, lũ lụt xưa kia, con cháu trong dòng họ Nguyễn làm ăn ngày càng thịnh vượng, ngoài công việc đồng áng, nhiều gia đình đã phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm. Gia đình ông Nguyễn Mạo đã nuôi trên hàng trăm con dê. Ông phải đào ao mới đủ nước cho dê uống¹.

Làng Hoàng Lồ được thành lập sau khi xã Đại độ được thành lập, gia phả họ Nguyễn Phúc ghi: Ông Nguyễn Phúc Thuận Tự hiệu ở làng Trung Hậu, phủ Đức Quang (sau đổi phủ Đức Thọ), huyện Thiên Lộc, tỉnh Hà Tĩnh (nay là huyện Can Lộc Hà Tĩnh). Cuối đời Lê (năm 1573), ông ra khai hoang lập nghiệp tại ấp Hoàng Lồ, xã Đại Độ (nay là Hoàng Lồ, xã Đô Thành). Ông đã có công khai phá vùng đất hoang hóa trở thành vùng đất màu mỡ. Dưới triều đại phong kiến nhà Nguyễn, ông được phong 3 đạo sắc: sắc số 1 ngày 18 tháng 3 năm Bính Thìn (1916) sắc phong là “Dực Bảo Trung Hưng Linh Phù Chi Thần”; sắc số 2 cũng ngày 18 tháng 3 năm Bính Thìn (1916) sắc phong là “Bản Thổ Thành Hoàng”; sắc số 3 ngày 25 tháng 7 năm Quý Hợi (1923) sắc phong là “Đoan Dung Tôn Thần”. Các sắc phong này nay vẫn được lưu giữ tại nhà thờ họ Nguyễn. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, nhà thờ họ Nguyễn Phúc là nơi cơ quan phát hành sách Nghệ An về sơ tán,

¹ Gia Hội xã chí.

các đơn vị trạm giao liên quân đội mượn làm kho hậu cần, có một thời gian nhà thờ trở thành trường học và nơi hội họp của Đảng bộ xã. Đến nay, dòng họ Nguyễn Phúc ở Đô Thành đã tròn 450 năm, trải qua 22 đời.

Họ Phạm Đình có từ lâu đời, do biến cố thăng trầm của lịch sử qua các thời đại, đến thời điểm lúc bấy giờ di vật chứng chỉ còn lại nhà thờ, văn cúng, câu đối, sắc phong. Tổ tiên họ Phạm Đình là ông Phạm Đình Công, quê ở thôn Giáp Phú, làng Xuân Viên, tổng Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Trong lúc chạy nạn, gia đình có 3 anh em chạy ra Nghệ An sinh sống, ông Phạm Đình Công ra cư trú tại làng Đại Độ, xã Đại Gia, tổng Quỳnh Trạch, nay là xóm Nam Vực. Sau một thời gian, ông Phạm Đình Công bí mật về quê, bốc phần mộ của cha là Phạm Đình Văn an táng tại Hòn Rồng. Trong kháng chiến chống Mỹ, nhà Thờ họ là nơi để làm kho vũ lưu trữ và di chuyển sách, báo, văn hóa phẩm cách mạng qua các thời kỳ, là nơi ở của bộ đội về đóng quân và huấn luyện tại làng Thọ Vực lúc bấy giờ.

Năm đầu triều Gia Long (1802), ấp Nam, ấp Đoài, ấp Hoàng Lò hợp bộ với nhau và gọi chung là Nam giáp thuộc vào xã Gia Hội¹. Năm Tự Đức thứ 19 (1866), Nam giáp đổi thành thôn Gia Mỹ.

Làng Phú Tăng thuở xưa là ấp Mộ Lam. Họ Văn là dòng họ đầu tiên đến khai phá vùng đất này. Truyền rằng, thi tổ của họ Văn có tên gọi là Mộ Lam, nhân đó đặt tên cho vùng đất ấy là Mộ Lam (Mụ Lam). Năm Gia Long thứ 18 (1820), đổi gọi là làng Phú Tăng.

Sau họ Văn, các dòng họ: Nguyễn, Vũ, Lê, Bùi, Phạm,... đã tìm đến tạo dựng cơ nghiệp trên vùng đất này.

Thôn Kim Chi, có xuất xứ từ Đoài giáp. Năm Cảnh Thịnh thứ 9 (1801), ông Nguyễn Tất Cường đến chiêu dân, lập ấp, tổ chức khai phá nên vùng đất này. Sau họ Nguyễn, người của các dòng họ Phạm, họ Lê, họ Trần,... từ nhiều nơi cũng tìm đến giáp Đoài làm

¹ Năm Hàm Nghi thứ nhất (1885), xã Gia Hộ thành Gia Hội.

ăn, sinh sống. Năm Gia Long thứ 18 (1820), giáp Đoài được đổi thành thôn Kim Chi, trực thuộc xã Gia Hội.

2. Sự thay đổi địa giới hành chính qua các thời kỳ

Cho đến trước năm 1945, vùng đất Đô Thành đã trải qua nhiều lần phân cắt địa giới và thay đổi tên gọi các đơn vị hành chính. Quá trình đó có thể tóm lược như sau:

- Đầu thế kỷ thứ XIX (1802 - 1820): Đại Độ gồm thôn Ngọc Sơn (bao gồm thôn Ngọc Sơn, Đông Thị, Yên Hội), thôn Phú Vinh, thôn Thọ Vực, Gia Hộ (bao gồm thôn Xuân Lai, Mộ Lam) và thôn Nam Giáp (gồm Gia Mỹ và Hoàng Lồ), là 5 trong số 25 xã, thôn thuộc tổng Quỳnh Trạch, huyện Đông Thành, phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An¹.

- Cuối thế kỷ thứ XIX (năm 1892): Các đơn vị hành chính cấp làng, xã (ở đồng bằng) đều được nhà Nguyễn gọi thống nhất là “thôn”. Đại Độ, Xuân Lai, Gia Mỹ, Phú Tăng và Kim Chi là 5 trong số 29 thôn thuộc tổng Quỳnh Trạch, huyện Yên Thành, phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An².

- Đầu thế kỷ thứ XX (1905): Đại Độ, Kim Chi, Xuân Lai, Phú Tăng, Gia Mỹ là 5 trong số 27 xã thôn thuộc tổng Quỳnh Trạch, huyện Yên Thành, phủ Diễn Châu³.

- Trước năm 1945, địa bàn Đô Thành gồm các làng Đại Độ, Gia Mỹ, Xuân Lai, Kim Chi và thôn Phú Tăng. Đó là 4 đơn vị hành chính độc lập có lý trưởng và mộc triện riêng. Mặc dầu vậy, Đại Độ vẫn có tên riêng: làng Thọ Vực, làng Phú Vinh, làng Ngọc Sơn.

- Cách mạng Tháng Tám thành công, chính quyền mới đã cho nhập Đại Độ, Gia Mỹ, Xuân Lai và Phú Tăng thành một xã, lấy tên là Đại Gia. Năm 1953, thực hiện chủ trương của huyện Yên Thành, xã Đại Gia được đổi tên là xã Đô Thành. Ngoài phần đất của Đại

¹ Theo “*Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX*”, Nhà xuất bản khoa học xã hội năm 1981.

² Theo *Lịch sử xã Đô Thành*, NXB Nghệ An, năm 1995.

³ *Niên giám Đông Dương*, phần Nghệ An, năm 1905.

Độ, Gia Hội và các thôn Xuân Lai, Phú Tăng xưa, xã Đô Thành còn tiếp nhận thêm phần đất đai và dân cư của các xóm Sung Yên của xã Diễn Hồng và Hoa Khê của xã Diễn Yên (huyện Diễn Châu), xóm Hoa Khê là xóm có hộ ít nên đã sáp nhập vào xóm Yên Hội. Lúc này, xã Đô Thành gồm 19 xóm: các xóm Giáo Vực, Đông Vực, Nam Vực, Bắc Vực, Hạc Linh thuộc làng Thọ Vực; các xóm Phú Tăng, Kim Chi, Nam Vinh, Bắc Vinh, Giáo Vinh thuộc làng Phú Vinh; các xóm Yên Hội, Đông Thị, Triêm Vũ thuộc làng Ngọc Sơn; các xóm Bắc Lai, Nam Lai thuộc làng Xuân Lai; các xóm Bắc Mỹ, Nam Mỹ, Hoàng Lô thuộc làng Gia Mỹ; Sung Yên.

- Hiện nay (năm 2023), Đô Thành có 14 xóm với diện tích tự nhiên là 10,5km². Dân số toàn xã là 4.442 hộ với 18.180 nhân khẩu.

Như vậy, tính từ khi ông Hoàng Quý Công - người đầu tiên đến Am Bản khai cơ, lập nghiệp, đến nay, Đô Thành đã có trên 500 năm lịch sử. Quá trình hình thành và phát triển của làng xã cũng gắn liền với sự trưởng thành của các dòng họ đã và đang lập nghiệp trên vùng đất này.

III. TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA LÀNG XÃ TRƯỚC NĂM 1945

Cho đến đầu thế kỷ thứ XX, đứng đầu bộ máy hành chính các làng, xã là lý trưởng.

Lý trưởng được bầu bằng hình thức “bỏ trừ” (viết phiếu). Người được chọn bầu làm lý trưởng phải có đủ các tiêu chuẩn:

“Gia tư sảo túc,
Gần cán khả kham
Quốc ngữ, Hán tự khả thông”

(Nghĩa là gia đình khá giả có năng lực đảm đương công việc, thông thạo chữ Hán và tiếng Việt).

Lý trưởng là công cụ sai khiến của chính quyền thực dân, phong kiến, là người thừa hành mệnh lệnh của chính quyền cấp huyện trên địa bàn các làng, xã. Thông qua lý trưởng, nhà nước

trung ương huy động sự đóng góp của dân chúng các làng, xã, mà quan trọng nhất là thuế khóa, phu lĩnh. Bởi mỗi quan hệ ấy mà người xưa có câu: “Dùi đánh đục thì đục đánh sa, đánh đến lý trưởng thì vỡ ra cả làng”.

Tuy nhiên, cũng không ít lý trưởng ra đảm nhận việc chính quyền để có điều kiện giúp dân, giúp làng.

Ở các làng, xã đông dân, nhiều ruộng, như Đại Độ, Gia Mỹ thì dưới Lý trưởng còn có 1 phó lý giúp việc cho lý trưởng và trực tiếp điều hành việc làng, xã, khi lý trưởng vắng mặt. Dưới chánh, phó lý, mỗi làng còn có 5 vị “ngũ hương”, gồm: hương kiểm, hương bộ, hương mục, hương bản và hương dịch.

Hương kiểm: Lo việc bắt lính, bắt phu và giữ gìn trật tự trị an trong thôn xóm.

Hương bộ: Phụ trách hộ tịch, khai sinh, khai tử.

Hương mục: Coi việc đường sá, đê điều, cầu cống.

Hương bản: coi giữ kho thóc, tiền quỹ của làng.

Hương dịch: Lo việc giấy tờ, ghi chép việc làng.

Dưới làng là thôn, đứng đầu mỗi thôn là 1 trong 5 vị “ngũ hương”, riêng thôn lớn như Phú Tăng thì đứng đầu thôn vẫn là một viên lý trưởng, nhưng thuộc vào xã Gia Hội.

Dưới thôn là các xóm. Đứng đầu xóm là một viên “khán thủ”.

Ngoài ra, mỗi làng còn có một đến hai người “phòng” chuyên chạy đưa công văn, giấy tờ, và phục dịch các vị hào lý, chức sắc ở địa phương.

Ở Đại Độ, Gia Hội, Phú Tăng, Xuân Lai, nơi có nhiều đồng bào theo đạo Thiên Chúa, bởi vậy, trong bộ máy quản lý làng, xã còn có thêm một vị trùm xứ¹. Trùm xứ vừa lo việc đời, vừa chăm sóc việc đạo.

¹ Chẳng hạn như trong “giấy nhận ruộng làng xã khác” thường viết “Viết ngày 6 tháng 12 năm Minh Mệnh thứ 12 (1831) thì bên cạnh chữ ký của Lý trưởng Hoàng Danh Vỹ còn có chữ ký của Trùm trưởng Nguyễn Giai. Hoặc là trong “Giấy khai địa bộ” của xã Gia Hội ngày 15 tháng 2 năm Minh Mệnh thứ 13 (1832) thì bên cạnh chữ ký của Lý trưởng Luyện Tình, Hương mục Nguyễn Thuyên còn có chữ ký của Trùm trưởng Nguyễn Diên

Để bảo vệ an ninh, xung quanh địa vực của mỗi làng đều được trồng tre xanh bao kín, lại có hào, lũy kiên cố, ngõ vào làng được xây bằng gạch đá, có cửa bằng gỗ lim chắc chắn. Ngõ vào từng xóm thì làm bằng tre nứa, ban ngày chống lên, đêm đến thì hạ xuống.

Trước cổng mỗi làng có một điểm canh. Đêm nào cũng có tuần phu thay phiên nhau túc trực.

Đêm hôm ai có việc cần đi lại đều phải mang theo đèn, hoặc đuốc thắp sáng. Quá giờ quy định thì nội bắt xuất, ngoại bắt nhập.

Để tăng cường hơn khả năng tự quản của mình, nhiều làng xã đã soạn ra “hương ước”. Hương ước tức là những quy ước của hương thôn về một số vấn đề có liên quan đến đời sống của làng xã, nó có giá trị như một “bộ luật” của làng xã. Bởi vậy, thành viên nào trong làng xã phạm phải một trong những điều “hương ước” đã ngăn cấm thì chịu hình phạt của làng. Chẳng hạn như hương ước của làng Xuân Lai quy định: “Bốn bờ lũy làng có cây cối, hễ ai tự tiện chặt, hương sắc trở lên thì bị phạt 6 tiền, thủ phiên trở xuống thì bị phạt 3 tiền, dân cùng thì phạt 30 roi”. Hoặc là “các cồn địa mạch, cũng như các đường giao thông, ai tự tiện đào phá, hương sắc trở lên thì phạt 1 quan 2 tiền, thủ phiên trở xuống thì bị phạt 6 tiền và phải đắp lại”. Đối với những kẻ trộm cắp, nếu bị phát giác thì bị phạt tiền và chịu đòn từ 30 đến 50 roi. Nếu tái phạm thì bị giải lên huyện tổng giam. Trong thôn xóm, nếu xảy ra sự cãi cọ xích mích thì mỗi bên đều chịu phạt tối thiểu cũng vài ba chục cân thóc.

Với những thiết chế chặt chẽ và nghiêm khắc như vậy, các làng Đại Độ, Gia Mỹ, Xuân Lai đã tạo lập được kỷ cương nền nếp trên nhiều lĩnh vực của đời sống gia đình và xã hội.

Tuy nhiên, bộ máy hành chính quan liêu của làng xã với những luật lệ hà khắc do chế độ thực dân, phong kiến đặt ra cũng là một gánh nặng đối với người lao động, nhất là đối với người phụ nữ.

Sau lũy tre làng, người dân cày phải nai lưng ra làm việc để đóng thuế và cung phụng cho bộ máy hào lý, chức dịch của làng xã, mà sự đóng góp này thì không ngừng gia tăng. Đến năm 1914, mỗi suất phải đóng là 2 đồng 9 hào, tương đương với 3 tạ thóc lúc bấy giờ. Hằng năm, vào khoảng tháng 5, tháng 6 âm lịch, khi mùa màng thu hoạch vừa xong cũng là lúc bắt đầu vụ thu thuế. Lý trưởng, hương hào được nha lại từ huyện đường về giúp sức, ráo riết đốc thúc dân cày nộp thuế. Ai không nộp đủ thuế thì bị đem ra đình tra khảo, đánh đập, bị tịch thu nhà cửa, ruộng vườn,... Ngoài thuế đình, thuế điền, người dân cày còn phải lo phu đài, tạp dịch và nhiều khoản đóng góp vô lý khác. Bởi vậy, người nông dân quanh năm “đầu tắt mặt tối” nhưng “miếng cơm không no, manh áo không lành”.

Sự phân hóa giàu nghèo trong các làng càng ngày càng trở nên sâu sắc, dẫn tới các cuộc đấu tranh quyết liệt giữa phe hộ với phe hào. Những cuộc đấu tranh này tuy chưa đưa người dân cày thoát khỏi cuộc đời nô lệ, nhưng nó đã tạo ra mảnh đất tốt để cho phong trào yêu nước và cách mạng phát triển.

IV. ĐỜI SỐNG VĂN HÓA TINH THẦN

1. Tế lễ thần linh - tín ngưỡng, và gánh nặng đóng góp của người dân Đô Thành trong lịch sử

Cũng như nhiều vùng nông thôn ở nước ta, trước Cách mạng Tháng Tám, mỗi năm ở Đại Độ, Gia Mỹ, Xuân Lai và Phú Tăng, có hàng chục kỳ lễ, Tết Đó là: Tết Nguyên Đán, tết Khai Hạ, tết Đoan Ngọ, tết Trung nguyên, lễ Tế xuân, lễ giỗ hậu thân, lễ Thượng điền, lễ Thượng tân,... Trong số hàng chục kỳ lễ, tết ấy, đáng chú ý là lễ Thượng điền và lễ Thượng tân. Đây là những nghi lễ cổ truyền của các quốc gia trồng lúa nước. Sự tồn tại các nghi lễ truyền thống này, chứng tỏ Đô Thành là một địa bàn sản xuất nông nghiệp lâu đời.

Lễ Thượng điền (hay còn gọi là lễ tế Thần Nông). Lễ được tổ chức trong ngày 3 tháng 8 (âm lịch) hằng năm. Đến cổ com bằng gạo “ba lá” dẻo, trắng, được đóng trong khuôn gỗ hình vuông. Gạo làm cổ cúng, được giã bằng cối đá, trong đó có cả lá mía, lá sắn; vừa bảo đảm cho hạt trắng xanh, vừa không bị vỡ nát.

Lễ Thượng tân: còn gọi là lễ cúng cơm mới, vào ngày 4 tháng 10 (âm lịch) hằng năm. Thuở xưa, cứ đến ngày này, mỗi nhà làm một cỗ xôi mang ra cúng ở đình làng. Về sau, làng trích thêm 6 nôi lúa từ ruộng “tuần sương” để làm cỗ cúng. Cúng xong, ngoài phần biếu ban hành lễ, còn của ai mang về nhà nấy. Theo quy định của làng, sau lễ Thượng tân, dân chúng mới được đem số thóc lúa thu hoạch trong vụ mùa năm đó ra xay giã hoặc bán. Ai không theo đúng quy định này thì mang tội với thần Lúa và sẽ bị làng phạt.

Lễ Thượng điền, lễ Thượng tân, cũng như các kỳ lễ, tết khác, là sự bày tỏ tâm linh của người nông dân đối với các lực lượng siêu nhiên, nó cũng thể hiện đạo lý “ăn quả nhớ kẻ trồng cây” của người Việt Nam chúng ta.

Tuy nhiên, mỗi năm tồn tại hàng chục kỳ tế lễ như vậy, làm hao tốn nhiều công sức, tiền của của dân chúng. Trong hoàn cảnh của một nền nông nghiệp lạc hậu thì các chi phí vật chất cho những kỳ tế lễ trong năm là một gánh nặng đối với người dân cày.

Nhưng đối với tầng lớp chức sắc, kỳ hào ở làng xã thì các kỳ tế lễ thần thánh là dịp để họ chèn chén và bòn rút công sức, tiền của của người lao động.

Sau năm 1945, cùng với việc nghiêm cấm các tệ mê tín dị đoan, tình trạng cúng tế linh đình được hạn chế, đã giúp cho người lao động giảm được những lo toan về vật chất, phần khởi góp tâm sức xây dựng đời sống văn hóa mới, vui tươi, lành mạnh.

2. Ngày xuân, làng mở cỗ yến

Ngoài các kỳ giỗ thần, tế thánh, cứ mỗi độ xuân về, các làng Đại Độ, Gia Hội, Xuân Lai lại nhộn nhịp với các trò chơi dân gian như: đánh cờ, chơi đu, chọi gà, thi vật,...

Cùng với những hoạt động văn hóa truyền thống ấy, cứ 3 năm một lần các làng lại mở tiệc yến lão. Đây là một sinh hoạt văn hóa truyền thống thu hút sự quan tâm của tất cả cộng đồng làng xã.

Theo thông lệ thì những người đến 60 tuổi mới được “vào lão”, những năm trước năm 1945 số người sống đến 60 tuổi rất ít, nên các làng Đại Độ, Xuân Lai, Gia Mỹ đã cho phép hạ mức tuổi vào lão xuống 53. Ở làng Thọ Vực, Đại Độ, 50 tuổi được phép yến lão. Bởi vậy, đến khi làng tổ chức lễ yến thì phải lập ra 3 bàn: nhất, nhị, tam. Bàn nhất: dành cho các vị trên 60 tuổi, bàn nhị dành cho các vị 60 tuổi và bàn tam dành cho các vị dưới 60.

Ở Đại Độ, Xuân Lai, Gia Mỹ, lễ yến lão được tổ chức vào ngày 9 tháng Giêng. Nghi thức tổ chức trang nghiêm, trọng thể và tưng bừng như một ngày hội của làng xã.

Từ mờ sáng, các vị bô lão đã có mặt tại nhà ông lân trưởng. Nghe 3 hồi trống đại của làng gióng lên thì cuộc rước bắt đầu.

Đi đầu đoàn rước là hai hàng cờ ngũ hành. Tiếp đó, là đoàn người khênh trống đại, bu lu,... sau đội trống là đội sênh tiền, sáo nhị, beng beng, kèn tàu, trống cóc. Bốn cô gái, cô cầm sênh tiền, cô cầm mõ. Họ vừa đi vừa múa, hát theo điệu “kim tiền, hành vân”.

Sau họ, là đoàn các cụ, cụ “thủ chỉ” đầu chít khăn đóng, quần trắng, áo dài gấm màu xanh, in hoa chữ “thọ”, màu vàng lấp lánh, cụ ngồi trên một chiếc cang, đòn cang chạm đầu rồng, do 2 trai làng khỏe mạnh khênh. Sau cụ “thủ chỉ” là các vị bô lão, đầu chít khăn đóng, quần trắng, áo dài thâm theo thứ tự người nhiều tuổi đi trước, người ít tuổi đi sau.

Đoàn rước về đến đình Trung, các vị bô lão theo thứ bậc tuổi tác, được mời ngồi vào chiếu nơi đã bày sẵn mâm cỗ rất thịnh soạn.

Mỗi cỗ yến có khoảng vài chục món ăn. Món nào cũng ngon lành đẹp mắt và hợp với khẩu vị của người cao tuổi.

Nào bánh tẻ, bánh nôm, bánh chưng, bánh ngọt,... nào giò lụa, dò hoa, chả chìa, nem chua, thịt phay, lòng lợn,...

Tan cuộc yến ở đình làng, các cụ được con cháu rước trở về gia đường để họ hàng chúc thọ. Lễ yến ở gia đình cũng đông vui, thịnh soạn không kém gì ở chôn đình Trung¹.

Yến lão đầu xuân là một phong tục đẹp của dân tộc ta. Nó thể hiện tình cảm sâu đậm của Nhân dân ta đối với người cao tuổi, góp phần làm cho không khí ngày xuân của các làng quê thêm rộn ràng, đầm ấm.

Tuy nhiên để được vào lão, người già ở Đô Thành xưa, phải có lễ trình làng, và muốn được làng mở tiệc yến thì người đó phải nộp cho làng, lợn 1 con, khoảng 25 đến 30kg, nếp 10kg, và 1 lít rượu ngon. Sau lễ yến ở đình làng, gia chủ phải dọn cỗ mừng làng, ít thì dăm ba mâm, nhiều thì mười lăm mâm. Nhà nghèo dọn cỗ trong một ngày, còn nhà khá giả thì vài ba ngày. Trừ đàn bà, con trẻ và người đang chịu tang, còn tất cả dân làng (“tận dân chỉ binh”) đều được mời đến ăn cỗ yến.

Nhiều gia đình, sau khi làm lễ yến lão cho ông, cha mình thì lâm vào cảnh nợ nần, túng thiếu. Bởi vậy, ở Đại Độ, Gia Mỹ, Xuân Lai đã có nhiều bậc già lão 60, 70 tuổi vẫn không dám “vào lão” vì gia cảnh nghèo hèn. Thời ấy, yến lão là niềm vui chung của người

¹ Bài về Mừng thọ cổ Bang Chờn mà chúng tôi sưu tầm được, sẽ cho chúng ta hiểu thêm về lễ yến lão ở Đô Thành trước năm 1945:

Chúc mừng cổ cụ vài câu
 Nhờ ơn trời, tổ ấm, cụ lên cầu 60
 Cụ đã đến lão rồi, con cháu xin làng vào rước
 Quan viên cầm cờ đi trước, mặc quần trắng áo thâm
 Có tiêu nhạc, bát âm
 Có nhà tơ đi nữa
 Có nhà trò đi nữa
 Cụ ta đi giữa, lọng che trên đầu
 Con cháu đi hầu
 Kê xách giày, xách dép
 Ngồi trông ra cũng đẹp
 Ngồi trông vào cũng đẹp.
 (Có ý kiến cho rằng, bài này do ông Hoàng Sót, người làng Xuân Lai sáng tác).

cao tuổi, nhưng cũng là nỗi buồn riêng của những người già cả nghèo đói, cô đơn.

3. Cưới xin và ma chay

- Việc cưới: Ở Đô Thành xưa, nhìn chung đều tuân thủ những tập tục cổ truyền như các làng, xã khác. Các đôi trai gái muốn nên vợ nên chồng, đều phải trải qua 6 lễ (ráp rào, lễ hỏi, xin cưới, rước dâu, tơ hồng và lại mặt). Tuy nhiên, về nghi lễ rước dâu, ở đây có nhiều điểm khác so với các địa phương.

Cô dâu trong ngày cưới, được trang phục khá đặc biệt, đầu chít khăn nhiễu (hoặc nhung) màu đen, trên nón cắm đầy gai nhọn, tay cầm muối, gạo, dao con và kéo cắt vải, những dụng cụ tượng trưng cho chức năng nội trợ của người phụ nữ. Nhà trai, trước lễ đón dâu, đã cho đặt tại cổng nhà mình một nồi nước lã, trong đó có bỏ sẵn 1 quan tiền đồng. Cô dâu trước khi bước vào nhà chồng, phải vục nước đựng trong chiếc nồi đồng ấy, rửa ướt một bàn chân của mình và vớt quan tiền đồng đem trao cho người nhà chồng (thường là mẹ chồng). Nghi thức này ý muốn nói rằng “cô dâu vừa chân ướt chân ráo về đến nhà chồng đã làm ra của cải”. Sau đó, bà thím (hoặc bà bác là người đông con, lắm cháu, vợ chồng đang song toàn, khỏe mạnh) dẫn cô dâu vào buồng. Tự tay bà trải chiếu giường cô dâu, chú rể. Cô dâu ngồi trong buồng một mình cho đến lúc nhà chồng văn khách. Tối đến, nhà trai dọn một cỗ xôi, con gà, chai rượu làm lễ tơ hồng, cúng ông tơ bà nguyệt và gia tiên. Lễ xong, đôi vợ chồng trẻ phải ăn hết mâm cỗ đó. Ngày hôm sau, hai vợ chồng mang một cỗ xôi, con gà luộc về chào cha mẹ vợ. Lễ này gọi là lễ lại mặt. Việc đón dâu theo nghi lễ này, tồn tại ở Đô Thành cho đến năm 1945.

Việc tang: Khi trong nhà có người qua đời, tang chủ phải trình báo với lý trưởng. Để chuẩn bị cho việc đưa tang, lý trưởng huy động 24 tay cự (12 người) đến tập đồn (khênh đòn rông). Chỉ huy việc tập đồn là ông bá chinh. Ông bá chinh đứng trên đòn rông và trên đó đặt một bát nước đầy. Trong quá trình tập đồn, đội cự nào

mà để nghiêng vai, khiến bát nước sánh, đồ thì bị phạt. Công việc tập đờn diễn ra trong khoảng vài ba tiếng đồng hồ, đến chừng nào bát nước để trên đờn rỗng không bị té, đồ xuống đất thì coi như đạt yêu cầu.

Ngoài việc tập đờn, nghi lễ tang ma ở Đô Thành trước năm 1945 cũng diễn ra tương tự như nhiều làng, xã khác.

4. Văn nghệ, nhu cầu không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người dân Đô Thành

Cùng với lễ hội truyền thống, Nhân dân Đô Thành xưa đã có nhiều hoạt động văn nghệ đa dạng và sống động.

Tuồng cổ, là một nghệ thuật được nhiều thế hệ dân cư Đô Thành yêu thích.

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, ở các làng Đại Độ, Gia Mỹ, Xuân Lai, hầu như xóm nào cũng có một hội hát tuồng chèo. Trong đó, hội diễn giỏi, hát hay có tiếng lúc bấy giờ là Yên Hội và Thọ Vực (thuộc Đại Độ). Vợ chồng cố Quán ở xóm Yên Hội (Đại Độ) xưa kia là những người hát tuồng, chèo hay nổi tiếng.

Vở diễn thường được lấy trích từ Truyện Kiều, truyện Trưng Vương, trò Trương Viên, Sơn Hậu,... Bằng sự diễn xuất thông minh, chân chất, những diễn viên nghiệp dư ở các làng, xóm đã làm sống lại trước người xem hình tượng của Từ Hải oai phong, cô Kiều tài hoa, nhưng bạc phận, hình ảnh của Hai Bà Trưng trung trinh lâm liệt,... của những bậc trượng phu quyết một lòng xả thân vì non sông, đất nước.

Đô Thành xưa cũng là nơi thịnh hành lối hát đối, hát gheo. Người hát hay nổi tiếng đến nay nhiều người còn nhớ, là bà Đính (Nguyễn Thị Thanh) ở xóm Triêm Vũ.

Để có lời đối hay, lời đáp giỏi, các hội hát mời một vài người giúp “bẻ chuyện”. Họ là anh khóa, là thầy đồ, cậu tú, có khi là ông cử đã về trí sĩ ở làng. Họ gà cho hội hát những câu thách đố thâm thúy, sâu sắc. Và chính họ cũng là người “mách” cho các hội hát những lời đáp thông minh, chặt chẽ và kịp thời.

Người “bể chuyện” giỏi là cô Phạm Sơn (người làng Thọ Vực), cô Bài (Nguyễn Đình) ở Ngọc Sơn, cô Phi, cô Tương, cô Đạm,...

“Hát cho đồ quán xiêu đình” đó là cách nói của người xưa, nhưng quán không đồ, đình không xiêu, mà nhiều đôi trai gái đã xiêu lòng nhau, nên vợ nên chồng. Chính đó cũng là chất men khấn cho nhiều cuộc hát đối ở Đại Độ, Gia Mỹ, Xuân Lai kéo dài ba, bốn đêm mới kết thúc.

Hát đối, hát ghẹo là lối hát dân dã, nhưng rất sâu đậm tình người, đó là sức sống của làng quê Việt Nam trong lịch sử.

Đô Thành thuở ấy cũng là nơi phát triển lối hát ca trù (mà dân địa phương quen gọi là hát nhà tơ). Mỗi gánh hát ca trù bao gồm: Vài cô đào “ả nhà trò” mặt hoa, da phấn, một anh kép hát hay và chơi đàn khá thành thạo. Ngoài kíp hát chính thức này, mỗi khi biểu diễn, họ mời thêm một người am hiểu điệu ca trù vào cầm trống châu gõ nhịp. Người này được gọi là “quan viên”. “Quan viên” lúc gõ trống theo nhịp “tiền tam, hậu nhị, hậu tám tam”, khi gõ “tom”, “chát” phụ họa theo lời ca và tiếng đàn của đào và kép.

Gánh ca trù (nhà tơ) biểu diễn không cần sân khấu. Họ chỉ cần một vài chiếc chiếu trải giữa nền đình làng, hoặc tại sân của một nhà phú hữu, hào lý nào đó, là có thể biểu diễn được. Họ hát nhiều điệu, nào “tì bà hành”, “tương tiễn tử”, nhưng phổ biến vẫn là điệu ca trù.

Gia đình các vị hào lý, chức dịch, hoặc phú hữu, mỗi khi có “công buổi” thì mời “gánh nhà trò” này về phục vụ. Ngoài cơm rượu 3 bữa, gia chủ phải trả công cho gánh hát từ 3 đến 4 quan tiền đồng. Đi liền với ca trù là tổ tôm, mặt chược, là tiệc tùng, bàn đèn, thuốc phiện. Do chi phí tốn kém như vậy, cho nên chỉ có các nhà giàu trong làng mới đủ lực để mời gánh ca trù về phục vụ. Vượt lên trên những hạn chế ấy, hát ca trù (nhà tơ) đã cùng với hát đối, hát ghẹo, tuồng cổ, chèo văn và các hoạt động văn hóa, văn nghệ khác,... đã góp phần làm giàu đời sống tinh thần của làng xã, tạo ra nguồn sinh lực giúp người dân cày vượt qua mọi khó khăn để sinh tồn và phát triển.

5. Đền, đình, chùa

Địa bàn Đô Thành, nơi tập trung cả ba loại hình kiến trúc: Phật - Nho và Thiên Chúa giáo. Cách đây không lâu, trên địa bàn Đô Thành vẫn tồn tại nhiều kiến trúc cổ. Về Phật giáo: có thể kể tới chùa Mỏ, chùa Rặc và chùa Long Sơn.

Chùa Mỏ thờ Phật Thích Ca Mâu-Ni được xây dựng vào khoảng thế kỷ thứ XVII trên địa phận xóm Triêm Vũ (thôn Ngọc Sơn).

Chùa Rặc cũng thờ Phật Thích Ca, ngôi chùa này xây cùng thời với chùa Mỏ, và bị phá dỡ vào năm 1947.

So với Phật giáo, các di tích Nho giáo chiếm lượng lớn hơn. Ở đây, làng nào cũng tạo dựng được một ngôi đình: đình Xuân Lai, Thọ Vực, Gia Mỹ có đền Cò, Ngọc Vinh và Đình chợ Hộ là một ngôi đình nguy nga, đồ sộ nhất.

Đình Ngọc Vinh xây dựng thời Hậu Lê, đến năm 1921, được trùng tu. Năm 1965, bị tháo dỡ để lấy vật liệu xây dựng một số công trình phúc lợi của địa phương.

Ngoài những ngôi đình ấy, trên địa bàn Đô Thành trước đây, đã từng hiện diện hàng chục ngôi đền cổ kính, uy nghi. Đó là đền Cò, đền Đạu, đền Yên Hội, đền Thiện, đền Đức Ông, đền Ngô Lang, đền Hồng Lĩnh, đền Hồ Lang,... Trong số này, đền Cò là quy mô và tráng lệ hơn cả.

Đền Cò do Nhân dân Thọ Vực xây dựng nên vào cuối thế kỷ XVIII, đền thờ vị thần được phong sắc là Thượng đẳng tối linh thần Chu Văn Vương và thờ Tướng Lê Khôi - một vị tướng triều đình nhà Lê gọi Lê Lợi là chú ruột. Trước đây, đền là nơi tế lễ của làng Xuân Đại, “Thọ Vực Xuân Đại”. Nhưng sau này, đền bị phá, sắc bị đốt. Hiện nay, đền Cò chỉ còn lại cổng tam quan.

Đền Đạu của làng Ngọc Sơn, thờ cúng 1 vị thần suốt mấy trăm năm và là nơi hội họp của các thế hệ tiền bối cách mạng, do cụ ông Hoàng Rường người trong họ Hoàng ở làng Ngọc Sơn làm từ đường trước năm 1945. Ngôi đền thờ Hoàng Quý Công, cứ vào kỳ giỗ Tổ (Hoàng Quý Công) rằm tháng 3 hằng năm, con cháu soạn

mâm cổ đến đền Đạu tế lễ xong mới về cúng giỗ Tổ, đến cách mạng Tháng Tám thành công, ngôi đền không còn nữa. Hiện nay, ngôi đền Đạu đã được khôi phục lại trên đỉnh đồi Hòn Đền thuộc xóm Đông Thị ngày nay, đang thờ cúng Ngọc Hoàng, Hội đồng chư phật và Bác Hồ,...

Đền Ngô Lang hiển ứng tôn thần, do làng Xuân Lai lập vào thời Cảnh Thịnh, để thờ một vị thần có tên gọi là Ngô Lương, Trung Quốc, tướng mạo lạ thường, mình cao năm thước, tài kiêm văn võ.

Năm Giáp Dần, đời Vua Lê Kính Tông (1614) ông chiêu tập dân phiêu tán các nơi về xứ Le Le lập nghiệp. Sau hơn 10 năm khai cơ, lập ấp, dân cư ngày một đông đúc, ruộng đất ngày một mở mang. Một đêm nọ, ông mở tiệc rượu, mời dân trong ấp đến dự. Tiệc xong, ông đem chia hết đất ruộng cho dân chúng. Sau đó, ông nói với mọi người rằng: “Ta vốn là người nhà trời, nay trời cho gọi ta. Các người nên ở lại đất này làm ăn. Về sau có việc gì thì mật báo, ta sẽ cứu giúp...”.

Sáng ra, mọi người dân trong trang không còn thấy ông đâu nữa. Thương tiếc ông, dân chúng góp công sức, tiền của dựng đền thờ, trên phần đất lập nghiệp ban đầu của ông.

Đền thờ Ngô Lang nằm ở xứ Mồ Quy, phía Tây Bắc của làng Xuân Lai xưa. Đền chính gồm 2 gian, bái đường có 3 gian. Toàn bộ ngôi đền tọa lạc trên một vùng đất rộng 5 sào.

Tháng 7 năm Cảnh Hưng thứ 44 (1783), thời vua Hiến Tông được triều Lê phong 2 đạo sắc. Nội dung của một trong hai đạo sắc đó ghi rõ: “Minh trí, dũng lược, hùng uy đại vương đời Gia Long gia phong”, “Hong ân, hao hưởng đại vương”. Các đời vua tiếp theo, đều có sắc phong tặng cho ngôi đền này. Sau nhiều năm tháng không được trùng tu tôn tạo, đền Ngô Lang cũng như các kiến trúc cổ ở Đô Thành đã bị đổ nát, hư hại. Đến năm 1967, ngôi đền này bị phá dỡ hoàn toàn. Nay vết tích chỉ còn lại móng nền.

- Đền Ngô Vương long hổ linh ứng tôn thần, do làng Gia Mỹ thờ làm Thành hoàng của làng.

Ngày 5/11, năm Tự Đức thứ 8 (1853), triều Nguyễn đã có phong sắc lang vị thần của ngôi đền này là: “Thành hoàng bình ung diệu cảm phu chương hiển tôn ngưng”.

Các triều vua Đồng Khánh (1886 - 1888), Duy Tân (1907 - 1916),... đều có bằng sắc ban tặng cho ngôi đền này.

- Đền Hồng Linh đại tướng quân tá quốc trợ dân tôn thần, do thôn Kim Chi thờ.

Cựu truyền rằng: Thần là một vị tướng, người ở núi Hồng Lĩnh. Lúc trước, thôn Kim Chi có người kính mộ khí tiết oanh liệt của thần, nên lập đền thờ.

Đến tháng 7, năm Tự Đức thứ 7 (1854), được vua ban sắc phong là: “Thành hoàng linh phù chi thần”. Tháng 7 năm Đồng Khánh thứ 2 (1887), gia tặng: “Dực bảo trung hưng chi thần”. Năm Duy Tân thứ 3, lại có sắc phong thần cho ngôi đền này.

- Đền Hổ Lang hùng uy linh ứng anh phong sơn quân tôn thần, do thôn Phú Tăng thờ. Đền này thờ thần Hổ, được lập lên từ thời Hậu Lê. Thần được phong tặng là “Minh trí dũng lược đại vương”. Tháng 5, đời vua Nguyễn Quang Toản, niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 4 (1796) gia phong “Hoàng nhân phổ tế trợ thuận đại vương”. Năm thứ 10, đời vua Thành Thái (1898) được phong là “Dực bảo trung hưng linh phù chi thần”.

Đền Văn Từ do Hội Tư văn làng Xuân Lai lập năm Minh Mạng thứ 2 (1840) để thờ Khổng Tử, ông tổ của đạo Nho. Đền gồm ba gian bái đường, 3 gian thượng cung, tọa lạc trên vùng đất rộng chừng 4 sào ở phía Bắc làng Xuân Lai.

- Đền Hương Hiền: cũng do Hội Tư văn làng Xuân Lai lập nên để thờ các bậc tiền bối khoa danh của làng. Đền gồm một tòa 2 gian, được dựng lên trong đời vua Thành Thái.

Ngoài đền thờ các vị sơn thần và nhân thần như đã nêu trên, ở Đô Thành xưa còn có nhiều ngôi đền thờ các vị triện cơ (những

người có công khai lập làng xã). Đó là đền thờ thi tổ họ Luyện, họ Hoàng, họ Hồ, họ Nguyễn, họ Trần, họ Phạm, họ Lê,... Nhưng tất cả các kiến trúc Phật giáo, Nho giáo kể trên không còn tồn tại đến bây giờ, bởi: sự hủy hoại của thời gian, sự tàn phá của thiên tai và bởi bàn tay của con người.

Bên cạnh các đền, đình, chùa, trên đất làng Thọ Vực, xã Đại Độ có xây một ngôi “ Nhà Thánh” ở phía nam xóm Hoàng Lò ngoảnh mặt sang làng Nhân Trạch, xã Thọ Thành. Đại Độ đất lành chim đậu, có thể, có lúc mới được tổng xây dựng nhà.

Đạo Thiên Chúa du nhập đến Đô Thành muộn hơn nhiều. Nhưng đến đầu thế kỷ XX, nhiều nhà thờ họ, nhà thờ xứ đã lần lượt được xây dựng trên vùng đất này, cụ thể: Nhà thờ họ giáo Vinh xây dựng năm 1902; nhà thờ họ giáo Phú Xuân xây dựng năm 1905; nhà thờ họ giáo Vực xây dựng năm 1906; nhà thờ họ giáo Gia Mỹ xây dựng năm 1908; nhà thờ họ giáo Làng Vườn xây dựng năm 1952; nhà thờ họ giáo Dạ Sơn xây dựng năm 2009.

Tuy phải trải qua nhiều biến cố của thiên nhiên và xã hội, nhưng được sự chăm nom, bảo vệ của giáo dân, nên những công trình kiến trúc này vẫn còn đến hôm nay, góp phần làm cho cảnh trí của Đô Thành thêm phong phú và đa dạng.

6. Truyền thống hiếu học

Cùng với quá trình tạo dựng cuộc sống vật chất, các thế hệ dân cư sống trên địa bàn Đô Thành đã không ngừng phấn đấu để mở mang dân trí và họ đã giành được những thành quả đáng kể trên con đường học hành và thi cử.

Theo các tài liệu “Quỳ Trạch đăng khoa lục”, “Gia Hội xã chí”, “Xuân Lai thông chí” cho biết: đến trước khi chính quyền thực dân Pháp và Nam triều phong kiến bỏ thi chữ Hán ở Việt Nam (năm 1918), thì số người đỗ Tú tài (Hiệu sinh) trở lên khoảng 40 vị. Trong đó:

Làng Xuân Lai: có 14 người

Làng Gia Mỹ: 8 người

Thôn Ngọc Sơn: 6 người

Thôn Kim Chi: 7 người

So với nhiều địa phương khác, số người đi học và thi cử thành đạt ở Đô Thành xưa không nhiều. Nhưng để có được những thành quả ấy, các thế hệ học trò ở đây đã phải vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ. Nhiều học trò nhà nghèo, phải ăn khoai, ăn cháo trừ bữa nhưng vẫn kiên trì theo đuổi con đường khoa cử. Gian khổ, thiếu thốn là vậy nhưng nhờ sự kiên trì, chịu khổ, chịu khó nên nhiều người đã vinh quy bái tổ.

Bảng những người đỗ đạt ở Đô Thành đến năm 1918 (Chưa thống kê hết):

TT	Họ và tên	Quê quán	Học vị	Khoa thi
1	Luyện Phúc Đạt	Làng Xuân Lai	Hiệu Sinh	Năm Mậu Tý, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 4 (1708)
2	Luyện Tông Hàn	Làng Xuân Lai	Phó bảng Tam trảng Hiệu sinh	Năm Mậu Ngọ, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 4 (1738) Đinh Mão, niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 8 (1747)
3	Luyện Tông Cự	Làng Xuân Lai	Hiệu sinh	
4	Luyện Sỹ Bạt	Làng Xuân Lai	Hiệu sinh	
5	Luyện Tông Hoán	Làng Xuân Lai	Nho sinh	Khoa Tân Mão niên hiệu Cảnh Hưng thứ 32 (1771) khoa Đinh Mão, năm Gia Long thứ 6 (1807)

6	Trần Nguyên Lễ	Làng Xuân Lai	Cử nhân	
7	Hoàng Đăng Nhậm	Làng Xuân Lai	Hiệu sinh	
8	Hoàng Đăng Khải	Làng Xuân Lai	Hiệu sinh	
9	Hoàng Đăng Tiến	Làng Xuân Lai	Hiệu sinh	
10	Hồ Tông Nhã	Làng Xuân Lai	Hiệu sinh	
11	Trần Danh Vỹ	Làng Xuân Lai	Tú tài đại chiếu	Ấn khoa năm Nhâm Dần niên hiệu Thiệu Trị thứ 1 (1842)
12	Luyện Văn Khuê	Làng Xuân Lai	Tú tài	Năm Nhâm Dần niên hiệu Thiệu Trị thứ 1 (1842)
13	Luyện Văn Tiến	Làng Xuân Lai		Năm Bính Tý, niên hiệu Tự Đức thứ 26 (1873)
14	Nguyễn Tử Chu	Làng Xuân Lai		Năm Tân Mão, niên hiệu Thành Thái thứ 3 (1891)
15	Nguyễn Đăng Tước	Thôn Ngọc Sơn	Hiệu sinh	
16	Nguyễn Đăng Du	Thôn Ngọc Sơn	Hiệu sinh	
17	Nguyễn Hữu Dung	Thôn Ngọc Sơn	Hiệu sinh	
18	Nguyễn Hữu Đạt	Thôn Ngọc Sơn	Hiệu sinh	

19	Nguyễn Hữu Lạng	Thôn Ngọc Sơn	Hiệu sinh	
20	Nguyễn Văn Bàng	Thôn Ngọc Sơn	Hiệu sinh	
21	Nguyễn Trọng Tuyền	Xã Gia Mỹ	Hiệu sinh	
22	Nguyễn Trọng Côn	Xã Gia Mỹ	Hiệu sinh	
23	Nguyễn Trọng Dung	Xã Gia Mỹ	Hiệu sinh	
24	Nguyễn Tất Thắng	Xã Gia Mỹ	Hiệu sinh	
25	Nguyễn Trọng Tương	Xã Gia Mỹ	Hiệu sinh	
26	Nguyễn Trọng Phiên	Xã Gia Mỹ	Hiệu sinh	
27	Nguyễn Hồng Thường	Xã Gia Mỹ	Hiệu sinh	
28	Nguyễn Như Viên	Xã Gia Mỹ	Hiệu sinh	
29	Ngô Tự Tri	Xã Gia Mỹ	Hiệu sinh	
30	Nguyễn Như Dụ	Xã Gia Mỹ	Hiệu sinh	
31	Nguyễn Như Lân	Xã Gia Mỹ	Hiệu sinh	
32	Nguyễn Như Định	Xã Gia Mỹ	Hiệu sinh	
33	Nguyễn Như Đường	Xã Gia Mỹ	Hiệu sinh	

Ở đây, nhiều dòng họ đã có từ 5 đến 7 người đỗ đạt như họ Luyện, (làng Xuân Lai), họ Nguyễn Đăng (thôn Ngọc Sơn, xã Đại Độ), họ Nguyễn Trọng (Gia Mỹ),...

Cùng với sự phấn đấu của học trò thì cộng đồng dân cư làng, xã cũng đặt ra những chính sách khuyến học thể hiện sự quan tâm của cộng đồng đối với sự học và khoa bảng.

“Những người còn đi học thì được miễn tạp phu, thí sinh, khóa sinh thì được miễn sưu sai”. Còn đối với người đỗ đạt thì làng có những ưu đãi cao hơn “Ai trúng Cử nhân thì làng cử hương sắc 2

người, phu 4 người đến trường thi rước về. Ai đỗ Tú tài thì làng cử 1 người hương sắc, 2 người phu đến phủ thành đón rước”.

“Đối với người đỗ đại khoa, làng mừng 1 bức trướng trị giá 20 quan, đậu phó bảng làng mừng 1 bức trướng trị giá 8 quan, cử nhân 6 quan và tú tài 3 quan”¹.

Mỗi khi làng có hội hè, tế lễ,... chỗ ngồi trang trọng nơi chôn đình trung phải dành cho các vị đỗ đại khoa, sau mỗi cuộc hội hè, tế lễ thì phân xôi, thịt, trâu, rượu,... cũng biếu theo thứ bậc cao thấp của người đỗ đạt.

Các làng Đại Độ, Xuân Lai, Gia Mỹ còn giành ra một số ruộng đất để giúp đỡ những học trò nghèo, hoặc trích hoa lợi thưởng cho những người đỗ đạt cao. Ruộng này gọi là “học điền”. Ở Gia Mỹ, học điền có 4 mẫu 2 sào, ở Đại Độ 19 mẫu và Xuân Lai là 3 mẫu 4 sào...

Ở một số làng, còn lập ra “Hội Tư văn”, hội của những người học hành đỗ đạt. Tiếng nói của Hội tư văn có ảnh hưởng tới nhiều hoạt động của làng, xã. Hội Tư văn có một “quỹ đất” khá lớn, như: ruộng tế của Hội Tư văn Xuân Lai đã có 8 mẫu 5 sào. Đó là chưa tính tới số đất ruộng của các điền chủ cúng cho Hội Tư văn để xin cho người thân của họ được Hội Tư văn thờ cúng.

Năm Minh Mệnh thứ 19 (1838), ông Hoàng Tín, người thôn Ngọc Sơn, đã cúng 3 sào ruộng mùa xứ Nước chảy để xin cho cha mình là Hiệu sinh được Hội tư văn thờ cúng; năm Minh Mệnh thứ 21 (1840), bà Lê Thị Viễn đã cúng cho Hội Tư văn số ruộng đất tổng cộng tất cả là 3 mẫu 1 sào để chồng của bà được Hội thờ cúng hằng năm và 4 mùa...

Mặc dầu các làng xã đã có nhiều “ưu đãi” đối với lớp trí thức của địa phương như vậy nhưng việc học hành thi cử của con em họ vẫn không bằng nhiều làng xã khác. Và từ giữa thế kỷ thứ XIX trở đi thì số người đỗ đạt qua các kỳ thi Hương, thi Hội giảm dần. Đến

¹ *Hương ước Xuân Lai* (tài liệu đã dẫn).

nổi, Hội Tư văn của làng Xuân Lai phải kêu lên rằng: “Gần đây, đường học tập, việc thi cử ngày càng sút kém. Phải chăng là địa khí truân. Văn phong hư, vận hội chưa đến. Tại sao mà chưa thấy có thành công. Đi thi nhiều mà vẫn không đỗ”¹.

Để mong cứu vãn việc học hành thi cử của con em mình, làng Xuân Lai đã cho dựng nhà Văn chỉ mới, nhằm “mong thánh thần thấy lòng thành mà ban cho điều mừng”.

Thực ra, sự sa sút về đường học hành thi cử ở Xuân Lai cũng như nhiều làng xã thời bấy giờ đều phải do “Địa khí truân u”, mà bởi sự tác động của nhiều nguyên nhân kinh tế - xã hội. Thiên tai, giặc dã khiến mùa màng thất bát, dân tình điêu linh đã ảnh hưởng tới việc học hành, thi cử của con em các làng xã. Mặt khác, từ nửa cuối thế kỷ thứ XIX, trước cuộc tấn công xâm lược của thực dân Pháp, triều đình nhu nhược; một bộ phận quan lại đã đầu hàng kẻ thù. Thực trạng ấy của xã hội đương thời cũng khiến cho không ít sĩ tử chán nản con đường khoa bảng.

Từ năm 1918, thực dân Pháp bỏ hẳn việc thi chữ Hán ở Trung Kỳ và tổ chức dạy chữ Pháp trong các trường thuộc địa. Việc học hành của con em nông dân, nhất là các làng thôn quê xa trung tâm như Đại Độ, Xuân Lai, Gia Mỹ,... càng bế tắc hơn. Ngoài một số trường tỉnh, huyện, thực dân Pháp có cho mở một số “huương trường”. Nói là “huương trường”, nhưng thực tế, năm, bảy làng mới có một trường với vài ba lớp tiểu học. Học trò theo học các trường này hầu hết là con em các gia đình khá giả. Lớp thanh thiếu niên ở Đại Độ, Gia Mỹ, Xuân Lai,... một số tiếp tục học chữ Hán với cha, anh mình, sau đó thì tiến thân theo con đường làm thầy thuốc, hoặc thầy giáo. Con cái các gia đình có thể lực thì theo học các trường làng, trường huyện, nhưng giỏi lắm cũng chỉ đậu sơ học yếu lược (cours elementaire lớp 3). Đại bộ phận con em của dân cày đều mù chữ. Người dân, khi có việc phải kêu xin nhà cầm

¹ Trích bài văn cúng làng Xuân Lai nhân dịp dựng nhà Văn chỉ mới.

quyền các cấp giải quyết một việc gì đó thì họ phải nhờ các thầy đồ, thầy khóa, ông tú, ông cử,... viết cho cái đơn, nội dung, ý tứ trong đơn phó mặc cho thầy. Bản thân chỉ biết mỗi việc là nhúng một vài ngón tay vào nghiên mực, rồi ấn lên chỗ ghi tên họ của mình để thay cho chữ ký.

Giai cấp thống trị đã lợi dụng sự ngu dốt của dân chúng để bóc lột và cai trị. Còn người lao động thì coi sự đói cơm, thiếu chữ như một định mệnh truyền kiếp.

IV. TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC

Dưới thời phong kiến, đại đa số Nhân dân đều chịu ách áp bức, bóc lột nặng nề của tầng lớp địa chủ. Chúng sử dụng các loại thuế như: thuế thân, thuế ruộng, thuế rượu, thuế muối, thuế chợ,... để bóc lột Nhân dân lao động. Đời sống của Nhân dân hết sức khó khăn nhưng là những người “thấp cổ bé họng”, họ không thể làm gì hơn ngoài lao động cật lực để phục vụ cho tầng lớp thống trị.

Cuối thế kỷ XVIII, khởi nghĩa Tây Sơn của Nguyễn Huệ diễn ra, con em Đô Thành đã tích cực tham gia cuộc khởi nghĩa này. Theo “Gia Hội xã chí” cho biết: Từ năm 1792 đến năm 1796, đã có 37 trai tráng của các làng Đại Độ, Xuân Lai, Gia Mỹ, Phú Tăng,... tham gia quân Tây Sơn. Đặc biệt, trong năm 1796 từ trên địa bàn này, đã có hàng chục trai tráng đến với cờ nghĩa Tây Sơn. Trong số đó, làng Xuân Lai có 4 người là Luyện Đình, Phạm Bàng, Hề Bang, Hoàng Hội. Gia Mỹ có 4 người là Phạm Thức, Nguyễn Phá, Vũ Điền, Nguyễn Thịnh. Phú Tăng có 2 người là Nguyễn Trọng Kim, Nguyễn Trọng Tài và Kim Chi 1 người.

Đây là một trong những đóng góp lớn lao của Nhân dân Đô Thành đối với phong trào Tây Sơn, mà ít có một địa phương nào sánh kịp, sự có mặt của họ trong quân đội Tây Sơn, chứng tỏ rằng: các nhà nho và đa số dân chúng ở Đại Độ, Xuân Lai, Gia Mỹ, Phú Tăng, Kim Chi thời ấy đã sớm nhận thấy được tính chính nghĩa của phong trào Tây Sơn và họ đã động viên con em mình đăng lính.

Tiếc rằng, do những hạn chế của thời đại, nên các tác giả của “Gia Hội xã chí” không ghi chép cụ thể công lao, chiến tích của những người lính ấy, ngoài những dòng ngắn ngủi như vậy.

Khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta (năm 1858), toàn thể dân tộc từ Nam ra Bắc, từ miền xuôi đến miền ngược đều chung một lòng bảo vệ bờ cõi quê hương. Trước sự bành trướng của thực dân Pháp, vua Hàm Nghi đã ra chiếu Cần Vương, kêu gọi các văn thân, sĩ phu tập hợp dưới ngọn cờ yêu nước đấu tranh chống Pháp. Từ vùng quê xa xôi này, nhiều văn thân, hào kiệt đã kịp thời đứng lên ứng nghĩa. Người đầu tiên ở Đô Thành đến với cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Xuân Ôn là ông Hoàng Đình Hoàng (người Xuân Lai), tiếp đến là các ông Trờ Hiển, Bang Lạc, Đội Đáy,...

Sau khi cơ bản “bình định” xong Việt Nam (1896), thực dân Pháp đã tiến hành nhiều thủ đoạn chính trị, kinh tế, văn hóa trên toàn lãnh thổ nhằm mục đích thống trị lâu dài đất nước ta. Chúng thực hiện chính sách “dùng người Việt trị người Việt”, bắt dân đi lính, làm bia đỡ đạn ở chiến trường châu Âu. Thủ đoạn của chúng là kết hợp kiểu bóc lột cổ truyền với kiểu áp bức, bóc lột theo lối tư bản, thực dân. Để tăng cường bộ máy cai trị xuống tận làng, bản, chúng đặt thêm các chức bang tá, chánh đoàn, hương kiểm, lý trưởng. Chúng tiến hành đàn áp dã man phong trào yêu nước của Nhân dân, thực hiện chính sách văn hóa nô dịch, khuyến khích các tệ nạn xã hội, các tục lệ lạc hậu khiến Nhân dân mê muội.

Chính sách cai trị của thực dân Pháp đã làm cho đời sống kinh tế, xã hội của Nhân dân Đô Thành vốn khó khăn lại càng trở nên điêu đứng, sản lượng lương thực thấp, nạn đói thường xuyên diễn ra. Mâu thuẫn giữa Nhân dân và chính quyền thực dân - phong kiến ngày càng trở nên gay gắt.

Đầu thế kỷ XX, Nhân dân khắp nơi trong cả nước hưởng ứng các phong trào yêu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu

Trình (Đông Du, Duy Tân...). Sách, báo và những tư tưởng tiến bộ nhanh chóng được bộ phận trí thức tiếp thu, làm thay đổi nhận thức về bối cảnh trong nước và thế giới, mở ra con đường giải phóng dân tộc theo xu thế mới. Cùng lúc này, hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài đã tác động không nhỏ đến tư tưởng và hành động của tầng lớp thanh niên - đội ngũ nhạy bén với những đổi thay của thời cuộc.

Chương 2
**PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG
CỦA NHÂN DÂN ĐÔ THÀNH TỪ CUỐI THẾ KỶ XIX
ĐẾN KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP THẮNG LỢI
(1954)**

I. ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN ĐÔ THÀNH CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

Sau khi đặt ách thống trị lên đất nước ta, thực dân Pháp đã thi hành chính sách cai trị hà khắc về mọi mặt.

Về chính trị: Chúng thực hiện triệt để chính sách chia để trị: chia nước ta thành 3 kỳ: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, từng bước thâm tóm mọi quyền lực, biến vua quan Nam triều thành bù nhìn, tay sai. Để thực hiện chính sách “dùng người Việt trị người Việt”, chúng tổ chức bắt lính, thiết lập bộ máy cai trị đến tận thôn, xóm với đầy đủ các chức sắc, tăng cường quyền kiểm soát, đàn áp các phong trào yêu nước của Nhân dân ta. Vì vậy, đã làm mâu thuẫn giữa Nhân dân với chính quyền phong kiến trở nên phức tạp.

Về kinh tế: Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918), Pháp tuy là nước thắng trận nhưng lại chịu nhiều thiệt hại về kinh tế. Để bù đắp thiệt hại, chúng một mặt tiến hành bóc lột Nhân dân trong nước, một mặt đẩy mạnh công cuộc khai thác ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, trong đó có Việt Nam. Ngoài việc đẩy mạnh vơ vét tài nguyên thiên nhiên, sức lao động, chúng còn bắt Nhân dân ta phải nộp sưu, thuế nặng nề. Mỗi tráng đinh (bài đồ), một năm phải nộp 3 đồng Đông Dương, còn hạng bần (bài mốt) phải nộp 6 hào. Ngoài ra, người dân hàng năm còn phải nộp thuế ruộng chia theo hạng và các loại thuế chợ, thuế đò, thuế rượu, thuế muối,...

Trong hoàn cảnh khó khăn, đói nghèo, hằng năm phải chuẩn bị khoản tiền để nộp sưu, thuế là điều không dễ dàng đối với những

người dân đình. Vì vậy, cứ mỗi lần đến mùa thu sưu, ở Đô Thành lại diễn ra cảnh đánh đập, cùm kẹp. Có người vì chưa có tiền nộp sưu mà bị đánh đập, cùm kẹp, dùng nhục hình. Có người phải tha phương cầu thực sang tận đi Lào, Xiêm.

Sau nạn sưu là nạn phu đài, tạp dịch đổ lên đầu dân đen. Họ phải đi làm các công trình ở Cửa Rào, Tân Ấp, trong các đồn điền, đi đắp đường và phục dịch trong các cuộc tế lễ, họp làng, họp xã. Hơn một nửa số thời gian của người dân dưới thời Pháp thuộc phải đi phu.

Về văn hóa: Chính sách “ngu đề trị” của thực dân phong kiến đã làm cho hơn 95% dân số mù chữ. Các tệ nạn mê tín, dị đoan, rượu chè, thuốc phiện chúng lại cho phát triển. Việc chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho Nhân dân không được chú ý. Các dịch bệnh thường xuyên hoành hành.

Những chính sách cai trị hà khắc của thực dân Pháp đã làm cho đời sống của Nhân dân ta vô cùng cực khổ không chỉ về kinh tế mà cả về tinh thần. Mâu thuẫn giữa Nhân dân ta với thực dân Pháp ngày càng sâu sắc. Nhiều cuộc đấu tranh của Nhân dân đã nổ ra ngay từ khi Pháp đặt chân vào xâm lược nước ta. Bởi họ biết rằng “có áp bức, có đấu tranh”.

II. QUÁ TRÌNH GIÁC NGỘ, GÂY DỰNG CƠ SỞ, NHÂN RỘNG PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VÀ THỎI BÙNG NGỌN LỬA XÔ VIẾT (1930 - 1931)

Năm 1926, Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội được thành lập và nhanh chóng phát triển cơ sở ra nhiều vùng ở nước ta. Cuối năm 1927, đồng chí Võ Mai - Ủy viên Hội Thanh niên yêu nước Trung Kỳ quê ở Diễn Châu đã thông qua anh Bùi Xuân Nam¹, liên hệ với một số thanh niên tiến bộ ở tổng Quỳnh Trạch, lập được nhóm “Thanh niên cách mạng đồng chí hội tổng Quỳnh Trạch”.

¹ Đồng chí Bùi Xuân Nam (còn gọi là ông Nho Nôm) người xã Diễn Kim, huyện Diễn Châu, lấy vợ và ở rể tại làng Xuân Lai.

Các anh Bùi Xuân Nam, Luyện Nhận và Hồ Lạc (người làng Xuân Lai), là 3 trong số 7 hội viên tổ chức này. Dưới sự hoạt động tích cực của các anh, chỉ một thời gian ngắn, số hội viên của hội đã có thêm 2 người, cùng với việc bí mật tuyên truyền giác ngộ quần chúng, nhóm “Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội” của tổng Quỳnh Trạch đã tổ chức được nhiều cuộc vay thóc nhà giàu, cứu đói cho bà con nông dân nghèo ở các làng xã trong tổng Quỳnh Trạch.

Tối ngày 19 tháng Giêng năm 1930, tại nhà anh Vũ Tồn, chị Lê Thị Biểu (bà Hòm) và các anh: Luyện Nhận, Nguyễn Năm, Nguyễn Văn, Nguyễn Hoan và Nguyễn An đã bí mật nhóm họp bàn kế hoạch tổ chức cho bà con nhân dân vay thóc của nhà giàu để cứu đói.

Thực hiện chủ trương đó, sáng ngày 20 tháng Giêng năm 1930, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của anh Bùi Xuân Nam (anh Nho Nôm) dân chúng hai làng Xuân Lai và Gia Mỹ đã tập trung kéo đến nhà Bang tá Luyện Tàn¹ để vay thóc. Luyện Tàn là anh ruột của đồng chí Luyện Nhận. Trong nhà ông ta lúc nào cũng có dư hàng chục tạ thóc, nhưng không chịu cho bà con nông dân vay để cứu đói. Trong khi Luyện Tàn đang chân chừ, đồng chí Luyện Nhận đã chủ động đứng lên: “Thưa bà con, nhà tôi tuy không có dư dật gì lắm, nhưng với tính thần “lá lành đùm lá rách”, xin mời bà con sang nhà tôi lấy thóc về ăn. Sau đó, nếu còn thiếu thì anh tôi sẽ giúp thêm”. Trước cách xử sự khôn ngoan của Luyện Nhận, và trước sức ép của quần chúng, bang Tàn buộc phải mở cửa cho nông dân vào lấy thóc.

Trận ra quân đầu tiên thắng lợi đã cổ vũ nông dân các làng Đại Độ, Xuân Lai, Gia Mỹ, Phú Tăng,... tiếp tục tiến hành cuộc đấu tranh vay thóc của các nhà điền chủ khác.

Sáng ngày 21 tháng Giêng năm 1930, hơn 200 nông dân Đại Độ, Gia Mỹ, Xuân Lai và các làng trong tổng Quỳnh Trạch, kéo đến vay thóc của nhà Cử Cơ và mục Vạc ở làng Bái Trạch. Đoàn người

¹ ông Luyện Tàn là dân thường nhưng mua chức Bang (làng bán chức để lấy tiền cúng tế hoặc xây dựng đền), cho nên dân gọi là ông bang Tàn.

tập trung tại chùa Bù Đài, cách làng Bái Trạch khoảng 300 mét. Lý trưởng làng Bái Trạch đã đóng cổng làng để nhằm ngăn không cho nông dân kéo vào vay thóc. Việc làm của y đã khiến nhiều dân cày ở làng Bái Trạch bất bình, vì không có đường ra đồng sản xuất. Trước sức ép của cả 2 phía trong và ngoài làng, khoảng 1 giờ chiều, Lý trưởng Bái Trạch buộc phải mở cổng làng để mọi người đi lại.

Ông Nguyễn Năm, đầu chít khăn đỏ, tay cầm dao mác, hiên ngang dẫn đầu đoàn nông dân các làng Đại Độ, Xuân Lai, Gia Mỹ kéo thẳng vào nhà mộ Vạc. Mộ Vạc lúc đầu tỏ thái độ chống đối, nhưng ngay sau đó đã phải mở kho cho nông dân vào xúc thóc.

Những người chưa vay được thóc, lại tiếp tục kéo nhau sang nhà Cừ Cơ. Cừ Cơ tuy không ra mặt chống đối, nhưng trước đó, ông ta đã cho bỏ vào bực thóc cứ 1 lớp đá, 1 lớp thóc, do vậy, bà con nông dân phải vất vả lắm mới xúc được một số gánh thóc.

Toàn bộ số thóc vay được, đem về tập trung tại nhà Quế Nhuệ (xóm Triêm Vũ), sau đó đem chia đều cho các gia đình nông dân nghèo.

Thắng lợi của các cuộc đấu tranh vay thóc đã cổ vũ tinh thần cách mạng của quần chúng. Ảnh hưởng của Hội Thanh niên Quý Trạch càng sâu rộng trong dân chúng các làng xã.

Giữa tháng 10/1930, tại nhà anh Bùi Xuân Nam (làng Xuân Lai), các đồng chí Nguyễn Hữu Bình, Chu Trang, cán bộ của Tỉnh ủy Nghệ An đã bí mật chủ trì một cuộc họp cán bộ cốt cán của huyện Yên Thành¹.

Những người dự cuộc hội nghị quan trọng này, đã quyết định tổ chức một cuộc biểu tình toàn huyện vào ngày 7/11/1930 - nhân kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại.

¹ Tham dự hội nghị này còn có các đồng chí Luyện Nhân, Bùi Xuân Nam (làng Xuân Lai), Lê Điều (Ngọc Luật), Nguyễn Thực (Đông Yên), Lê Cồn, Trần Công (Yên Định), Lưu Xuân Giản (Tường Lai), Phạm Xuân Thuyên (Tràng Thành), Nguyễn Hữu Dung và Nguyễn Linh (Công Trung). Theo *Lịch sử huyện Yên Thành, tập 1*, Nhà xuất bản Nghệ Tĩnh, năm 1990.

Trước ngày biểu tình, truyền đơn được rải khắp các chợ và các đường thôn, ngõ xóm,... Ông Hải (xóm Nam Vinh), ông Bài, ông Hoan (xóm Triêm Vũ) là những người hăng hái trong việc rải truyền đơn tuyên truyền kêu gọi biểu tình. Mỗi khi nhặt được truyền đơn, dân chúng đã bí mật đọc cho nhau nghe. Có người đã xuống giếng sâu, hoặc đem vào tận trong núi để xem cho kĩ. Nhờ có truyền đơn tuyên truyền, cổ vũ, dân chúng của các làng Đại Độ, Gia Mỹ, Xuân Lai,... hoan hỉ và tích cực chuẩn bị cho ngày biểu tình.

Tối ngày 6/11/1930, đêm trước của biểu tình, dân chúng một số chòm thuộc các làng Đại Độ, Xuân Lai, Gia Mỹ đã tụ họp, cùng nhau nấu ăn chung, ngủ chung.

Bà con nông dân ở xóm Triêm Vũ tập trung tại nhà Quế Nhuệ; xóm Đông Thị tập trung tại nhà Phan Lương; xóm Thọ Vực tập trung tại nhà Cổ Ngội...

Mới quá nửa đêm, dân chúng các làng, xóm đã hối thúc nhau dậy đi biểu tình. Tiếng trống, tiếng mõ nổi lên inh ỏi. Tiếng gọi nhau í ới khắp các đường thôn, ngõ xóm. Chẳng mấy chốc, các đoàn biểu tình đã hàng ngũ chỉnh tề, cùng tiến về tập trung tại trường Yên Mã, sau đó kéo qua làng Thanh Đạt, Lạc Thiện, Tường Lai,...

Mỗi người tham gia đoàn biểu tình đều mang theo một vuông vải đỏ để làm cờ, và dấu sẵn trong người một cái “mạng khăng” (đoạn gổ tròn, dài khoảng 40 - 50cm) để làm vũ khí.

Đi đầu đoàn biểu tình ở xóm Thọ Vực là ông Hồ Đại và cụ Phạm Cầm; đi đầu đoàn biểu tình xóm Ngọc Sơn là cụ Bài và cụ Nguyễn Hoan.

Sau khi tập trung tại Cồn Trăn (gần xóm Hoàng Lò) để nghe cán bộ diễn thuyết, đoàn biểu tình kéo về phía huyện đường. Nhưng vừa đến Cầu Muống (thuộc làng Tường Lai) thì bị lính khố xanh, lính lê dương từ Diễn Châu kéo lên đàn áp. Bọn giặc đã man nỏ súng vào đoàn biểu tình làm cho hàng chục người chết và

bị thương, trong đó có ông Hoàng Ước (người làng Xuân Lai) bị trúng đạn, hy sinh tại chỗ.

Đoàn biểu tình của bà con nông dân các vùng thượng huyện Yên Thành, vừa kéo đến cồn nhà Vàng thì cũng bị binh lính Pháp và Nam triều đàn áp làm cho nhiều đồng bào thiệt mạng. Mặc dầu, vừa ra quân đã bị kẻ thù dìm trong máu, nhưng tinh thần đấu tranh của những người nông dân Yên Thành vẫn không hề nao núng. Sự có mặt của hàng ngàn dân chúng tổng Quỳnh Trạch trong buổi truy điệu các liệt sĩ ngay sau ngày biểu tình đã chứng tỏ điều đó.

Tối ngày 9/11/1930, hơn 1 ngàn dân cày từ Xuân Lai, Đại Độ, Gia Mỹ, Phú Tăng và các làng xã trong tổng Quỳnh Trạch đã về tập trung tại Cồn Diệc (Thọ Thành) để làm lễ truy điệu những người hy sinh tại cuộc biểu tình ngày 7/11/1930.

Giữa tháng 11/1930, Huyện ủy Yên Thành được thành lập, kịp thời đưa phong trào cách mạng ở đây lên một bước phát triển mới. Nhiều làng, xã đã hình thành được các tổ chức quần chúng như nông hội đỏ, tự vệ đỏ,... Nhưng trước sự đàn áp khốc liệt của thực dân Pháp và tay sai, một số đồng chí trong Ban Chấp hành Huyện ủy bị rơi vào tay giặc. Trước tình hình đó, một lần nữa, tỉnh ủy Nghệ An lại cử cán bộ về Yên Thành, củng cố lại cơ sở Đảng do đồng chí Nguyễn Hữu Dung (người làng Quỳnh Lãng) làm Bí thư. Đồng chí Luyện Nhận, người đảng viên trung kiên, người con của làng Xuân Lai là một trong số 6 ủy viên của Ban Chấp hành huyện ủy Yên Thành khóa ấy. Huyện ủy Yên Thành được thành lập đã thống nhất những cơ sở cộng sản trong toàn huyện vào một cơ quan lãnh đạo duy nhất, đánh dấu bước phát triển mới về chất của lịch sử xây dựng, đấu tranh của huyện.

Chỉ trong vòng 2 tháng, nhờ sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy và sự hoạt động tích cực của các đồng chí Huyện ủy, các chi bộ Đảng đã lần lượt ra đời. Chi bộ ghép gồm một số làng ở hai tổng

Quỳ Trạch và Quan Hóa được thành lập¹. Chi bộ gồm 7 đảng viên ở các làng Yên Định, Xuân Lai, Tràng Thành Đông, Tường Lai do đồng chí Trần Công làm Bí thư. Với sự ra đời của chi bộ ghép này, phong trào đấu tranh của Nhân dân tổng Quỳ Trạch đã có bước phát triển mới.

Ngày 17/2/1931, những ngày Tết của năm Tân Mùi, Đại Độ, Gia Mỹ, Phú Tăng và các làng trong tổng Quỳ Trạch đã họp mít tinh vạch tội ác của bọn đế quốc, và sau đó kéo đến nhà Phó tổng Phạm Xuân Thợ, làng Quỳ Lãng để thị uy.

Tiếp đó, ngày 20/2/1931, bà con dân cày trong tổng Quỳ Trạch lại kéo đến nhà bang Duân (Quỳ Lãng) để vay thóc, cứu đói cho dân nghèo.

Ngày 24/2/1931, bà con ở Gia Mỹ, Phú Vinh kéo đến vay thóc của nhà Vũ Mân.

Trước sự phát triển nhanh và mạnh của phong trào quần chúng ở Yên Thành chính quyền thực dân và phong kiến ở Nghệ An đã tập trung mọi lực lượng để đối phó. Cùng với việc dùng súng đạn, kẻ thù đã áp dụng mọi biện pháp dè hèn mà chúng đã sử dụng có hiệu quả ở địa phương, nhằm dập tắt làn sóng đỏ đang dâng lên ở Yên Thành.

Ngày 7/2/1931, đích thân công sứ Pháp và Giám binh Pơ-ti cùng tổng đốc An Tĩnh Nguyễn Khoa Kỳ đã về Yên Thành để chỉ đạo lễ “rước cờ vàng” và “trao thẻ quy thuận”.

Nhưng, cái trò hề nham hiểm của kẻ thù đã bị những người cộng sản và quần chúng yêu nước ở Yên Thành làm thất bại.

Sau cuộc biểu tình ngày 7/11/1930, đặc biệt sau vụ Tràng Kè (ngày 7/2/1931), bộ máy hào lý của nhiều địa phương ở Yên Thành bị tê liệt. Ở các địa phương ấy, “bộ nông” (Nông hội đỏ) nắm quyền điều khiển việc làng, xã.

Ở Đại Độ, Gia Mỹ, Xuân Lai, chính quyền tuy vẫn ở trong tay hào lý, nhưng chúng không còn dám tác oai tác quái với dân làng

¹ *Lịch sử Đảng bộ huyện Yên Thành (1930 - 2017)*, Nxb Nghệ An, 2017, tr43.

như trước. Nông hội đỏ đã công khai tổ chức các lớp học chữ Quốc ngữ, công khai vạch tội tham nhũng của bọn chức dịch làng xã và đòi xóa bỏ tệ “phụ thu, lạm bổ”, đòi chia ruộng công của làng cho dân nghèo...

Từ tháng 4/1931, thực dân Pháp và bộ máy phong kiến tay sai tăng cường khủng bố phong trào cách mạng ở Yên Thành. Nhiều đảng viên cộng sản và quần chúng yêu nước, người bị bắt, người bị giết hoặc tù đày.

Ngày 17/5/1931, các ông Hoàng Bổng, Hoàng Vân, Hoàng Ước (người Xuân Lai); Võ Nhuệ, (người Gia Mỹ),... bị giặc Pháp xử bắn tại Trảng Kè (Mỹ Thành). Tiếp đó, ngày 20/5/1931, đồng chí Luyện Nhận cũng bị tử hình tại Trảng Kè.

Cũng như nhiều địa phương khác, lúc bấy giờ phong trào cách mạng của quần chúng ở các làng Xuân Lai, Gia Mỹ, Phú Tăng, Kim Chi... đã bị kẻ thù dìm trong máu và lửa. Nhưng “như than hồng vùi trong tro nóng” ý chí cách mạng của quần chúng vẫn không bị dập tắt, chỉ chờ dịp là bùng lên thành ngọn lửa, thiêu cháy bè lũ bán nước và cướp nước.

Thực tiễn của phong trào quần chúng ở Xuân Lai, Gia Mỹ, Đại Độ cho thấy cao trào cách mạng 1930 - 1931 và Xô viết Nghệ Tĩnh chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn, nhưng đã để lại hình ảnh sâu đậm trong lòng quần chúng nhân dân. Trong khói lửa, máu và nước mắt, người dân Đại Độ, Xuân Lai, Gia Mỹ, vẫn nung nấu lòng tin ở Đảng, ở sự thắng lợi của cách mạng.

III. LÀNG GIA MỸ - ĐẦU MỐI QUAN TRỌNG TRONG VIỆC KHÔI PHỤC LẠI CƠ SỞ ĐẢNG Ở YÊN THÀNH

Sau gần 5 năm gián đoạn, đến cuối tháng 12/1936, các cơ sở Đảng ở Yên Thành dần dần được khôi phục.

Đầu năm 1937, Đảng bộ huyện Yên Thành tổ chức Đại hội, bầu ra Ban Chấp hành Huyện ủy gồm 5 đồng chí, do đồng chí Phan Vinh làm Bí thư. Trong lúc các cơ sở Đảng đang trên bước

đường cùng cô thì đêm 18/8/1941, do sự phản bội của Trần Công (tức Hồng), giao thông viên của Xứ ủy, nhiều đồng chí lãnh đạo của huyện ủy, trong đó có đồng chí Phan Vinh rơi vào tay giặc. Tiếp đó, hầu hết các đảng viên khác trong huyện Yên Thành cũng lần lượt bị sa lưới của kẻ thù. Một lần nữa, các cơ sở Đảng ở Yên Thành lại bị phá vỡ.

Cuối năm 1941, đồng chí Phạm Tự, cán bộ của Xứ ủy Trung Kỳ đang hoạt động bí mật ở Diễn Châu, đã bí mật liên lạc với chị Lê Thị Biều, một cán bộ trung kiên của Đảng ở làng Gia Mỹ (xã Gia Hội), để bàn việc gây dựng lại phong trào. Với sự giúp đỡ tích cực của chị Biều, đồng chí Phạm Tự đã tổ chức được một nhóm trung kiên ở Gia Mỹ, gồm 6 người là: Lê Thị Biều, Phạm Thị Hồng, Nguyễn Thị Nhã, Nguyễn Thị Bình, Nguyễn Thị Tập và Nguyễn Văn.

Theo sự hướng dẫn của đồng chí Phạm Tự, chị Lê Thị Biều và anh Nguyễn Văn đã bí mật đưa các đồng chí Bùi Trung Lập, Nguyễn Thị Thức giao thông của Xứ ủy Trung Kỳ về Yên Định bắt mối với các anh Lê Trúc, Trần Tương để gây dựng cơ sở Đảng.

Trên cơ sở của nhóm trung kiên, các đồng chí Phạm Tự, Bùi Trung Lập đã thành lập Chi bộ Đảng Gia Mỹ, gồm 3 đảng viên - Lê Thị Biều, Nguyễn Văn và Phạm Thị Hồng. Đồng chí Lê Thị Biều, được chỉ định làm Bí thư Chi bộ Gia Mỹ.

Sau ngày thành lập, Chi bộ Gia Mỹ đã tổ chức được một tổ “hộ sản” và một tổ buôn bán trâu cau. Hoạt động của hai tổ công tác này vừa nhằm gây quỹ cho Đảng vừa chấp mối với các cơ sở cách mạng trong tổng Quỳnh Trách.

Chi bộ Gia Mỹ hoạt động được gần 3 tháng, đã và đang mở ra một triển vọng cho việc khôi phục các cơ sở Đảng trong huyện Yên Thành thì bị lộ, các đảng viên của Chi bộ Gia Mỹ lần lượt rơi vào tay kẻ thù. Tháng 2 năm 1942, đồng chí Nguyễn Văn bị bắt, tháng 7/1942 chị Lê Thị Biều bị bắt.

Khoảng tháng 9/1942, Chi bộ Gia Mỹ bị vỡ.

Hai đồng chí Nguyễn Văn, Lê Thị Biều, mỗi người bị kết án 3 năm tù giam. Đồng chí Phạm Thị Hồng vì đang có con thơ dại, nên được hưởng án treo¹.

Chi bộ Gia Mỹ tuy chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn nhưng đã góp phần khôi phục cơ sở Đảng ở Yên Thành, lấy lại niềm tin cho quần chúng yêu nước. Những hoạt động của các đồng chí Lê Thị Biều, Phạm Thị Hồng và nhiều chị em trong nhóm trung kiên cách mạng đã chứng tỏ năng lực to lớn của người phụ nữ Đô Thành trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

IV. TỔNG KHỎI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN (8/1945)

Tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới lần thứ II bùng nổ. Tháng 11/1939, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp nhận định: Đông Dương sẽ bị lôi cuốn vào cuộc chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc.

Tháng 9/1940, phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương, cấu kết với thực dân Pháp đàn áp bóc lột Nhân dân ta. Chúng cấu kết với thực dân Pháp thẳng tay đàn áp phong trào đấu tranh của đồng bào ta, ra sức vơ vét lúa gạo, hàng hóa,... đem về nước phục vụ cho Chiến tranh thế giới thứ hai.

Trong 2 năm (1944 - 8/1945), phát xít Nhật đã vơ vét trên đất nước ta qua tay Pháp 1.453.000 đồng và 1.230 ngàn tấn gạo, 98.700 tấn ngô, trong khi mùa màng thất bát đã dẫn đến nạn đói khủng khiếp với hơn 2 triệu người chết.

Đại Độ, Gia Hội, Xuân Lai,... là địa bàn của sản xuất lúa gạo, nhưng cũng lâm vào nạn đói kém cùng cực.

Từ sau tết Ất Dậu (1945), dân các xóm Yên Hội, Thọ Vực, Phú Vinh,... đã kéo từng đoàn lên rừng, lên núi để kiếm củ nâu, củ mài, măng tre, măng nứa,... để ăn.

Hòn Sừng, Đông Hồ không còn củ nâu, củ mài, họ lại dắt díu nhau lên các miệt rừng Nghĩa Đàn, Thanh Hóa,...

¹ Theo Biên bản hội nghị xác minh tư liệu thời kỳ tiền khởi nghĩa ở Đô Thành (tài liệu này do đồng chí Hoàng Minh Ngòi, nguyên Bí thư Đảng ủy xã Đô Thành cung cấp)

Thế rồi nguồn măng tre, củ mài ở đâu cũng cạn kiệt, nhiều gia đình phải kiếm lúa dẹp, giã nhỏ lấy tấm, cám, nấu cháo ăn trừ bữa. Nhiều người phải ăn lá tàu bay, đọt đu đủ,... thậm chí phải nhặt lá khoai lang đã phơi khô, đem ngâm vào nước lã cho mềm lại, rồi nấu cháo ăn thay cơm,... Đói và rét. Mùa đông năm ấy, có ngày rét nước đóng băng, nhưng chẳng nhà nào có nổi tấm chăn. Đói, rét và dịch bệnh đã cướp đi của Đại Độ, Xuân Lai, Gia Hội, Phú Tăng, Kim Chi,... hàng trăm sinh mạng.

Ngày 9/3/1945, phát xít Nhật bắt ngờ hất cẳng Pháp, độc chiếm Đông Dương. Lợi dụng cơ hội này, các đảng viên cộng sản đã tìm cách thoát khỏi ngục tù đế quốc, trở về địa phương chuẩn bị cho công cuộc cướp chính quyền.

Chị Lê Thị Biều, sau khi thoát khỏi nhà tù, đã nhanh chóng bắt liên lạc với các đồng chí ở Diễn Châu và những quần chúng tích cực ở quê nhà để móc nối với các cơ sở cách mạng.

Trước sự chuyển biến mau lẹ của tình hình thế giới và trong nước, ngày 19/5/1945, Ban vận động thành lập Việt Minh liên tỉnh Nghệ Tĩnh được thành lập. Không đầy một tháng sau, hầu hết các làng, xã ở Yên Thành đã hình thành được tổ chức Việt Minh, và các đoàn thể Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc,... Hoạt động của Việt Minh và các đoàn thể lúc bấy giờ tập trung vào các việc sau đây:

- Cứu đói cho dân.
- Vận động quần chúng tẩy chay các tổ chức thân Nhật.
- Tiến hành luyện tập quân sự, chuẩn bị lực lượng cho ngày cướp chính quyền.
- Mở lớp dạy chữ Quốc ngữ.

Ngày 16/8/1945, phát xít Nhật đã tuyên bố đầu hàng quân đội đồng minh không điều kiện. Chủ nghĩa phát xít hoàn toàn bị thất bại. Ngay tối hôm ấy, tại làng Châu Sơn (nay là xã Hưng Châu, huyện Hưng Nguyên), Việt Minh liên tỉnh đã họp và ra lời hiệu triệu đồng bào hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh đứng lên lật đổ Pháp, cướp chính quyền.

Lời hiệu triệu của Việt Minh liên tỉnh có đoạn viết: “Hãy mau lên, cấp tốc lên. Đừng chờ đợi, do dự nữa,... Hãy đưa tiền của, máu xương, tài năng,... hết thảy ra cứu nước đánh đuổi giặc Nhật, tiêu trừ việt gian. Lập chính quyền nhân dân cách mạng”.¹

Nhận được lệnh của Việt Minh liên tỉnh, các địa phương lần lượt nổi dậy cướp chính quyền. Tại Yên Thành, ngày 23/8/1945, cờ đỏ sao vàng tung bay trên chợ Đình, truyền đơn rải khắp các đường lớn trong huyện. Ngày 24/8/1945, tự vệ cách mạng Vân Tụ bắt trói tên bang tá làng Đông Yên. Bộ máy chính quyền địch ở các làng hoàn toàn bị tê liệt. Khởi nghĩa thắng lợi ở các làng: Trụ Pháp, Ngọc Luật, Xuân Tiêu, Ngọc Thành, Quỳnh Lăng, Giai Lạc, Xuân Lai, Đại Độ². Đêm 24 rạng ngày 25/8/1945, toàn huyện sôi sục không khí khởi nghĩa. Tại Đô Thành, sau khi làng Xuân Lai, Đại Độ giành chính quyền, làng Gia Mỹ dưới sự chỉ đạo của chị Lê Thị Biều và các đồng chí trong tổ chức Việt Minh, dân chúng làng đã nổi dậy truất bỏ bộ máy hào lý, lập chính quyền cách mạng ở địa phương mình.

Từ tờ mờ sáng, tiếng trống, tiếng mõ đã nổi lên rộn xóm. Tự vệ, thanh niên người cầm cờ, người cầm gậy gộc, giáo mác từ các thôn, xóm đã ùn ùn kéo nhau ra đình làng Gia Mỹ dự mít tinh.

Chị Lê Thị Biều, người con dâu (người xã Diễn Đức sau đổi tên là xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu bây giờ) của làng quê Gia Mỹ vừa thoát khỏi ngục tù, kịp về lãnh đạo bà con quê nhà vùng lên bẻ gãy xiềng xích nô lệ. Chị đồng đọc lời hiệu triệu của Việt Minh tuyên bố xóa bỏ bộ máy hào lý đã đè đầu cưỡi cổ hàng trăm năm nay ở làng xã.

Chị Lê Thị Biều, vừa đọc xong lời hiệu triệu của Việt Minh thì hàng nghìn cánh tay đã tung lên theo những lời hô ầm ầm như sóng dậy: “Việt Minh muôn năm! Cách mạng muôn năm!”, “Đả đảo chế độ thực dân, phát xít”. Trước sự chứng kiến của hàng trăm dân chúng làng Gia Mỹ, cha ông Nguyễn Xích là Lý trưởng đã lập cập

¹ Trích *Lời hiệu triệu của Việt Minh liên tỉnh Nghệ Tĩnh*

² *Lịch sử Đảng bộ huyện Yên Thành (1930 - 2017)*, NXB nghệ An, 2017, Tr76.

bưng trap triển và các số đình, điền, địa bộ,... bàn giao cho chính quyền cách mạng.

Tiếp sau Gia Mỹ, làng Phú Tăng,... được sự giúp đỡ của chị Biều, nổi lên lật đổ bộ máy hào lý phong kiến, giành chính quyền về tay Nhân dân lao động.

Khắp các thôn xóm, các tổ chức dân quân tự vệ, các đoàn thể quần chúng, như: thanh niên, phụ nữ, phụ lão,... đã nhanh chóng đi vào hoạt động, vận động Nhân dân bắt tay vào tăng gia sản xuất và tham gia xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng của nhân dân.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là thắng lợi của sự đoàn kết và quyết tâm cách mạng cao của các tầng lớp nhân dân lao động. Nó thể hiện tinh thần đấu tranh bất khuất của cán bộ, đảng viên và Nhân dân Đô Thành dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Từ những đóm lửa trong cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh (1930 - 1931), Đảng đã xây dựng, củng cố tổ chức đủ mọi thành phần, tập hợp dưới ngọn cờ độc lập dân tộc. Sự kết hợp giữa lực lượng chính trị và lực lượng tự vệ của quần chúng, giữa biểu tình thị uy có vũ trang với giáo dục, vận động phân hóa kẻ thù là phương pháp khởi nghĩa có hiệu quả mà cấp ủy Đảng đã vận dụng thành công trên địa bàn. Với thắng lợi này, Nhân dân Đô Thành đã góp phần cùng Nhân dân cả nước xóa bỏ chế độ thực dân - phong kiến trên đất nước ta. Mở ra kỷ nguyên mới: kỷ nguyên độc lập dân tộc, dân chủ và tự do.

V. Củng cố và phát huy thành quả của Cách mạng

Sau ngày cách mạng thành công, cùng với việc xóa bỏ bộ máy hào lý, chức dịch cũ, Nhà nước ta đã quyết định bỏ cấp tổng và sáp nhập các thôn làng thành xã lớn. Thực hiện chủ trương ấy, Đại Độ, Gia Mỹ, Xuân Lai, Phú Tăng đã được nhập lại thành xã Đại Gia. Địa giới của xã Đại Gia lúc bấy giờ về cơ bản cũng giống như xã Đô Thành hiện nay.

Ủy ban cách mạng lâm thời của xã Đại Gia được thành lập, bao gồm các ông¹: Phạm Cẩm - Chủ tịch; Phạm Ban - Phó Chủ tịch; Phan Yêng - Ủy viên thường trực; Nguyễn Nhật - Chủ tịch Việt Minh.

Sau khi thành lập, chính quyền cách mạng đã tuyên bố giảm thuế đất, bỏ thuế thân, xóa các khoản nợ cũ, lấy công điền, công thổ chia cho dân nghèo.

Để có thêm đất chia cho dân cày, chính quyền cách mạng đã tổ chức cho bà con nông dân khai phá các vùng đất hoang hóa dọc các chân đồi Đền, đồi Đẹt, đồi Dong, đồi Lò, ... Hệ thống nông giang dẫn thủy nhập điền từ ba-ra Đô Lương chạy qua địa phận xã Đại Gia được tu sửa.

Nhiều cánh đồng trước bỏ hoang nay đã được bà con nông dân góp sức cải tạo thành những nương khoai, ruộng lúa, kịp thời cứu đói cho dân làng.

Cùng với việc tổ chức sản xuất, chính quyền cách mạng xã Đại Gia đã cho cưới lại chợ Hộ để dân thuận đường mua bán.

Chợ Hộ trước đó họp trên địa phận hai xóm Phú Vinh và Ngọc Sơn, nay cưới về tại xóm Đông Thị. Theo quy định, chợ Hộ họp 1 tháng 9 phiên (vào các ngày 2, 5, 9, 12, 15, 19, 22, 25, 29) và người bán buôn trong chợ không phải nộp thuế. Chủ trương này của chính quyền cách mạng xã Đại Gia đã được đông đảo nhân dân địa phương đồng tình ủng hộ².

Cùng với việc củng cố chính quyền, đẩy mạnh sản xuất thì phong trào “Hũ gạo tiết kiệm” theo lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch được Nhân dân Đại Gia tích cực hưởng ứng, hầu hết Nhân dân Đại Gia đã lập “Hũ gạo tiết kiệm” cứ mỗi bận nấu ăn mỗi nhà đều bớt trong khẩu phần của gia đình một ít gạo bỏ vào “Hũ gạo tiết kiệm”. Sau 10 ngày mỗi gia đình đã dành được 2 - 3kg gạo tiết kiệm. Nhờ số gạo này mà dân ta đã vượt qua được nạn giáp hạt và còn dư để ủng hộ đồng bào Bắc Bộ đang gặp muôn vàn khó khăn vì đói rét và

¹ Các thành viên này giữ chức vụ trên từ tháng 6/1946 đến 6/1947.

² Theo bài về “Cưới chợ” còn lưu truyền ở Đô Thành.

lũ lụt, tuy không còn lại số liệu bằng văn bản nhưng nhiều người còn nhớ rằng: Xã Đại Gia lúc ấy đã góp được hơn ba tạ gạo để gửi đi ủng hộ đồng bào Bắc Bộ. Những cân gạo nghĩa tình của Nhân dân Nghệ An, trong đó, có phần đóng góp của bà con nông dân xã Đại Gia đã giúp đồng bào Bắc Bộ vượt qua những thử thách ác liệt của thiên tai.

Bên cạnh đó, phong trào diệt “giặc dốt” cũng được chính quyền đặc biệt quan tâm, xã Đại Gia đã thành lập các tổ xoá mù chữ và đẩy lên phong trào học chữ quốc ngữ. Ngày sản xuất, đêm học văn hoá, các trạm kiểm tra xoá mù chữ được lập tại các ngã ba đường, công chợ Hộ với quy định nghiêm ngặt: Không thuộc chữ cái thì không được vào chợ hoặc ra đồng. Các hình thức tuyên truyền như: ca dao, hò, vè, khẩu hiệu,... được các đoàn thể sử dụng rộng rãi như:

*“Lấy chồng biết chữ là tiên
Lấy chồng mù chữ là duyên lỡ làng”*

**

*

*“Cô kia má đỏ hồng hồng
Cô không biết chữ nên chồng nó chê
Miệt mài cô học a, ê
Đọc thông viết thạo, chồng chê đường nào”*

Mọi người nô nức đến lớp bình dân học vụ theo tinh thần: “Đi học là yêu nước”, “Tiền tuyến diệt xâm lăng, hậu phương trừ giặc dốt”, “Mỗi gia đình là một lớp học”. Lớp học được tổ chức sáng tạo, linh hoạt ở nhiều địa điểm như đình, đền thờ, nhà dân với nhiều thời gian khác nhau trong các buổi trưa, buổi tối. Vách nhà, sân phơi, cánh cửa... chỗ nào cũng có đầy những chữ bằng than đen, phấn đất, vôi. Một trang giấy có thể dùng nhiều lần viết bằng cách phơi sương, phơi nắng. Thậm chí lá chuối cũng được hơ khô, ép phẳng để có thể dùng thay cho giấy. Quả mùng tot, thuốc nhuộm vải cũng được sử dụng làm mực viết. Ngoài các thầy giáo tham gia dạy học, còn có các “thầy giáo không chuyên” - những

người biết chữ dạy cho những người không biết chữ. Phong trào bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ đã tạo nên một không khí sôi động rộng khắp trong các thôn, xóm. Đến cuối năm 1946, hơn 50% dân số xã Đại Gia đã biết đọc, biết viết.

Kết hợp với hoạt động xóa mù chữ, công tác bài trừ tệ nạn xã hội cũng được thực hiện. Các hủ tục lạc hậu, trộm cắp, cờ bạc, rượu chè, mê tín dị đoan từng bước được loại trừ. Phong trào vệ sinh “ba sạch”, nếp sống mới ở nông thôn bắt đầu được xây dựng và thực hiện thường xuyên, liên tục hướng vào mục tiêu dân chủ, đoàn kết, ấm no và tiến bộ. Phong trào thi đua xây dựng đời sống mới ở các thôn xóm cũng được cấp ủy Đảng và Ủy ban hành chính xã triển khai, kết hợp song song với công tác xóa mù chữ. Việc ma chay, cưới hỏi phức tạp, tốn kém được thực hiện đơn giản theo đời sống mới.

VI. TÍCH CỰC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ QUÊ HƯƠNG, ĐÓNG GÓP SỨC NGƯỜI, SỨC CỦA CHO CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

1. Tổ chức bộ phòng kháng chiến

Ngày 19/12/1946, Hồ Chủ tịch đã ra Lời kêu gọi “Toàn quốc kháng chiến”, Người nêu rõ: *“Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta đã nhân nhượng, nhưng chúng ta càng nhân nhượng thì thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa! Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ... Bất kỳ đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc”*.

Cũng như đồng bào cả nước, quân và dân xã Đại Gia bước vào cuộc kháng chiến với tất cả quyết tâm: Thà chết, chứ nhất định không trở lại làm nô lệ!

Để bảo vệ quê hương, ngăn chặn bước chân của quân viễn chinh Pháp, quân và dân xã Đại Gia đã huy động công sức, đóng

góp nhiều vật liệu để tổ chức rào làng chiến đấu theo mô hình làng Cự Nậm (Quảng Bình).

Các tuyến đường chính đều bị đào hào ngang dọc, lại có lũy đất và vật chướng ngại nhằm ngăn không cho xe cơ giới của địch tiến vào làng. Các vùng đất trống ở hòn Ròng, hòn Dạ, hòn Đèn,... đều được cắm chông, cắm cọc nhọn, phòng máy bay địch nhảy dù đổ bộ.

Đồng thời với việc rào làng chiến đấu, chính quyền xã Đại Gia đã tập trung chỉ đạo xây dựng lực lượng dân quân, du kích. Nam nữ thanh niên tuổi từ 18 - 35 đều được động viên ghi tên gia nhập xã đội dân quân. Chỉ một thời gian ngắn, xã đội dân quân Đại Gia đã có trên 300 chiến sĩ. Đồng chí Nguyễn Đăng¹ là Xã đội trưởng đầu tiên của đội dân quân, du kích Đại Gia.

Trong những ngày đầu kháng chiến, trang bị vũ khí của lực lượng dân quân, du kích xã Đại Gia hầu như chỉ có dao găm, giáo mác, kiếm sắt và một số lựu đạn. Phần lớn các loại vũ khí ấy đều do các lò rèn ở xã Đại Gia làm ra bằng các nguồn sắt, thép, nhôm, đồng,... phế liệu của Nhân dân địa phương đóng góp.

Riêng, lực lượng du kích thường trực khoảng 30 người thì được trang bị quy cũ hơn. Chẳng hạn những khi huấn luyện thì chiến sĩ nam mặc quần soóc, đội mũ ca-lô, còn nữ mặc quần gôn, áo chèn.

Ngoài thời gian huấn luyện, anh chị em dân quân du kích lại trở về lo việc đồng ruộng. Đêm đến thì phân công nhau tuần tra, canh gác, bảo vệ trật tự trị an trong thôn xóm...

Tuy điều kiện sinh hoạt và chiến đấu gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng hầu hết các anh chị em trong lực lượng dân quân, du kích đều hăng say luyện tập, giữ nghiêm kỷ luật, sẵn sàng hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Từ hàng ngũ dân quân, du kích, 98 đồng chí đã trở thành anh bộ đội Cụ Hồ. Trong cuộc chiến đấu sinh tử với kẻ thù, nhiều

¹ Đồng chí Nguyễn Đăng làm Xã đội trưởng từ đầu năm 1947 đến tháng 4/1949. Sau đó, đồng chí Đăng đi bộ đội và hy sinh. Sau đồng chí Đăng là các đồng chí: Nguyễn Hồng Khanh, Phan Chu và Lê Khiệu (từ tháng 6/1953 - 6/1954).

người trong số họ đã ngã xuống vì nền hòa bình và độc lập của dân tộc.

Trong 9 năm kháng chiến, xã Đại Gia là một trong những địa bàn phức tạp về chính trị. Một số phần tử phản động đã tìm cách gây thù hận lương giáo, và xúi giục bà con giáo dân không thực hiện các cuộc vận động ủng hộ kháng chiến. Lực lượng Phật giáo cũng âm mưu đưa Đồ Ky (người Phú Thành) về gây dựng cơ sở ở xã Đại Gia. Một số phần tử quá khích trong đảng dân chủ, triển khai tích cực cuộc vận động “Lao tư lưỡng lợi”, cũng gây không ít phức tạp cho công cuộc huy động sự đóng góp của Nhân dân ta đối với kháng chiến. Dưới sự chỉ đạo của Chi bộ Đảng, lực lượng dân quân, du kích và công an xã Đại Gia đã làm thất bại mọi ý đồ đen tối của các lực lượng thù địch, giữ vững được thành quả của cuộc cách mạng, động viên được sự ủng hộ tinh thần và vật chất của Nhân dân đối với kháng chiến.

2. Đẩy mạnh sản xuất, thực hiện tốt các cuộc vận động đảm phụ kháng chiến

Trong những năm đầu của cuộc kháng chiến phần lớn ruộng đất vẫn đang nằm trong tay giai cấp địa chủ. Đại bộ phận nông dân Đại Gia đang ở trong tình trạng “ăn cơm thuê, cày ruộng rẽ”. Nông cụ sản xuất thiếu thốn và hết sức lạc hậu. Sức lao động ở nông thôn thiếu vì lực lượng lao động khỏe là nam nữ thanh niên đã đi bộ đội, dân công phục vụ hòa tuyến.

Để đảm nhận việc đồng áng, nhiều phụ nữ ở Đại Gia đã mạnh dạn học cày, bừa. Đó là một việc làm từ cổ chí kim chưa hề có ở đất này.

Để có thêm ruộng đất canh tác, bà con nông dân đã tổ chức khai phá các vùng đất hoang hóa dọc vùng Dạ Sơn, Am Bản, Cồn Chong,...

Cùng với phong trào khai hoang, phục hóa, cuộc vận động “sạch làng, tốt ruộng” cũng được đẩy lên mạnh mẽ. Nhiều gia đình nông dân ở xã Đại Gia đã biết tận dụng các nguồn phân chuồng, phân xanh để bón ruộng. Việc làm này, vừa góp phần nâng cao

năng suất mùa màng, vừa làm cho môi trường sinh thái của thôn quê vệ sinh, sạch sẽ.

Từ thực tiễn của sản xuất, đã hình thành nên các tổ vắn công, đôi công. Nhờ đó, nhiều khó khăn trong khâu sản xuất, và cuộc sống của bà con nông dân đã được giải quyết.

Trước những thất bại nặng nề trên chiến trường, thực dân Pháp đã tăng cường đánh phá các vùng hậu phương kháng chiến của ta, đặc biệt là vùng tự do Thanh - Nghệ - Tĩnh. Năm 1953, ba-ra Đô Lương bị máy bay Pháp ném bom phá hỏng. Hệ thống dẫn nước tưới cho đồng bằng Diễn - Yên - Quỳnh bị tắc nghẽn.

Không thể để cho lúa và hoa màu khô héo vì thiếu nước, bà con nông dân xã Đại Gia đã tích cực giúp nhau đào ao, đào giếng để chống hạn.

Ngoài sản xuất nông nghiệp, một số gia đình đã khôi phục lại nghề trồng dâu, nuôi tằm, kéo sợi.

Những cố gắng của quân và dân xã Đại Gia trên mặt trận sản xuất đã giải quyết được một phần cái ăn, cái mặc cho Nhân dân địa phương và góp phần chi viện cho chiến trường.

Trong phong trào mua công phiếu kháng chiến, bà con lao động ở xã Đại Gia đã mua được 130.000 đồng (tương đương với 543 cây vàng), nổi bật lên trong phong trào này có 2 điển hình đó là: Bà Nga làng Gia Mỹ và họ Lê xóm Hạc Linh, làng Thọ Vực đã bán ruộng tọc điền để mua công phiếu (đã được tặng 1 ảnh Bác Hồ). Họ Luyện Xuân Lai bán 3 mẫu 5 sào đất để mua công phiếu ủng hộ kháng chiến giành giải nhất.

Đến cuộc hiến điền, nuôi quân, toàn xã Đại Gia đã có trên 50 gia đình xung phong hiến ruộng ủng hộ kháng chiến. Mẹ Duyên (ở Phú Vinh), nhà không có một thước ruộng, nhưng vẫn xung phong “hiến điền” bằng cách: hằng năm, mẹ lấy số tiền dành dụm được đóng đủ số thóc thu hoạch trên 1 sào ruộng đem ủng hộ kháng chiến. Việc làm của mẹ Duyên đã cổ vũ nhiều gia đình ở xã Đại Gia tham gia phong trào hiến điền và các cuộc vận động ủng hộ kháng chiến.

Đồng thời với việc đẩy mạnh sản xuất để giải quyết cái ăn, cái mặc và tham gia các hoạt động phục vụ kháng chiến, cán bộ và Nhân dân xã Đại Gia tiếp tục dồn nhiều tâm lực cho mặt trận xóa nạn mù chữ, và nâng cao dân trí.

Không chỉ cán bộ, đảng viên phải gương mẫu đi học, mà mọi người dân lao động ở địa phương đều được vận động đến lớp. Với nỗ lực lớn lao, Nhân dân xã Đại Gia đã giành được nhiều thành tích trên mặt trận xóa nạn mù chữ và nâng cao dân trí. Trong đợt tổng kết xóa nạn mù chữ nhân dịp kỷ niệm sinh nhật của Hồ Chủ tịch, ngày 19/5/1949, xã Đại Gia đã được Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Yên Thành công nhận là một trong những địa phương hoàn thành xuất sắc công tác xóa nạn mù chữ. Thành tích ấy còn tiếp tục được duy trì và phát huy trong suốt cuộc kháng chiến.

Trong phong trào xây dựng “làng xã kiểu mẫu”, xã Đại Gia cũng đạt được những thành công đáng kể. Các hủ tục lạc hậu làm tổn tiền của, thời gian và tâm lực của Nhân dân đã bị xóa bỏ. Những hoạt động đồng bóng, mê tín hoàn toàn bị nghiêm cấm. Các bàn đèn, thuốc phiện đã bị triệt phá. Đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân tuy chưa được nâng cao, nhưng đã có nhiều biểu hiện tích cực, lành mạnh.

Ngay từ những năm đầu của cuộc kháng chiến, đồng bào theo đạo Thiên Chúa ở xã Đại Gia đã chiếm một số lượng đáng kể so với dân số toàn xã. Với tinh thần “kính Chúa, yêu nước”, phần lớn bà con giáo dân ở Đại Gia đã tích cực sản xuất, hăng hái góp công sức và tiền của ủng hộ sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc. Nhiều cán bộ vùng giáo nhiệt tình hăng say với việc làng, việc nước, tận tụy, hoàn thành nhiệm vụ được giao, và đã gia nhập hàng ngũ của Đảng Cộng sản Việt Nam¹ đem tài năng và tâm sức phụng sự tốt việc đời, việc đạo.

Trước sự lớn mạnh của cuộc kháng chiến, thực dân Pháp và tay sai tìm mọi cách tấn công phá hoại các vùng hậu phương chiến

¹ Trong thời kỳ kháng chiến, trên địa bàn xã Đại Gia đã có 6 giáo dân được kết nạp vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

lược của ta. Đối với xã Đại Gia, mục tiêu tấn công của kẻ thù là chia rẽ khối đoàn kết lương, giáo.

Chúng thành lập tổ chức “dân chúng liên hiệp”, thực chất là tập hợp lực lượng giáo dân kém giác ngộ chống phá cuộc kháng chiến của Nhân dân ta. Nhưng, những ý đồ đen tối của thực dân Pháp và tay sai đã bị quân và dân xã Đại Gia đánh bại. Một số tên tham gia tích cực trong tổ chức phản động này ở xã Đại Gia đã bị chính quyền bắt và đưa đi cải tạo. Tình hình an ninh chính trị ở vùng giáo được ổn định. Bà con giáo dân phấn khởi sản xuất, tích cực đóng góp công sức, tiền của cho các hoạt động kháng chiến, kiến quốc.

3. Dân công phục vụ hỏa tuyến

Cùng với việc động viên con em tòng quân nhập ngũ, tham gia các cuộc vận động đảm phụ kháng chiến, mỗi năm xã Đại Gia còn huy động được hàng trăm lượt người đi dân công hỏa tuyến.

Lúc bấy giờ, phương tiện chuyên hàng ra mặt trận, chủ yếu nhờ vào đôi vai và đôi chân của những người dân công hỏa tuyến, về sau có thêm xe đạp thồ, những loại phương tiện “hiện đại” ấy lúc bấy giờ còn hiếm lắm.

Để đưa được một cân hàng ra mặt trận, những người dân công đã phải vượt muôn vàn gian khổ, có khi phải hy sinh cả tính mạng. Nhưng, đường xa, đèo cao, sông sâu, đói, rét, bom đạn và bệnh tật,... vẫn không ngăn được bước chân của đoàn quân tiếp viện. Đợt dân công này vừa hoàn thành nhiệm vụ trở về địa phương thì đã có lớp khác lên đường. Nhiều gia đình, cha, mẹ, anh chị, vợ chồng đã liên tiếp thay nhau đi dân công hỏa tuyến.

Có lúc, do yêu cầu của chiến dịch, cấp trên yêu cầu các đoàn dân công tiếp tục kéo dài thời hạn phục vụ chiến trường. Những người dân công xã Đại Gia đã vui vẻ xung phong nhận tiếp nhiệm vụ trong những điều kiện hết sức khó khăn, gian khổ, nhưng không một ai trong số họ thoái lui, đào ngũ.

Chiến dịch Sơn La kết thúc (ngày 22/11/1952), cũng là lúc các đoàn dân công của tỉnh Nghệ An mãn hạn thời gian 3 tháng phục vụ mặt trận. Anh chị em dân công ai ai cũng sung sướng vì sắp

được trở lại hậu phương gặp người thân, được nghỉ ngơi sau những ngày tháng trèo đèo, lội suối, ăn đất, nằm sương. Nhưng theo yêu cầu của mặt trận Nghĩa Lộ, cấp trên đã động viên các đoàn dân công Nghệ An tiếp tục ở lại phục vụ chiến trường thêm một thời gian nữa. Sự gian khổ và ác liệt của chiến trường đã khiến cho một số đoàn dân công không còn đủ tinh thần và nghị lực để tiếp nhận nhiệm vụ mới. Nhưng, những người dân công xã Đại Gia, dưới sự lãnh đạo của các anh Hoàng Văn Ngộ, Võ Ngoan đã xung phong ở lại cùng với các đoàn dân công của huyện Yên Thành tiếp tục phục vụ chiến trường¹. Ông Hoàng Văn Ngộ là Trưởng Đoàn chỉ huy của huyện, ông Võ Ngoan là người phụ trách Đoàn dân công của Đô Thành. Trong các đợt dân công phục vụ chiến dịch thì xã Đại Gia có 2 người bị máy bay Pháp bắn chết, đó là ông Luyện Sỹ Quỳnh, ở làng Xuân Lai phục vụ chiến dịch Sơn La năm 1952 và chị Nguyễn Thị Nhiều vợ anh Bản ở làng Gia Mỹ phục vụ chiến dịch Trung Lào năm 1953.

Trong mỗi đoàn dân công đi phục vụ hỏa tuyến, lúc nào cũng có từ 3 - 5 đồng chí đảng viên. Sự có mặt của những người đảng viên trong các đoàn dân công không chỉ có tác dụng động viên tinh thần Nhân dân địa phương, mà còn là chỗ dựa tin cậy của anh chị em dân công trên mỗi chặng đường tiếp vận đầy gian nan, thử thách.

Mỗi khi có lệnh điều động dân công, các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, hội mẹ chiến sĩ đã tích cực động viên người thân của mình xung phong lên đường nhận nhiệm vụ. Các cụ phụ lão tổ chức chặt tre, đan rổ, dệt đòn gánh,... các bà, các chị trong hội phụ nữ tổ chức quyên góp tiền, gạo, mua sắm thuốc tây, thuốc Lào, khăn mặt, xà phòng,... Công việc tiếp tế cho chiến trường không còn là phần việc riêng của những người dân công, mà đã trở thành trách nhiệm chung của mọi người.

¹ Theo hồi ký của đồng chí Hồ Cách, cán bộ chỉ huy dân công huyện Yên Thành trong kháng chiến chống thực dân Pháp (sau này, đồng chí Cách giữ cương vị Chánh Văn phòng Tổng cục Hải quân Việt Nam).

Đó là một trong những thành tích nổi bật của hậu phương Nghệ An, trong đó có sự đóng góp xứng đáng của quân và dân xã Đại Gia.

4. Chi bộ Đảng với công cuộc kháng chiến, kiến quốc

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, do những hoàn cảnh đặc biệt của quốc tế và trong nước, Đảng ta tạm rút vào hoạt động bí mật. Tuy nhiên, công tác phát triển lực lượng và xây dựng cơ sở Đảng vẫn là một yêu cầu cấp thiết.

Vào khoảng trung tuần tháng 6/1946, tại nhà đồng chí Lê Thị Biều, Chi bộ Đảng của xã Đại Gia đã được thành lập. Đồng chí Nguyễn Nhị được chỉ định làm Bí thư Chi bộ.

Chi bộ Đảng được thành lập, đánh dấu một bước phát triển mới của phong trào cách mạng ở xã Đại Gia. Song chỉ ít lâu sau, chi bộ bị đình chỉ sinh hoạt vì để lộ danh sách các đảng viên cho người ngoài Đảng biết.

Đến ngày 10/4/1947, Chi bộ Đại Gia được khôi phục sinh hoạt.

Ở thời điểm này, chi bộ có 7 đảng viên, gồm các đồng chí Nguyễn Hồng Khanh, Phạm Chương, Nguyễn Nhật, Lê Thị Biều, Nguyễn Hồng Căn, Nguyễn Tâm, và Phan Yêng, do đồng chí Nguyễn Hồng Khanh làm Bí thư.

Tuy nhiên, để đảm bảo bí mật, chi bộ vẫn hoạt động dưới danh nghĩa một tổ nghiên cứu “Mác xít”. Đến đầu năm 1948, chi bộ kết nạp thêm 4 đảng viên mới, đưa số đảng viên của chi bộ lên 11 đồng chí.

Cuối năm 1949, tại đình Thọ Vực, chi bộ Đại Gia đã long trọng tổ chức đại hội. Sự kiện này có ý nghĩa rất lớn trong đời sống chính trị của Nhân dân xã Đại Gia lúc bấy giờ.

Qua gần 4 năm rèn luyện và thử thách trong thực tiễn của công cuộc kháng chiến kiến quốc, Chi bộ Đại Gia đã phát triển nhanh về lực lượng và trưởng thành về năng lực lãnh đạo quần chúng. Từ

7 đảng viên lúc mới thành lập (tháng 6/1946) đến cuối năm 1949, toàn chi bộ đã có tất cả 314 đồng chí¹.

Chi bộ đã khẳng định được vai trò lãnh đạo đối với sự nghiệp kháng chiến kiến quốc trên địa bàn xã, đào tạo được nhiều cán bộ cung cấp cho các ngành, các cấp².

Đại hội cũng nghiêm túc đánh giá những yếu kém, trong công tác xây dựng Đảng. Bệnh “ấu trĩ”, “tả khuynh” đã bộc lộ trên một số mặt hoạt động của chi bộ.

Nếu như trước năm 1948, do mang nặng tư tưởng cầu toàn, hẹp hòi, đã dẫn tới sự dè dặt, cửa quyền trong công tác phát triển Đảng, thì từ năm 1949 việc phát triển đảng viên rất được Đảng quan tâm, Chi bộ đã kết nạp được nhiều đảng viên mới. Theo đà phát triển của cuộc kháng chiến, Chi bộ Đảng xã Đại Gia đã từng bước khắc phục những yếu kém trong công tác xây dựng Đảng, tích cực động viên quân và dân xã nhà đem tài, lực ra xây dựng quê hương, và tiếp tục chi viện sức người, sức của ngày càng cao cho tiền tuyến. Năm 1951, Nhà nước ban hành sắc lệnh thuế nông nghiệp, nhằm bảo đảm sự công bằng trong thực hiện nghĩa vụ của người nông

¹ Tài liệu lưu tại văn phòng Đảng ủy xã Đô Thành.

² Trong 9 năm kháng chiến, Chi bộ xã Đại Gia đã có 5 đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ Yên Thành trong đó có 2 đồng chí được vào Thường vụ Huyện ủy. Đó là các đồng chí:

- Phan Yêng (Thường vụ Huyện ủy)
- Nguyễn Tâm (Thường vụ Huyện ủy)
- Nguyễn Khoa, Chấp hành, phụ trách Tuyên huấn.
- Nguyễn Nhật, Chấp hành dự khuyết, trực tiếp làm Chủ tịch xã Đại Gia
- Nguyễn Tài, Chấp hành, trực tiếp làm Bí thư Chi bộ cơ sở.

Và 10 đồng chí khác tham gia các đoàn thể của huyện. Đó là:

- Đồng chí Nguyễn Hồng Căn - đồng chí Hoàng Ngộ: Cán bộ tuyên truyền; Đồng chí Hồ Cách (sau tham gia vào Huyện ủy viên dự khuyết).

- Nguyễn Hồng Khanh: Văn phòng Huyện đội. Sau theo học Trường Nguyễn Hữu Nam.
- Trương Thuýn: Thường vụ Đoàn Thanh niên huyện Yên Thành.
- Lê Thị Biều: Thường vụ Phụ nữ huyện.
- Nguyễn Thị Thích: Chấp hành Phụ nữ huyện
- Bùi Điện: Cán bộ Mặt trận huyện
- Phạm Văn Chương: Công an huyện Yên Thành
- Phạm Đình Cơ: cán bộ phát hành sách.

dân đối với đất nước và nhằm động viên nhiều hơn nữa sự đóng góp của hậu phương đối với các nhu cầu ngày càng lớn của cuộc kháng chiến.

Nhận rõ tính phức tạp của cuộc đấu tranh giai cấp trong việc thực hiện thuế nông nghiệp, chi bộ Đảng vừa tích cực động viên quần chúng hoàn thành nghĩa vụ thuế lương thực, vừa kiên quyết đấu tranh với các phân tử dây dưa, trốn thuế.

Nhiều cán bộ, đảng viên ở Đại Gia không chỉ phấn đấu thực hiện đầy đủ và kịp thời số thuế, nông nghiệp của gia đình mình, mà còn tự nguyện giúp cho đồng chí của mình cùng hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước¹.

Chi bộ cương quyết đưa ra khỏi Đảng một số đảng viên thiếu tiên phong gương mẫu trong việc thực hiện thuế nông nghiệp và các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

Ngoài việc thực hiện nghĩa vụ thuế nông nghiệp, nhiều đảng viên đã tự bỏ tiền nhà để mua sắm sổ sách, dầu đèn phục vụ hội họp. Có đồng chí đã đem bán ruộng của gia đình để góp vào quỹ hoạt động của Chi bộ Đảng.

Mỗi khi có lệnh điều động dân công hỏa tuyến, khám tuyển tân binh, những người đầu tiên xung phong ghi tên lên đường vẫn là các đảng viên. 44 đảng viên trong số 98 chiến sĩ vệ quốc đoàn, 50% đảng viên trong mỗi đoàn dân công phục vụ hỏa tuyến đã nói lên tính tiên phong gương mẫu của những người đảng viên Đại Gia trong sự nghiệp kháng chiến kiến quốc.

Tinh thần tận tụy với công việc, tính tiên phong gương mẫu của những người cộng sản xã Đại Gia thời bấy giờ thực sự có tác dụng động viên, cổ vũ Nhân dân địa phương đem trí tuệ và tình cảm, tinh thần và nghị lực ra phụng sự Tổ quốc. Đó là một trong những thành công của công tác xây dựng Đảng, là sức mạnh giúp cán bộ và Nhân dân xã Đại Gia vượt qua mọi gian khổ hiểm

¹ Ở tổ Đảng Triêm Vũ lúc bấy giờ, có đồng chí Bùi Điện vì quá nghèo nên không đủ thóc nộp thuế nông nghiệp, các đảng viên ở đó đã tự góp được 10kg thóc giúp đồng chí Điện nộp thuế.

nguy, góp phần đưa sự nghiệp kháng chiến kiến quốc đến thắng lợi vẻ vang.

Ngày 7/5/1954, sau 55 ngày đêm “Khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt, máu trộn bùn non, gan không núng, chí không sờn”, quân dân ta đã làm nên trận đại thắng Điện Biên Phủ “chấn động địa cầu”, buộc thực dân Pháp phải ngồi vào bàn đàm phán ký Hiệp định Giơ-ne-vơ chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Thắng lợi to lớn đó của dân tộc có một phần đóng góp không nhỏ của Nhân dân (Đô Thành). Tổng kết cuộc kháng chiến chống Pháp, xã Đô Thành có hàng trăm người đi bộ đội, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến phục vụ các chiến trường, trong đó có 5 người là liệt sĩ chống Pháp.

Những thành tích cũng như sự hy sinh, mất mát ấy càng thôi thúc cán bộ, đảng viên và Nhân dân vượt lên mọi khó khăn, thử thách để hoàn thành mọi nhiệm vụ trong xây dựng và bảo vệ quê hương ở những giai đoạn sau.

Chương 3
**CHI BỘ ĐẢNG XÃ ĐÔ THÀNH LÃNH ĐẠO
NHÂN DÂN XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ MIỀN BẮC
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, CHI VIỆN CHO MIỀN NAM,
THỐNG NHẤT NƯỚC NHÀ (1954 - 1975)**

I. KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1954 - 1965)

Ngày 2/9/1953, thực hiện chủ trương của huyện Yên Thành, xã Đại Gia được đổi tên là Đô Thành. Ngoài phần đất của 2 xã Đại Độ, Gia Hội và các thôn Xuân Lai, Phú Tăng xưa, xã Đô Thành còn tiếp nhận thêm phần đất đai và dân cư của các xóm Xuân Viên, Sung Yên và Hoa Khê từ Diễn Châu cắt sang.

Sau Hiệp định Giơnevơ (7/1954), nước ta tạm thời bị chia cắt thành hai miền, lấy ranh giới tại vĩ tuyến 17. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng đi lên xây dựng Chủ nghĩa xã hội, miền Nam bị đế quốc Mỹ và tay sai chiếm đóng. Dân tộc Việt Nam lại phải đứng trước những yêu cầu, nhiệm vụ mới: bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam và thống nhất đất nước.

Bước vào thời kỳ mới, tình hình trên thế giới cũng như trong nước diễn biến phức tạp, thuận lợi nhiều nhưng khó khăn không ít. Trong kháng chiến chống Pháp, Đô Thành lập được nhiều thành tích to lớn trong việc xây dựng, củng cố chính quyền và phát triển kinh tế - văn hóa. Nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đội ngũ cán bộ, đảng viên được rèn luyện, thử thách và trưởng thành qua các giai đoạn cách mạng. Tổ chức Đảng, Mặt trận và các đoàn thể đã có kinh nghiệm lãnh đạo. Tuy nhiên, những khó khăn mà Nhân dân gặp phải cũng không ít. Cơ sở vật chất bị phá hoại do “tiêu thổ kháng chiến”; tiềm lực kinh tế cạn kiệt do phải huy động cao nhất

sức người, sức của cho tiền tuyến. Bên cạnh đó, hạn hán, lũ lụt liên tục xảy ra khiến nền kinh tế địa phương gặp rất nhiều khó khăn. Người dân nơi đây vốn đã nghèo đói lại càng nghèo đói hơn. Trong điều kiện muôn vàn khó khăn như vậy, bọn phản động đã lợi dụng tình hình ngóc đầu dậy, lôi kéo những phần tử lạc hậu, bất mãn phá hoại, gây nhiều khó khăn cho cách mạng.

1. Đấu tranh chống địch cưỡng ép giáo dân di cư

Để nhằm biến miền Nam thành thuộc địa lâu dài, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đã tìm mọi thủ đoạn chống phá cách mạng miền Bắc, trước mắt là tập trung lôi kéo giáo dân di cư vào miền Nam. Chúng tung luận điệu “Chúa đã vào Nam” và kích động giáo dân chống lại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Là một xã có đông đồng bào theo đạo Thiên Chúa, tình hình Đô Thành trong những năm 1955 - 1957 hết sức phức tạp. Chúng ráo riết vận động giáo dân ở miền Bắc di cư vào miền Nam. Bị chúng lừa dối, mê hoặc ngay khi vừa ngưng tiếng súng, một số đông đồng bào theo đạo Thiên Chúa nghe theo lời tuyên truyền lừa bịp của địch, đã bán hết nhà cửa, thu vén của cải, đòi chính quyền ta cho tự do di cư vào Nam. Bọn phản động gây nhiều tội ác, tập trung tổ chức cưỡng bức giáo dân phá hoại mùa màng để buộc phải ra đi. Thậm chí chúng còn tổ chức một số thanh niên viết đơn thư vu cáo ta vi phạm hiệp định ngăn cản dân di cư vào Nam gửi Ủy ban quốc tế. Tình hình ở Đô Thành cũng rất căng thẳng, hầu hết các gia đình đều chuẩn bị đi Nam. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Nghệ An đã tổ chức hội nghị tôn giáo, vận động toàn tỉnh để học tập chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống địch dụ dỗ và cưỡng ép di cư. Tỉnh và huyện cử cán bộ về Đô Thành huy động cán bộ, đoàn thể vận động, thuyết phục từng gia đình, chăm sóc những giáo dân bị địch cưỡng ép, vạch rõ âm mưu thâm độc của địch, kiên trì vận động đồng bào đi theo lẽ phải để trọn bề kính Chúa yêu nước. Đối với phần tử phản động, đầu sỏ, các cán bộ đã vạch rõ tội trạng chống phá của chúng và cương quyết trừng trị thích đáng. Cán bộ đã phân hóa được nhiều đồng

bào bị kích động, dụ dỗ, cưỡng ép ra khỏi vòng tay của bọn phản động. Cảm thông với những khó khăn của bà con giáo dân, Nhân dân Đô Thành đã tích cực góp tiền, gạo, vật liệu dựng lại nhà cửa, mua sắm nông cụ giúp đồng bào giáo dân ổn định sản xuất và sinh hoạt. Cảm kích trước sự quan tâm của chi bộ, chính quyền và tấm lòng của Nhân dân địa phương, nhiều bà con vùng giáo đã yên tâm ở lại quê hương làm ăn, sinh sống. Đến cuối năm 1957, trật tự an ninh vùng giáo trở lại ổn định, hiện tượng giáo dân bỏ xóm làng di cư vào Nam không còn nữa. Đồng bào theo đạo Thiên Chúa ở Đô Thành đoàn kết, phấn khởi lao động sản xuất, cùng Nhân dân toàn xã khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa, xây dựng cuộc sống mới trên quê hương yêu dấu của mình. Thành công của cuộc đấu tranh chống địch dụ dỗ, cưỡng ép giáo dân di cư và phá hoại an ninh trật tự ở Đô Thành đã giúp Chi bộ Đảng và chính quyền xã rút được nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ cốt cán và đoàn thể quần chúng ở vùng Thiên Chúa giáo, cũng như kinh nghiệm về sự kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị của quần chúng với việc trấn áp bọn phản động đầu sỏ, nhằm phân hóa hàng ngũ kẻ thù; kết hợp công tác chống di cư với công tác đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống Nhân dân trên tinh thần tương thân tương ái, đoàn kết lương - giáo.

2. Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế (1954 - 1957)

Tháng 1/1953, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ IV (khóa 2) đã quyết định thực hiện nhiệm vụ cách mạng ruộng đất. Tiếp đến, tháng 11/1953, Hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất (khóa II) của Đảng đã thông qua “Cương lĩnh về vấn đề ruộng đất”. Ngày 4/12/1953, kỳ họp thứ III Quốc hội khóa I thông qua “Luật cải cách ruộng đất”. Sau ngày miền Bắc hoàn toàn giải phóng, nhiệm vụ cách mạng ruộng đất có điều kiện để thực hiện triệt để.

Một thời gian không lâu sau khi hòa bình được lập lại, Tỉnh ủy Nghệ An đã chọn 3 huyện (Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Yên Thành) tiến hành cải cách ruộng đất, thí điểm đợt 3 vào đầu năm 1955.

Ở Đô Thành, vào tháng 2/1955, đội cải cách ruộng đất về xã, tổ chức cho nông dân học tập đường lối chính sách ruộng đất của Đảng hướng dẫn tổ chức quần chúng đấu tranh chống giai cấp địa chủ phong kiến. Cuộc cách mạng ruộng đất ở Đô Thành bắt đầu. Quyền hành lãnh đạo trong xã tập trung vào tay đội cải cách. Đội dựa vào bản cổ nông, bắt rẽ râu chuối lập hồ sơ của từng địa chủ, hướng dẫn quần chúng tổ chức đấu tranh.

Để chỉ đạo cải cách ruộng đất, Tỉnh ủy đã điều cán bộ các ban, ngành, đoàn thể, viên chức, giáo viên về các xã thành lập đội cải cách. Phương châm của cải cách ruộng đất được thực hiện ở các địa phương là: “Dựa hẳn vào bản - cổ nông, đoàn kết với trung nông, liên hiệp với phú nông, đánh đổ hoàn toàn giai cấp địa chủ phong kiến”. Cán bộ đội cải cách ngay sau khi về đến Đô Thành đã trực tiếp thực hiện “ba cùng” với nông dân (cùng ăn, cùng ở, cùng làm) để tiến hành tuyên truyền về đường lối, chủ trương, biện pháp cải cách ruộng đất và “bắt rẽ râu chuối” - tức là tìm chỗ dựa trong tầng lớp bản - cổ nông.

Với tinh thần “ngày sản xuất - đêm đấu tranh”, nông dân Đô Thành đã tích cực tham gia đấu tranh, vạch trần những thủ đoạn áp bức, bóc lột của địa chủ. Cuộc đấu tranh tuy diễn ra quyết liệt, nhưng với nội dung cách mạng là đem lại ruộng đất cho nông dân nghèo, thực hiện ước mơ ngàn đời là “người cày có ruộng” của người nông dân, nên cải cách ruộng đất ở Đô Thành đã lôi cuốn được đông đảo bản - cổ nông tham gia và giành được thắng lợi to lớn. Đô Thành đã thu được 100 mẫu ruộng, 21 con trâu bò, 151 gian nhà gạch ngói,... đem chia cho nông dân sử dụng. Ruộng đất về tay dân cày, niềm mơ ước ngàn đời của người nông dân Việt Nam đã được thực hiện. Cuộc cải cách ruộng đất đến tháng 7/1955 thì hoàn thành. Đây là một cuộc đấu tranh chính trị rất quan trọng, nhằm hạ uy thế về chính trị, kinh tế của giai cấp địa chủ, cường hào, đem quyền lợi thực sự cho nông dân, nâng cao địa vị chính trị của nông dân. Tuy nhiên, bên cạnh thắng lợi to lớn đó, trong quá trình tiến hành cuộc cải cách ruộng đất, những người thừa hành

nhiệm vụ do không nắm vững tiêu chuẩn, phân định thành phần giai cấp, nên đã quy kết thành phần một cách tràn lan, tùy tiện, khiến cho không ít gia đình bị oan ức.

Lúc bấy giờ ở Đô Thành, đội cải cách đã quy tới 53 địa chủ và 36 phú nông. Sau sửa sai (năm 1956 - 1957), toàn xã chỉ còn lại 26 địa chủ và 17 phú nông¹.

Như vậy, đã có 46 gia đình bị đội cải cách quy sai thành phần. Một số cán bộ, đảng viên đã từng có nhiều đóng góp cho cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc, đến cải cách ruộng đất cũng bị đầu tố, bị tù đầy, bị tịch thu gia sản,... Những sai lầm ấy không chỉ có ở Đô Thành mà còn xảy ra ở nhiều địa phương đã để lại hậu quả nặng nề trong đời sống của người dân lao động, làm tổn hại tới uy tín của Đảng.

Nhận rõ những sai lầm nghiêm trọng trong chỉ đạo cải cách ruộng đất, Đảng và Chính phủ đã thực hiện công tác sửa sai với những biện pháp có lý, có tình. Nhờ đó, sớm lập lại được sự ổn định ở nông thôn. Chia sẻ với khó khăn của Đảng và Nhà nước, nhiều cán bộ, đảng viên ở xã Đô Thành đã trở lại đảm nhận công việc của tập thể, tiếp tục góp phần vào sự nghiệp xây dựng quê hương, đất nước giàu mạnh.

Trên đà thắng lợi của cải cách ruộng đất và sửa sai cải cách, chi bộ Đảng Đô Thành lãnh đạo Nhân dân thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh. Đây cũng là một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách, chuẩn bị cơ sở vật chất để cùng cả huyện bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy, Chi bộ Đảng Đô Thành đã đề ra chủ trương, biện pháp đầu tiên là khôi phục sản xuất nông nghiệp, khai hoang phục hóa diện tích, tu bổ, sửa chữa các công trình thủy lợi, nhằm giải quyết nhu cầu trước mắt về ăn, mặc cho dân. Với tinh thần cần cù, chịu khó lại được hưởng thành quả của cách mạng đem lại, người nông dân Đô Thành đã ra sức thi đua lao động sản

¹ Tư liệu tổng hợp lưu tại Văn phòng Đảng ủy xã Đô Thành

xuất, hoàn thành nhiệm vụ khôi phục sản xuất nông nghiệp. Trong 3 năm (1955 - 1957), Đô Thành đã cơ bản hoàn thành công tác tu sửa và xây dựng các công trình thủy lợi, đường giao thông trên địa bàn, phục hồi các diện tích hoang hóa, đẩy mạnh sản xuất lúa và hoa màu, tăng sản lượng lương thực, hạn chế được thiếu đói về lương thực lúc giáp hạt.

Cùng với biện pháp mở rộng diện tích trồng trọt, chăm lo thủy lợi, Chi bộ Đảng và Ủy ban hành chính xã còn động viên Nhân dân làm phân xanh, phân hữu cơ để tăng lượng phân bón cho đồng ruộng, bỏ tập quán cày chay, thực hiện các biện pháp cày sâu, bừa kỹ, phòng trừ sâu bệnh và làm cỏ sục bùn. Một số công cụ cải tiến như cày, bừa, cào cỏ, liềm hái được nông dân mua về để phục vụ cho sản xuất. Phân hóa học như phốt phát cũng được sử dụng đảm bảo 50 - 70kg/ha gieo trồng. Bên cạnh đẩy mạnh trồng lúa và các loại hoa màu (khoai, lạc cúc, đậu,...), chăn nuôi ở giai đoạn này cũng có nhiều tiến bộ. Các loại gia cầm như gà, vịt tăng đáng kể, đàn trâu bò cũng được chú ý chăm sóc đảm bảo đủ sức kéo. Để giúp nhau trong sản xuất, nhiều thôn trong xã đã thành lập các tổ vằn công, đổi công, mỗi tổ bình quân 5 - 7 hộ với 3 - 4 con trâu bò cày kéo. Những tổ đổi công này là tiền đề để Đô Thành tiến hành xây dựng hợp tác xã nông nghiệp sau này.

Công tác giáo dục, y tế cũng được Chi bộ Đảng quan tâm đúng mức, phong trào bình dân học vụ được đẩy mạnh khắp các thôn - xóm. Thôn nào cũng có lớp và giáo viên bình dân học vụ. Cùng với các lớp bình dân học vụ, ở các thôn đều có lớp võ lòng dành cho các cháu 6 - 7 tuổi trước khi vào lớp 1, mỗi xóm có 2 - 3 giáo viên võ lòng. Phong trào xóa mù chữ và theo học các lớp bình dân học vụ được mọi người dân trong độ tuổi từ 12 - 50 tích cực hưởng ứng. Đến đầu năm 1958, tỷ lệ người biết chữ đạt 92% số người trong độ tuổi. Hệ thống lớp học phổ thông ở Đô Thành được xây dựng trong những năm kháng chiến, nay có điều kiện để phát triển.

Công tác vệ sinh thôn xóm, làm nhà vệ sinh, giếng xây được toàn dân tham gia, các dịch bệnh được dập tắt kịp thời. Các tệ nạn xã hội

như cờ bạc, mê tín dị đoan kiên quyết bài trừ.

Công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh ở Đô Thành sau ngày miền Bắc hoàn toàn giải phóng đã đạt được kết quả tốt. Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng và chính quyền, Nhân dân Đô Thành không những hoàn thành nhiệm vụ cải cách ruộng đất, thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng” mà còn khắc phục được những khó khăn do chiến tranh để lại và thiên tai gây ra, đưa nền kinh tế quê hương phát triển một bước. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội cũng có nhiều tiến bộ. Hệ thống tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể được củng cố, phát huy vai trò sứ mệnh lịch sử của mình trong việc lãnh đạo Nhân dân xây dựng chế độ mới. Đây là những điều kiện thuận lợi cơ bản để Đô Thành bước vào giai đoạn cách mạng tiếp theo.

3. Thực hiện Kế hoạch 3 năm cải tạo và phát triển kinh tế - xã hội (1958 - 1960)

Sau 3 năm tiến hành cải cách ruộng đất và khôi phục kinh tế, tình hình kinh tế, xã hội Đô Thành có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, những khó khăn, hạn chế vẫn còn nhiều. Là địa phương sản xuất nông nghiệp, chủ yếu dựa trên cơ sở sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, lạc hậu. Mặc dù đã được cách mạng đem lại ruộng đất nhưng đời sống nông dân vẫn vô cùng khó khăn, do thiếu vốn, thiếu nhân công và kinh nghiệm sản xuất nên một bộ phận nông dân có nguy cơ trở lại bần - cố nông, nhất là ở những xóm độc canh trồng trọt. Đây cũng là thực trạng và khó khăn chung của nông thôn miền Bắc sau 3 năm khôi phục kinh tế. Để giải quyết vấn đề giữa 2 con đường: làm ăn tập thể để tiến lên Chủ nghĩa xã hội hay phát triển tự phát, cá thể theo con đường tư bản chủ nghĩa, trung tuần tháng 11/1958 Hội nghị lần thứ XIV Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II đã vạch rõ nhiệm vụ cơ bản của miền Bắc trong giai đoạn mới là: “Đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm trước mắt là đẩy mạnh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh;

đồng thời ra sức phát triển thành phần kinh tế quốc doanh là lực lượng lãnh đạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân”.

Hội nghị Trung ương lần thứ XIV đề ra nhiệm vụ kế hoạch 3 năm (1958 - 1960) ở miền Bắc là: “1- Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, lấy sản xuất nông nghiệp làm trọng tâm, nhằm giải quyết vấn đề lương thực, giải quyết phần lớn hàng tiêu dùng và hết sức chú trọng tăng thêm các tư liệu sản xuất. 2- Ra sức cải tạo nông nghiệp, thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh theo chủ nghĩa xã hội, chủ yếu là đẩy mạnh hợp tác hóa nông nghiệp, đồng thời tích cực phát triển và củng cố thành phần kinh tế quốc doanh. 3- Trên cơ sở sản xuất phát triển, nâng cao một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, nhất là Nhân dân lao động...”.

Cùng với các xã trong huyện, Đô Thành bước vào giai đoạn cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958 - 1960) nhằm từng bước đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể, cải thiện và nâng cao đời sống của Nhân dân. Tuy gặp nhiều khó khăn, nhưng với một địa phương có truyền thống cách mạng, luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và sẵn có tinh thần lao động cần cù, sáng tạo nên chi bộ và Nhân dân Đô Thành đã nhanh chóng triển khai thực hiện Nghị quyết XIV của Trung ương Đảng khóa II. Để tiến hành chỉ đạo, điều hành công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa mà trọng tâm là hợp tác hóa nông nghiệp, Chi bộ Đảng Đô Thành tổ chức đại hội kiện toàn thêm một bước bộ máy tổ chức cấp ủy và chính quyền, đoàn thể: đồng chí Lê Đình Phụng giữ chức vụ Bí thư Chi bộ, đồng chí Nguyễn Hồng Ngân giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban hành chính xã, đồng chí Nguyễn Liêm - Trục Đảng ủy.

Ngay sau khi kiện toàn bộ máy tổ chức Đảng và Chính quyền, Chi bộ Đảng và Ủy ban hành chính xã đã tập trung chỉ đạo các thôn khản trương xây dựng các hợp tác xã bậc thấp quy mô xóm. Tuy nhiên, cũng như nhiều địa phương khác, quá trình xây dựng hợp tác hóa nông nghiệp ở Đô Thành đã gặp không ít khó khăn, bởi đã mấy ai hình dung ra con đường làm ăn tập thể nó lợi, hại ra sao.

Không chỉ hộ nông dân, nhất là bà con giáo dân đã do dự, không muốn vào hợp tác xã cũng bởi một phần vì lý do đó. Cấp ủy Đảng và các đoàn thể Mặt trận, Phụ nữ, Thanh niên,... vừa kiên trì thuyết phục, vận động quần chúng, vừa đấu tranh không khoan nhượng với mọi biểu hiện chống đối con đường hợp tác hóa nông nghiệp. Chi bộ Đảng và chính quyền địa phương cũng áp dụng một số biện pháp kiên quyết như: “Khoanh vùng, đổi ruộng”; khai trừ ra khỏi Đoàn, khỏi Đảng những cán bộ, đoàn viên, đảng viên không chấp hành chủ trương chính sách; không xác nhận lý lịch đi học, không kết nạp Đoàn cho con em các gia đình chưa vào làm ăn tập thể,...

Dưới cái nhìn hiện nay thì những biện pháp ấy thể hiện sự duy ý chí, thiếu dân chủ,... nhưng trong hoàn cảnh lúc bấy giờ, những biện pháp tình thế ấy đã góp phần giúp Đảng bộ Đô Thành hoàn thành thắng lợi công cuộc nông nghiệp hóa trên quê hương mình.

Qua hơn 2 năm triển khai Nghị quyết 14 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đến tháng 10/1959, Đô Thành đã xây dựng được 13 hợp tác xã nông nghiệp. Đó là các hợp tác xã: Hoàng Lò, Gia Mỹ, Đông Vực, Bắc Vực, Hạc Linh, Triêm Vũ, Đông Thị, Yên Hội, Bắc Vinh, Nam Vinh, Sung Yên, Nam Vực và Kim Chi. Tháng 10/1960, thêm 2 hợp tác xã vùng giáo là Giáo Vực và Giáo Vinh. Tháng 10/1961, thêm hợp tác xã Phú Tăng.

Mặc dù đang ở quy mô thấp, trình độ quản lý, điều hành hợp tác xã còn nhiều hạn chế, các biện pháp kỹ thuật sản xuất chưa được áp dụng phổ biến, nhưng sự ra đời của hợp tác xã nông nghiệp phản ánh tính ưu việt của phương thức sản xuất mới, phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa, thể hiện sự thắng lợi của cách mạng quan hệ sản xuất trong nông nghiệp - nông thôn ở Đô Thành. Với phương thức ăn chia phân phối theo giá trị ngày công (công điểm) trong các hợp tác xã, đã kích thích tinh thần lao động hăng say, sáng tạo vì tập thể của xã viên. Hợp tác xã lúc này trở thành ngôi nhà chung, khẩu hiệu “Hợp tác xã là nhà, xã viên là chủ” đã thành hành động thực tế của mọi xã viên.

Quá trình xây dựng hợp tác xã nông nghiệp cũng là quá trình

Đô Thành đẩy mạnh công tác làm giao thông nông thôn và thủy lợi hóa theo phương châm “hợp tác hóa đi đôi với thủy lợi hóa” mà Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 14 đã vạch ra. Hệ thống mương tưới, tiêu, đường giao thông liên xóm được các hợp tác xã đầu tư sửa chữa và làm mới. Ngoài ra, các hợp tác xã còn huy động nhân lực tham gia xây dựng, sửa chữa các công trình thủy lợi do huyện, tỉnh quản lý như làm thủy lợi Trung thủy nông Khe Bung.

Để đạt được tiến bộ trong sản xuất nông nghiệp, các biện pháp kỹ thuật liên hoàn như: cày sâu, bừa kỹ, cấy dày, tăng phân bón, làm cỏ sục bùn,... đều được các hợp tác xã tích cực áp dụng. Thu hoạch vụ chiêm xuân năm 1960 của hợp tác xã cao hơn nhiều so với các hộ cá thể chưa vào hợp tác xã, giá trị ngày công của xã viên cao đã tạo nên khí thế phấn khởi mới trong các hợp tác xã. Do được mùa, nên nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước năm 1960 của Đô Thành đã hoàn thành. Cùng với sự quan tâm chỉ đạo xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, Hợp tác xã tín dụng có cổ phần từ năm 1958 và thông qua việc gửi tiền tiết kiệm của dân, được ngân hàng giúp đỡ, cho dân vay vốn để mở rộng sản xuất, chủ yếu là mua trâu bò. Hợp tác xã tín dụng đưa về xã, tiếp tục cho dân vay, ngoài ra còn cho hợp tác xã mua bán và nông nghiệp vay để phát triển sản xuất.

Cùng với quan tâm chỉ đạo cải tạo xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực kinh tế, Chi bộ xã Đô Thành cũng rất quan tâm đến lĩnh vực văn hóa, giáo dục. Từ các lớp tiểu học được hình thành trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, đến đầu năm 1958, Đô Thành đã có một trường chung cho cả hai cấp I và II, địa điểm dựng trường đặt ở Cồn Chùa (chòm Phú Vinh). Cơ sở vật chất của trường cấp I, II Đô Thành ở buổi mới tạo dựng chỉ có 3 phòng học (6 gian nhà) xây gạch, nhưng mái còn lợp tạm bằng tranh rạ. Chỉ có bấy nhiêu thôi, nhưng đó là cả một sự nỗ lực rất lớn của Nhân dân Đô Thành, mà trước hết là sự chăm lo của Đảng bộ và chính quyền địa phương. Để dựng trường cho con em mình, đích thân đồng chí Nguyễn Trạc - Bí thư Đảng ủy, cùng với các đồng chí Nguyễn Chính, Nguyễn

Nhật đã com đùm, com gói tới xã Diễn Hùng (Diễn Châu) xem mẫu trường để học hỏi, rút kinh nghiệm.

Đồng thời với việc xây dựng trường lớp, tạo cơ sở vật chất cho ngành học phổ thông, phong trào bồ túc văn hóa ở Đô Thành vẫn được duy trì đều đặn và mang lại những hiệu quả đáng kể.

Năm 1959, Đô Thành đã xây dựng được trạm y tế hộ sinh¹. Tuy cơ sở vật chất, dụng cụ y tế thuốc phòng và chữa bệnh của trạm lúc bấy giờ còn nhiều thiếu thốn. Nhưng nhờ tinh thần tận tụy của các anh, chị y tá, hộ sinh công tác ở trạm, đã góp phần rất lớn trong việc chăm lo sức khỏe ban đầu cho Nhân dân địa phương.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao cũng có những nét mới so với 3 năm khôi phục kinh tế (1955 - 1957). Số lượng người đọc sách, báo, xem chiếu bóng tăng nhanh chóng.

Trong khi Nhân dân miền Bắc đang ra sức thi đua lao động sản xuất hoàn thành kế hoạch khôi phục kinh tế (1955 - 1957) và kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958 - 1960) thì ở miền Nam, Mỹ - Diệm thực hiện “chiến tranh đơn phương” hòng biến miền Nam thành căn cứ quân sự và “thuộc địa kiểu mới”. Chúng lê máy chém khắp miền Nam trả thù, chém giết những người yêu nước tham gia kháng chiến. Với các chính sách “Tổ cộng”, “diệt cộng”, ban hành Luật 10/59 đặt cộng sản “ra ngoài vòng pháp luật”, Mỹ - Diệm hòng đe bẹp ý chí đấu tranh của Nhân dân miền Nam, âm mưu chia cắt lâu dài nước ta. Để thực hiện kế hoạch “lấp sông Bến Hải, tấn công miền Bắc”, đế quốc Mỹ và tay sai liên tục cho gián điệp, biệt kích, cấu kết với bọn phản động phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Nhận rõ dã tâm thâm độc của kẻ thù, Chi bộ và Nhân dân Đô Thành luôn nâng cao cảnh giác, tăng cường tiềm lực quốc phòng, đảm bảo an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn.

¹ Để có những mái trường và trạm xá, dù còn đơn sơ ấy, lúc bấy giờ ngoài sức đóng góp của Nhân dân, những người lãnh đạo xã Đô Thành đã cho phá dỡ đi một số chùa chiền, đền miếu,... ở địa phương để lấy vật liệu xây dựng.

Lực lượng quân sự địa phương (bao gồm dân quân du kích, công an ở xã và các xóm) được củng cố tăng cường trang bị vũ khí, luyện tập và tuần tra canh gác thường xuyên. Cơ cấu tổ chức của lực lượng dân quân du kích Đô Thành giai đoạn này gồm: ở xã có Ban Chỉ huy Quân sự xã (xã đội) do một đồng chí cấp ủy làm Xã đội trưởng. Cả xã có một đại đội dân quân, đa số là những thanh niên, trung niên khỏe mạnh, lập trường vững vàng và là bộ đội phục viên. Hằng tháng, các trung đội thực hiện chế độ tuần tra tại khu vực được phân công. Cùng với lực lượng dân quân du kích, lực lượng công an xã cũng được bổ sung tăng cường đến các thôn, xóm. Ở xã có 1 đồng chí Phó Chủ tịch kiêm Trưởng Công an (gọi là Phó Chủ tịch Nội chính) cùng với 3 - 5 đồng chí công an viên phụ trách các công việc thuộc nội chính của xã. Ở các vùng và các xóm đều có công an viên (công an vùng - thôn, công an xóm). Lực lượng công an của xã phối hợp với các đơn vị dân quân tự vệ vùng tổ chức tuần tra, đảm bảo bí mật địa bàn, tổ chức phòng gian bảo mật và giữ vững trật tự thôn xóm.

Bên cạnh nhiệm vụ lãnh đạo Nhân dân thực hiện đường lối cải tạo xã hội chủ nghĩa mà trọng tâm là hợp tác hóa nông nghiệp, Chi bộ Đô Thành rất chú trọng công tác chỉnh đốn, xây dựng Đảng. Sau những năm khôi phục kinh tế, khắc phục hậu quả của chiến tranh và những sai lầm trong cải cách ruộng đất, Chi bộ Đảng Đô Thành đến giữa năm 1960 đã có nhiều chuyển biến về số lượng và chất lượng đảng viên cũng như cơ cấu tổ chức và nội dung công tác. Cùng với việc xây dựng, củng cố tổ chức đảng, các cấp chính quyền, đoàn thể cũng được kiện toàn đến tận các xóm. Tất cả các vùng và các xóm trong từng vùng kể cả xóm có đông đồng bào theo đạo Thiên Chúa đều có đầy đủ bộ máy quản lý, điều hành ở xóm cũng như các đoàn thể quần chúng. Tùy theo lứa tuổi, giới tính, địa vị xã hội, tất cả mọi công dân trong xã đều tham gia các đoàn thể và tích cực thực hiện nghĩa vụ của mình với đất nước. Mỗi một đoàn thể quần chúng, ngoài bộ máy tổ chức ở xã được kiện toàn

đều xây dựng tổ chức của mình ở các vùng, phân công trách nhiệm cho các ủy viên theo dõi, chỉ đạo từng vùng, từng xóm.

II. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1961 - 1965)

Ngày 5/9/1960, tại Thủ đô Hà Nội, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam khai mạc. Đại hội đã thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà, thông qua Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), xây dựng bước đầu cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Tháng 10/1961, Đảng bộ huyện Yên Thành tiến hành Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VII, đề ra kế hoạch kinh tế, văn hóa - xã hội trong 2 năm (1961, 1962) và cả giai đoạn 1961 - 1965.

Cuối năm 1959, trước sự ra đời của các hợp tác xã nông nghiệp, mua bán và tín dụng đòi hỏi phải có sự lãnh đạo tập trung của Đảng. Hơn nữa, với số lượng đảng viên trên 100 đồng chí - chi bộ đủ điều kiện để thành lập Đảng bộ theo quy định của Trung ương. Vì thế, đầu năm 1960, Chi bộ đã có quyết nghị gửi lên Huyện ủy đề nghị thành lập Đảng bộ xã. Tháng 3/1960, Thường vụ Huyện ủy Yên Thành đã ra Quyết định thành lập Đảng bộ xã Đô Thành. Sau khi chuyển lên Đảng bộ, nhằm tăng cường sức mạnh chiến đấu của Đảng, Đảng bộ đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phát triển đảng viên “lớp 6/1” (Trước Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III tháng 9/1960, ngày thành lập Đảng là 6/1), đồng thời thực hiện công tác giáo dục chính trị tư tưởng, huấn luyện, chỉnh huấn được tiến hành nghiêm túc từ Đảng bộ xuống các chi bộ, tổ đảng, thu hút đông đảo đảng viên tham gia.

Đứng trước tình hình và nhiệm vụ mới, nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng trong quá trình lãnh đạo Nhân dân thực hiện Kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất, từ năm 1960 đến 1965,

Đảng bộ Đô Thành đã tổ chức 4 kỳ đại hội: lần thứ I (năm 1960), lần thứ II (1961 - 1963), lần thứ III (1963 - 1964), lần thứ IV (1964 - 1965), mỗi khóa có 9 ủy viên Ban Chấp hành, đảm nhiệm chức vụ Bí thư Đảng ủy là các đồng chí Lê Đình Phượng năm 1958 - 1960, Trần Trọng Ngân từ năm 1961 - 1964, đồng chí Nguyễn Thái Trạc từ năm 1964 - 1965; đảm nhiệm chức vụ Ủy viên Thường vụ, Trực Đảng là các đồng chí Nguyễn Liêm đến tháng 6/1960, Trần Trọng Tài (6/1960 - 1961), Nguyễn Mân (1962), Nguyễn Đức Tiến (1963), Nguyễn Trạch (12/1963 - 11/1964), Phan Thà (12/1964 - 5/1965); đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Ủy ban hành chính xã là các đồng chí Nguyễn Hồng Ngân (1958 - 1962), Nguyễn Thái Trạc (1962 - 1964), Trần Trọng Tài (1964 - 1965).

Đến cuối năm 1961, Đô Thành cơ bản hoàn thành công tác xây dựng hợp tác xã cấp thấp, quy mô xóm. Tuy nhiên, quy mô về lao động, ruộng đất và tư liệu sản xuất của hợp tác xã còn nhỏ, lạc hậu, chỉ thu hút 60% số hộ nông dân vào hợp tác xã. Nhằm tăng cường sức mạnh của các hợp tác xã, Đảng bộ đã chỉ đạo các chi bộ Đảng, hợp tác xã, các ban - ngành, đoàn thể từ xã xuống các thôn, xóm tổ chức tuyên truyền, vận động bà con nông dân tiếp tục tự nguyện làm đơn gia nhập hợp tác xã. Kết hợp với củng cố, mở rộng hợp tác xã, Đảng ủy phân công các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành xuống các đơn vị sản xuất chỉ đạo phong trào thi đua lao động sản xuất trong các hợp tác xã. Khẩu hiệu: “Đuổi kịp và vượt hợp tác xã Đại Phong” được đông đảo xã viên hưởng ứng. Các hợp tác xã đã tích cực huy động xã viên khai hoang, phục hóa, làm thủy lợi và áp dụng các biện pháp kỹ thuật liên hoàn để thâm canh tăng năng suất cây trồng. Nhờ quan hệ sản xuất mới được xây dựng và tinh thần lao động hăng say của xã viên, nên thu nhập bình quân lao động của hợp tác xã trong những năm 1961 - 1962 cao hơn các hộ nông dân chưa vào hợp tác xã. Vì vậy, đến cuối năm 1962, tỷ lệ hộ nông dân gia nhập hợp tác xã đạt trên 80% tổng số hộ toàn xã.

Năm 1962 - 1963, hưởng ứng chiến dịch An Ngãi quật khởi, tăng cường đoàn kết Bắc - Nam, giữa Nghệ An và Quảng Ngãi, kết

nghĩa Yên Thành - Sơn Tịnh, thi đua cùng nhau đẩy mạnh sản xuất và chiến đấu, xã tiếp tục động viên các gia đình tham gia hợp tác xã nông nghiệp, đấu tranh giữa cái chung và cái riêng. Xã vận động, tổ chức dân công, các đội xung kích làm thủy lợi. Phong trào thi đua sôi nổi, nhiều thanh niên đạt kiện tướng thủy lợi được vinh dự kết nạp vào Đoàn và kết nạp Đảng ngay trên công trường.

Năm 1964, từ 16 hợp tác xã nông nghiệp, Đô Thành đã nhập lại thành 5 hợp tác xã là: Hoàng Xuân Mỹ, Yên Phú, Thọ Vực, Ngọc Sơn và Phú Vinh. Các hợp tác xã ở Đô Thành trong giai đoạn này đều thực hiện 3 khoán (khoán công điểm, khoán sản lượng, khoán chi phí) và 3 quản (quản lý lao động, quản lý tài vụ, quản lý tài sản). Quy chế 3 khoán, 3 quản được tất cả xã viên trong hợp tác xã đồng tình ủng hộ. Cách điều hành sản xuất này đã phát huy được tính tự chủ, sáng tạo của Ban chỉ huy đội sản xuất cũng như sức lực và trí tuệ của Nhân dân. Đây cũng là giai đoạn hợp tác xã thực hiện hóa giá trâu bò, nông cụ chuyển số tiền thu được thành cổ phần của xã viên (thực chất là công hữu hóa tư liệu sản xuất). Việc ăn chia, phân phối theo công điểm (làm theo nghĩa vụ lao động và hưởng theo năng suất), xóa bỏ hình thức ăn chia theo hoa lợi ruộng đất của giai đoạn hợp tác xã cấp thấp trước đây. Xã viên hợp tác xã có nghĩa vụ đi làm lấy công điểm, hưởng phần ăn chia theo giá trị ngày công. Để tăng thu nhập, đảm bảo đời sống cho xã viên, hợp tác xã trích một phần quỹ đất để chia bình quân nhân khẩu trong hợp tác xã (đất 5%). Tranh thủ thời gian hợp tác xã chưa điều động đi làm, xã viên tự cấy, cày, chăm bón trên thửa ruộng 5% của mình mà vẫn đảm bảo ngày công. Cùng với việc khai hoang, phục hóa, các hợp tác xã còn mở rộng diện tích trồng màu ở một số nơi. Các biện pháp kỹ thuật liên hoàn thâm canh tăng năng suất được áp dụng rộng rãi ở các đội sản xuất. Nhiều loại công cụ như: cày chia vôi, bừa cỏ, xe cút kít được cải tiến, đưa vào sử dụng. Các tổ chuyên, đội kỹ thuật của hợp tác xã được thành lập và hoạt động có hiệu quả, một số ngành, nghề mới như: làm gạch, làm vôi, may vá,

một cũng được khuyến khích hoạt động. Sự phát triển của trồng trọt, chăn nuôi và các ngành, nghề thủ công đã bước đầu khắc phục được tình trạng sản xuất độc canh trong nông nghiệp ở các giai đoạn trước đó.

Trên cơ sở mở thêm một số ngành, nghề mới, các hợp tác xã đầu tư vốn, vật tư, lao động xây dựng: nhà kho, sân trục, nhà trẻ. Đồng thời, mua thêm nông cụ cho các đội sản xuất. Một số giống mới có năng suất cao được mua về và gieo trồng phổ biến trên đồng ruộng như: Trân Châu lùn, Nông nghiệp 8 thay cho giống lúa cũ của địa phương. Ngoài trồng lúa, hợp tác xã còn trồng thêm màu vụ đông với các loại giống sắn, ngô, khoai lang đỏ,... Cùng với sản xuất nông nghiệp theo hướng thâm canh, mở rộng diện tích và tăng năng suất, Đảng ủy, chính quyền xã còn coi trọng công tác cải tạo đồng ruộng và hệ thống giao thông nông thôn. Hầu hết các hợp tác xã đều giao nghĩa vụ và tổ chức cho các đội sản xuất tiến hành sửa chữa, nâng cấp đường liên thôn, liên xã để các phương tiện dễ đi lại phục vụ nhu cầu của xã viên và hợp tác xã. Bên cạnh làm giao thông thủy lợi tại xã, Đô Thành còn cử các đội dân công tham gia các công trình của huyện.

Để tăng thêm nguồn phân bón cho cây trồng, các hợp tác xã đều thành lập đội làm bèo hoa dâu. Ngoài ra, các hợp tác xã còn phát động toàn dân tham gia trồng cây điền thanh ở bờ vùng, bờ thửa. Nhờ áp dụng các biện pháp liên hoàn trong trồng trọt nên năng suất các loại cây trồng đều tăng hơn trước. Bình quân lúa đạt 20 tấn/ha, khoai 22 tấn/ha.

Nhận rõ tầm quan trọng của cách mạng văn hóa - tư tưởng trong việc xây dựng con người mới, cuộc sống mới, Đảng bộ Đô Thành từ năm 1961 - 1965 đã dành những quan tâm thích đáng đến sự nghiệp văn hóa, giáo dục ở quê hương. Công tác giáo dục trong thời gian này phát triển mạnh ở cả 2 hệ: giáo dục phổ thông và bổ túc văn hóa, trong đó bổ túc văn hóa được coi là nhiệm vụ hết sức cần thiết cho công cuộc hợp tác hóa. Bởi vì, chỉ có thông qua bổ

túc văn hóa mới có điều kiện đáp ứng yêu cầu cấp bách cho việc xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ văn hóa và năng lực chuyên môn. Các lớp bổ túc văn hóa cuối cấp 1 và cấp 2 được mở ra ở tất cả các vùng do hợp tác xã tổ chức và hỗ trợ kinh phí. Thôn, xóm nào cũng có giáo viên bổ túc văn hóa hưởng công gián tiếp do hợp tác xã chi trả, một số giáo viên các trường phổ thông được phòng giáo dục cử về Đô Thành phụ trách các lớp bổ túc văn hóa lớp 3, 4 và các lớp cấp 2 cho đội ngũ cán bộ xã và hợp tác xã. Cùng với bổ túc văn hóa, các lớp vỡ lòng ở các thôn vẫn tiếp tục được duy trì đều đặn. Thôn nào cũng có 3 đến 5 giáo viên vỡ lòng do hợp tác xã chi trả công điểm. Sự phát triển mang tính phổ cập của các lớp vỡ lòng ở tất cả các đội sản xuất đã tạo điều kiện về kiến thức văn hóa cho các cháu độ tuổi 6 - 7 tuổi vững vàng khi bước vào lớp học đầu tiên của hệ thống giáo dục phổ thông (lớp 1).

Trường cấp I, II Đô Thành từ năm 1961 đến 1965, được Đảng ủy và Ủy ban hành chính xã hết sức quan tâm đầu tư cơ sở vật chất và cải thiện đời sống giáo viên. Tuy còn đơn sơ, thiếu thốn nhiều mặt nhưng đội ngũ giáo viên của trường đã quyết tâm vượt qua khó khăn để “khai minh trí tuệ” cho con em xã nhà. Phong trào thi đua theo gương Trường Bắc Lý (Hà Nam) và Trường Cẩm Bình (Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh) được thầy và trò hưởng ứng nhiệt liệt. Chất lượng giáo dục ngày được đảm bảo, phương châm: “Giáo dục phục vụ chính trị”, “Giáo dục kết hợp với lao động sản xuất”, “Nhà trường gắn liền với xã hội” được quán triệt. Lãnh đạo nhà trường đã phân công giáo viên và học sinh lớp trên (lớp 4) tham gia lao động sản xuất cùng các hợp tác xã nông nghiệp, như: Làm ruộng thực hành của trường do hợp tác xã cấp đất, làm vườn ươm cây con, làm thủy lợi nhỏ hoặc tham gia các hoạt động văn hóa xã hội để rèn luyện giáo viên và học sinh.

Nhằm góp phần tích cực vào việc xây dựng cuộc sống văn hóa mới, phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao ở giai đoạn này có nhiều chuyển biến quan trọng. Cuộc vận động xây dựng

đời sống mới dần dần trở thành phong trào toàn dân, với nhiều nội dung phong phú. Trong các thôn, xóm tình đoàn kết, thương yêu giúp đỡ, tôn trọng lẫn nhau được xây dựng và trở thành nếp nghĩ, việc làm của mọi người. Các hiện tượng xích mích, mất đoàn kết, trộm cắp, mê tín dị đoan, hủ tục lạc hậu,... kiên quyết bị xử lý và dư luận xã hội phê phán. Không khí thi đua xây dựng đời sống văn hóa mới, xây dựng hợp tác xã với khẩu hiệu “mỗi người làm việc bằng hai” diễn ra sôi nổi khắp các xóm lương cũng như giáo. Phong trào đọc sách báo, nghe tin thời sự qua hệ thống “chòi phát thanh” của các xóm và xem phim, xem biểu diễn văn nghệ được mọi người hưởng ứng. Các đơn vị văn công tỉnh, quân khu, đội chiếu bóng của huyện thường về xã nhà phục vụ Nhân dân bình quân mỗi năm 3 - 4 lần. Hệ thống loa phát tin của huyện được xây dựng về đến Đô Thành, hằng ngày đưa tin tức kịp thời phục vụ Nhân dân. Phong trào “ăn chín uống sôi”, ở hợp vệ sinh và khẩu hiệu “sạch làng tốt ruộng” được Nhân dân hưởng ứng nhiệt liệt và đạt kết quả tốt. Một số giếng nước công cộng đảm bảo vệ sinh được xây ở các xóm, các công trình vệ sinh gia đình, như: hố xí hai ngăn, bể nước, giếng khơi, nhà tắm được khuyến khích xây dựng. Các gia đình đều chủ động dời chuồng trại chăn nuôi, nhà vệ sinh ra xa nhà ở. Phong trào rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ và khẩu hiệu “Khỏe để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” đã trở thành hành động thực tế trong mọi lứa tuổi - nhất là lứa tuổi thanh - thiếu niên.

Trạm Y tế Đô Thành, giai đoạn 1961 - 1965 làm tốt nhiệm vụ phòng - chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân. Mặc dầu đội ngũ cán bộ y tế cơ sở còn yếu về trình độ chuyên môn, cơ sở vật chất phục vụ khám và chữa bệnh còn đơn giản, thiếu phương tiện, nhưng Trạm Y tế xã nhà đã làm tốt công tác vận động Nhân dân giữ gìn vệ sinh, phòng trừ các loại bệnh nhất là dịch bệnh cúm, sởi, tả và sốt rét; tổ chức phun thuốc diệt muỗi, vận động Nhân dân ngủ màn. Hằng năm, trạm tổ chức tiêm phòng, chủng đậu đề phòng

các loại dịch bệnh đúng quy định của Phòng Y tế huyện. Việc chữa bệnh tại trạm hoặc chuyển lên tuyến trên những trường hợp bệnh nặng đều được trạm y tế xã thực hiện kịp thời. Để nâng cao chất lượng khám - chữa bệnh cho Nhân dân, xã đã cử cán bộ y tế đi tập huấn hoặc học chuyên môn dài hạn tại các trung tâm đào tạo y tế của huyện và tỉnh. Ở các thôn, xóm đều có cán bộ y tế vùng hoặc vệ sinh viên ở xóm chăm lo công tác vệ sinh, phòng bệnh và phát hiện, sơ cứu các loại bệnh thông thường, hướng dẫn Nhân dân chữa bệnh kịp thời. Kinh phí hoạt động của cán bộ y tế cơ sở đều do hợp tác xã trích nguồn công gián tiếp chi trả.

Những thành tựu trên lĩnh vực văn hóa - giáo dục - y tế trong giai đoạn thực hiện Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) đã góp phần tích cực thúc đẩy công cuộc xây dựng nền kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa đưa quê hương ngày càng phát triển theo kịp sự đi lên của toàn huyện. Cùng với Nhân dân miền Bắc, Đảng bộ và Nhân dân Đô Thành với sự nỗ lực không mệt mỏi đã góp phần đáng kể “làm cho miền Bắc nước ta tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử: đất nước, con người và xã hội đều đổi mới”.

Trong lúc Nhân dân miền Bắc đang khẩn trương thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất thì từ đầu năm 1964, máy bay Mỹ liên tục xâm phạm vùng trời miền Bắc, trong đó có Nghệ An. Đô Thành là xã có các đầu mối giao thông đường bộ đi qua, vì vậy, ở đây cũng là trọng điểm địch sẽ dùng biệt kích xâm nhập để do thám khi chiến tranh xảy ra. Từ đầu năm 1960 trở đi, nhất là ở những năm 1963 - 1964, công tác xây dựng, củng cố, huấn luyện lực lượng dân quân du kích được xem là nhiệm vụ hàng đầu trong chiến lược quốc phòng - an ninh địa phương. Tất cả các vùng trong xã đều có 1 trung đội dân quân đảm nhận việc tuần tra canh gác bảo vệ an ninh trên tất cả các xóm. Hằng năm, Ban chỉ huy xã đội và Huyện đội tổ chức các đợt huấn luyện chiến thuật, kỹ thuật bộ binh và bắn máy bay, tổ chức diễn tập chiến đấu và hiệp đồng chiến đấu. Các phương án bao vây bắt gián điệp, biệt kích, đánh

địch đồ bộ và bắn máy bay địch ném bom trở thành nội dung huấn luyện cho lực lượng quân dân du kích. Công tác tuyên truyền vận động Nhân dân luôn cảnh giác sẵn sàng đánh địch và sơ tán khi có chiến sự xảy ra cũng được Đảng ủy quan tâm, các phương án tổ chức sơ tán dân lên các vùng an toàn đã được chuẩn bị. Các quân nhân xuất ngũ, phục viên không những là nòng cốt trong các trung đội dân quân mà còn luôn sẵn sàng tái ngũ khi Tổ quốc kêu gọi. Nghĩa vụ khám tuyển quân sự và giao quân hàng năm đều đảm bảo đủ quân số theo chỉ tiêu trên giao (binh quân mỗi năm có 8 - 10 thanh niên nhập ngũ)

Kết hợp với công tác củng cố quốc phòng, các cấp ủy Đảng, chính quyền cũng đặc biệt chú ý đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho các tầng lớp nhân dân, nhất là ở những xóm trước đây xảy ra các vụ lộn xộn mất trật tự trị an. Với phương châm bám dân, bám địa bàn, kiên trì thuyết phục và kiên quyết vạch mặt những tên phản động, đưa ra xét xử trước pháp luật những kẻ có hành động phá hoại, Đảng bộ đã xây dựng được khối đoàn kết, tinh thần yêu nước, cảnh giác cách mạng trong mọi tầng lớp nhân dân. Nhờ vậy, tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội trong những năm 1961 - 1965 ở Đô Thành được đảm bảo, ở những xóm có nhiều giáo dân sinh sống, tình hình ổn định, bà con yên tâm xây dựng quê hương, sống kính Chúa yêu nước, hăng hái làm nghĩa vụ công dân với đất nước. Địa bàn vùng giáo trong sạch, âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng đã không nảy sinh như giai đoạn khôi phục và cải tạo kinh tế (1955 - 1960).

Ngày 5/8/1964, đế quốc Mỹ cho máy bay đánh phá cửa sông Gianh (Quảng Bình), Vinh - Bến Thủy (Nghệ An), Lạch Trường (Thanh Hóa) và thị xã Hòn Gai (Quảng Ninh). Quân và dân ta đã dũng cảm chiến đấu bắn rơi 8 máy bay phản lực hiện đại của Mỹ và bắt sống một tên giặc lái. Cùng với Nhân dân miền Bắc, Đô Thành bước vào thời kỳ chống chiến tranh phá hoại của Mỹ. Mọi công việc sẵn sàng chiến đấu được xúc tiến mạnh mẽ, tạo thành

phong trào rộng lớn trong mọi tầng lớp nhân dân ở tất cả các xóm. Thế trận chiến tranh nhân dân được xây dựng vững chắc, chuẩn bị để Đảng bộ và Nhân dân Đô Thành cùng toàn huyện chủ động, vững vàng bước vào cuộc chiến đấu mới.

III. ĐẢNG BỘ ĐÔ THÀNH LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN VỪA CHIẾN ĐẤU, VỪA SẢN XUẤT, GÓP PHẦN ĐÁNH THẮNG HAI CUỘC CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1965 - 1973)

1. Xây dựng hậu phương vững mạnh, góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965 - 1968)

Bước vào cuộc chiến đấu mới, bên cạnh những thuận lợi, Đảng bộ và Nhân dân Đô Thành cũng gặp không ít khó khăn, thử thách. Ở đây không có một căn cứ quân sự, một cơ sở công nghiệp nào, nhưng kề với những tuyến giao thông huyết mạch, nên Đô Thành đã bị máy bay của giặc Mỹ đánh phá ác liệt không kém gì các địa bàn trọng điểm khác. Sát liền với địa phận của Đô Thành về phía đông là quốc lộ 1A, và cách xã khoảng 2km theo đường chim bay về phía Bắc và Đông Bắc là đường 48 và nhà ga xe lửa Yên Lý. Chạy giữa lòng xã Đô Thành là con đường chiến lược 205. Đường 205, nối đường 48 (Yên Lý - Nghĩa Đàn) ở phía Bắc, gặp quốc lộ 7 tại xã Diễn Bình ở phía Nam dài hàng chục kilômét. Thời bình, con đường đất rộng khoảng 5 - 7m này chỉ phục vụ cho bà con các địa phương trong 2 huyện Diễn Châu, Yên Thành qua lại với nhau. Nhưng trong những năm chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, khi tuyến quốc lộ 1A Yên Lý - Ga Si bị tắc nghẽn thì đường 205 dường như trở thành đường “quốc lộ 1B”. Trung bình mỗi ngày đêm có hàng trăm lượt xe vận tải qua lại trên con đường này.

Đứng trước tình hình và nhiệm vụ mới của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, Đảng bộ Đô Thành được sự chỉ đạo của Huyện ủy Yên Thành đã nhanh chóng triển khai thực hiện các biện pháp phù hợp, nhằm chuyển hướng mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến; bố trí lại lực lượng hợp lý để vừa đảm bảo đầy mạnh

sản xuất, vừa chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ quê hương, vừa ổn định đời sống Nhân dân, vừa chi viện tối đa có hiệu quả cho chiến trường.

Để kiện toàn và nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng trong điều kiện chiến tranh ác liệt, Đảng bộ Đô Thành từ năm 1965 đến 1968 đã tiến hành hai kỳ Đại hội toàn Đảng bộ: Đại hội lần thứ V, nhiệm kỳ 1965 - 1967 và Đại hội lần thứ VI, nhiệm kỳ 1967 - 1968. Các kỳ đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm 9 đồng chí, đảm nhiệm chức vụ Bí thư Đảng ủy là đồng chí Nguyễn Thái Trạc, đảm nhiệm chức vụ Thường trực Đảng ủy là các đồng chí Lê Xuân Phiêu (1965 - 1967), Nguyễn Văn Thái (1967 - 1969), đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Ủy ban hành chính xã là đồng chí Lê Văn Đối.

Song song với công tác kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể từ xã xuống các thôn, xóm. Đảng bộ đã tập trung chỉ đạo làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng để nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về âm mưu xâm lược của địch, về đường lối quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ của Đảng ta. Từ đó, tạo niềm tin và ý chí gan dạ chiến đấu trong tuyệt đại đa số đảng viên của Đảng bộ và quần chúng nhân dân. Đồng thời, chỉ đạo Nhân dân, lực lượng dân quân và các đoàn thể khẩn trương chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến, bố trí lại lao động để vừa đẩy mạnh sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do bom đạn địch gây ra.

Làm tốt công tác phòng không sơ tán, xây dựng nếp sống quân sự hóa

Trước tình hình chiến tranh diễn ra nhanh chóng và ngày càng ác liệt, với quan điểm “Phòng tránh địch tốt cũng là chiến thắng kẻ thù”, Đảng bộ đã quan tâm đến việc chỉ đạo tổ chức công tác phòng không sơ tán. Tổ chức sắp xếp lại để đảm bảo vừa sản xuất tốt vừa chiến đấu, phục vụ chiến đấu tốt và đảm bảo an sinh xã hội tốt. Đảng ủy phân công các ủy viên Ban Chấp hành phụ trách các cơ sở tích cực tuyên truyền giáo dục tác phong quân sự hóa cho Nhân dân. Ban chỉ đạo phòng không sơ tán của xã được thành lập, đã triển khai hoạt động một cách khẩn trương, từ khâu lập kế

hoạch, phương án sơ tán đến chỉ đạo thực hiện. Để hạn chế đến mức thấp nhất thương vong do bom đạn địch gây ra, Ban chỉ đạo phòng không sơ tán xã đã huy động mọi lực lượng do các trung đội dân quân làm nòng cốt tập trung xây dựng hầm trú ẩn, phát triển mạng lưới giao thông hào. Các gia đình đều có nhiều hồ cá nhân, và hầm chữ A ở trong nhà, ngoài đồng, ven đường tỉnh lộ. Xã đã đào được 4.150 hầm cá nhân, 3.200 hầm chữ A ở gia đình, nơi công cộng như lớp học, trạm y tế, kho, bến bãi. Xã đội có hầm cho ban lãnh đạo xã làm việc thường xuyên, thuận lợi trong chỉ huy, có hầm sơ cứu người bị thương. Trường học có hầm của các lớp học, có giao thông hào để học sinh sơ tán ra hầm, đào đắp được 35km giao thông hào, 3.470m³ thành lũy bảo vệ 2 trường cấp 1 và cấp 2. Phong trào toàn dân làm hầm hào quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ sôi nổi, đã từng nêu khẩu hiệu “Bảy ngày không ngủ, làm đủ hầm hào”. Nhân dân có ý thức bảo vệ của công. Hàng hóa chính phủ để khắp nơi, không hề xảy ra chuyện mất mát, khi địch ném bom rơi vãi hàng hóa, Nhân dân đã tự giác thu gom lại. Dân làng đã học tập, ý thức tự giác cao, thực hiện khẩu hiệu: “Cho không lấy; Thấy không xin; Của công giữ gìn; Của rơi trả lại”.

Nhằm kịp thời thông báo cho Nhân dân ẩn nấp khi có máy bay hoạt động, các hợp tác xã thành lập các tổ trực báo động phòng không, xây dựng các điểm chốt phòng không ở những vị trí then chốt trên đường tỉnh lộ, ngã tư, ngã ba. Xây dựng 2 trạm báo động phòng không điểm cao trên 80m ở Hòn Rồng và Hòn Nắc đồng thời xây dựng 2 trận địa bắn máy bay bằng súng 12 ly 7, súng trường ở 2 trạm báo động phòng không này. Xã có trung đội trực chiến gồm 47 người thường xuyên trực chiến đấu, mỗi xóm có 1 trung đội dân quân vừa sẵn sàng chiến đấu vừa tuần tra bảo vệ, vừa vận chuyển hàng hóa, san lấp hố bom đảm bảo giao thông.

Sắp xếp bố trí lực lượng lao động hợp lý: Do yêu cầu của chiến tranh, lực lượng lao động chính có sự xáo trộn đáng kể: Phần lớn thanh niên đủ sức khỏe đã đăng ký và được điều động đi tham gia quân đội, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến,... Vì thế, đã tạo ra sự mất cân đối lao động trong các đội sản xuất và trong các

hợp tác xã. Điều này đòi hỏi các hợp tác xã phải có sự sắp xếp, bố trí lại lao động để vừa đẩy mạnh sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu, hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại do bom đạn địch gây ra. Trên tinh thần đó, xã đã động viên lực lượng lao động còn lại đảm đương thêm các công việc của những người ra đi bằng cách tăng cường tập huấn nâng cao tay nghề cho chị em phụ nữ trong việc cày, bừa, gieo mạ,... là những việc trước đây đàn ông làm; giao nhiệm vụ là đội trưởng, đội phó các đội sản xuất cho chị em, nhất là số chị em đảng viên và giao thêm nhiệm vụ cho các đồng chí cấp ủy.

Bên cạnh đó, xã đã bảo vệ an toàn cơ quan, xí nghiệp về sơ tán. Đô Thành vinh dự được đón tiếp nhiều cơ quan Đảng, Nhà nước từ Trung ương và địa phương sơ tán đóng trên địa bàn xã như: Trường Đảng giao thông, Trường Cơ khí nông nghiệp Nghệ An, Ty Văn hóa, chi nhánh Trường Đại học sư phạm Vinh, Trạm Trùng tu cơ khí nông nghiệp Nghệ An, Bệnh viện Giao thông, Ty Lương thực, Cơ quan Phát hành sách Nghệ An, cơ quan Huyện đội, cơ quan Giao thông, Trạm Giao liên, đường Giao liên (đi qua Diễn Yên, Đô Thành, Diễn Tháp). Số lượng cơ quan đơn vị về địa phương đã được lực lượng dân quân, Nhân dân giúp đỡ xây cất hầm hào, tán lũy để bảo vệ an toàn người và tài sản.

Nhờ làm tốt công tác phòng không sơ tán và ý thức quân sự hóa của toàn dân được quán triệt đến tận từng cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nên mặc dù xã bị địch đánh phá hàng trăm trận, nhưng đã hạn chế đến mức thấp nhất những tổn thất về người và tài sản. Đây cũng là một thắng lợi quan trọng của Đảng bộ và Nhân dân Đô Thành trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Đẩy mạnh và phát triển kinh tế - xã hội

Thấm nhuần phương châm vừa sản xuất, vừa chiến đấu, Nhân dân Đô Thành phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, tập trung giải quyết tốt vấn đề lương thực và thực phẩm với ý thức “Mỗi người làm việc bằng hai. Tất cả vì miền Nam ruột thịt”.

Tháng 10/1968, 5 hợp tác xã nhập lại còn 3 hợp tác xã là: Phú Thọ, Ngọc Vinh và Hoàng Xuân Mỹ.

Đi đôi với củng cố và mở rộng quy mô hợp tác xã, công tác sản xuất trong điều kiện chiến tranh ác liệt vẫn tiếp tục được giữ vững. Với tinh thần “Không có gì quý hơn độc lập - tự do”, Nhân dân đã hăng hái hưởng ứng các phong trào thi đua đẩy mạnh sản xuất: “Tay cày, tay súng”, “Thanh niên ba sẵn sàng”, “Phụ nữ ba đảm đang”, “Thiếu niên ngàn việc tốt”, “Phụ lão hai giỏi”, phấn đấu đạt “Ba mục tiêu” (5 tấn thóc 2 vụ trên 1ha, 2 con lợn trên 1ha, mỗi lao động làm 1 héc ta gieo trồng). Với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân Đô Thành, kinh tế tập thể có những bước tiến đáng kể. Người nông dân chủ yếu là phụ nữ và trung niên, phụ lão đã vượt lên mọi hy sinh mất mát, mọi hiểm nguy đang rình rập từng phút từng giây để “làm ngày không đủ, tranh thủ làm đêm”. Các hợp tác xã đã cân đối và bố trí lại lao động một cách hợp lý trên cơ sở phân việc cụ thể cho từng đội chuyên trong các đội sản xuất. Những vùng gần các trọng điểm địch đánh phá, hợp tác xã bố trí lao động loại A tranh thủ những giờ buổi sáng hoặc chiều tối khi địch ít hoạt động để cày cấy và chăm bón. Một số diện tích bị bỏ hoang, Đảng ủy chỉ đạo các hợp tác xã vận động các đội sản xuất làm lấy quỹ hoặc giao cho các hộ xã viên có điều kiện nhận tự túc sản xuất, chỉ nộp thuế Nhà nước mà không phải nộp khoán cho hợp tác xã. Bên cạnh việc đảm bảo gieo trồng hết diện tích bằng các loại cây lúa, màu, cây vụ đông, Đảng ủy luôn chú trọng đến khâu cải tiến kỹ thuật sản xuất. Việc xây dựng kế hoạch sản xuất từng mùa vụ được các hợp tác xã chuẩn bị chu đáo, phong trào bắc mạ để cấy, cày bừa làm đất kỹ, làm phân hữu cơ, làm ruộng tăng sản, làm cỏ bằng loại cào cỏ cải tiến (gọi là cào cỏ 64A). Lập các đội chuyên, tổ chức thi cây giỏi giữa các hợp tác xã và giữa các đội sản xuất với nhau diễn ra đều khắp các đội sản xuất. Chi đoàn thanh niên ở các hợp tác xã trở thành lực lượng đi đầu trong phong trào áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Ngoài một số giống lúa mới có năng suất cao như: Trân Châu lùn, Bao Thai, Nông nghiệp 5, Mộc Tuyền,... các hợp tác xã còn chú ý đưa một số giống khoai lang mới vào gieo

trồng ở vùng đất cằn khó chủ động nước, kể cả những vùng trước đây trồng lúa hay bị hạn năng suất thấp. Kết hợp với sản xuất lúa và màu, một số hợp tác xã còn mạnh dạn đưa lạc, vừng, kê, đỗ vào sản xuất, tăng giá trị thu nhập hàng nông sản. Năm 1966 - 1968, địch đánh phá ác liệt, Nhân dân xã nhà vẫn bình tĩnh, đêm đi lấp hố bom, ngày lo sản xuất. Diện tích lúa không bị thu hẹp, năng suất lúa có nâng lên. Năm 1967, giống mới lúa xuân, chủ yếu (nông nghiệp 8) được gieo trồng phổ biến trên đồng ruộng Đô Thành đã cho năng suất cao hơn các loại giống lúa cũ. Phong trào nuôi trồng bèo hoa dâu để làm phân bón ruộng cũng được nhiều người hưởng ứng. Bèo hoa dâu ở Đô Thành không chỉ đủ bón cho đồng ruộng của địa phương mà còn có bán cho nhiều hợp tác xã nông nghiệp trong huyện.

Nhờ sự nỗ lực của bà con xã viên hợp tác xã và sự áp dụng các tiến bộ của khoa học kỹ thuật, cho nên trong chiến tranh ác liệt, năng suất lúa, khoai và sản lượng lương thực của Đô Thành tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước:

Vụ/năm	1963	64	65	66	67	68	69	70	71	72
Năng suất vụ chiêm (kg) ¹	63	64	56	50	79	69	70	75	85	90
- Vụ thu	60	74	75	79	62	35	35	80	85	90
- Vụ mùa	79	81	111	113	100.2	91	100.4	100	125	230
- Chung	69	79	82	80	88	78	88			

Sản xuất được giữ vững, năng suất lương thực, không ngừng tăng trưởng, đã tạo điều kiện để Đảng bộ và Nhân dân Đô Thành hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nghĩa vụ về huy động quân lương cho tiền tuyến.

Song song với sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ luôn chú trọng công tác lưu thông phân phối. Hợp tác xã Mua bán nhận hàng của mật dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán huyện Yên Thành để

¹ Tính trên 1 sào diện tích.

phục vụ Nhân dân trong thời chiến. Cửa hàng quán triệt quan điểm phục vụ Nhân dân là chính, không nặng về thu lãi, nên kinh doanh cả những mặt hàng vận chuyển và bảo quản khó, dễ hư hỏng hao hụt hư muối, nước mắm, vải, giấy,... chú trọng các mặt hàng phục vụ sản xuất nông nghiệp như nông cụ, phân bón giống cây trồng. Hợp tác xã mua bán tiêu thụ sản phẩm của nông dân, vừa cung cấp đầy đủ cho tiền tuyến và nhu cầu của Nhà nước. Hợp tác xã ủy thác thu mua lợn nghia vụ cho Nhà nước, hàng năm đều vượt mức, tổ chức mổ lợn bán cho cán bộ, cho nhân dân, cung cấp cho các cửa hàng ăn uống của huyện theo kế hoạch. Chỉ riêng năm 1965, xã đã đóng góp 465 tấn thóc vượt chỉ tiêu 8%, 36 tấn thịt lợn vượt chỉ tiêu 25%, 165.000 quả trứng, 15.374 công phục vụ quốc phòng.

Trong bom đạn ác liệt, sự nghiệp giáo dục của Đô Thành chẳng những không bị đình trệ mà vẫn tăng tiến cả về số lượng và chất lượng, cụ thể:

Bảng thống kê số lượng các cấp học của xã Đô Thành từ năm 1966 - 1970

Niên học Bậc học	1966 - 1967	1967 - 1968	1968 - 1969	1969 - 1970
Cấp I: Lớp				
1	120 em		200 em	199 em
2	156 em		300 em	172 em
3		200 em	200 em	220 em
4	100 em	100 em	200 em	212 em
Cấp II: Lớp				
5	55 em	100 em	110 em	115 em
6	50 em	100 em	110 em	110 em
7	60 em	100 em	60 em	60 em
Tổng	541	600	1.180	1.088

Ngoài số học sinh cấp I, cấp II, Đô Thành còn có 150 em theo học các lớp cấp III (niên học 1969 - 1970). Cùng với ngành học phổ thông, các ngành học mẫu giáo, bổ túc văn hóa cũng được duy trì và phát triển mạnh.

Về mẫu giáo, niên học 1966 - 1967, toàn xã có 80 cháu, thì đến niên học 1968 - 1970 đã lên tới 325 cháu.

Mặc dầu phải tập trung thời gian cho công tác chiến đấu, phục vụ chiến đấu và sản xuất... nhưng các lớp học bổ túc văn hóa phổ cập cấp 2 cho người lớn vẫn duy trì đều đặn, trong suốt các năm chiến tranh.

Bảng thống kê lớp bình dân học vụ xã Đô Thành từ năm 1966 - 1970

Niên học Lớp	1966 - 1967	1967 - 1968	1968 - 1969	1969 - 1970
Cấp I: Lớp 5	58 người	50 người	31 người	58 người
6	81 người	32 người	45 người	51 người
7	43 người	30 người	50 người	43 người
Tổng	182 người	112 người	126 người	152 người

Từ dưới những “lớp học nhà hầm”, nhiều thế hệ học sinh Đô Thành đã trưởng thành. Hàng chục thanh niên đã rời ghế nhà trường, lên đường đi chiến đấu bảo vệ quê hương, nhiều người trong số họ đã hiến trọn tuổi xuân của mình cho nền độc lập của dân tộc. Một số các em có điều kiện học lên các trường trung học, đại học thì ngày nay đã là kỹ sư, bác sĩ, là cán bộ trung cao cấp, đang ngày đêm đem trí tuệ và tâm lực của mình phục vụ sự nghiệp xây dựng quê hương, đất nước Việt Nam giàu mạnh.

Mặc dù bom đạn luôn rình rập, máy bay gầm rú không ngại nhưng phong trào “Tiếng hát át tiếng bom” ở Đô Thành vẫn diễn ra hết sức sôi nổi. Những bài hát chống Mỹ, động viên tinh thần chiến đấu, ca ngợi lòng dũng cảm, tình yêu quê hương đất nước được mọi người yêu thích và thuộc lòng như: “Đường cày đảm đang”, “Tiễn người tòng quân”, “Nổi lửa lên em”, “Tiếng đàn Ta lư”, “Quảng Bình quê ta ơi”,... Thơ ca, hò vè, hát đối, hát ví được Nhân dân thể hiện mọi lúc, mọi nơi. Dù là lúc cày cấy, san lấp đường hay khi hội họp, đám cưới đều có thơ, ca, câu đối ứng khẩu, vút lên tiếng hát ca ngợi tình yêu, cuộc sống. Các hợp tác xã đều thành

lập các đội dân ca, hát ví, hát dặm. Chị em tham gia văn nghệ đều được khen thưởng. Những phần thưởng chỉ là chiếc bao bì phân đạm, vài phíp nhưng thể hiện sự quan tâm của chính quyền, hợp tác xã đối với phong trào văn hóa văn nghệ. Đội chiếu bóng lưu động của huyện và điện ảnh quân đội vượt qua khói lửa đạn bom đem đến cho Nhân dân Đô Thành những thước phim sinh động về chiến trường miền Nam, lòng quả cảm của quân dân ta đánh Mỹ và những gương tiêu biểu trong sản xuất và chiến đấu của miền Bắc anh hùng,... Dưới tán lá cây vườn, người dân chăm chú theo dõi, quên cả tiếng gầm rú của máy bay Mỹ. Cuộc sống tinh thần của người dân không vì bom đạn, đau thương tang tóc, không vì khó khăn gian khổ mà nghèo đi. Ngược lại, sự lạc quan, lòng vị tha, tình cảm của hậu phương với tiền tuyến càng được nhân lên gấp bội. Mỗi bất hòa, sự nhỏ nhen, tính tư lợi bị dẹp bỏ. Tình yêu và hạnh phúc lứa đôi vẫn nảy nở, đơm hoa kết trái mặc cho mưa bom bão đạn. Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ xã được giao nhiệm vụ tổ chức đám cưới trong xã. Đám cưới tuy đơn giản nhưng vẫn đảm bảo nghiêm túc, trang trọng. Bát nước chè xanh, đĩa trầu cau nhưng vẫn đông đủ anh em, bạn bè đồng chí, bài hát và lời phát biểu của lãnh đạo là quà mừng giành cho cô dâu, chú rể. Khẩu hiệu, câu đối, tranh ảnh trang trí đám cưới đều thể hiện quyết tâm đánh Mỹ.

Trạm Y tế xã trong giai đoạn này không những làm tốt nhiệm vụ tuyên truyền, vận động phòng trừ dịch bệnh, chỉ đạo phong trào xây dựng ba công trình vệ sinh (hố xí hai ngăn, nhà tắm, giếng xây), chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân mà còn thành lập các tổ cứu thương, trực tiếp hướng dẫn và chỉ huy công tác sơ cứu những người bị nạn do bom đạn Mỹ gây ra.

Mất mát, hy sinh, khó khăn thiếu thốn, luôn phải đối mặt với cái chết nhưng người dân Đô Thành vẫn hướng ra tiền tuyến, dành trọn tình cảm, vật chất cho những người con thân yêu ngoài chiến trường. Không chỉ kéo pháo ra, vào trận địa, đào đắp công sự, bê lá ngụy trang, góp vài vốc lau pháo mà còn ủng hộ các đơn vị bộ

đội, các đội dân quân trực chiến tiền, gạo, thực phẩm, chè xanh,... Phong trào “Hũ gạo tiết kiệm nuôi quân” do Hội Phụ nữ phát động được chị em hưởng ứng nhiệt liệt. Mỗi lần các đơn vị quân đội dừng chân nghỉ ngơi trên đường hành quân “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”, các mẹ, các chị, các em đều quan tâm chăm sóc chu đáo như đối với người con, người chồng, người anh của mình. Hàng trăm đoàn quân lên đường đi chiến đấu mãi mãi mang theo hình ảnh, tình cảm đẹp đẽ về xóm làng và con người Đô Thành trong những năm tháng chiến tranh ác liệt.

Xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới

Trong suốt thời kỳ chống chiến tranh phá hoại của Mỹ, công tác chính trị tư tưởng rất được cấp ủy Đảng và các đoàn thể quan tâm. Thông qua các đợt sinh hoạt, sơ tổng kết công tác lãnh đạo, chỉ đạo,... đã góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị cho cán bộ, đảng viên. Đặc biệt, trong những năm tháng địch bắn phá ác liệt trên quê hương (1966 - 1968), gây thiệt hại về người và của, công tác tư tưởng được xúc tiến mạnh mẽ đã đẩy lùi mọi biểu hiện hữu khuynh, dao động, thoái thác nhiệm vụ, ngại hi sinh trong một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Công tác tổ chức bộ máy cán bộ được cấp ủy Đảng quan tâm, coi đó là khâu then chốt đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng. Khi bước vào thời kỳ chiến tranh, cấp ủy Đảng đã phân công đảng viên phụ trách các ngành, các đoàn thể phù hợp năng lực từng người và sự tín nhiệm của quần chúng. Đặc biệt, Đảng bộ đã bố trí những đảng viên nhiệt tình, bản lĩnh chính trị vững vàng, phụ trách công tác quân sự, an ninh, đi dân công hỏa tuyến. Tinh thần “Đảng viên đi trước làng nước theo sau” đã trở thành hành động cụ thể của toàn Đảng bộ. Nhờ vậy, đa số cán bộ, đảng viên được Nhân dân tin yêu, vai trò lãnh đạo của Đảng bộ ngày càng được nâng lên.

Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, cấp ủy đã kết hợp vừa biểu dương cán bộ, đảng viên có nhiều thành tích trong sản xuất, chiến

đấu, đồng thời kiên quyết xử lý những cán bộ, đảng viên sai phạm, sa sút về phẩm chất chính trị, ý chí và thoái thác nhiệm vụ.

Công tác bồi dưỡng đào tạo cán bộ, phát triển đảng viên được Đảng bộ hết sức coi trọng. Trong những năm 1965 - 1968, Đảng ủy đã cử một số đảng viên tham dự các lớp học chính trị sơ cấp, trung cấp ở trường Đảng của huyện, tỉnh. Đồng thời cử cán bộ dự các lớp học tập nâng cao trình độ quản lý và bồi dưỡng nghiệp vụ, chỉ đạo công tác an ninh, quốc phòng do ngành chủ quản cấp trên tổ chức. Đảng bộ luôn quan tâm đến đội ngũ cán bộ trẻ và cán bộ là nữ. Thông qua phong trào thi đua “Hai giỏi”, “Ba sẵn sàng”, “Ba đảm đang”, Đảng bộ đã bồi dưỡng, kết nạp nhiều đảng viên mới.

Mặt trận Tổ quốc trong thời kỳ này đã có đóng góp tích cực trong việc vận động các thành viên trong khối mặt trận tham gia vào công tác cải tiến quản lý hợp tác xã; động viên mọi tầng lớp Nhân dân sản xuất và chiến đấu; vận động đoàn viên thanh niên, hội viên gia nhập quân đội, đi thanh niên xung phong và đi dân công hỏa tuyến. Trong quá trình hoạt động, Mặt trận đã có nhiều biện pháp tích cực nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong việc xây dựng Đảng, chính quyền và hợp tác xã vững mạnh. Thành công của các cuộc bầu cử Hội đồng Nhân dân cũng như bầu ban quản trị hợp tác xã trong giai đoạn này gắn liền với đóng góp to lớn của mặt trận. Khối đoàn kết toàn dân được củng cố, tình làng nghĩa xóm ở vùng quê Đô Thành ngày càng được thắt chặt.

Đoàn Thanh niên luôn luôn xứng đáng là cánh tay đắc lực của Đảng. Qua phong trào thi đua “Ba sẵn sàng”, đoàn xã Đô Thành đã thể hiện được vai trò nòng cốt trong công tác chiến đấu, phục vụ chiến đấu, sản xuất và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật và giống mới vào sản xuất. Nhiều đoàn viên hăng hái gia nhập lực lượng dân quân tự vệ, đi bộ đội, tham gia thanh niên xung phong. Một số đoàn viên đã xung phong vào đội cảm tử ra phá bom đạn trên tuyến đường 205. Đoàn còn bồi dưỡng, giới thiệu cho Đảng nhiều đoàn viên ưu tú.

Với phong trào “Ba đảm đang”, chị em phụ nữ Đô Thành không những gánh vác việc nhà nuôi dạy con ngoan, phụng dưỡng

cha mẹ già mà còn đóng vai trò quan trọng trong phong trào lao động sản xuất. Là lực lượng lao động chính ở địa phương, chị em phụ nữ đã kiên trì, chịu khó tiến hành các biện pháp xen canh, tăng vụ, làm phân hữu cơ, chăm bón, phòng trừ sâu bệnh, đem lại hiệu quả kinh tế khá, đảm bảo sản lượng lương thực phục vụ nhu cầu ở địa phương và làm nghĩa vụ cho Nhà nước.

Chiến đấu và phục vụ chiến đấu

Sau sự kiện ngày 5/8/1964, mở đầu cho cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất. Đô Thành là xã có vị trí chiến lược quan trọng vì thế trong suốt những năm chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ, xã trở thành một trong những điểm bị đánh phá ác liệt trên địa bàn huyện Yên Thành.

Đề tiêu diệt các phương tiện vận tải qua lại trên con đường 205, giặc Mỹ đã hàng trăm lần ném bom, bắn rốc két xuống Đô Thành. Riêng khu vực Hòn Nắc - nơi có chiếc cầu xi măng bắc qua sông Đào, đã bị máy bay Mỹ ném bom, bắn phá hàng chục lần. Lực lượng trực chiến của xã Đô Thành do Xã đội trưởng Hồ Đức Niệm đã liên tục tổ chức đánh địch trên các điểm cao ở Hòn Nắc, Hòn Ròng bảo vệ kho vũ khí, các đơn vị, đoàn xe ô tô trú ẩn tại địa phương. Tiêu biểu, vào đêm ngày 11/7/1968, khi một đại đội vận tải với hàng chục xe ô tô vừa đến địa phương Đô Thành máy bay địch đã đến bắn phá. Dân quân trực chiến bằng súng trường và 12 ly 7 đã chống trả quyết liệt làm cho địch vội vã tháo chạy. Ngay sau đó, lực lượng dân quân thường trực đã kịp thời cứu dân và ứng cứu đắp đoạn đê nông giang bị bom đánh vỡ đảm bảo nước tưới cho hàng ngàn héc-ta sản xuất của 2 huyện Diễn Châu và Quỳnh Lưu. Tiếp đó, vào đêm 16/7/1968, máy bay Mỹ tiếp tục đánh phá khu vực này, lực lượng dân quân với khẩu 12 ly 7 và súng trường K44 đã bắn một máy bay Mỹ bị trọng thương và rơi ngoài biển, với trận đánh này xã đã bảo vệ thành công 30 xe quân sự chở đạn dược, khí tài vào nơi an toàn.

Địch không chỉ đánh phá giao thông, vào các điểm tập kết quân sự trên địa bàn Đô Thành mà còn ném bom vào cả các khu

vực dân cư của xã. Các xóm Sung Yên, Yên Hội, Thọ Vực, Xuân Lai, Triêm Vũ, đã bị trúng bom nhiều lần. Hàng trăm ngôi nhà bị thiêu cháy, hàng chục người dân lương thiện bị thiệt mạng.

Trong khói lửa ác liệt của bom đạn, cùng với quân dân các địa phương, Nhân dân Đô Thành đã dũng cảm vượt qua mọi khó khăn gian khổ, duy trì sản xuất, sẵn sàng đánh trả máy bay của kẻ thù khi chúng đến gây tội, góp phần bảo đảm mạch máu giao thông thông suốt trong mọi tình huống. Lực lượng dân quân tự vệ của Đô Thành cũng được kiện toàn. Toàn xã, đội dân quân được phiên chế thành 5 trung đội theo từng đơn vị hợp tác xã nông nghiệp. Các trung đội này vừa đảm nhận nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu, vừa là lực lượng chủ lực trong sản xuất và bảo đảm giao thông.

Ngoài lực lượng dân quân đại trà, xã đội còn tổ chức 2 đội trực chiến, 1 đội cứu thương và 1 đội xe thồ.

Tiểu đội trực chiến của Đô Thành gồm 2 khẩu 12 ly 7 và nhiều tay súng bộ binh đã không quản nắng mưa, rét mướt, bom đạn, ngày đêm bám trụ trên các điểm cao của Hòn Đèn, Hòn Nắc, Hòn Ròng,... sẵn sàng đánh trả bọn giặc trời khi chúng đến gây tội ác.

Họ đã cùng với các đơn vị bạn, chiến đấu hàng trăm trận với máy bay Mỹ góp phần hạn chế những thiệt hại do bom đạn của kẻ thù gây ra đối với người và tài sản của Nhà nước và nhân dân.

Là địa phương có đường chiến lược 205 chạy qua, công việc ứng cứu giao thông trong những năm chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mỹ đã trở thành một nhiệm vụ nặng nề, gian khổ nhất của quân và dân Đô Thành.

Ngoài thời gian sản xuất, Nhân dân Đô Thành đã khai thác và vận chuyển được hàng ngàn mét khối đá học lên tập kết dọc 2 bên đường 205 để phục vụ cho việc san lấp hố bom. Và cũng chính bằng công sức của mình, những người dân cày Đô Thành đã đào đắp được 350 hầm tròn và hầm chữ A dọc con đường chiến lược 205.

Sau mỗi trận đánh của máy bay Mỹ, hễ có hiệu lệnh báo động ứng cứu giao thông, thì các đơn vị dân quân đã kịp có mặt để cứu xe, cứu hàng, san lấp đường... Những việc làm ấy không chỉ một

lần mà diễn ra hàng chục, hàng trăm lần trong những năm chống cuộc chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ. Gặp lúc mưa lớn, địch đánh hỏng đường, xe sa lầy, nhiều gia đình ở Đô Thành đã tự nguyện mang gỗ của nhà mình, có khi cả bộ phận nằm để lót cho xe qua. Lúc bấy giờ, cán bộ địa phương mà trước hết là những đồng chí giữ các cương vị chủ chốt, như Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch xã, Xã đội trưởng, Trưởng Công an xã,... hầu như không lúc nào vắng mặt ở những vị trí xung yếu của sản xuất và chiến đấu.

Sự có mặt của họ không chỉ để động viên tinh thần lao động và chiến đấu của quân dân địa phương mình mà thực sự đã đồng cam cộng khổ với mọi người trong việc thông xe, thông đường. Thời ấy, không có sự phân biệt việc A của anh, việc B của tôi, việc này cấp này giải quyết, việc nọ cấp kia điều hành,... mà chỉ có sự phân biệt rạch ròi giữa người dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám hy sinh với kẻ do dự, hèn nhát.

Đội cứu thương, tải thương cùng với các đồng chí y tá địa phương luôn luôn có mặt kịp thời ở những nơi địch đánh phá, dừng cảm xông pha, kịp thời để cứu chữa đồng chí, đồng bào bị thương.

Chị em phụ nữ không chỉ đảm đương việc nhà cửa, ruộng vườn để chồng con lên đường đi chiến đấu, mà còn là lực lượng xung kích trên nhiều lĩnh vực công tác: Chị Nguyễn Thị Hành, Vũ Thị Duyên Hội trưởng Hội Phụ nữ, chị Trần Thị Nguyệt, Đậu Thị Yến, Bí thư Đoàn Thanh niên, và nhiều mẹ, nhiều chị đã ngày đêm tận tụy với mọi công việc chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Trong những ngày hè nóng bỏng của năm 1968, các bà, các chị trong Hội Phụ nữ cùng các em học sinh Đô Thành đã gánh được hàng trăm gánh nước tưới mát công sự của bộ đội phòng không và dân quân trực chiến. Các mẹ, các chị đã tổ chức góp tiền, mua chè xanh, nấu nước gánh ra trận địa phục vụ các đơn vị chiến đấu.

Trong điều kiện chiến tranh ác liệt, đời sống của đại bộ phận nhân dân Đô Thành, còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng bà con lao động vẫn dành dụm những bó rau, buồng chuối, quả bầu, con lợn, con gà,... đem bán cho các bếp ăn của bộ đội. Riêng năm 1969,

xã Đô Thành đã bán cho bộ đội được 6.520kg rau, bầu, bí và hơn 2 tấn thịt lợn.

Mỗi khi máy bay và tàu chiến Mỹ đánh phá dữ dội, thì nhiều đồng bào Diễn Châu ở phía Đông quốc lộ 1 đã sơ tán về Đô Thành. Cán bộ và Nhân dân Đô Thành đã thu xếp nơi ăn, chốn ở và giúp bà con sơ tán giải quyết những khó khăn trong sản xuất và sinh hoạt,... Có thể nói rằng: Chưa lúc nào tình thân ái giữa con người với con người lại sâu đậm như những năm tháng đạn bom ác liệt này. Chính tình thương đồng chí, đồng bào là một trong những yếu tố giúp quân và dân ta vượt qua mọi khó khăn, gian khổ để đi đến thắng lợi.

2. Tranh thủ điều kiện hòa bình, khôi phục kinh tế, củng cố lực lượng, sẵn sàng chiến đấu (1969 - 1972)

Sau khi Mỹ chấm dứt ném bom phá hoại miền Bắc lần thứ nhất, Đô Thành đứng trước muôn vàn khó khăn. Lực lượng lao động chính vừa thiếu, vừa yếu do thanh niên đang ở chiến trường, nam giới khỏe mạnh đi dân công hỏa tuyến. Hố bom nham nhở khắp cánh đồng, đường làng, ngõ xóm, trụ sở, kho tàng bị hư hỏng do bị bom đạn Mỹ phá hoại. Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Đảng bộ và Nhân dân Đô Thành lúc này là phải nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, tiếp tục đẩy mạnh sản xuất.

Đề lãnh đạo Nhân dân bước vào giai đoạn mới, thực hiện chủ trương của Huyện ủy Yên Thành, cuối năm 1968, Đảng bộ Đô Thành tổ chức đại hội lần thứ VII, nhiệm kỳ 1969 - 1970. Tiếp đó, Đảng bộ tiến hành Đại hội lần thứ VIII, nhiệm kỳ 1970 - 1971. Cuối năm 1971, Đảng bộ đã tiến hành Đại hội lần thứ IX, nhiệm kỳ 1971 - 1972. Các kỳ đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 9 đồng chí, đảm nhiệm chức vụ Bí thư giai đoạn này là đồng chí Nguyễn Thái Trạc; Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã là các đồng chí: Nguyễn Thái (1969 - 1970), Nguyễn Hải (1/1971 - 12/1971), Nguyễn Hồng Xuynh (1972 - 1973); Ủy viên Thường vụ, Trục Đảng là các đồng chí Nguyễn Văn Thái (1969), Lê Văn Đồi (11/1969 - 3/1971), Nguyễn Luyến (4/1971 - 4/1972).

Các kỳ đại hội đã xác định nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn này là: Tập trung khắc phục hậu quả chiến tranh, huy động mọi lực lượng khôi phục, sửa chữa hệ thống kênh mương, đường giao thông, đảm bảo gieo trồng hết 100% diện tích; tổ rà phá bom mìn của xã tiến hành thu gom xử lý bom đạn Mỹ chưa nổ để đảm bảo an toàn cho Nhân dân trong sản xuất và sinh hoạt; đầu tư sửa chữa, xây mới trụ sở, trường học, kho tàng, sân phơi đảm bảo mọi hoạt động của các cơ quan, trường học,... trở lại bình thường. Nhằm tiếp tục cải tiến, nâng cao vai trò của hợp tác xã, tiến hành thực hiện cải tiến phương thức khoán và ăn chia phân phối trong hợp tác xã để đảm bảo giá trị ngày công cao, tránh tình trạng tùy tiện trong khâu quản lý lao động cũng như phân công lao động theo từng loại công việc, chấm dứt hiện tượng “rong công phóng điểm” trong khâu chấm công, bình công ở đội sản xuất. Kết hợp giữa khôi phục kinh tế với nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho Nhân dân, đẩy mạnh hoạt động văn hóa và giáo dục.

Đảng ủy đã căn cứ chủ trương của cấp trên, đề ra nhiệm vụ khắc phục hậu quả chiến tranh phá hoại lần thứ nhất do Mỹ gây ra. Để kịp thời giải phóng đồng ruộng, đảm bảo mở rộng diện tích trồng trọt và sự an toàn cho Nhân dân khi ra đồng sản xuất, Đảng ủy đã chỉ đạo đội rà phá bom mìn cùng một số thanh niên dũng cảm, bộ đội xuất ngũ dưới sự hướng dẫn của công binh tỉnh và quân khu tiến hành đến từng cánh đồng, các tuyến đường giao thông để phát hiện và tháo gỡ các loại bom đạn địch chưa nổ, thu gom các loại vũ khí, chất nổ còn vương vãi khắp nơi để xử lý. Các hợp tác xã huy động tất cả mọi lực lượng lao động ra đồng san lấp hố bom, nhặt các mảnh bom đạn, sửa chữa đường giao thông và hệ thống thủy lợi. Với tinh thần làm việc khẩn trương và nhiệt tình, chỉ trong một thời gian ngắn, đã tháo gỡ được hàng trăm quả bom, hàng chục hố bom được san lấp, hàng chục héc ta đã được giải phóng đưa vào sản xuất. Các tuyến đường giao thông liên hương, liên xã, tỉnh lộ chạy qua xã được nhanh chóng phục hồi, hàng chục cầu cống trên các tuyến đường và kênh mương được tu sửa và làm

mới, hàng chục ngàn mét đường được sửa chữa, bồi đắp đảm bảo nhu cầu đi lại, vận chuyển phục vụ sản xuất và đời sống. Hệ thống kênh mương nội đồng, bờ vùng bờ thửa được gia cố thêm tạo điều kiện cho việc tưới tiêu. Hưởng ứng chiến dịch thi đua giành “ba nhất” do Huyện ủy phát động (năng suất cao nhất, diện tích nhiều nhất, tổng sản lượng lớn nhất), Đảng bộ đã chỉ đạo hợp tác xã huy động xã viên tập trung thực hiện tốt nhất ba cao trào: thủy lợi, chăm bón, trồng rau màu và cây công nghiệp. Với những cố gắng nỗ lực của toàn Đảng bộ và xã viên hợp tác xã, nên năng suất lúa cả năm 1969 tăng.

Giữa lúc Đảng bộ và Nhân dân xã nhà đang ra sức thi đua khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội thì ngày 2/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời. Cùng với Nhân dân cả nước, Đảng bộ và Nhân dân xã nhà tổ chức Lễ truy điệu Bác Hồ. Hàng ngàn người dân đủ mọi thành phần lứa tuổi bồi hồi xúc động lắng nghe Di chúc thiêng liêng của Người và điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Biến đau thương thành hành động cách mạng, Đảng ủy đã nhanh chóng triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết đặc biệt của Tỉnh ủy về phát động “phong trào 3/9” (theo thông báo lúc đó là Bác mất ngày 3/9). Với tấm lòng kính yêu và tiếc thương vô hạn đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ và Nhân dân Đô Thành đã hưởng ứng phong trào thi đua với khí thế quyết tâm cao độ, thực hiện khẩu hiệu: “Sống, chiến đấu, lao động, học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Mọi mục tiêu chủ yếu của sản xuất như thâm canh tăng năng suất, thủy lợi, làm phân bón,... đều hoàn thành tốt. Mặc dầu gặp nhiều khó khăn về dịch cúm lây lan và kéo dài trên địa bàn huyện vào đầu năm 1970 và vụ mùa gặp hạn hán nặng, nhưng diện tích các loại cây trồng đều đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch, nhất là diện tích khoai lang và lạc tăng hơn năm trước 30%, đạt diện tích và sản lượng cao nhất từ trước đến nay.

Cùng với lãnh đạo khôi phục kinh tế, Đảng bộ quan tâm đến hoạt động văn hóa văn nghệ, giáo dục và y tế. Đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo, Đảng bộ quán triệt quan điểm “Vì lợi ích mười

năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người” của Bác Hồ, chỉ đạo nhà trường đẩy mạnh phong trào thi đua “Hai tốt”, chú trọng phát triển cả về số lượng và chất lượng. Các nhà trường đều tích cực động viên đội ngũ giáo viên phát huy vai trò và đạo đức của người giáo viên nhân dân trong việc dạy học và hướng dẫn, kèm cặp học sinh học tập tốt kết hợp với tu dưỡng đạo đức. Phương châm giáo dục “Học đi đôi với hành”, “Nhà trường gắn với xã hội” được lãnh đạo nhà trường chỉ đạo thực hiện. Chất lượng giáo dục có những tiến bộ đáng kể, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp cao, có học sinh đạt học sinh giỏi huyện. Một số giáo viên gương mẫu, có nhiều thành tích được kết nạp vào Đảng. Các lớp vỡ lòng được thành lập trong giai đoạn thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ I đến giai đoạn này vẫn tiếp tục được duy trì. Cơ sở vật chất cho các lớp vỡ lòng nằm rải rác ở các xóm cùng sử dụng chung với nhà gửi trẻ do các đội sản xuất quản lý. Giáo viên vẫn là những người ăn công điểm gián tiếp của hợp tác xã. Tất cả các vùng trong xã đều có nhà gửi trẻ và lớp vỡ lòng.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cũng tiếp tục được quan tâm đầu tư. Toàn xã có một đội văn hóa tuyên truyền do Ban văn hóa xã phụ trách. Hằng năm, nhân dịp ngày Tết Nguyên đán, ngày Quốc khánh 2/9 hoặc ngày kỷ niệm thành lập Đoàn 26/3, ngày giao quân,... đều tổ chức liên hoan biểu diễn văn nghệ. Các đợt vận động chính trị thực hiện chủ trương của Đảng đều tổ chức tuyên truyền, cổ động bằng hình thức kẻ khẩu hiệu ở những nơi trung tâm, tổ chức học sinh, thanh - thiếu niên đi diễu hành cổ động... Công tác vệ sinh, y tế tiếp tục được đầu tư về cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ cũng như chất lượng khám và chữa bệnh. Trạm Y tế xã được tu sửa và xây mới một số phòng điều trị, nhà hộ sinh và nhà thuốc, tạm đủ để phục vụ nhu cầu chữa bệnh của nhân dân.

Trạm y tế tiếp tục kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế thôn xóm. Cùng với nâng cao hiệu quả chăm sóc, bảo vệ sức khỏe ban đầu của nhân dân, Đảng ủy chỉ đạo trạm y tế phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể phát động phong trào vệ sinh

phòng dịch, thực hiện ăn, ở hợp vệ sinh, bài trừ các mê tín dị đoan trong công tác chữa bệnh. Phong trào làm 3 công trình vệ sinh (hố xí 2 ngăn, giếng nước, nhà tắm) được phát động và thu được kết quả khá, công tác phòng trừ dịch bệnh được thực hiện triệt để.

Năm 1972, đế quốc Mỹ trở lại đánh phá ác liệt miền Bắc, chiến tranh đã tạm ngừng trên bầu trời của quê hương, song máy bay tàu chiến địch vẫn liên tục xâm phạm vùng trời vùng biển miền Bắc. Chúng đẩy mạnh hoạt động gián điệp, biệt kích, chiến tranh tâm lý âm mưu phá hoại miền Bắc chiếm đóng lâu dài miền Nam. Trước những âm mưu, hành động xâm lược mới của Mỹ, Đảng bộ tập trung chỉ đạo xây dựng, củng cố lực lượng dân quân tự vệ, tiến hành huấn luyện thường xuyên, xây dựng các phương án tác chiến ở các khu vực trọng điểm. Bên cạnh đó, Đảng ủy còn tổ chức các buổi phổ biến chủ trương sẵn sàng chiến đấu của cấp trên, giáo dục ý thức cảnh giác sẵn sàng chiến đấu; chỉ đạo Ban công an, Ban Chỉ huy quân sự xã và đội ngũ công an viên các xóm tổ chức tuần tra canh gác thường xuyên ở các khu vực có khả năng địch sẽ đột nhập. Tăng cường giáo dục ý thức phòng gian bảo mật trong mọi tầng lớp nhân dân, có nhiều biện pháp để bảo vệ trị an thôn xóm. Với những biện pháp chỉ đạo tăng cường quốc phòng an ninh một cách kịp thời nên xã đã giữ vững được trật tự an toàn xã hội, tăng cường được sức mạnh của lực lượng dân quân du kích, công an, chủ động bước vào cuộc chiến đấu mới khi kẻ thù tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai (4/1972 - 1/1973).

Bên cạnh tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh trên địa bàn, Đảng bộ chú trọng đến việc thực hiện nghĩa vụ bổ sung quân số cho lực lượng vũ trang chủ lực. Thanh niên Đô Thành hăng hái lên đường nhập ngũ, năm 1971 và 1972 có 2 đợt giao quân lớn theo chỉ thị của Bộ Quốc phòng, Đô Thành đã có hàng chục người gia nhập quân đội. Có những thanh niên chưa đủ 18 tuổi nhưng vẫn hăng hái gia nhập quân đội.

Là một Đảng bộ có trên 200 đảng viên có truyền thống đấu tranh cách mạng và kinh nghiệm lãnh đạo, nên việc nâng cao sức

manh chiến đấu của Đảng nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới được Đảng bộ tiếp tục quan tâm. Trước hết là việc giáo dục ý thức cảnh giác trước âm mưu của kẻ thù, phê phán tư tưởng chủ quan, thiếu cảnh giác và nghiêm khắc với những biểu hiện thoái hóa biến chất của một số đảng viên ngại gian khổ hy sinh. Thông qua cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và xây dựng “chi bộ 4 tốt”, công tác xây dựng Đảng trong những năm 1970 - 1972, có nhiều biến chuyển tốt, nhất là sau khi triển khai thực hiện Chỉ thị số 192-CT/TW của Trung ương (năm 1971). Số đông đảng viên trong toàn Đảng bộ đã tích cực đi đầu gương mẫu trong các phong trào lao động sản xuất. Nội dung sinh hoạt chi bộ, sự phân công trách nhiệm trong cấp ủy cũng cụ thể sát hơn, công tác phát triển đảng viên, nhất là đảng viên “lớp Hồ Chí Minh” (năm 1970) được thực hiện có kết quả và chặt chẽ. Nhiều cán bộ, quần chúng tích cực được bồi dưỡng và kết nạp vào Đảng, đặc biệt là tỷ lệ đảng viên trẻ mới kết nạp chiếm gần 90%.

Cùng với cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, Đảng ủy tiếp tục quan tâm kiện toàn bộ máy chính quyền đoàn thể từ xã xuống các thôn, xóm - đội sản xuất, làm cho tổ chức chính quyền, đoàn thể và hợp tác xã đảm bảo được vai trò, chức năng của mình trong công tác xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, quốc phòng và an ninh. Nhiều cán bộ chính quyền, đoàn thể, hợp tác xã tiếp tục được Đảng ủy giới thiệu đi học tại trường Đảng huyện và các trường kỹ thuật nghiệp vụ ở tỉnh.

Công cuộc khôi phục kinh tế, khắc phục hậu quả chiến tranh của Nhân dân ta đang thu nhiều kết quả thì từ tháng 4/1972 đế quốc Mỹ điên cuồng dùng không quân và hải quân đánh phá trở lại miền Bắc hòng cứu vãn nguy cơ phá sản của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” ở miền Nam.

Cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai của Mỹ vượt xa cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất về quy mô và cường độ đánh phá, sử dụng phổ biến các loại máy bay phản lực tối tân - kẻ cả “pháo đài bay” B.52, máy bay F111; Kết hợp ném bom, pháo

kích, rải thủy lôi phong tỏa hải cảng, cửa sông, luồng lạch miền Bắc, áp dụng các thành tựu của khoa học kỹ thuật vào việc ném bom hủy diệt miền Bắc.

Do có vị trí chiến lược quan trọng, nên Đô Thành nói riêng, huyện Yên Thành nói chung phải hứng chịu sự đánh phá ác liệt của không quân Mỹ. Trong hai năm 1971 - 1972, máy bay Mỹ đã 114 lần đánh phá Đô Thành, đã có hàng ngàn quả bom tấn, bom bi, rốc két rơi xuống khu vực cầu cống, đường xá, khu dân cư, đã làm cho 17 người chết, 21 người bị thương, 13 ngôi nhà dân bị cháy và sập. Có ngày máy bay địch gầm rú bắn phá liên tục 3 - 4 đợt vào khu vực cầu Nông Giang nhưng lực lượng vũ trang và Nhân dân xã Đô Thành đã tổ chức chiến đấu, phòng tránh đánh địch, hạn chế thiệt hại đến mức thấp nhất. Tiêu biểu, ngày 22/8/1972, khi máy bay Mỹ ném bom làm sập cầu bắc qua sông Đào, ngay lập tức lực lượng dân quân, lực lượng thanh niên cùng Nhân dân trong xã nhanh chóng góp gỗ, chặt cây, gom vật liệu bắc lại cây cầu, trong một thời gian ngắn cây cầu đã thông nhịp, đảm bảo cho xe ô tô và xe thô đi qua vận chuyển hàng vào Nam.

Cùng với công tác phòng không sơ tán, chiến đấu bảo vệ quê hương, lực lượng vũ trang và Nhân dân Đô Thành còn tham gia công tác giao thông vận tải đảm bảo thông đường, thông xe, bảo vệ các phương tiện giao thông vận tải. Các đội xe thô vận tải đường bộ, đội thuyền vận tải đường thủy của xã dũng cảm lên đường làm nhiệm vụ. Nhân dân đã đóng góp hàng ngàn gánh bổi, hàng ngàn cọc tre, phen, hàng trăm khối đá để đảm bảo giao thông.

Không những trực tiếp tham gia chiến đấu bảo vệ quê hương, Đảng bộ còn lãnh đạo Nhân dân làm tốt nhiệm vụ chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến. Các đợt tuyển quân, tuyển dân công hỏa tuyến đều đảm bảo chỉ tiêu trên giao, một số đồng chí trong cấp ủy, chính quyền xã và cả các đồng chí cán bộ Đoàn cũng xung phong lên đường nhập ngũ và đi dân công. Nghĩa vụ lương thực và thực phẩm cho tiền tuyến cũng được Nhân dân hoàn thành chỉ tiêu, năm 1972 đạt mức huy động cao nhất 2.000 tấn lương thực, thực phẩm.

Cùng với chiến đấu và phục vụ chiến đấu, công tác dạy và học, sinh hoạt văn hóa - văn nghệ trong điều kiện chiến tranh tuy có bị ảnh hưởng song vẫn tiếp tục được giữ vững. An ninh, trật tự xã hội được đảm bảo. Mọi mặt sản xuất vẫn tiếp tục phát triển.

Bị thất bại nặng nề trên cả 2 miền Nam - Bắc, 12 ngày đêm cuối tháng 12/1972, Mỹ huy động lực lượng máy bay chiến lược B.52 với gần 200 chiếc (50% tổng số B.52 Mỹ hiện có) mở cuộc tập kích chiến lược vào Hà Nội, Hải Phòng hòng khuất phục Nhân dân ta phải chấp nhận các điều khoản thương lượng của chúng. Quân và dân miền Bắc đã lập nên một trận “Điện Biên Phủ trên không” bắn rơi 34 “pháo đài bay” B.52, 5 chiếc F111, bắt sống 44 giặc lái, buộc Mỹ phải ký hiệp định Paris (27/1/1973) chấm dứt chiến tranh rút hết quân đội và nhân viên quân sự về nước. Nhân dân miền Bắc nói chung, Đô Thành nói riêng bước sang giai đoạn cách mạng mới.

IV. ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN HÀN GẮN VẾT THƯƠNG CHIẾN TRANH, KHÔI PHỤC KINH TẾ, CHI VIỆN MIỀN NAM HOÀN THÀNH SỨ MỆNH THỐNG NHẤT TỔ QUỐC (1973 - 1975)

Chiến tranh phá hoại chấm dứt, Đô Thành hân hoan trong không khí hòa bình, nhưng hậu quả của cuộc chiến tranh vẫn còn hiện hữu. Nhiệm vụ đặt ra lúc này là nhanh chóng bắt tay vào việc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện nghĩa vụ của hậu phương đối với tiền tuyến lớn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng cùng sự nỗ lực của toàn dân xây dựng lại nhà cửa; tiến hành rà phá bom nổ chậm, bom bi còn rải rác trong toàn xã. Các tiểu đội công binh đã rà phá thành công hàng trăm quả bom nổ chậm, bom bi trên địa bàn, đảm bảo an toàn cho Nhân dân.

Để lãnh đạo Nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ trong giai đoạn mới, từ năm 1973 - 1975, Đảng bộ xã Đô Thành đã tiến hành 3 nhiệm kỳ Đại hội, cụ thể:

- Cuối năm 1972, Đại hội Đảng bộ xã lần thứ X, nhiệm kỳ (1972 - 1973) được tổ chức, Đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm 9 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Thái Trạc giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, đồng chí Hoàng Trị - Ủy viên Thường vụ trực Đảng, đồng chí Nguyễn Hồng Xuynh - Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

- Cuối năm 1973, Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XI, nhiệm kỳ (1973 - 1974) được tổ chức, Đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm 9 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Thái Trạc giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, đồng chí Phạm Lập - Ủy viên Thường vụ trực Đảng, đồng chí Nguyễn Xuân Tô - Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

- Cuối năm 1974, Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XII, nhiệm kỳ (1974 - 1975) được tổ chức, Đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm 9 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Thái Trạc giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Định - Ủy viên Thường vụ trực Đảng, đồng chí Nguyễn Xuân Tô - Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Trên cơ sở tình hình thực tiễn của địa phương, các kỳ đại hội đề ra ba nhiệm vụ:

Trong điều kiện không có chiến tranh phải nhanh chóng khôi phục sản xuất, củng cố lại một bước cơ sở vật chất của các ngành đã bị bom đạn làm hư hỏng.

Trong nông nghiệp, đưa vụ Đông Xuân trở thành vụ chính, sử dụng các giống lúa mới vào sản xuất tiến tới loại bỏ giống cũ dài ngày, năng suất thấp.

Nhiệm vụ đối với tiền tuyến, các ngành, đoàn thể động viên, giáo dục tư tưởng trong ngành để thực hiện tốt khẩu hiệu “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”.

Sau Đại hội Đảng bộ, Nhân dân Đô Thành hăng hái thi đua lao động sản xuất để thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội đề ra.

Tháng 10/1972, từ 3 hợp tác xã, Đô Thành nhập lại thành một hợp tác xã với quy mô toàn xã gọi là Hợp tác xã Đô Thành. Sau khi sáp nhập, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Quản trị hợp tác xã, các đội thủy lợi cùng bà con xã viên thường xuyên đào đắp, tu sửa các mương máng tưới tiêu, xây dựng

bờ vùng, bờ thửa, san lấp ao hồ, gò cao tạo nên những đồng ruộng bằng phẳng tốt tươi. Ngoài ra, các hợp tác xã đã bỏ ra hàng ngàn ngày công lao động đào đắp các công trình thủy lợi nhỏ nhằm ngăn giữ nước cho các cánh đồng thiếu nước. Những công trình thủy lợi được đào đắp trong thời gian này đã góp phần cung cấp nước tưới cho hàng trăm mẫu ruộng trên nhiều cánh đồng khô hạn để có thể sản xuất 2 vụ lúa mỗi năm.

Để giải phóng đôi vai, các hợp tác xã khuyến khích các hộ gia đình dùng xe cải tiến. Công cụ này có khả năng vận chuyển khối lượng lớn, phù hợp với lao động nông nghiệp ở nông thôn. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng xe cải tiến, do trình độ bảo dưỡng có hạn, chất lượng công cụ thấp nên xe chóng bị hư hỏng. Việc sửa chữa và thay thế công cụ mới đòi hỏi một khoản kinh phí quá lớn so với thu nhập của xã viên nên việc sử dụng phương tiện vận tải vận chuyển cũng như công cụ sản xuất mới dần dần ít được bà con nông dân chú ý.

Nhằm tăng năng suất cây trồng, Đảng ủy đã chỉ đạo hợp tác xã thành lập các đội kỹ thuật, tiếp tục đưa một số giống lúa mới như: Trân Châu lùn, NN8, NN22,... vào sản xuất đại trà trên đồng ruộng. Kết hợp với cơ cấu giống lúa mới, kỹ thuật thâm canh và làm phân bón cũng được chú trọng. Trâu, bò, lợn trong các trại chăn nuôi của hợp tác xã và gia đình xã viên được nuôi thêm làm cho nguồn phân hữu cơ ngày càng dồi dào hơn. Mọi nguồn phân xanh được triệt để khai thác. Lá cây xanh, cỏ dại và phân trâu bò được ủ hoai. Cùng với việc bón phân hữu cơ, trong những năm 1972 - 1975, đồng ruộng trên địa bàn xã Đô Thành được bón thêm phân vô cơ như đạm, lân, thích hợp với cây lúa và nhiều loại cây trồng khác. Những cánh đồng nhiễm phèn được bón vôi bột để khử chua nhằm kích thích sự phát triển của cây lúa. Các biện pháp thâm canh như cày sâu, bừa kỹ, làm cỏ sục bùn, được bà con xã viên chú trọng đúng mức. Đó là những biện pháp cần thiết để đạt năng suất cao.

Không những chú trọng việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, công tác phòng trừ sâu bệnh cũng được quan

tâm đúng mức. Các hợp tác xã đã thành lập các tổ bảo vệ thực vật, nhờ vậy đã làm giảm đáng kể những thiệt hại do sâu bệnh gây nên. Công tác bảo vệ đồng ruộng và điều tiết nước tưới tiêu đều do các đội “vệ nông” của các hợp tác xã điều hành có hiệu quả.

Nhờ sử dụng giống mới và chăm bón đúng kỹ thuật, lúa trên đồng ruộng Đô Thành cho năng suất cao hơn. Bình quân lương thực đầu người cao hơn những năm trước, năm 1975 đạt 260kg/người/năm.

Trâu, bò, lợn, gà và các giống gia cầm khác được bà con nuôi từ lâu, đến nay vẫn tiếp tục duy trì và phát triển. Chăn nuôi phát triển, không chỉ cung cấp sức kéo, phân bón cho nông nghiệp, thực phẩm cho con người, mà còn tăng thêm vốn tích lũy cho tập thể hợp tác xã và các gia đình xã viên. Chuồng trại thường xuyên được quét dọn sạch sẽ và rải vôi bột. Nhờ đó, đàn lợn khỏe mạnh và tăng trọng nhanh. Các gia đình xã viên, hầu như nhà nào cũng nuôi một vài con lợn thịt. Giống lợn cỏ nhỏ con, tăng trọng chậm được loại bỏ và thay thế bằng các giống lợn Mường, Đại Bạch, Móng Cái. Nuôi các giống lợn này, vốn ban đầu bỏ ra tuy nhiều, nhưng mang lại hiệu quả kinh tế khá cao, đặc biệt giống lợn Móng Cái được nhiều gia đình nông dân ưa chuộng và trở thành giống lợn chủ lực trong chăn nuôi. Ngoài ra, các hộ gia đình còn nuôi thêm các loại gia cầm khác như gà, vịt. Nhờ đó, thu nhập của các hộ xã viên trong xã đều tăng, đời sống Nhân dân dần ổn định. Bữa ăn của người dân tuy còn phải độn ngô, khoai sắn nhưng đã khá hơn trước nhiều. Trong bữa ăn không chỉ có thêm cơm, mà còn có cá, thịt. Hiện tượng “rau - cháo qua ngày” dần dần được loại bỏ. Vải mặc chưa dồi dào, phân phối theo chế độ tem phiếu nhưng cũng tạm đủ may áo quần. Nhà ở của dân tuy chưa khang trang, chủ yếu là nhà tranh, vách đất hoặc che phen nứa, nhưng không còn dột nát như xưa. Những gia đình neo đơn, có người già yếu hoặc có người đi chiến đấu ở chiến trường xa đã được hợp tác xã cấp thêm lúa gạo, được bà con quan tâm, tu sửa nhà cửa, bảo đảm cuộc sống bình yên.

Song song với việc đẩy mạnh hoạt động sản xuất, tăng cường bộ máy quản lý hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng tiếp tục được củng cố và mở rộng. Với vốn tự có do xã viên tự nguyện đóng góp, hợp tác xã đã xây dựng cửa hàng mua bán. Hàng hóa bán trong cửa hàng theo hình thức phân phối, chủ yếu mua từ các cửa hàng thương nghiệp mậu dịch quốc doanh. Ngoài ra, cán bộ cửa hàng còn tìm nguồn, mua thêm hàng ở các nơi khác về để bán cho dân. Một số mặt hàng hiếm như vải, dầu và các vật dụng khác được bán đến tận các gia đình theo giá phân phối rẻ, hợp với túi tiền của mọi người dân. Ngoài hàng phân phối, cửa hàng hợp tác xã mua bán còn bán hàng với giá tự do, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng của bà con trong xã. Trong thời gian này, hợp tác xã mua bán không những phát huy tác dụng tích cực mà còn có phần tăng trưởng về vốn và lãi. Tiền gửi vào hợp tác xã tín dụng ở Đô Thành được đem cho dân vay nhằm phục vụ sản xuất và cải thiện cuộc sống của bà con trong xã. Nhờ đó, nhiều gia đình có tiền mua sắm thêm nông cụ sản xuất, sửa nhà và sắm những vật dụng cần thiết phục vụ cho cuộc sống của mình.

Công tác xây dựng Đảng đi vào chiều sâu, chất lượng các buổi sinh hoạt chi bộ, xếp loại đảng viên được chú ý hơn. Năm 1973, Đảng bộ xã Đô Thành có 70% chi bộ “bốn tốt”, 70% đảng viên đạt “đảng viên bốn tốt”.

Lực lượng dân quân tự vệ được củng cố, triển khai các phương án huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu. Việc đăng ký tạm trú, tạm vắng cũng được thực hiện đầy đủ. Hằng năm, công tác giao quân đều vượt chỉ tiêu trên giao, bình quân mỗi năm từ 20 - 30 người.

Chính sách hậu phương quân đội vẫn đảm bảo như: tổ chức chu đáo các buổi lễ truy điệu liệt sỹ đã có giấy báo tử; đảm bảo chính sách ưu tiên đối với gia đình thương binh, liệt sỹ, giảm các loại đóng góp công ích, tiền học phí xây dựng trường...

Cùng với những hoạt động phát triển kinh tế, củng cố chính trị, Nhân dân Đô Thành còn nỗ lực phấn đấu xây dựng mới và tu sửa hệ thống cơ sở vật chất của hợp tác xã, trụ sở, trường học và trạm y

tế. Chất lượng dạy và học được nâng lên, tỉ lệ tốt nghiệp hằng năm từ 85 - 95%. Các lớp học bổ túc văn hóa vẫn được duy trì đều đặn. Phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục - thể thao tiếp tục phát triển.

Ngày 30/4/1975, cuộc tổng tiến công và nổi dậy với đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử toàn thắng. Chế độ tay sai của Mỹ ở miền Nam hoàn toàn bị lật đổ, miền Nam hoàn toàn giải phóng. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của Nhân dân ta đã kết thúc thắng lợi vẻ vang.

Nhìn lại chặng đường hai mươi năm (1955 - 1975) vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa trực tiếp chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mỹ và chi viện cho tiền tuyến miền Nam, Đảng bộ và Nhân dân Đô Thành đã vượt qua nhiều gian khổ hy sinh, giành được nhiều thành tựu to lớn, góp phần xứng đáng cùng Nhân dân cả nước đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược. Trong suốt thời kỳ chống Mỹ cứu nước và những năm chiến đấu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa sau này, Đô Thành luôn hoàn thành xuất sắc công tác động viên thanh niên nhập ngũ, đi thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến cao nhất so với các xã trong huyện. Hầu như gia đình nào cũng có người đi chiến đấu, hoặc phục vụ chiến đấu. Có gia đình anh hy sinh, em viết quyết tâm thư bằng máu xin được tòng quân vào Nam chiến đấu đánh giặc để trả thù cho anh, cho dân tộc. Có nhiều gia đình có 4 - 5 anh em đều đi bộ đội như gia đình ông Việt ở Thọ Vực, ông Hứa ở Hoàng Lồ, ông Hoàng ở Hạc Linh,... Có 102 gia đình có 3 con trai tòng quân, 74 gia đình có 2 thế hệ cha con cùng chung chiến hào đánh giặc. Đô Thành đã có 532 người được tặng Huân chương kháng chiến và nhiều huân, huy chương các loại, nhiều người được tặng danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ, có 132 liệt sĩ đã hy sinh (trong đó có cả liệt sĩ trong phong trào cách mạng 1930 - 1931, kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, biên giới phía Bắc, biên giới Tây Nam), 12 bà mẹ Việt Nam anh hùng, 130 thương, bệnh binh.

Cùng với sự phát triển của quê hương, đất nước, Đảng bộ Đô Thành cũng không ngừng lớn mạnh. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp

của Huyện ủy Yên Thành, Đảng bộ Đô Thành đã lãnh đạo Nhân dân thực hiện các nhiệm vụ cách mạng và đạt nhiều thành tích to lớn trong sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, ổn định đời sống Nhân dân và đảm bảo an ninh quốc phòng. Trải qua 20 năm chiến đấu, tổ chức Đảng ở Đô Thành lớn mạnh về số lượng và chất lượng. Hằng năm, Đảng bộ xã Đô Thành luôn làm tốt công tác bồi dưỡng kết nạp đảng viên mới, bình quân 5 - 7 người. Số lượng đảng viên trẻ trưởng thành qua khỏi lửa chiến tranh chiếm hơn 30% tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Nhằm nâng cao trình độ, phẩm chất chính trị cho đảng viên, Đảng bộ, chi bộ Đảng, tổ Đảng Đô Thành thực hiện sinh hoạt định kỳ mỗi tháng một lần; năm 2 lần mở Hội nghị sơ kết và tổng kết công tác Đảng, bình bầu xếp loại đảng viên. Tổ chức các buổi báo cáo thời sự, học tập Nghị quyết Trung ương, cử cán bộ đi dự các lớp tập huấn do huyện và tỉnh tổ chức. Thực hiện phê bình và tự phê bình trong Đảng một cách nghiêm túc, kiên quyết loại bỏ những hiện tượng, những đảng viên biến chất ra khỏi hàng ngũ của Đảng. Cán bộ các cấp ủy Đảng, đảng viên luôn đi đầu trên mọi lĩnh vực công tác, thực hiện “bám đội lội đồng”, đi sâu đi sát tuyên truyền, vận động Nhân dân. Ban Chủ nhiệm các hợp tác xã dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy đã có những biện pháp kịp thời đúng đắn thúc đẩy sản xuất, góp phần nâng cao đời sống Nhân dân cũng như cung cấp nhân tài, vật lực phục vụ tiền tuyến.

Phần khởi, tự hào với thành tích to lớn giành được, mừng vui vì đất nước hòa bình thống nhất, Đảng bộ và Nhân dân Đô Thành hăng hái cùng Nhân dân cả nước tiếp tục con đường xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu mạnh văn minh theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Chương 4

**ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN ĐÔ THÀNH
TRONG THỜI KỲ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ
BẢO VỆ TỔ QUỐC, BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN ĐƯỜNG
LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1976 - 2000)****I. ĐẢNG BỘ ĐÔ THÀNH LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIẾP
TỤC KHẮC PHỤC HẬU QUẢ SAU CHIẾN TRANH VÀ THỰC
HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM (1976 - 1980)**

Trong bối cảnh chung của cả nước, Đô Thành sau ngày đất nước thống nhất cũng có những thuận lợi và khó khăn.

Đảng bộ xã có truyền thống đấu tranh cách mạng, ra đời trong cao trào cách mạng 1930 - 1931, trải qua 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1930 - 1975), Đảng bộ đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm lãnh đạo quần chúng. Cán bộ, đảng viên được tôi luyện thử thách, luôn giữ vững lập trường, đạo đức cách mạng, trung thành với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Người dân Đô Thành cần cù, chịu khó một nắng hai sương trên đồng ruộng, vừa giàu lòng yêu nước, dũng cảm đối mặt với kẻ thù, vừa đầy tình cảm vị tha, thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Được Đảng, Nhà nước đem lại nhiều quyền lợi, từ địa vị người dân mất nước trở thành người làm chủ quê hương, người dân luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Đất nước hòa bình, thống nhất, non sông Việt Nam liền một dải, tạo thêm niềm tin, tự hào phấn khởi để mọi người dân quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, thách thức, vươn tới giành nhiều thắng lợi trên con đường xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh.

Tuy nhiên, khó khăn về khách quan và chủ quan còn nhiều, gây những trở ngại cho con đường xây dựng, phát triển đất nước.

Đó là: Đô Thành nói riêng, dải đất vùng “cán xoong” miền Trung nói chung luôn hứng chịu nhiều thiên tai khắc nghiệt. Hết gió Lào bỏng rát đến hạn hán, lụt bão, qua mùa hè nóng nực lại đến mùa đông lạnh buốt rét đậm - rét hại. Để có hạt gạo củ khoai, củ lạc, để có con cá, con tôm, người dân phải oằn mình vượt qua bao vất vả khó khăn và có cả những hiểm nguy do thiên nhiên đem đến. Trong khi đó, chiến tranh kéo dài đã tàn phá những cơ sở vật chất mà Nhân dân ta vất vả xây dựng trong 10 năm đầu sau ngày miền Bắc giải phóng (1954 - 1964). Sức lực, của cải và cả sinh mạng con người cũng bị chiến tranh làm hao tổn. Hậu quả chiến tranh để lại cho con người và quê hương Đô Thành là rất lớn: hàng ngàn quả bom cày xới ruộng đồng, phá hủy cầu cống, đường đi, nương tước, nhà cửa, trâu bò bị thiệt hại. Trụ sở, kho tàng bị hư hỏng nặng, không sử dụng được, công sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban Nhân dân xã chưa xây dựng được, phải nhờ nhà dân để làm việc.

Dù khó khăn là vậy, nhưng niềm vui đất nước liền một dải trở thành động lực to lớn để Đảng bộ và Nhân dân Đô Thành hoàn thành kế hoạch Nhà nước đặt ra trong giai đoạn cách mạng mới - giai đoạn khôi phục kinh tế và bước đầu công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn, trước mắt là hoàn thành kế hoạch 5 năm 1976 - 1980. Để kịp thời lãnh đạo Nhân dân hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, văn hóa, xã hội trong những năm tiếp theo. Từ năm 1975 - 1980, Đô Thành tổ chức 5 kỳ Đại hội Đảng bộ, cụ thể:

- Cuối năm 1975, Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XIII, nhiệm kỳ (1975 - 1976) được tổ chức. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm 9 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Thái Trạc giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, đồng chí Phạm Lập giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ trực Đảng, đồng chí Nguyễn Nghị giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

- Cuối năm 1976, Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XIV, nhiệm kỳ (1976 - 1977) được tổ chức. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm

9 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Thái Trạc giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, đồng chí Phạm Lập giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ trực Đảng, đồng chí Nguyễn Nghị giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

- Cuối năm 1977, Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XV, nhiệm kỳ (1977 - 1978) được tổ chức. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm 9 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Thái Trạc giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, đồng chí Đàm Phở giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ trực Đảng, đồng chí Hoàng Chuông giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

- Cuối năm 1978, Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XVI, nhiệm kỳ (1978 - 1979) được tổ chức. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm 9 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Thái Trạc giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, đồng chí Đàm Phở giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ trực Đảng, đồng chí Hoàng Chuông giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

- Cuối năm 1979, Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XVII, nhiệm kỳ (1979 - 1981) được tổ chức. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm 9 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Thái Trạc giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, đồng chí Phạm Lập giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ trực Đảng, đồng chí Lê Văn Tự giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Các kỳ Đại hội đã đề ra phương hướng: “Tập trung chỉ đạo tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho hợp tác xã nông nghiệp, chú trọng nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả kinh tế, phát triển hợp tác xã mua bán, củng cố và phát triển văn hóa giáo dục, nâng cao sức khỏe cho Nhân dân”. Từ chủ trương đó xóm Dạ Sơn đã được thành lập năm 1980 theo đơn vị hành chính bước đầu chỉ có 12 hộ hoạt động theo quy chế của xóm. Cũng trong năm 1980, Hợp tác xã Đô Thành đã tách thành 2 hợp tác xã là: Hợp tác xã Nam Đô và Hợp tác xã Bắc Đô. Đảng ủy bộ phận của 2 hợp tác xã cũng được ra đời để lãnh đạo hợp tác xã phát triển kinh tế trong thời kỳ mới.

Bộ máy lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể từ xã xuống các thôn, xóm sau năm 1975 không những được kiện toàn, củng cố về tổ chức mà còn được bổ sung nhiều cán bộ trẻ, có năng lực,

được tôi luyện, thử thách trong cuộc chiến tranh chống Mỹ ở hậu phương cũng như từ chiến trường trở về. Đó là điều kiện cơ bản để Đảng bộ chỉ đạo thành công việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 1976 - 1980.

Trên mặt trận kinh tế, trọng tâm của giai đoạn 1976 - 1980 là đảm bảo đủ lương thực, thực phẩm nhằm giải quyết nạn thiếu lương thực lúc giáp hạt của những năm trước đây, đồng thời tăng cường sản xuất các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp phục vụ nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân. Việc khai hoang phục hóa các ruộng bị bom Mỹ đánh phá đã hoàn thành nhanh chóng. Xã tiếp tục thực hiện quy hoạch cải tạo đồng ruộng, san ủi toàn bộ gò đồng, chở cát về lấp cạn vũng trũng, sụt, lầy lội, tạo mặt bằng đồng ruộng, thuận tiện cho việc cày bừa máy. Các làng trong xã đều chuyển mô mả rải rác trong các cánh đồng về nghĩa trang để cải tạo mặt bằng đồng ruộng. Hợp tác xã phát động phong trào tiến quân cải tạo đồi núi, trồng cây trên các triền đồi, khai phá các bãi dưới chân núi để trồng mía, trồng khoai sắn, lập trại lợn với quy mô lớn, nuôi lợn tập thể. Hợp tác xã mua bán khuyến khích sản xuất hàng hóa vật liệu xây dựng.

Từ năm 1978 - 1979 trở đi, trong tình hình khó khăn chung của đất nước, sự phát triển kinh tế cũng gặp nhiều khó khăn. Quy mô phát triển kinh tế của hợp tác xã được mở rộng, lại được cơ giới hóa, đòi hỏi cán bộ phải có trình độ kỹ thuật và trình độ quản lý theo kế hoạch. Nhưng trình độ quản lý hợp tác xã còn thấp, chưa đáp ứng được. Tổ chức sản xuất theo đội chuyên, tuy chuyên môn hóa được việc làm, nhưng quản lý công kênh, địa bàn hoạt động mở rộng, đi lại khó khăn. Hợp tác xã đầu tư vào xây dựng các công trình thủy lợi và các cơ sở vật chất khác ngày càng nhiều, nên thu nhập của xã viên bị thu hẹp lại. Việc đầu tư kỹ thuật của tỉnh, huyện không đồng bộ, đào tạo cán bộ kỹ thuật hợp tác xã không kịp thời. Hơn nữa, tổ chức sản xuất thay đổi nhanh, nhưng ý thức tư tưởng của xã viên chưa theo kịp, có xu hướng ỷ lại hoàn toàn

vào tập thể, vào cán bộ chỉ đạo. Để huy động được nhiều nhân lực, Ban quản lý thường “rong công phóng điểm”. Xã viên tranh nhau làm những việc khoán nhiều công điểm. Do đó, giá trị ngày công xuống thấp, có vụ xuống 2 lạng thóc 1 ngày công. Xã viên không hào hứng sản xuất, chỉ làm qua loa, ngại áp dụng kỹ thuật. Thêm vào đó, ba năm (1978 - 1980) thời tiết không thuận lợi. Chiến tranh biên giới phía Bắc bùng nổ ngày 17/2/1979. Cả nước vừa có hòa bình, vừa có chiến tranh, tình hình càng phức tạp. Tình hình trên đã khiến cho các ngành sản xuất chững lại, các điều kiện kỹ thuật không đầy đủ, năng suất thấp nên thu nhập thấp, đời sống Nhân dân gặp nhiều khó khăn. Lương thực không đủ ăn, Nhân dân phải mua sắm các nơi về cứu đói.

Hoạt động văn hoá - xã hội của xã trong những năm 1976 - 1980 có nhiều chuyển biến tích cực. Các hoạt động văn nghệ, thể dục - thể thao tuy chưa thực sự sôi nổi do những khó khăn về kinh tế nhưng vào dịp các ngày lễ lớn như: Quốc khánh (2/9), Tết Nguyên đán, Ngày thành lập Đảng (3/2),... xã vẫn tổ chức các hoạt động thi hát dân ca, thi đấu bóng đá, hội trại cho thiếu nhi... thu hút nhiều lứa tuổi tham gia.

Nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục - đào tạo, Đảng bộ, chính quyền và ngành Giáo dục xã đã huy động Nhân dân đóng góp tiền của, công sức để tu sửa hệ thống trường, lớp đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh. Hệ thống giáo dục cấp 1 và cấp 2 đều phát triển cả về số lượng và chất lượng. Tỷ lệ người đi học so với dân số chiếm hơn 50%. Nhiều học sinh cấp 2 đã học lên cấp 3, sau đó theo học các trường trung cấp, cao đẳng và đại học.

Trạm y tế xã được tăng cường về số lượng nhân viên và hoạt động nhiệt tình. Từ năm 1976 - 1980 là giai đoạn Mỹ cấm vận kinh tế nên thuốc Tây phục vụ cho chữa bệnh rất khan hiếm, nhất là kháng sinh. Trạm y tế xã Đô Thành tích cực trồng cây thuốc Nam tại Trạm và các vườn gia đình như: Hương Nhu, ngải cứu, hòe,... phục vụ cho việc chữa bệnh. Đội ngũ y tế xã còn vận động bà con

ăn ở hợp vệ sinh như phát động làm giếng nước, nhà tắm, nhà tiêu hợp vệ sinh. Các nhân viên y tế đã phối hợp với Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên tuyên truyền vận động sinh đẻ có kế hoạch đảm bảo nuôi con khỏe, dạy con ngoan. Việc đặt vòng tránh thai được chị em thực hiện ngày càng phổ biến, góp phần giảm tỷ lệ tăng dân số. Tuy nhiên, việc sinh đẻ có kế hoạch thời kỳ này vẫn còn nhiều hạn chế, nhiều chị em vẫn sinh con thứ 3 trở lên.

Công tác bảo vệ trật tự an toàn làng xóm được Đảng ủy quan tâm chỉ đạo. Các hiện tượng tiêu cực, trộm cắp, gây rối trong xã được xử lý kịp thời. Chỉ tiêu tuyển quân hàng năm của xã luôn đạt và vượt kế hoạch trên giao. Đặc biệt, năm 1978, chiến tranh biên giới Tây Nam, tiếp đến năm 1979 là chiến tranh biên giới phía Bắc, các cụ phụ lão (trong đó có nhiều cụ giáo dân) đã chặt hàng ngàn cây tre, chuyển xuống để xây dựng phòng tuyến. Thanh niên tiếp tục xung phong làm nghĩa vụ quân sự, hăng hái lên đường chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc và Tây Nam Tổ quốc.

Công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đảng có nhiều tiến bộ. Chỉ thị số 72-CT/TW, ngày 8/5/1979 về việc tăng cường công tác phát triển và kiện toàn củng cố tổ chức Đảng, Chỉ thị số 83-CT/TW, ngày 26/11/1979 về phát triển đảng viên được quán triệt sâu rộng trong toàn Đảng bộ và Nhân dân. Đảng bộ xem đây là những đợt giáo dục chính trị lớn để nâng cao hơn nữa ý thức, tinh thần phấn đấu cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật và đoàn kết nội bộ, thúc đẩy cuộc vận động xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, đưa công tác quản lý đảng viên vào nền nếp, ngăn ngừa phần tử thù địch đứng vào hàng ngũ Đảng. Một số chi bộ, đảng viên yếu kém được kiểm điểm nghiêm túc, kết nạp thêm đảng viên mới đủ phẩm chất chính trị cách mạng cho Đảng.

Những thành tựu mà Đảng bộ và Nhân dân đạt được trong giai đoạn 1976 - 1980 là vô cùng quan trọng cho bước phát triển tiếp theo ở giai đoạn 1981 - 1985. Tất cả các chủ trương, biện pháp mà Đảng ủy đề ra và chỉ đạo thực hiện đều trở thành phong trào cách

mạng rộng lớn của quần chúng. Đáng kể nhất là phong trào toàn dân tham gia xây dựng các công trình thủy lợi và giao thông nông thôn, đã làm cho bộ mặt đồng ruộng và xóm làng có nhiều thay đổi cơ bản. Tổ chức bộ máy của Đảng, chính quyền, đoàn thể ngày càng vững mạnh, hoạt động có hiệu quả. Hợp tác xã nông nghiệp, cửa hàng mua bán, trạm y tế được củng cố về tổ chức, mở rộng về quy mô và hiệu quả hoạt động. Văn hóa, giáo dục có những đổi thay mới về cơ sở vật chất cũng như số lượng và chất lượng. Quốc phòng, an ninh được giữ vững, góp phần vào thắng lợi chung của Nhân dân cả nước bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, việc duy trì và tăng cường cơ chế quản lý kế hoạch hóa, tập trung quan liêu bao cấp cũng đã gây nên sự trì trệ trong sản xuất và lưu thông phân phối. Công tác quản lý vật tư, tiền vốn, tư liệu sản xuất của hợp tác xã có lúc bị buông lỏng, tư tưởng thụ động trong chỉ đạo điều hành của Ban quản trị hợp tác xã còn nặng nề, tinh thần làm chủ và sự gắn bó của xã viên với tập thể bị giảm sút. Hợp tác xã quy mô toàn xã chưa phù hợp với năng lực trình độ quản lý của đội ngũ cán bộ. Việc thực hiện chế độ ăn chia phân phối theo định suất và nghĩa vụ thực phẩm theo hộ xã viên đã làm giảm sự kích thích sản xuất phát triển. Giá trị ngày công và thu nhập của xã viên hợp tác xã thấp, đời sống Nhân dân gặp nhiều khó khăn. Đó là những hạn chế gây trở ngại lớn trên con đường phát triển, đòi hỏi Đảng bộ và Nhân dân phải phấn đấu nhiều hơn nữa trong giai đoạn cách mạng tiếp theo.

II. ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN CƠ CHẾ SẢN XUẤT MỚI (1981 - 1985)

Năm năm sau ngày đất nước thống nhất, tuy đạt được một số thành tựu nhất định nhưng cả nước nói chung và Đô Thành nói riêng đã nảy sinh nhiều bất cập. Cơ chế phân phối theo sản phẩm đang làm triệt tiêu dần tinh thần làm chủ của người lao động và tạo lỗ hổng trong ăn chia, phân phối. Mỗi khi mùa gặt về, việc

chia rơm cho trâu, bò (theo tỷ lệ trâu 2 phần, bò 1 phần) có khi còn quan trọng hơn cả số thóc chia cho người lao động theo công điểm, bởi trong rơm còn “sót” nhiều thóc. Phân phối các sản phẩm khác cũng diễn ra tương tự nghĩa là người nông dân tìm cách để có thu nhập thêm ngoài phương án phân phối của hợp tác xã. Đa số xã viên dựa vào đất 5% trồng lúa để có thêm thu nhập. Đây chính là sự bất hợp lý trong việc phân chia sản phẩm theo công điểm và phân phối các mặt hàng thiết yếu trong hệ thống thương nghiệp.

Năm 1980, để tháo gỡ những bế tắc trong sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết 06. Tiếp đó, ngày 13/1/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 100-CT/TW về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong sản xuất nông nghiệp. Nắm vững tinh thần của Nghị quyết số 06 và Chỉ thị số 100 của Trung ương Đảng, Đảng ủy xã đã tổ chức học tập, quán triệt đến tận cán bộ, đảng viên và nhân dân. Chỉ thị số 100 được đánh giá như một luồng gió mới thổi vào nền nông nghiệp nước ta, phát huy được tinh thần làm chủ của người nông dân, đảm bảo lợi ích giữa Nhà nước - tập thể - người lao động. Vì thế, khi ra đời, Chỉ thị được người dân háo hức đón nhận.

Để tiếp tục triển khai kịp thời Chỉ thị số 100, tháng 11/1981, Đại hội Đảng bộ xã Đô Thành lần thứ XVIII, (nhiệm kỳ 1982 - 1985) được tổ chức. Đại hội đã đánh giá những thành tựu và hạn chế trong nhiệm kỳ qua từ đó đề ra phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ này là: Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 100, đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp. Đại hội nhiệm kỳ 1982 - 1985 đã bầu Ban Chấp hành gồm 11 ủy viên, Ban Chấp hành đã bầu đồng chí Phạm Lập giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy; đồng chí Hoàng Minh Ngói giữ chức Phó Bí thư trực Đảng (tháng 5/1984 đồng chí Hoàng Minh Ngói chuyển sang giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân nên đồng chí Lê Tự đảm nhận chức vụ này), đồng chí Lê Văn Tự - Chủ tịch Ủy ban nhân dân (từ tháng 5/1984 đồng chí Hoàng Minh Ngói đảm nhận chức vụ này).

Sau Đại hội, Ban Chấp hành Đảng bộ xã đã lãnh đạo Nhân dân tích cực khai hoang, phục hóa, mở rộng diện tích trồng trọt, khai thác tiềm năng đất đai, tiết kiệm vật tư, tiền vốn, huy động lực lượng và nguồn vốn các hộ gia đình xã viên vào sản xuất nhằm đưa lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Vì thế, từ năm 1982 - 1985, tình hình kinh tế - xã hội có chiều hướng đi lên, trong đó lĩnh vực nông nghiệp thể hiện rõ nhất. Kinh tế hộ gia đình ở Đô Thành bắt đầu phát triển, đời sống xã viên được nâng lên rõ rệt. Vụ Đông Xuân (1982 - 1983) mưa rét kéo dài, vụ chiêm lại có nắng gay gắt nhưng diện tích gieo trồng vẫn đảm bảo, năng suất vụ Xuân đạt 3 - 3,5 tấn/ha, Đô Thành được đánh giá là một trong những hợp tác xã có năng suất khá của huyện. Vấn đề tự túc lương thực cho Nhân dân căn bản được giải quyết. Bên cạnh đó, diện tích lạc, đậu của hợp tác xã và xã viên không ngừng mở rộng, năng suất ngày càng cao. Tổng sản lượng lương thực đạt trên 2.000 tấn.

Cùng với trồng trọt, chăn nuôi cũng có bước phát triển mới, nhất là chăn nuôi hộ gia đình. Năm 1985, tổng đàn trâu, bò của xã trên 500 con, tổng đàn lợn gần 1.000 con. Sự phát triển sản xuất tạo điều kiện để Đô Thành hoàn thành đóng góp 1.000 tấn lương thực nghĩa vụ cho Nhà nước.

Quá trình triển khai và thực hiện Chỉ thị số 100, xã Đô Thành đã giành được những kết quả thiết thực và có sự chuyển mình mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp, cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng, đời sống vật chất - tinh thần của người dân có những bước phát triển quan trọng. Giáo dục tiếp tục được phát triển cả về số lượng và chất lượng. Chất lượng dạy và học thời kỳ này trung bình đạt mặt bằng giáo dục chung của huyện. Tỷ lệ học sinh đầu tốt nghiệp đạt 90 - 95%. Số học sinh lên học Trung học phổ thông hằng năm tăng. Hệ thống giáo dục Mầm non cũng có bước tiến đáng kể. Bởi điều kiện kinh tế còn khó khăn nên lúc này các lớp học mầm non học tại các nhà kho của Hợp tác xã. Sự phát triển của hệ thống giáo dục giai đoạn này trong khi tình hình kinh tế đang

khó khăn chồng chất là bằng chứng phản ánh tinh thần hiếu học của người dân địa phương; đồng thời, thể hiện sự quan tâm của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân xã Đô Thành đối với sự nghiệp trồng người. Hoạt động vệ sinh phòng, chữa bệnh ngoài việc tăng cường đội ngũ cán bộ y tế có trình độ chuyên môn, xã đã chú ý xây dựng thêm cơ sở vật chất, đảm bảo cho công tác khám và điều trị cho bệnh nhân. Công tác phòng tránh các loại bệnh thường gặp được chỉ đạo thực hiện chặt chẽ từ xã đến xóm. Kết quả, 56% hộ gia đình có 3 công trình nhà tắm, giếng nước, nhà vệ sinh đúng quy cách, hợp vệ sinh.

Công tác quốc phòng, an ninh cũng được Đảng bộ chỉ đạo thực hiện tốt. Công tác huấn luyện dân quân tự vệ, huy động thanh niên khám tuyển nghĩa vụ quân sự được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, đúng luật. Hằng năm, xã có từ 7 - 10 ngày huấn luyện dân quân và có từ 80 - 100 thanh niên khám tuyển nghĩa vụ quân sự, đáp ứng nhu cầu của chiến trường biên giới và xây dựng lực lượng vững mạnh. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Các hiện tượng tiêu cực được xử lý cương quyết và có chiều hướng giảm hẳn.

Đi đôi với việc chỉ đạo triển khai chủ trương mới của Đảng, Nhà nước, Đảng bộ Đô Thành còn chú trọng công tác xây dựng và củng cố Đảng. Đảng bộ đã tổ chức sâu rộng học tập, quán triệt Nghị quyết số 04-CT/TW của Ban Chấp hành Trung ương. Qua các đợt sinh hoạt chính trị, toàn Đảng bộ có trên 80% đảng viên chuyển biến rõ nét về nhận thức tư tưởng. Phân loại đảng viên cuối năm, hầu hết cán bộ từ xã xuống cơ sở đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 70% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, 25% hoàn thành nhiệm vụ. Trong nhiệm kỳ 1983 - 1985, Đảng bộ đã kết nạp được 18 đảng viên mới. Đảng bộ đã tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị, học tập các Chỉ thị số 72, 83 của Ban Bí thư Trung ương. Vấn đề phê bình và tự phê bình được tiến hành nghiêm túc, thẳng thắn. Công tác phân loại đảng viên và các chi bộ cơ sở diễn ra nghiêm

túc, củng cố các chi bộ yếu, kém; kiên quyết loại trừ những phần tử thoái hóa, biến chất ra khỏi Đảng.

Nhìn lại 5 năm thực hiện cơ chế khoán mới trong nông nghiệp, Đảng bộ xã Đô Thành đã lãnh đạo Nhân dân đạt được một số kết quả trên tất cả các lĩnh vực. Sản xuất lương thực, chăn nuôi, thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản, văn hóa giáo dục, quốc phòng, an ninh đều có bước phát triển. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân khá hơn trước, một bộ phận nhân dân đã có tích lũy. Bên cạnh đó, xã vẫn còn có những hạn chế: trước tiên trong thực hiện Chỉ thị số 100 đề ra, người lao động đảm nhiệm 3 khâu cuối cùng trong sản xuất, còn 5 khâu hợp tác xã phụ trách, điều đó có nghĩa là thu nhập của người nông dân còn phụ thuộc nhiều vào hợp tác xã; mức khoán trên đồng ruộng còn do hợp tác xã quyết định và được điều chỉnh theo từng vụ, từng năm theo hướng ngày càng cao làm cho nông dân ít có điều kiện vượt khoán; động lực vượt khoán ngày càng giảm sút; hiện tượng rong công, phóng diêm, nhất là công ngoài khoán tràn lan,... đã gây ra tâm lý chán nản đối với người lao động. Từ thực tế đó có thể kết luận rằng: Dù có những điểm tiến bộ, tích cực nhưng nhìn chung Chỉ thị số 100 vẫn chưa phát huy hết tinh thần tích cực lao động của nông dân trên đồng ruộng.

Trải qua 10 năm sau hòa bình thống nhất đất nước, Đảng bộ Đô Thành đã lãnh đạo Nhân dân tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội với những thành tựu quan trọng. Đội ngũ cán bộ, đảng viên đã được tôi luyện, trưởng thành và rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu để tiếp tục lãnh đạo toàn dân Đô Thành bước sang thời kỳ tiếp theo - thời kỳ đổi mới đất nước.

III. NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA THỜI KỲ ĐỔI MỚI (1986 - 1990)

Giữa những năm 80 của thế kỷ XX, đất nước ta gặp nhiều khó khăn, đòi hỏi Đảng phải có đường lối đổi mới mạnh mẽ. Trước hết là đổi mới tư duy kinh tế, tạo sự chuyển biến mới có tính quyết định trên con đường đi lên xã hội chủ nghĩa.

Trước tình hình đó, tháng 12/1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã đề ra đường lối đổi mới nhằm từng bước đưa nước ta thoát khỏi tình trạng “tiền khủng hoảng”, tiến nhanh, tiến mạnh trên con đường xã hội chủ nghĩa. Với phương châm: Đổi mới toàn diện, đồng bộ từ kinh tế, chính trị, xã hội đến ý thức tư tưởng. Đường lối đổi mới của Đảng trở thành động lực chính đưa nước ta thoát khỏi khủng hoảng, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, ổn định chính trị, nâng cao mức sống cho Nhân dân trong những thập niên cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI.

Bước vào những năm đầu của công cuộc đổi mới, Đô Thành được đánh giá có nhiều thuận lợi về tiềm năng tự nhiên và con người, nhưng cũng không ít khó khăn và thử thách: Cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, tích lũy vốn quá ít, đời sống Nhân dân còn thấp, cơ chế quan liêu bao cấp còn nặng nề, các hiện tượng tiêu cực trong xã hội chưa được khắc phục. Tháo gỡ khó khăn, tạo ra động lực mới để hoàn thành các mục tiêu kinh tế, văn hóa xã hội là nhiệm vụ vô cùng nặng nề đối với Đảng bộ và Nhân dân xã nhà.

Giai đoạn này, Đảng bộ xã Đô Thành tiến hành 3 kỳ Đại hội: Đại hội lần thứ XIX, nhiệm kỳ (1985 - 1987); Đại hội lần thứ XX, nhiệm kỳ (1987 - 1988) và Đại hội lần thứ XXI, nhiệm kỳ (1988 - 1991) đảm nhiệm chức vụ Bí thư giai đoạn này là đồng chí Hoàng Minh Ngói; giữ chức vụ Phó Bí thư Đảng ủy là các đồng chí: Luyện Hồng Quang (1985 - 1986), Nguyễn Xuân Dục (1986 - 1987), Phạm Thị Hai (1987 - 1990), Lê Văn Đồi (1990 - 1991); đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã là đồng chí Phan Quốc Thảo.

Trên cơ sở tiếp thu và vận dụng chủ trương của Đảng bộ cấp trên, Đảng bộ Đô Thành đã xác định mục tiêu kinh tế giai đoạn 1985 - 1987 là đảm bảo tổng sản lượng lương thực trên 1.000 tấn/năm, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và mùa vụ theo hướng tăng năng suất đưa giống lúa 314, 1820 vào sản xuất đại trà ở vụ chiêm thay cho các loại lúa Nông nghiệp 5, Nông nghiệp 8, đưa giống lạc Sen

thay thế lạc Cúc và làm lúa mùa sớm thay cho lúa mùa chính vụ để tránh lụt bão, đẩy mạnh sản xuất khoai - màu vụ Đông... Mặc dầu có nhiều khó khăn do hạn hán, bão lụt, sâu bệnh nhưng sản xuất nông nghiệp năm 1987 vẫn đạt năng suất cao. Cùng với sản xuất lương thực, chăn nuôi bò và gia cầm năm 1986 và 1987 đã có sự chuyển biến tích cực, đàn trâu, bò 550 con. Với chính sách khoán chăn nuôi bò tập thể và phát động chăn nuôi đàn lợn nái gia công được hợp tác xã cấp đất nông nghiệp và cân đối trả bằng lương thực, nên tổng đàn lợn tăng hơn trước.

Lĩnh vực văn hóa xã hội, Đảng bộ tiếp tục chủ trương đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng “gia đình văn hóa”, “gia đình 3 an toàn”. Trên cơ sở nghiên cứu các thuần phong, mỹ tục của địa phương và vận dụng đường lối văn hóa mới của Đảng, Đảng ủy đã giao cho Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo Ban văn hóa soạn thảo các quy ước cụ thể về việc tổ chức lễ hội, việc cưới, việc tang nhằm giảm bớt những tục lệ nặng nề, phức tạp, tốn kém, từ đó xây dựng nếp sống vui tươi, lành mạnh trong nông thôn. Với sự đóng góp tích cực của Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ xã, hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao tiếp tục phát triển.

Về giáo dục, tuy còn gặp nhiều khó khăn, nhưng bằng sự đóng góp của Nhân dân và ngân sách xã có sự hỗ trợ của Nhà nước, cơ sở vật chất của các trường học tiếp tục được củng cố. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp cấp 1, cấp 2 năm học 1986 - 1987 đạt trên 95%, có trên 70% học sinh tốt nghiệp cấp 2 tiếp tục được vào học tập tại trường cấp 3, số học sinh đậu vào các trường đại học, cao đẳng cũng nhiều hơn các năm trước.

Cùng với các hoạt động văn hóa, giáo dục, Đảng bộ chú trọng công tác vận động Nhân dân thực hiện các cuộc vận động xây dựng quỹ bảo trợ nông dân, quỹ đoàn thể, ủng hộ bão lụt, mua công trái xây dựng đất nước.

Bộ máy lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể từ xã xuống các chi bộ, thôn xóm trong những năm đầu thực hiện đường lối

của Đảng tiếp tục được kiện toàn, củng cố về tổ chức, nâng cao số lượng và chất lượng.

Ngày 5/4/1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 10-NQ/TW về đổi mới kinh tế nông nghiệp. Nghị quyết 10 (Khoán 10) đã đề ra cơ chế khoán mới, xác định hợp tác xã nông nghiệp là đơn vị kinh tế tự chủ, tự quản, hộ xã viên là đơn vị nhận khoán với hợp tác xã.

Tháng 5/1988, Đảng bộ xã tổ chức Hội nghị để quán triệt chủ trương triển khai thực hiện Khoán 10 - còn gọi là “khoán gọn”. Để rút kinh nghiệm chỉ đạo, Đảng ủy đã cử một số đồng chí trong Ban Chấp hành đi tham quan ở một số địa phương thí điểm của tỉnh. Công tác “khoán gọn” được tiến hành khẩn trương. Ban khoán gọn của hợp tác xã nông nghiệp được thành lập do đồng chí Đảng ủy viên - Chủ nhiệm hợp tác xã làm Trưởng Ban. Ở các đội có tổ khoán gọn gồm ban chỉ huy đội; chỉ ủy và đại biểu xã viên. Ruộng đất được điều tra, phân loại, định hạng sản lượng khoán một cách kỹ càng công khai. Các loại quỹ đất như: đất cơ bản, đất công ích, đất khoán, đất dự phòng được cân đối theo quy định chung. Việc phân loại lao động, hộ xã viên và khẩu nhận đất cũng được tiến hành thông qua sự bình xét của tập thể xã viên.

Hợp tác xã nông nghiệp từ một tổ chức điều hành, quản lý sản xuất, tiêu thụ và phân phối sản phẩm, nay chuyển sang chức năng dịch vụ sản xuất. Về việc phân loại hộ lao động và hộ xã viên, hợp tác xã căn cứ vào tuổi tác, năng lực lao động và khả năng hoàn thành nghĩa vụ giao nộp sản phẩm trong quá trình thực hiện “Khoán 100” trước đó để chia thành 3 loại: loại khá, loại trung bình, loại kém. Bình quân đất cho một lao động loại khá toàn xã là 3 sào 9 thước, bình quân đất cho 1 khẩu cơ bản được hưởng suất chia đất của hộ loại khá là 1 sào 2 thước.

Trong những năm đầu thực hiện cơ chế khoán (1988 - 1989), Đô Thành cũng như tất cả các xã trong huyện liên tiếp chịu nhiều thiệt hại do thiên nhiên gây ra như: tháng 10/1989 liên tiếp 2 cơn bão số 7 và số 9 đã gây lũ lụt trên diện rộng, làm mất 40 - 50% sản lượng

vụ mùa, sâu bệnh, chuột, châu chấu phá hoại hoa màu diễn ra phổ biến, diện tích lúa hè thu bị giảm 30%, lúa mùa giảm 15% so với kế hoạch. Với đức tính lao động cần cù và tinh thần “Trời làm mất bắt đất phải bù”, Nhân dân đã đoàn kết dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ vượt qua mọi khó khăn để phát triển sản xuất. Diện tích bị lũ lụt tàn phá đều được khẩn trương gieo trồng cây vụ đông với các loại khoai, ngô, rau. Nạn cào cào, châu chấu, chuột phá hoại mùa màng cũng được Đảng ủy chỉ đạo các đơn vị sản xuất huy động toàn dân phòng trừ kịp thời bằng các loại thuốc hóa học, thuốc sinh học và các biện pháp thủ công khác để bảo vệ mùa màng một cách hiệu quả. Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, do tác dụng của cơ chế Khoán 10 và biết chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp, kịp thời ứng phó với mọi diễn biến xấu của thời tiết và dịch bệnh, nên tổng sản lượng lương thực tăng hơn trước 15 - 20%, đời sống Nhân dân bắt đầu có sự cải thiện đáng kể, diện thiếu ăn đã được thu hẹp hơn những năm trước đây. Bên cạnh công tác chỉ đạo Nhân dân khắc phục khó khăn đẩy mạnh sản xuất, giữ vững mục tiêu về tổng sản lượng, Đảng ủy kịp thời chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể, chi bộ, hợp tác xã nhanh chóng phòng chống và khắc phục các hậu quả do lụt bão gây ra, nên đã hạn chế được thiệt hại về người và tài sản. Các công trình thủy lợi, đường giao thông, nhà cửa bị hư hỏng đều được sửa chữa. Những đơn vị, hộ xã viên bị thiệt hại đều được tập thể hỗ trợ, miễn giảm sản lượng khoán, vận động Nhân dân tương trợ vật liệu, lương thực, ngày công cho những gia đình bị thiệt hại.

Năm 1990 là năm gặp nhiều khó khăn do diễn biến xấu của tình hình thời tiết, kết hợp với việc khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra, Đảng ủy đã chỉ đạo hợp tác xã nông nghiệp tiến hành khảo sát lại Khoán 10 và làm sổ khoán cho từng hộ xã viên, tích cực chuẩn bị về đất, giống vật tư cho vụ sản xuất Đông - Xuân năm 1991. Mặc dầu bị bão lụt gây nhiều thiệt hại, nhưng với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân nên diện tích và sản lượng lương thực vụ mùa năm 1990 vẫn đạt 90% kế hoạch. Cũng trong năm này, với sự

lãnh đạo của Đảng bộ, Nhân dân Đô Thành đã đóng góp xây dựng đường điện thấp sáng phục vụ đời sống sinh hoạt.

Song song với chỉ đạo sản xuất, Đảng ủy tiến hành các bước chuẩn bị kiện toàn tổ chức đơn vị hành chính theo chủ trương của cấp trên và phù hợp với sự thay đổi của cơ chế quản lý mới. Từ tháng 10/1990, Ban Thường vụ xã đã thống nhất củng cố tổ chức xóm. Cơ cấu nhân sự của mỗi xóm gồm: xóm trưởng kiêm đội trưởng sản xuất, xóm phó phụ trách hành chính, thôn đội trưởng và công an xóm. Cùng với củng cố bộ máy quản lý hành chính cơ sở theo đơn vị xóm, Đảng ủy đã căn cứ vào sự chỉ đạo của tổ chức Đảng và Hội Cựu chiến binh cấp trên để ra quyết định thành lập Ban Chấp hành lâm thời Hội Cựu chiến binh. Lúc mới thành lập (1990), chủ yếu là các cựu chiến binh tham gia kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (trước ngày 30/4/1975). Như vậy, từ tháng 12/1990, trong hệ thống chính trị từ xã xuống xóm có thêm một tổ chức mới - đó là Hội Cựu chiến binh xã và Chi hội Cựu chiến binh ở các xóm. Các đoàn thể quần chúng ở mỗi xóm gồm có: Chi đoàn Thanh niên, Chi hội Phụ nữ, Chi hội Người cao tuổi, Chi hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh.

Luôn cảnh giác trước âm mưu “diễn biến hòa bình”, gây bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch, lực lượng dân quân tự vệ trong những năm 1986 - 1990 vẫn duy trì quân số từ 150 đến 160 người. Các xóm đều có một tiểu đội có biên chế 7 - 9 người. Hằng năm, tổ chức huấn luyện sẵn sàng chiến đấu cho trung đội cơ động và tham gia diễn tập quân sự từ thời bình sang thời chiến ở cụm cũng như ở huyện. Thực hiện nghĩa vụ xây dựng quân đội chính quy hiện đại, mỗi năm Đô Thành duy trì 2 đợt tuyển quân với 30 - 35 tân binh đảm bảo vượt mức chỉ tiêu cấp trên giao.

Để đảm bảo an ninh thôn xóm, Đảng ủy chỉ đạo Ban công an xã xây dựng, củng cố các đội an ninh, duy trì thường xuyên chế độ trực an ninh từ xã xuống các xóm, đồng thời phát động phong trào toàn dân tham gia xây dựng “gia đình an toàn” và “đơn vị an toàn”.

Đối với công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ tập trung chỉ đạo triển khai học tập, quán triệt tư tưởng đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy cho cán bộ, đảng viên. Nghiên cứu, vận dụng, định kế hoạch cụ thể, chỉ đạo sát sao việc triển khai các nghị quyết của Trung ương, Nghị quyết số 6, 7, 8 và 22 của Tỉnh ủy. Thực hiện nghị quyết các cấp, Ban Chấp hành Đảng bộ Đô Thành đã nghiên cứu, vận dụng, chỉ đạo sát sao việc triển khai thực hiện gắn với những chủ trương cụ thể nhằm tạo ra phong trào hành động cách mạng của quần chúng. Đi liền với việc tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết, Đảng bộ đã chú ý bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đồng thời đưa ra khỏi Đảng những đảng viên thoái hóa, biến chất. Đảng bộ cũng quan tâm tạo mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với quần chúng để gây dựng lòng tin, niềm phấn khởi vào sự lãnh đạo của Đảng.

Triển khai Nghị quyết số 22 của Tỉnh ủy về “tổ chức đợt tự phê bình và phê bình, củng cố và tăng cường một bước tổ chức đảng cơ sở” các buổi sinh hoạt chính trị trong Đảng được gắn với việc tổ chức nghiêm túc các đợt tự phê bình và phê bình để củng cố và làm trong sạch Đảng và nâng cao sức chiến đấu của cán bộ, đảng viên. Qua phân loại, Đảng bộ và một số chi bộ cơ sở được huyện công nhận vững mạnh. Về đảng viên, nhiều đồng chí đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ, nhiều đảng viên tiêu biểu được đề nghị khen thưởng. Số đảng viên vi phạm tư cách đảng viên phải xử lý kỷ luật bằng nhiều hình thức từ cảnh cáo đến cách chức, xóa tên, khai trừ ra khỏi Đảng. Công tác bồi dưỡng kết nạp đảng viên mới được chú ý cả số lượng và chất lượng, ưu tiên cán bộ trẻ, cán bộ nữ.

Công tác củng cố chính quyền được quan tâm, Đảng bộ luôn ưu tiên lựa chọn những đảng viên có phẩm chất, năng lực vào cơ quan quản lý nhà nước; chú ý đổi mới hoạt động của Hội đồng nhân dân, mặt khác kịp thời đưa ra khỏi cương vị chủ chốt những cá nhân năng lực hạn chế, tín nhiệm thấp. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Mặt trận và các đoàn thể được tăng cường và chuyển hướng phù

hợp với tình hình mới; bám sát nhiệm vụ chính trị, động viên và tổ chức Nhân dân thực hiện những mục tiêu do Đại hội Đảng bộ đề ra. Dù hoạt động ở những mức độ khác nhau nhưng các đoàn thể đã động viên được toàn dân tham gia công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, lao động sản xuất, đẩy mạnh phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc, giữ vững khối đoàn kết toàn dân.

Như vậy, trong những năm đầu đẩy mạnh công cuộc đổi mới, trong điều kiện không ít khó khăn do thiên tai, nhưng Nhân dân Đô Thành vẫn nêu cao truyền thống đoàn kết, cần cù lao động giành nhiều thắng lợi trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội. Những thành tựu này tuy chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của công cuộc hiện đại hóa nông thôn nhưng là nền tảng vô cùng quan trọng, tạo đà đưa Đô Thành vươn lên trên con đường xây dựng quê hương giàu mạnh và văn minh.

IV. ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO, THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, CHĂM LO CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI (1991 - 2000)

Từ ngày 24 - 27/6/1991, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đã tổng kết, đánh giá những kết quả bước đầu của việc thực hiện đường lối đổi mới (giai đoạn 1986 - 1990) và đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho giai đoạn tiếp theo. Đại hội cũng thông qua “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội” và “Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000”. Đại hội VII của Đảng được xem như Đại hội của “trí tuệ, đổi mới, kỷ cương và đoàn kết”.

Tiếp nối, phát triển và từng bước hoàn thiện đường lối đổi mới đất nước, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII (từ ngày 28/6 - 1/7/1996) đã quyết định đưa nước ta bước vào thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đến năm 2020. Đại hội nêu lên những kinh nghiệm của 10 năm đổi mới và xác định: Mục tiêu của công nghiệp hóa - hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp, có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý,

quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Sau những năm đầu đổi mới, mặc dù có nhiều thuận lợi như: tiềm năng về tự nhiên và con người dồi dào; các cơ sở hạ tầng như điện, đường, trường, trạm đã được xây dựng cơ bản, đảm bảo cho việc phát triển kinh tế nhưng Đô Thành cũng còn không ít khó khăn do diễn biến phức tạp của thời tiết, mặt trái của cơ chế thị trường và tư tưởng của một bộ phận cán bộ, Nhân dân còn nhiều bất cập cần khắc phục. Nhất là khi hệ thống chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ (1989 - 1991), các thế lực thù địch càng ráo riết chống phá cách mạng Việt Nam. Tình hình đó đã tác động tiêu cực đến tư tưởng của một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân ta.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng các cấp, đặc biệt là Nghị quyết của Đảng bộ huyện Yên Thành với phương hướng, mục tiêu: Phải tiếp tục phát triển nông nghiệp toàn diện, trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm; chuyển ngành nông nghiệp sản xuất tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hóa với sản phẩm chính như lúa, lạc, chè,... Đổi mới phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân, từng bước xây dựng nông thôn mới; xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nâng cao hiệu lực điều hành của chính quyền, tăng cường công tác vận động quần chúng để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới,...

Đại hội Đảng bộ xã Đô Thành lần thứ XXII, nhiệm kỳ (1991 - 1993) và Đại hội Đảng bộ lần thứ XXIII, nhiệm kỳ (1993 - 1995) được tổ chức. Các kỳ Đại hội đã đề ra phương hướng: trong sản xuất nông nghiệp phải thâm canh lúa để đạt năng suất cao, phát triển chăn nuôi để tăng thu nhập, nâng cao đời sống và đẩy mạnh các hoạt động văn hóa - xã hội, tạo việc làm, gắn tăng trưởng kinh

tế với tiến bộ xã hội. Đại hội cũng bầu ra Ban Chấp hành mới, đồng chí Hoàng Minh Ngó được bầu tiếp tục giữ chức vụ Bí thư, đồng chí Lê Văn Đồi giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Phan Quốc Thảo giữ chức vụ Phó Bí thư Đảng ủy, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Ngay sau thành công của Đại hội, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân và Ban Chủ nhiệm 2 Hợp tác xã Bắc Đô và Nam Đô, đã chỉ đạo Nhân dân đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp: thâm canh lúa để đạt năng suất cao; phát triển chăn nuôi, kinh doanh - dịch vụ, làm nghề phụ để tăng thu nhập; đồng thời, đẩy mạnh các hoạt động văn hóa - xã hội, tạo việc làm, gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội. Trong đó chú trọng đến việc tìm các giải pháp và bước đi thích hợp cho vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Tháng 5/1993, Đảng ủy xã tổ chức Hội nghị góp ý kiến vào Dự thảo Luật Đất đai năm 1993 và tháng 12/1993, Đảng ủy tổ chức cho toàn đảng viên trong Đảng bộ học tập nội dung của Luật Đất đai và Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp. Sau khi học tập, Đảng ủy đã triển khai kế hoạch và thành lập Ban chỉ đạo. Theo đó, đất được phân thành 2 loại gồm: 5% công ích của xã, 95% đất giao ổn định cho hộ nông dân. Xã phải điều chỉnh hộ khẩu để giao đất lâu dài cho nông dân, bình quân diện tích vùng đồng mỗi khẩu nông nghiệp được 1 sào Trung bộ (500m²). Năm 1995, xã thực hiện Nghị định số 64/NĐ-CP của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài cho người dân. Chủ trương này được áp dụng đã thổi vào đời sống người nông dân sự tin tưởng mới. Vì thế, bà con nông dân phấn khởi khai hoang mở đất, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây - con và ứng dụng khoa học vào sản xuất, bước đầu mang lại những kết quả đáng mừng. Các giống lúa có năng suất cao như: IR1820, IR203,... được đưa vào sản xuất đã làm thay đổi bộ mặt đời sống kinh tế - xã hội của Đô Thành.

Năm 1994, tiến hành sáp nhập Hợp tác xã Bắc Đô và hợp tác xã Nam Đô thành một hợp tác xã, tên gọi là Hợp tác xã nông nghiệp Đô Thành.

Năm 1995, Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Đô Thành lần thứ XXIV, nhiệm kỳ (1995 - 2000) được tổ chức. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành mới. Ban Chấp hành đã bầu đồng chí Hoàng Minh Ngói tiếp tục giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Trường Thi - Phó Bí thư Đảng ủy, đồng chí Phan Quốc Thảo - Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Tháng 9/1996, đồng chí Hoàng Minh Ngói Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Yên Thành, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân xã được điều động về huyện công tác, đồng chí Hoàng Nam Việt giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã.

Ngay sau Đại hội, Đảng ủy tổ chức lãnh đạo Hợp tác xã nông nghiệp và các hộ xã viên tập trung đầu tư thâm canh, tăng vụ, khai thác các loại diện tích đất đai. Mở rộng diện tích Hè Thu, phát triển cây công nghiệp. Việc chỉ đạo bà con gieo cấy đúng thời vụ được thực hiện chặt chẽ. Những giống mới có năng suất cao được đưa vào sử dụng rộng rãi. Đối với những diện tích đất không chủ động được nước, xã chỉ đạo bố trí cây trồng thích hợp, giảm đến mức thấp nhất hiện tượng cây ép. Tích cực chỉ đạo phát huy quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã và gia đình hộ xã viên. Ngành chăn nuôi hộ gia đình được khuyến khích, phát triển, các giống con cho hiệu quả kinh tế cao như: lợn sữa nạc, gà siêu trứng, gia cầm truyền thống được đẩy mạnh. Ngoài việc xây dựng một số mô hình để nông dân học tập rút kinh nghiệm, cán bộ khuyến nông xã còn phối hợp với cơ quan khuyến nông huyện tập huấn cho nông dân về một số khâu kỹ thuật trong thâm canh tăng năng suất cây trồng.

Từ những chủ trương và việc làm tích cực đó, Đô Thành đã đưa năng suất, sản lượng lương thực, các loại cây trồng, đàn gia súc, gia cầm, sản lượng thủy sản tăng nhanh hơn trước. Cụ thể: Đàn trâu, bò đều tăng từ 3,5% đến 4,0%. Tổng diện tích gieo trồng hàng năm đạt hệ số 1,92 lần; đưa tổng sản lượng quy thóc năm 1991 là 4.800 tấn thì đến năm 1999 đạt 7.800 tấn. Vì vậy, bình quân lương

thực đầu người cũng tăng dần từ 500 kg/người (năm 1996) lên hơn 650 kg/người (năm 1999). Lĩnh vực chăn nuôi bên cạnh chú trọng việc cải tạo chất lượng đàn giống xã còn khuyến khích bà con mở rộng các loại vật nuôi và kết hợp hài hòa giữa phát triển chăn nuôi - trồng trọt. Tính đến năm 2000, tổng đàn trâu bò gần 1.000 con, đàn lợn hơn 3.000 con. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm (từ 1991 - 1999) đạt 10 - 16,6%, thu nhập bình quân đầu người đạt 2,480 triệu đồng tăng 1,380 triệu đồng so với năm 1991. Sự phát triển mang tính vững chắc này đã từng bước đẩy lùi, khắc phục dần nạn đói, nghèo trên địa bàn, số hộ giàu chiếm 10%, số hộ khá 83%, hộ đói nghèo chỉ còn 7%. Tuy nhiên, trong quá trình sản xuất, địa phương vẫn còn tồn tại những vấn đề cần được giải quyết như: việc chuyển đổi cơ cấu vụ mùa, cây trồng, vật nuôi vẫn còn chậm và chưa phong phú; nhiều thế mạnh của địa phương như tài nguyên đất đai, nguồn lao động vẫn chưa được tận dụng hết,... Những vấn đề đó đòi hỏi sự nỗ lực nhiều hơn nữa của Đảng bộ và Nhân dân Đô Thành.

Ngành thương mại - dịch vụ từng bước được định hình và phát triển. Nhiều làng mộc xuất hiện, làng gạch ngói nổi lên. Đến năm 1995, toàn xã có đến hàng trăm ki-ốt cá thể bán hàng điện tử, hàng tạp hóa, đồ gia dụng. Nhân dân Đô Thành rất năng động trong phát triển kinh tế, có hàng trăm lao động xuất khẩu sang các nước Châu Âu, đi Lào làm ăn kinh tế tăng thêm thu nhập gia đình góp phần xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp... Thị tứ Vách Bắc hình thành, khu vực kinh doanh dịch vụ đầy đủ các loại hàng hóa vật tư phục vụ người dân trong xã và khu vực lân cận.

Từ đó, hoạt động thu ngân sách xã hằng năm đều đạt chỉ tiêu, đặc biệt là việc thực hiện thuế nông nghiệp đối với Nhà nước, công việc thanh quyết toán tài chính, tài vụ của hợp tác xã được thực hiện tích cực, đúng nguyên tắc.

Cùng với việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật và đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất,

tháng 8/1997, Đô Thành tiến hành công tác chuyển đổi mô hình hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã và Nghị định số 16/NĐ-CP. Sau khi chuyển đổi, hợp tác xã có 03 chức năng chính. Đó là:

- Lập kế hoạch sản xuất, định hướng chỉ đạo cơ cấu cây trồng
- vật nuôi và mùa vụ.
- Duy trì, bảo tồn vốn quỹ và tài sản tập thể và quản lý, sử dụng có hiệu quả.
- Làm các khâu dịch vụ.

Xác định tốt chức năng, nhiệm vụ và vai trò của mình trong tiến trình phát triển kinh tế của địa phương, Hợp tác xã Đô Thành đã tích cực triển khai, thực hiện các nhiệm vụ như: dự báo sâu bệnh; phổ biến cách phòng trừ và diệt chuột; bảo vệ sản phẩm hoa màu; tu sửa kênh mương nội đồng, đáp ứng việc tưới tiêu nước; sử dụng dịch vụ điện thắp sáng, điện bơm nước,... Từ đây, một số khoản chi phí như: phí dịch vụ, phí quản lý, thù lao cán bộ được cân đối lại đảm bảo hợp lý, hiệu quả và tiết kiệm; các khoản thu và trích lập quỹ theo quy định của Điều lệ hợp tác xã và hợp đồng ký ban đầu với xã viên bước đầu được thực hiện đầy đủ, đúng nguyên tắc và hiệu quả tạo nên bước chuyển biến mới trong đời sống sản xuất nông nghiệp của địa phương.

Năm 1995, Quỹ tín dụng nhân dân xã Đô Thành được thành lập ban đầu có 43 thành viên, đây là Quỹ tín dụng đầu tiên của huyện Yên Thành và là quỹ tín dụng thứ 5 của tỉnh Nghệ An đã hỗ trợ vốn cho Nhân dân làm ăn rất hiệu quả.

Trên cơ sở huy động nội lực của Nhân dân và sự hỗ trợ của Nhà nước, hàng năm, Ủy ban nhân dân xã và Hợp tác xã đầu tư hàng trăm triệu đồng, hàng vạn ngày công cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng. Các công trình xây dựng cơ bản đều tăng cả về chất lượng và số lượng. Do tranh thủ được nguồn vốn đầu tư của cấp trên và tích cực phát huy nội lực của nhân dân, từ năm 1996 - 2000, nhiều công trình trọng điểm của xã được xây dựng. Hoàn chỉnh 11km điện có trạm hạ thế đảm bảo 100% Nhân dân được sử dụng điện. 7km

đường nhựa, đường liên thôn được rải cấp phối, 5km kênh mương được bê tông hóa. 3 trường học cao tầng gần 40 phòng học cho gần 4.000 học sinh tiểu học đến trung học cơ sở. 14 xóm đều có trung tâm văn hóa. Trạm y tế được xây dựng khang trang tiện nghi đầy đủ phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân.

Công tác tuyên truyền với những panô, áp phích được triển khai thường xuyên, kịp thời phục vụ cho việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương. Các thông tin thời sự, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương nhanh chóng đến với từng người dân. Ngoài hoạt động văn nghệ trong các trường học, Đoàn Thanh niên xã còn thường xuyên tổ chức các hoạt động sôi nổi như: Thi hát dân ca, hội diễn văn nghệ quần chúng, các hoạt động thể thao như bóng đá, bóng chuyền,... thu hút đông đảo người dân tham gia. Vào dịp Quốc khánh (2/9) hằng năm xã tổ chức hội thi cắm trại, thi nghi thức đội, bóng đá nam, nhảy dây... Các cuộc vận động “Xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, “Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo” được tổ chức thường xuyên nhằm xây dựng nếp sống văn hóa lành mạnh ở địa phương. Sau mỗi đợt phát động, xã đều tiến hành sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm nên có tác dụng tích cực trong việc “xây dựng làng văn hóa”, “gia đình văn hóa”. Các quy chế, quy ước nông thôn được xây dựng, bổ sung và ngày càng hoàn thiện. Hằng năm, tỷ lệ gia đình văn hoá của xã luôn đạt từ 65 - 85%. Liên tục nhiều năm liền Đô Thành được ngành văn hóa xếp loại đơn vị xuất sắc, giành được nhiều cờ xuất sắc trong các kỳ biểu diễn văn nghệ, hoạt động thể dục - thể thao.

Việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng được tiến hành đầy đủ, kịp thời đã khơi dậy tình cảm “uống nước nhớ nguồn” cho các thế hệ trẻ. Những ngày lễ, Tết Nguyên đán, ngày Thương binh - Liệt sĩ 27/7 hằng năm, ngoài quà của Nhà nước, xã còn trích một phần ngân sách để động viên thăm hỏi các đối tượng chính sách.

Những việc làm đó không những thể hiện trách nhiệm của thế hệ trẻ mà còn khắc ghi những tình cảm tốt đẹp của lãnh đạo Đảng, Chính quyền, đoàn thể xã nhà đối với gia đình có công với nước.

Bằng nguồn vốn đóng góp của Nhân dân và sự hỗ trợ của Nhà nước, trường học được xây dựng kiên cố và mở rộng. Vai trò lãnh đạo của Ban Giám hiệu và Chi bộ Đảng ở trường học luôn được củng cố và hoạt động hiệu quả. Hội phụ huynh có nhiều đóng góp tích cực giúp đỡ nhà trường làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục. Phong trào thi đua học tốt, dạy tốt được tiến hành ở các cấp. Năm học 1995 - 1996, số học sinh ở các cấp học tăng 30% so với năm học 1991 - 1992, số lượng học sinh ngày càng tăng, vì vậy năm 1998 trường tiểu học Đô Thành được chia tách thành 2 trường: Trường Tiểu học số 1 xã Đô Thành và trường Tiểu học số 2 xã Đô Thành. Tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp ở các cấp học đạt 90% - 98%. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, đúng quy định không những được tiếp tục duy trì mà còn vươn lên phổ cập Trung học cơ sở. Chất lượng dạy và học tiếp tục có những chuyển biến tích cực so với giai đoạn trước. Điều đó thể hiện qua số lượng học sinh giỏi các cấp tăng so với trước, cụ thể giai đoạn 1996 - 2000 xã có: 19 em học sinh giỏi tỉnh, 198 em học sinh giỏi huyện, 257 em học sinh đậu vào các trường đại học, cao đẳng trên toàn quốc.

Trạm Y tế đã có nhiều cố gắng trong công tác khám, chữa bệnh. Công tác vệ sinh phòng dịch, tiêm chủng, bảo vệ, chăm sóc bà mẹ và trẻ em được đẩy mạnh và có nhiều tiến bộ hơn trước. Công tác vệ sinh phòng bệnh bước đầu đi vào chiều sâu. Các bệnh sốt rét, sốt xuất huyết, bệnh tả, lị được phát hiện sớm và điều trị kịp thời, không để thành dịch. Số hộ gia đình có giếng xây, nhà vệ sinh, nhà tắm nhiều hơn trước, đặc biệt một số gia đình đã có giếng khoan nước ngầm.

An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững. Kế hoạch sẵn sàng chiến đấu gắn với giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội được xây dựng và bổ sung hằng

năm. Các vụ trộm cắp, đánh nhau được xử lý kịp thời và giảm đáng kể. Thực hiện Chỉ thị số 135/CT-TTg, Chỉ thị số 406/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về an ninh - quốc phòng, phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc được tích cực triển khai. Các tổ an ninh xóm được thành lập và hoạt động có hiệu quả. Ban Công an xã được bổ sung thêm công an viên và sự phối hợp của công an chuyên trách huyện. Công tác thanh tra nhân khẩu, hộ khẩu được thực hiện nghiêm túc, hợp tình, đúng luật. Công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự tuổi 17, khám tuyển giao quân hằng năm đều đạt chỉ tiêu; những trường hợp trốn tránh nghĩa vụ hay đào ngũ đều được xã cương quyết xử lý. Nhiều thanh niên đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam, sau đó trở về làm nguồn bổ sung cho đội ngũ cán bộ địa phương.

Sau gần 15 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới, cùng song hành với những thuận lợi là những khó khăn và thách thức. Trong đó, có cả những xáo trộn về mặt tư tưởng, nhận thức và hành động trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Xác định được những chướng ngại và thách thức đó trên chặng đường phát triển của quê hương, công tác xây dựng Đảng được các cấp ủy Đảng ở Đô Thành triển khai mạnh mẽ, quyết liệt theo hướng đổi mới cả nội dung, hình thức và phương pháp. Ban Chấp hành Đảng bộ xã đã tổ chức thường xuyên các đợt học tập Nghị quyết Trung ương, Nghị quyết Đảng bộ cấp trên vào các kỳ sinh hoạt Đảng bộ, chỉ bộ đề nâng cao nhận thức về Chủ nghĩa Mac - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên. Các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được triển khai kịp thời đến từng cán bộ, đảng viên.

Thực hiện các nghị quyết của cấp trên về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Đô Thành đã nghiêm túc triển khai thực hiện và có bước chuyển đáng kể. Sinh hoạt Đảng được tiến hành đều đặn theo định kỳ, có nhiều đổi mới về nội dung và phương pháp. Một số cán bộ cấp ủy, chính quyền được tạo điều kiện cử đi tập huấn

và học hàm thụ tại các trường chính trị và chuyên môn. Vai trò của tổ chức Đảng và đảng viên đối với các hoạt động của địa phương được thể hiện rõ nét. Nhiều cán bộ, đảng viên không những có năng lực công tác mà còn vươn lên làm giàu chính đáng trong xây dựng kinh tế và phát triển quê hương.

Công tác đào tạo cán bộ được Đảng bộ quan tâm đầu tư, trong 10 năm, xã đã gửi đi đào tạo tại chức 5 đồng chí đại học nông nghiệp, 1 đồng chí đại học luật, 1 cử nhân chính trị, 4 trung cấp chính trị, 1 trung cấp địa chính, 3 trung cấp kế toán.

Công tác kiểm tra Đảng được đặc biệt chú trọng trên nguyên tắc tập trung dân chủ, tăng cường chế độ sinh hoạt và chấp hành Điều lệ Đảng. Qua đó, đội ngũ cán bộ, đảng viên có bước trưởng thành cả về tư tưởng, năng lực và sức chiến đấu. Những hành vi thiếu lành mạnh về đạo đức, lối sống bị đấu tranh phê phán. Công tác quản lý, phân công nhiệm vụ cho đảng viên ở các chi bộ được tiến hành nghiêm túc, sát với tình hình cán bộ, đảng viên nên đạt hiệu quả tốt. Chất lượng đảng viên được nâng lên. Số lượng cấp ủy, cán bộ, đảng viên loại yếu giảm hẳn so với trước, số lượng đảng viên xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt trên 50%, đảng viên loại yếu kém chỉ còn 5%.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Nhân dân và các đoàn thể được đổi mới theo tình hình mới. Năm 1994 Hội Đồng Nhân dân chỉ cơ cấu Chủ tịch và Thư ký Hội đồng nhân dân. Chức năng giám sát của Hội đồng Nhân dân có hiệu quả thiết thực. Trong các kỳ họp của Hội đồng nhân dân, việc chất vấn và trả lời chất vấn của các ủy viên Ủy ban Nhân dân xã đã có nội dung cụ thể, thẳng thắn hơn. Tổ chức thành công bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân xã vào năm 1999. Chức năng quản lý, điều hành của chính quyền và hoạt động của các ban ngành, các ủy viên ủy ban ngày càng nhuần nhuyễn, nhịp nhàng hơn và có chất lượng cao hơn, phát huy được vai trò của mình. Công tác cải cách hành chính bắt đầu được thực hiện.

Mặt trận Tổ quốc là trung tâm của khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng phát huy được vị trí, vai trò của mình trong đời sống xã hội. Do đổi mới về nội dung và phương pháp hoạt động theo hướng thiết thực và sâu sắc hơn. Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức thành viên đã xông xáo tham mưu và triển khai hiệu quả các kế hoạch trong công tác vận động quần chúng, hưởng ứng và thực hiện hiệu quả các phong trào, xây dựng được nhiều mô hình, phát động nhiều phong trào lao động sản xuất, trong xây dựng đời sống văn hóa mới,...; vận động Nhân dân tham gia tích cực vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương,...; đặc biệt là cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” được phát động và nhân rộng ngày càng mạnh mẽ tạo nên bầu không khí thi đua sôi nổi khắp đường làng, ngõ xóm. Qua quá trình hoạt động, Mặt trận đã tổ chức thành công nhiều đợt ủng hộ từ thiện như: ủng hộ đồng bào Cu Ba, ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào bị bão lụt,... Các tiểu ban Mặt trận xóm đã trở thành nhân tố quan trọng trong việc giải quyết dứt điểm, hiệu quả các vụ tranh chấp, bất hòa trong nhân dân, xây dựng tình đoàn kết, tương thân, tương ái, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Các tổ chức thành viên như Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân,... thường xuyên phát động và triển khai các phong trào thi đua yêu nước.

Đoàn Thanh niên đã phát động nhiều đợt lao động cộng sản, thành lập các câu lạc bộ tuổi trẻ, gia đình trẻ,... nhằm thực hiện tốt hai cuộc vận động lớn của Trung ương Đoàn là: “Tuổi trẻ giữ nước” và “Thanh niên lập nghiệp”.

Hội Liên hiệp Phụ nữ xã tiếp tục phát huy vai trò trong tất cả các cuộc vận động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương. Các thành tựu về xóa đói giảm nghèo, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, kế hoạch hóa gia đình cũng như phong trào xây dựng đời sống mới ở khu dân cư mà Nhân dân

Đô Thành đạt được trong những năm qua đều gắn liền với sự nỗ lực hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ xã. Bằng sự nỗ lực của mình, Hội đã xây dựng được nhiều tổ tiết kiệm, bảo lãnh để họ vay vốn phát triển sản xuất; đóng góp nhiều ngày công, lương thực, thực phẩm giúp đỡ các gia đình khó khăn, hoạn nạn và ủng hộ các phong trào, hoạt động khác của địa phương.

Hội Nông dân thường xuyên được củng cố và phát triển cả về số lượng và chất lượng. Ngoài chức năng vận động, Hội đã triển khai chuyển giao kỹ thuật, giống cây - con mới cho nông dân, góp phần tích cực vào việc nâng cao năng suất sản xuất cũng như đời sống cho người nông dân.

Hội Cựu chiến binh xã Đô Thành đã phát huy tốt vị trí, vai trò của mình trong đời sống chính trị - kinh tế - xã hội của địa phương. Ngoài việc tham gia đầy đủ các kỳ chỉnh huấn, học tập sinh hoạt chính trị, Ban Chấp hành Hội đã phối hợp với huyện, với tổ chức Đoàn tổ chức các buổi nói chuyện thời sự, phổ biến kinh nghiệm làm ăn, xây dựng mô hình kinh tế...

Trong mười lăm năm cùng cả nước thực hiện đường lối đổi mới (1986 - 2000), mặc dù vẫn chưa thực sự phát huy hết tiềm năng của địa phương, chưa đáp ứng được yêu cầu của Nhân dân và vẫn tồn tại những yếu kém, thiếu sót trong công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội nhưng Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân xã Đô Thành đã luôn nỗ lực khắc phục khó khăn, hạn chế và những yếu kém để phát triển gặt hái nhiều thành quả đáng ghi nhận. Công cuộc xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa tích cực được triển khai, tạo nên nền kinh tế có bước tăng trưởng đáng kể, giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng - an ninh. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân trong xã nâng lên một bước. Số hộ có thu nhập bình quân và hộ khá tăng lên, số hộ nghèo giảm xuống. Đường sá giao thông được tu bổ, sửa chữa. Trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hóa của người dân không ngừng tăng. Quyền làm chủ của người dân

được phát huy đã khơi dậy tính năng động sáng tạo trong hoạt động kinh tế - xã hội nói chung. Thắng lợi lớn nhất của Đô Thành giai đoạn này là đã bước đầu kiến tạo được kết cấu hạ tầng điện - đường - trường - trạm, tạo nền móng cho công cuộc điện khí hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn; khẳng định sự đúng đắn của đường lối đổi mới của Đảng và sự chủ động của địa phương trong việc tận dụng và phát huy những tiềm năng của quê hương Đô Thành. Những cố gắng đó đã được ghi nhận bằng những khen thưởng của cấp trên: Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng Ba trong thời kỳ đổi mới 1990 - 1995; Đảng bộ được công nhận 10 năm vững mạnh, từ năm 1990 - 1999 được tặng cờ luân lưu Đảng bộ vững mạnh xuất sắc; Chủ tịch tỉnh tặng nhiều Bằng khen cho lực lượng vũ trang xã 6 năm liền đơn vị quyết thắng, 1 lần cho an ninh xã, 1 Bằng khen chính sách hậu phương quân đội nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ và nhiều bằng khen cho cán bộ và Nhân dân xã Đô Thành; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể quần chúng được tặng nhiều bằng khen Trung ương hội và tỉnh hội. Những phần thưởng đó là động lực để Đảng bộ và Nhân dân Đô Thành tiếp tục cố gắng xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh trong giai đoạn tiếp theo.

Chương 5
**ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN ĐÔ THÀNH
TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI
(2000 - 2023)**

**I. ĐÔ THÀNH XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG GIÀU VỀ KINH
TẾ, VỮNG MẠNH VỀ CHÍNH TRỊ VÀ VĂN MINH TRONG
CUỘC SỐNG (2000 - 2010)**

Bước vào những năm đầu thế kỉ XXI, cùng với sự thay đổi mọi mặt của tình hình đất nước, Đô Thành cũng đứng trước những vận hội mới. Sau 15 năm đổi mới, xã nhà đã đạt được một số thành tựu cơ bản trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội cũng như đúc rút nhiều kinh nghiệm quan trọng trong quá trình hoạt động. Tiềm năng về con người, đất đai ở Đô Thành còn chưa khai thác hết; cán bộ và Nhân dân xã được củng cố niềm tin bởi đường lối đổi mới của Đảng, ý thức để phát triển kinh tế, xã hội ngày càng rõ nét hơn. Cơ chế chính sách và sự đầu tư hỗ trợ của Nhà nước ngày càng quan tâm hơn đối với nông nghiệp nông thôn. Đời sống Nhân dân từng bước được nâng lên. Đảng bộ và Nhân dân có truyền thống cách mạng, đoàn kết, cần cù và chịu khó trong lao động sản xuất, có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện. Bên cạnh những thuận lợi căn bản đó, Đô Thành còn gặp không ít khó khăn, thách thức: đời sống của Nhân dân đã được cải thiện nhiều nhưng vẫn còn thấp so với tiềm năng của xã. Thu nhập về nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao trong nền kinh tế của xã nhà; ý thức kinh tế hàng hóa chậm phát triển, nguồn thu ngân sách hằng năm còn thấp; tư tưởng bảo thủ, thỏa mãn, trông chờ, ỷ lại, chậm tiếp thu cái mới trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân còn

chậm khắc phục. Tuy nhiên, với những nỗ lực to lớn, Đảng bộ và Nhân dân xã nhà đã phấn đấu khắc phục khó khăn, phát huy thuận lợi, bước đầu thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn.

Cùng với cả nước, Đảng bộ và Nhân dân Đô Thành đã ra sức phấn đấu thực hiện những mục tiêu kinh tế, xã hội, góp phần vào sự nghiệp đổi mới quê hương trong những năm đầu thế kỉ XXI.

Đầu năm 2000, Đại hội Đảng bộ xã Đô Thành lần thứ XXV, nhiệm kỳ 2000 - 2005 đã được long trọng tổ chức tại Hội trường xã. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành nhiệm kỳ mới gồm 13 đồng chí, Ban chấp hành đã bầu Ban Thường vụ gồm 5 đồng chí. Đồng chí Phan Quốc Thảo giữ chức vụ Bí thư (tháng 6/2002, đồng chí Hồ Chí Cường đảm nhận chức vụ Bí thư Đảng ủy); đồng chí Nguyễn Trường Thi - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân; đồng chí Hồ Chí Cường - Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy (tháng 6/2002, đồng chí Nguyễn Hồng Cử đảm nhiệm chức vụ Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy).

Tiếp đó, giữa năm 2005, Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XXVI nhiệm kỳ 2005 - 2010 đã được tổ chức tại hội trường xã. Tham dự đại hội có các đồng chí đại diện của Huyện ủy Yên Thành cùng hơn 100 đảng viên thay mặt cho toàn thể đảng viên Đảng bộ Đô Thành. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành nhiệm kỳ 2005 - 2010 gồm 15 đồng chí. Ban Chấp hành bầu Đồng chí Hồ Chí Cường đảm nhiệm chức vụ Bí thư Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Hồng Cử - Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Trường Thi - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (từ tháng 9/2008 đồng chí Hồ Văn Ngân đảm nhiệm chức vụ này).

Qua 2 nhiệm kỳ Đại hội khóa XXV và khóa XXVI (2000 - 2010), Đảng bộ xã Đô Thành đã xác định mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ cho những năm tới là: “Phát huy mọi nguồn lực và lợi thế bên trong, tranh thủ tối đa sự hỗ trợ từ bên ngoài, ưu tiên đầu tư tăng trưởng kinh tế, đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng dịch vụ thương mại và ngành

công nghiệp xây dựng; giảm dần tỷ trọng ngành nông lâm thủy sản, kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, qui hoạch thị tứ, chợ nông thôn, khai thác vật liệu xây dựng, phát triển nguồn thu ngân sách, tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá - xã hội; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng an ninh, xây dựng Đô Thành trở thành xã khá của huyện, đạt danh hiệu Đảng bộ vững mạnh cả nhiệm kỳ”.

1. Tập trung phát triển kinh tế

Bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội, Đảng bộ Đô Thành phải đối mặt với không ít khó khăn, thử thách nhưng nhờ sự đoàn kết, quyết tâm của Đảng bộ và Nhân dân nên việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội đề ra đạt được nhiều thành tựu.

Năm 2010, giá trị sản xuất toàn xã đạt 145 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 14,3%, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch đúng hướng, theo chiều hướng tăng dịch vụ - thương mại, xây dựng giảm tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản. Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 15 triệu đồng/người/năm, tăng 1,6 lần so với năm 2005. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 7% (năm 2000) xuống còn 6,1% (năm 2010). Là xã có thu nhập bình quân đầu người vào tốp cao của huyện.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, thực hiện Chỉ thị 02 và Chỉ thị 08 (năm 2002) của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác “đòn điền đổi thửa”, Đảng bộ Đô Thành tập trung lãnh đạo Nhân dân thực hiện một cách nghiêm túc. Mặc dù, khi mới thực hiện, xã gặp rất nhiều khó khăn nhưng với sự quyết tâm và đồng thuận cao đã đạt kết quả cao, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giao thông, thủy lợi, đưa cơ giới hóa vào sản xuất. Sau khi chuyển đổi, bình quân mỗi hộ chỉ còn 1 - 3 thửa. Từ đó, giảm diện tích đất hoang hóa, hình thành các trang trại chăn nuôi theo mô hình VAC cho thu nhập cao.

Cùng với việc chuyển đổi ruộng đất, Đô Thành còn tập trung chỉ đạo xây dựng các chương trình, đề án thúc đẩy chuyển dịch cơ

cầu kinh tế, cơ cấu cây trồng đúng hướng. Trong đó, xã chú trọng đầu tư thâm canh, phát triển thủy lợi, giống và thuốc bảo vệ thực vật; chủ động các biện pháp phòng, chống thiên tai, ứng dụng các cải tiến kỹ thuật,... Các giống lúa lai (Khải Phong số 1), ngô lai Baioxit được sử dụng đại trà. Nhờ đó, trồng trọt từng bước có sự chuyển biến tích cực. Nhiều hộ gia đình còn mạnh dạn đầu tư phát triển kinh tế theo mô hình cánh đồng cho thu nhập cao. Đến năm 2010, xã có 45 mô hình kinh tế lớn nhỏ trong nông nghiệp, chủ yếu là mô hình cá lúa kết hợp chăn nuôi lợn, vịt, bò nuôi nhốt, cho thu nhập bình quân trên 100 triệu đồng/năm.

Chăn nuôi phát triển theo hướng tăng nhanh sản lượng phục vụ nhu cầu thị trường. Chủ trương Sind hóa đàn bò, nạc hóa đàn lợn được hưởng ứng tích cực. Các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm được coi trọng. Nhờ vậy, tổng đàn gia súc, gia cầm liên tục tăng. Năm 2010, đàn trâu, bò đạt 650 con, đàn lợn trên 2.000 con, gia cầm 14.500 con.

Nghành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ tiếp tục phát triển ổn định và bền vững. Nghề mộc, nề dân dụng, xay xát, may mặc và các hoạt động dịch vụ khác phát triển nhanh, thu hút nhiều lao động trẻ, có tay nghề đáp ứng nhu cầu xây dựng cơ bản trên địa bàn và vươn ra các địa phương khác. Việc thu mua chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được nâng lên, đáp ứng yêu cầu thị trường cũng từng bước thu hút lực lượng lao động trên địa bàn và tăng giá trị nông sản hàng hóa. Các cơ sở dịch vụ đa dạng phong phú, đảm bảo trao đổi hàng hóa, đáp ứng nhu cầu cho người tiêu dùng, phục vụ sản xuất nông nghiệp như: phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng,... Xã đã giải quyết được việc làm cho 600 - 700 lao động. Xuất khẩu lao động giai đoạn này phát triển, toàn xã có gần 500 người đi lao động ở các nước Đông và Tây Âu, hơn 100 người đi lao động ở các nước Hàn Quốc và Malaixia, hơn 200 người lao động ở Lào, trên 1.000 lao động đi làm ở các địa phương trong cả nước, góp phần nâng cao thu nhập cho gia đình và xã hội.

Thực hiện Nghị quyết 8B của Ban Chấp hành Trung ương khóa 8 về công tác vận động quần chúng trong thời kỳ mới và Nghị định số ND79-CP, khơi dậy sức dân với phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm, bám sát chủ trương chú trọng các công trình phục vụ sản xuất, phúc lợi xã hội, Đảng ủy đã chỉ đạo các ban, ngành tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng nhằm phục vụ tốt hơn cho sản xuất, đảm bảo đời sống dân sinh. Từ nguồn vốn của Nhà nước đầu tư và Nhân dân đóng góp, đến năm 2010, xã đã xây dựng, sửa chữa được một số công trình trọng điểm “điện - đường - trường - trạm” phục vụ cho sự phát triển của xã nhà. Đặc biệt, giai đoạn này, với sự đóng góp kinh phí của Nhân dân và một phần ngân sách địa phương xã đã xây dựng được đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ ngay vị trí trung tâm xã. Đây là việc làm vô cùng ý nghĩa của Đảng bộ và Nhân dân Đô Thành, bày tỏ lòng kính trọng, biết ơn với các anh hùng liệt sỹ đã hy sinh vì nền độc lập của Tổ quốc.

2. Phát triển văn hóa - xã hội

Đảng ủy đã chỉ đạo ban văn hóa xã lãnh đạo Nhân dân thực hiện tốt nếp sống văn hóa. Trên địa bàn không có các tệ nạn xã hội, tất cả các xóm thực hiện tốt các phong trào xây dựng cộng đồng dân cư an toàn làm chủ. 85% hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa, 40% hộ đạt chuẩn gia đình thể thao. Ở các xóm đã xây dựng được nhà văn hóa, sân bóng đá, bóng chuyền để phục vụ vui chơi, sinh hoạt cộng đồng nhân dân.

Công tác xóa đói giảm nghèo có hiệu quả. Xã đã hoàn thành chương trình xóa nhà tranh tre dột nát cho các đối tượng chính sách, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Đời sống của Nhân dân ngày càng nâng lên, 100% hộ dân có điện thắp sáng, trên 95% hộ có phương tiện nghe nhìn.

Trong công tác giáo dục, đào tạo, Đảng ủy đã chỉ đạo các trường học thực hiện tốt công tác dạy học và đầu tư mua sắm thêm trang thiết bị, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục. Nhờ đó, giáo dục ở Đô Thành có bước phát triển đáng kể. Đến năm 2010, Trường Tiểu học số 1, Trường Trung học cơ sở Đô Thành, đã đạt trường

chuẩn quốc gia. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đạt từ 95 - 97%, 70 - 75% đỗ vào trường cấp III, 48 em đạt học sinh giỏi tỉnh, bình quân mỗi năm có từ 60 - 70 em đậu vào các trường đại học, cao đẳng. Hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng, công tác khuyến học khuyến tài được quan tâm. Bình quân mỗi năm xã đã mở 3 - 4 lớp tập huấn khoa học kỹ thuật cho 350 - 400 lượt người tham gia.

Trạm y tế xã đã làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe, khám ban đầu cho Nhân dân, tính đến năm 2010, mỗi năm trạm thăm khám, chữa bệnh cho 3.000 - 3.500 lượt người, điều trị nội trú cho 1.200 lượt người, tiêm phòng dịch bệnh cho 99% trẻ em. Đội ngũ y sỹ, y tá đã làm tốt công tác tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh nên không có dịch bệnh xảy ra trên địa bàn; tích cực vận động Nhân dân sử dụng các biện pháp tránh thai, tỷ lệ phát triển dân số và người sinh con thứ 3 giảm.

3. Đảm bảo quốc phòng, an ninh

Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân được củng cố, tăng cường. Nhiệm vụ xây dựng cơ sở và cụm tuyến an toàn làm chủ sẵn sàng chiến đấu đi vào chiều sâu. Ban chỉ huy Quân sự xã đã tổ chức rà soát, biên chế thêm 1 trung đội cơ động gồm 25 đồng chí, 1 đại đội sẵn sàng chiến đấu 120 - 140 đồng chí. Công tác học tập chính trị, huấn luyện, diễn tập được tổ chức thường xuyên. Ban chỉ huy Quân sự xã phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự huyện tổ chức huấn luyện thường xuyên cho lực lượng dân quân tự vệ. Tổ chức bắn đạn thật đạt yêu cầu cao. Công tác khám tuyển quân sự được thực hiện nghiêm túc, có chất lượng hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân. Lực lượng sỹ quan dự bị động viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu khi có lệnh điều động của quân khu.

Việc giữ gìn an ninh trật tự, phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và ma túy được Ban công an xã tích cực triển khai các phương án đấu tranh có hiệu quả. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, xây dựng dòng họ, giáo họ

văn hóa, làm tốt công tác cảm hóa, giáo dục các đối tượng tại cộng đồng dân cư được thực hiện thường xuyên có hiệu quả. Ở các xóm, hệ thống công an viên, tổ tự quản kiêm tổ liên gia phòng, chống tội phạm ma túy được kiện toàn đã góp phần ngăn ngừa và giải quyết kịp thời các vụ việc xích mích, mâu thuẫn trong thôn xóm. Ban công an xã còn phối hợp với lực lượng dân quân nòng cốt và các đoàn thể tổ chức tốt công tác phòng, chống bão lụt. Tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm.

4. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị

Quán triệt các nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy về “Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên”, Đảng bộ đã không ngừng chăm lo xây dựng tổ chức Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng. Đảng ủy đã chủ động bám sát thực tiễn nắm bắt tư tưởng để có chủ trương lãnh đạo kịp thời. Nhiệm kỳ 2000 - 2005, 2005 - 2010, Đảng ủy đã tổ chức quán triệt các nghị quyết của Trung ương, nghị quyết của Tỉnh ủy, như: Nghị quyết Trung ương 6, V7 khóa X, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An, Pháp lệnh “Phòng, chống tham nhũng thực hành tiết kiệm”,... Thông qua các đợt học tập chính trị và triển khai thực hiện các nghị quyết cấp trên đã góp phần tích cực nâng cao nhận thức, giữ vững lập trường tư tưởng và đạo đức cho cán bộ, đảng viên. Đồng thời, đề ra các chương trình hành động và triển khai thực hiện thắng lợi các nghị quyết, góp phần quan trọng đẩy nhanh phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân.

Thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW của Bộ Chính trị ngày 7/11/2006 về tổ chức cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, Đảng ủy đã thành lập Ban Chỉ đạo cuộc vận động và triển khai tốt, có hiệu quả các bước theo hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương, Tỉnh ủy và Huyện ủy. Cuộc vận động đã có sức lan tỏa đến tất cả các chi bộ, đảng viên cũng như quần chúng nhân dân; tổ chức thành công hội thi “Kể chuyện

về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Tổng kết 3 năm (2007 - 2009), cuộc vận động 100%, cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ có bản thu hoạch. Qua cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” đã có tác động nâng cao ý thức cách mạng, đồng thời tạo phong trào thi đua sôi nổi trong mọi tầng lớp nhân dân. Với quan điểm coi công tác cán bộ là vấn đề quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, Đảng ủy đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về công tác cán bộ, có chính sách động viên, đào tạo cán bộ nguồn. Chỉ riêng nhiệm kỳ 2005 - 2010, đã cử 5 cán bộ đi học đại học, 5 cán bộ đi học trung cấp chính trị, cơ bản đã chuẩn hóa cán bộ từ xã xuống xóm. Năng lực, sức chiến đấu của tổ chức Đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng cao. Đảng bộ thường xuyên quan tâm đổi mới phong cách lãnh đạo của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ với tinh thần phê bình và tự phê bình, tạo sự đoàn kết, thống nhất cao trong cấp ủy và Đảng bộ. Công tác phát triển Đảng được quan tâm, trong 10 năm đã bồi dưỡng kết nạp được gần 100 đồng chí đảng viên mới. Đảng bộ đã thực hiện đúng định hướng, đúng quy định việc phân công, giới thiệu đảng viên tham gia vào bộ máy lãnh đạo Đảng, chính quyền và đoàn thể. Trong 10 năm, Đảng bộ giữ vững danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, Đảng ủy đã lãnh đạo Ủy ban Kiểm tra thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra, tổ chức Đảng và đảng viên theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Công tác kiểm tra đã bám sát được tình hình thực tế, kịp thời uốn nắn, xử lý các hiện tượng vi phạm Điều lệ Đảng, vi phạm chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Công tác kiểm tra, giám sát của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy đúng nguyên tắc, quy trình, thủ tục theo quy định của Đảng, tạo sự đoàn kết nội bộ và củng cố niềm tin của quần chúng đối với Đảng.

Thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ “Để trăm lần không dân cũng chịu/Khó vạn lần dân liệu cũng xong”, Đảng ủy đã ban hành một

số chủ trương và có kế hoạch triển khai thực hiện các nghị quyết của cấp trên về công tác dân vận. Do làm tốt công tác vận động quần chúng, Đảng bộ đã phát động được phong trào thi đua sôi nổi trong tất cả cơ quan, đoàn thể, trường học và mọi tầng lớp nhân dân, như: Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, công tác “Xóa đói giảm nghèo”, cuộc vận động “Xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”,... Công tác dân vận thực hiện có hiệu quả, đã phát huy được tinh thần tự giác của quần chúng Nhân dân trong các phong trào của địa phương. Từ công tác giải phóng mặt bằng, làm đường giao thông nông thôn, xây dựng nhà “tình nghĩa”, nhà “đại đoàn kết” đến công tác đóng góp từ thiện, hỗ trợ nhau làm kinh tế, đóng góp nghĩa vụ xây dựng ngân sách... đều được cấp ủy Đảng, chính quyền thực hiện công khai, đảm bảo công bằng, dân chủ, nên được toàn dân đồng lòng hưởng ứng. Việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở theo Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) tiếp tục được Đảng ủy, Ủy ban nhân dân và các ban, ngành, đoàn thể quan tâm, tạo được sự đồng thuận, phát huy được quyền làm chủ, củng cố thêm niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, chính quyền.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân trong những năm qua tiếp tục phát huy được vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mình. Tổ chức thành công cuộc bầu cử Hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999 - 2004, 2004 - 2011. Công tác kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân; quản lý, điều hành của Ủy ban Nhân dân xã có sự đổi mới toàn diện từ nội dung đến phương pháp, đảm bảo được quy chế dân chủ cơ sở, góp phần quan trọng thúc đẩy mọi hoạt động kinh tế - xã hội phát triển, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đảng bộ đề ra.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể quần chúng được kiện toàn, củng cố về tổ chức, đổi mới nội dung hoạt động, thiết thực và hiệu quả. Trong 10 năm, Mặt trận Tổ quốc đã vận động được hơn 200 triệu đồng Quỹ Vì người nghèo. Các đoàn thể đã có

hiều chuyển biến quan trọng trong vận động, tập hợp hội viên, số lượng quần chúng nhân dân tham gia sinh hoạt các đoàn thể đạt tỷ lệ cao hơn nhiệm kỳ trước: Đoàn Thanh niên 78%, Hội Phụ nữ 89%, Hội Cựu chiến binh 98,7%, Hội Nông dân 65,7%, Công đoàn 100%, Hội Người cao tuổi 95%. Hằng năm, chính quyền và các đoàn thể được xếp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Những thành tích đạt được của Đảng bộ và Nhân dân trong 10 năm (2000 - 2010) rất đáng trân trọng, tạo sự thay đổi căn bản, toàn diện bộ mặt nông thôn cả về cơ sở hạ tầng đến đời sống kinh tế, văn hóa tinh thần. Những đổi thay đó là tiền đề về vật chất và tinh thần rất quan trọng để Đảng bộ và Nhân dân thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa, xây dựng nông thôn mới.

II. NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ, PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (2010 - 2023)

Phát huy những kết quả đạt được, tháng 5/2010, Đại hội Đảng bộ xã Đô Thành lần thứ XXVII, nhiệm kỳ 2010 - 2015 được tổ chức. Trên cơ sở phân tích những thuận lợi, khó khăn, kết quả đạt được nhiệm kỳ trước, Đại hội đã nhất trí thông qua Nghị quyết, xác định mục tiêu tổng quát cho nhiệm kỳ này là: “Phát huy nội lực, khơi dậy mọi tiềm năng lợi thế, tranh thủ sự hỗ trợ của cấp trên, thu hút đầu tư bên ngoài, đoàn kết thống nhất, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động. Đẩy nhanh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ tiên tiến, nỗ lực phấn đấu để phát triển nhanh và bền vững; quyết tâm xây dựng Đô Thành, trở thành một xã vững mạnh toàn diện. Tiếp tục giữ vững danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh, thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh”.

Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 15 ủy viên, Ban Chấp hành bầu đồng chí Hồ Văn Ngân giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Hồng Cử - Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Hồ

Chí Cường - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã (từ tháng 12/2013, đồng chí Nguyễn Văn Xuyên đảm nhiệm chức vụ này).

Tháng 4/2015, Đại hội đại biểu Đảng lần thứ XXVIII nhiệm kỳ 2015 - 2020 được tổ chức tại hội trường xã. Đại hội đã nghe báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XXVII và nhất trí thông qua Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XXVIII, xác định phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ này là: “Phát huy những thành tích kết quả đã đạt được và những bài học kinh nghiệm nhiệm kỳ 2010 - 2015, nhìn thẳng vào sự thật, tạo sự đoàn kết cộng sự cao trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, tiếp tục khắc phục những tồn tại, hạn chế. Đảng bộ và Nhân dân Đô Thành tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, năng động, sáng tạo trong phát triển kinh tế, xã hội. Khai thác triệt để tiềm năng và nội lực, tranh thủ tốt nguồn lực bên ngoài, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng, phát triển nông nghiệp toàn diện. Tập trung nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, xây dựng các kết cấu hạ tầng, mạng lưới giao thông nông thôn; thúc đẩy quá trình hình thành các mô hình kinh tế gia trại, trang trại. Ưu tiên phát triển tiểu thủ công nghiệp, khuyến khích công tác xuất khẩu lao động. Giải quyết tốt chính sách xã hội, tăng cường chế độ an sinh xã hội. Ngăn chặn tệ nạn xã hội, tạo sự đồng thuận cao trong Nhân dân. Nâng cao chất lượng cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, giữ vững phong trào giáo dục, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Giữ vững tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể hằng năm đạt xuất sắc. Phấn đấu xã Đô Thành là địa phương khá nhất của huyện về mọi mặt”.

Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 15 ủy viên, Ban Chấp hành bầu đồng chí Hồ Văn Ngân giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Hồng Cử giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Nguyễn Văn Xuyên giữ chức vụ Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban

Nhân dân (từ tháng 4/2018, đồng chí Nguyễn Văn Hà đảm nhiệm chức vụ này).

Mặc dù giai đoạn này tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến khó lường, kinh tế gặp nhiều khó khăn, một số tệ nạn xã hội còn tiềm ẩn... Tuy nhiên, phát huy tối đa những tiềm năng và thế mạnh đã có sẵn: giao thông thuận lợi, đội ngũ cán bộ ngày càng được chuẩn hóa, sự đoàn kết và đồng thuận giữa ý Đảng và lòng dân... Nhờ đó, sau 10 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng khóa XXVII, khóa XXVIII, xã Đô Thành đã giành được những thành tựu trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh.

1. Đẩy mạnh phát triển kinh tế

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã trong hoàn cảnh khó khăn do lạm phát tăng cao và khủng hoảng kinh tế tài chính thế giới đưa đến, triển khai Nghị quyết 11/NQ-CP, ngày 24/2/2011 của Chính phủ đề tập trung kìm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô nên nguồn vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng hạn chế. Thêm vào đó, thiên tai bão lũ, hạn hán, rét đậm rét hại xảy ra liên tiếp cũng là trở ngại lớn cho công cuộc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Trước những khó khăn của đất nước và địa phương, Đảng ủy đã đoàn kết nhất trí, năng động sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành, tìm mọi biện pháp tháo gỡ khó khăn về vốn, vật tư, hoàn thành tốt những mục tiêu kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh đã đề ra.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân tăng theo từng năm, bình quân đạt 8,1%; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực: Nông - lâm - thủy sản năm 2020 chiếm 20,74%. Công nghiệp - xây dựng (năm 2020) chiếm 32,83%; dịch vụ - thương mại và xuất khẩu lao động chiếm 46,43%. Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 50,38 triệu đồng/người/năm, tăng 23,5 triệu đồng so với năm 2015.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, Đảng bộ đã triển khai và hoàn thành tốt công tác chuyển đổi ruộng đất lần thứ 2 năm 2013. Sau khi chuyển đổi bình quân mỗi hộ có 1,7 thửa, bình quân mỗi thửa

có diện tích 1.112m² (thửa lớn nhất 3.500m², thửa nhỏ nhất 300m²). Cùng với chuyển đổi ruộng đất, xã tiến hành áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo từng vùng, từng xứ đồng một cách hợp lý. Tiếp tục vận động Nhân dân tự nguyện chuyển đổi tích tụ ruộng đất. Khuyến khích xây dựng các mô hình sản xuất tập trung, xây dựng các trang trại. Chuyển một số diện tích trồng lúa năng suất thấp sang sản xuất kết hợp cá, lúa, chăn nuôi. Tăng diện tích sản xuất vụ Đông với các loại giống cây, rau, củ, quả chất lượng cao. Hằng năm, đưa cơ cấu vào sản xuất các loại lúa lai, lúa có chất lượng cao 90% trở lên, năng suất đạt 47,5 tạ/ha. Xây dựng một số cánh đồng sản xuất tập trung, có năng suất, giá trị thu nhập cao đạt từ 50ha trở lên. Vận động Nhân dân đầu tư mua sắm máy lồng, máy gặt, gieo cấy... vào phục vụ sản xuất, đưa tốc độ tăng trưởng trong ngành trồng trọt là 3,5- 4%/năm. Tập trung chỉ đạo chăn nuôi theo hướng công nghiệp, trang trại, xa khu dân cư, tổng đàn năm 2020: đàn trâu, bò là 300 con, đàn lợn 500 con, gia cầm 80.000 con. Năm 2020, dịch tả lợn Châu Phi lan rộng, trong đó có Đô Thành, đã ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của ngành chăn nuôi. Nuôi trồng thủy sản được quan tâm chỉ đạo, sản lượng cá nước ngọt đạt 235,2 tấn vượt kế hoạch đề ra.

Tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ và xuất khẩu lao động từng bước khẳng định được vị trí trong cơ cấu kinh tế, trở thành ngành kinh tế chủ đạo của địa phương. Mặc dù vốn vay của ngân hàng hạn chế và lãi suất tương đối cao so với những năm trước, nhưng Đảng bộ đã có nhiều chủ trương hỗ trợ các hộ kinh doanh, dịch vụ và các hộ sản xuất thủ công nghiệp, làm dịch vụ đã chủ động tìm các giải pháp tháo gỡ khó khăn đầu tư sản xuất, kinh doanh, đáp ứng được nhu cầu phục vụ sản xuất và tiêu dùng. Nhiều loại hình kinh doanh dịch vụ được mở rộng, như nhà hàng ăn uống, cửa hàng kinh doanh dịch vụ tổng hợp, kinh doanh vật liệu xây dựng, vật tư phân bón, vận tải ô tô, xưởng mộc, sửa chữa xe máy, cơ khí, sửa chữa điện tử, may mặc, nghề xây dựng, xuất khẩu lao động đã thu hút nhiều lao động có việc làm. Hiện tại, xã có 850

người làm việc tại các nước Đông Âu và Tây Âu, 200 lao động có hợp đồng làm việc tại Hàn Quốc, Malaixia, 431 lao động làm việc ở Lào, 1.500 lao động xây dựng và các khu công nghiệp ở miền Nam. Tổng giá trị ngành dịch vụ - thương mại đạt 264,9 tỷ đồng.

Cùng với công nghiệp, xây dựng cơ bản của địa phương có nhiều chuyển biến, phản ánh rõ nét tốc độ phát triển của Đô Thành. Với phương châm phát huy nội lực, tranh thủ sự giúp đỡ của cấp trên, được sự đồng thuận của Nhân dân, Đảng ủy đã lãnh đạo tập trung xây dựng các công trình phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều công trình mới như: xây dựng phòng học Trường Tiểu học số 1, Trường Tiểu học số 2, phòng học mầm non cụm phía Bắc; tu sửa chợ chiều, xây dựng sân vận động, tường bao khu vui chơi giải trí; làm đường nhựa 33, 205, đường bắc Vách Bắc, đường liên xã Gia Mỹ - Thọ Thành, cầu K38, cầu 205; rải thảm đường 537, 538C, đường cứu hộ cứu nạn (bắc Vách Bắc). Đặc biệt là đầu tư mạnh, có hiệu quả hệ thống giao thông các tuyến đường tỉnh, huyện, liên hương, liên xóm.

2. Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới

Cụ thể hoá Nghị quyết số 26 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, ngày 4/6/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 800-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên cả nước theo bộ tiêu chí được công bố tại Quyết định số 491/2009/QĐ-TTg. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An có Quyết định số 3875/QĐ-UBND, ngày 31/8/2010 về việc phê duyệt kế hoạch, chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới của tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện Yên Thành về việc ban hành kế hoạch và các văn bản hướng dẫn của các sở, ban, ngành để xây dựng nông thôn mới. Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới Ủy ban nhân dân huyện, Đảng ủy ra Nghị quyết chuyên đề về tư tưởng chỉ đạo của cấp ủy Đảng và quyết tâm của toàn Đảng bộ

về xây dựng nông thôn mới. Thành lập Ban chỉ đạo, ban quản lý và bộ phận giúp việc ban chỉ đạo, ban quản lý ở xã để khi triển khai Chương trình.

Bắt tay vào xây dựng nông thôn mới, xã Đô Thành có những thuận lợi nhất định. Là xã có dân số đông, địa hình bằng phẳng, tưới tiêu thuận lợi, có điều kiện để phát triển nông nghiệp. Có vị trí địa lý nằm trên các tuyến giao thông tỉnh lộ, huyện lộ, gần quốc lộ 1A, nên người dân có điều kiện để phát triển thương mại, dịch vụ, người dân năng động trong cơ chế thị trường. Số người đi lao động xuất khẩu tăng qua từng năm, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế cũng như thay đổi bộ mặt nông thôn. Xã Đô Thành có truyền thống đoàn kết, Đảng bộ nhiều năm liền đạt trong sạch, vững mạnh. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn không ít khó khăn. Tư tưởng ở một bộ phận dân cư còn phân tán, ảnh hưởng đến phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới. Tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội còn tiềm ẩn một số tệ nạn xã hội chưa được đẩy lùi. Đặc biệt, khoảng cách giữa hộ giàu và hộ nghèo còn xa, do đó việc huy động nội lực để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng còn khó khăn.

Trước tình hình đó, lãnh đạo xã Đô Thành xác định, việc đầu tiên là phải làm tốt công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tự nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới. Để làm thay đổi nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong toàn xã về xây dựng nông thôn mới, Đảng ủy, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể đã tập trung cho công tác tuyên truyền dưới nhiều hình thức. Tập trung tuyên truyền các chính sách ưu đãi về phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân do tỉnh, Ủy ban huyện ban hành để người dân được biết và thụ hưởng các chính sách ưu đãi. Tuyên truyền bằng nhiều hình thức tại các cuộc họp, sử dụng hệ thống truyền thanh của xã, thôn để tuyên truyền.

Đài truyền thanh của xã thường xuyên thông tin tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới; thông báo kịp thời các chủ trương, nghị quyết, quyết định của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân đến mọi người dân; động viên khen thưởng những cá

nhân, tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Phát hiện và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của Nhân dân trong quá trình thực hiện. Nhờ đó, đã tạo điều kiện để Nhân dân nhận thức sâu sắc về chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước, mục đích, yêu cầu, cách làm để xây dựng nông thôn mới hiệu quả; tạo niềm tin, sự phấn khởi trong Nhân dân để họ tự nguyện thực hiện.

Thấm nhuần các chủ trương của Đảng, cách thức thực hiện các tiêu chí, Đảng ủy, chính quyền và toàn thể cán bộ các ban, ngành từ xã đến các xóm, Nhân dân quyết tâm cùng nhau sát cánh tận dụng tối đa mọi nguồn lực, vượt qua mọi khó khăn đạt 19 tiêu chí từ hoàn thiện, bổ sung lại quy hoạch tổng thể chung toàn xã đến xây dựng đội ngũ cán bộ và xây dựng kết cấu hạ tầng. Nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của Đảng, chính quyền và sự đồng thuận cao của Nhân dân, một phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới diễn ra mạnh mẽ ở Đô Thành.

Với những cách làm phù hợp, đến năm 2014, Đô Thành đã hoàn thành 19/19 tiêu chí, và là một trong những xã về đích đầu tiên của huyện Yên Thành, tổng mức kinh phí thực hiện lên đến 135 tỷ 802 triệu đồng, trong đó Nhân dân đóng góp trên 65 tỷ đồng. Người dân đã tự nguyện hiến 2ha đất làm đường giao thông nông thôn, hệ thống đường liên xã, đường trục xã và trục xóm được nhựa hóa hoặc bê tông 100%, đường ngõ xóm được bê tông hoặc đổ sỏi sạch, không còn lầy lội vào mùa mưa. Hệ thống thủy lợi được bê tông hóa cơ bản đáp ứng yêu cầu tưới tiêu chủ động cho diện tích gieo trồng lúa và nuôi trồng thủy sản, cấp nước sinh hoạt và tháo nước. Đời sống người dân ngày càng được nâng lên. Thu nhập bình quân đầu người năm 2014 đạt xấp xỉ 24 triệu đồng/người/năm. Từ năm 2011 - 2014, Nhân dân tự đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, chỉnh trang nhà ở và các công trình khác với kinh phí ước tính trên 200 tỷ đồng, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 4,35%. Trên địa bàn xã có 2 làng nghề sản xuất mây tre đan xuất khẩu đã được tỉnh công nhận là làng nghề Yên Hội và Bắc Vực. Đặc biệt, việc làm tốt công tác xuất khẩu lao động đã góp phần mạnh mẽ

trong thay đổi bộ mặt nông thôn ở Đô Thành, nâng cao đời sống Nhân dân với nguồn thu nhập từ xuất khẩu lao động lên đến 136 tỷ đồng.

Đời sống văn hóa, tinh thần của người dân cũng được nâng lên. Các thiết chế văn hóa, thể thao, trường học, cơ sở vật chất cơ bản đạt chuẩn theo quy định. Ngoài hệ thống sân thể thao, nhà văn hóa của xã, 14/14 xóm đều có nhà văn hóa và sân thể thao đạt chuẩn theo quy định. Hiện nay, xã đang triển khai xây dựng Nhà máy nước sạch phục vụ nhu cầu người dân. Trên địa bàn không có các hoạt động gây ô nhiễm môi trường, rác thải được thu gom tập trung để xử lý cách xa khu dân cư. Cây xanh được trồng ở nơi công cộng, đường giao thông; công tác bảo vệ, giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp được quan tâm và duy trì thường xuyên, đường làng, ngõ xóm phong quang, sạch đẹp, trên địa bàn không để xảy ra tình trạng mất an ninh trật tự, mâu thuẫn tranh chấp, phức tạp, khiếu kiện đông người, vượt cấp.

Sáng 1/3/2015, xã Đô Thành long trọng tổ chức lễ đón Bằng công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới do Ủy ban nhân dân tỉnh trao tặng kèm theo là thưởng một công trình phúc lợi trị giá 500 triệu đồng. Được cấp trên công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới là niềm vui, niềm tự hào của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân toàn xã nhưng cũng tự xác định được rằng: kết quả đó mới chỉ là bước đầu, bởi lẽ xây dựng nông thôn mới theo tiêu chuẩn Bộ tiêu chí Quốc gia không chỉ dừng lại ở phong trào, mục tiêu trong ngắn hạn mà đó thực sự là một cuộc cách mạng ở nông thôn, làm cho nông thôn, nông nghiệp ngày càng hiện đại, văn hóa, xã hội ngày càng tiến bộ, văn minh.

Không tự bằng lòng với những kết quả được, từ năm 2015 đến nay, Đảng bộ và Nhân dân xã Đô Thành tiếp tục nỗ lực, phấn đấu hoàn thiện, xây dựng xã trở thành xã nông thôn mới nâng cao vào năm 2024.

3. Phát triển văn hóa - xã hội

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao diễn ra sôi nổi, rộng khắp các thôn, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham

gia, tạo sân chơi bổ ích, lành mạnh cho mọi lứa tuổi. Hằng năm, bộ phận văn hóa xã đã phối hợp các ban ngành, đoàn thể tổ chức hội diễn văn nghệ, các giải thể thao chào mừng ngày lễ lớn,... Mặt khác, để thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với Nhân dân, Ủy ban nhân dân xã đã đầu tư nâng cấp hệ thống truyền thanh, xây dựng chương trình kế hoạch hằng năm, quý và tháng, có quy chế hoạt động, qua đó đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nhất là các sự kiện chính trị, các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Công tác bảo tồn văn hóa được quan tâm qua việc chỉ đạo Nhân dân tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 1/2/2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020; Chỉ thị số 10-CT/TU, ngày 19/9/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục đẩy mạnh phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư giai đoạn 2012 - 2020. Đến năm 2020, Đô Thành có 11/14 xóm được công nhận làng văn hóa, 4/4 trường học đạt tiêu chuẩn đơn vị văn hóa. Tỷ lệ hộ gia đình đạt gia đình văn hóa chiếm 90%.

Về công tác giáo dục, thực hiện tốt Nghị quyết số 29 NQ/TW, ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo”; đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và các cuộc vận động: “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo”, cuộc vận động “Hai không”, phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” (theo 5 tiêu chuẩn) của ngành đề ra; tăng cường bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, hoàn thành mục tiêu kế hoạch nhiệm vụ của từng năm học. Thực hiện đổi mới, nâng cao chất lượng quản lý, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng kiên cố hóa, xây dựng trường xanh, sạch, đẹp. Thực hiện nghiêm túc

quy chế thi và đánh giá thực chất chất lượng của đội ngũ giáo viên và học sinh. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết thống nhất cao, tích cực tự học, tự bồi dưỡng, thường xuyên nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy. Số học sinh giỏi các cấp tăng, tỷ lệ tốt nghiệp đạt 98%.

Ban Chấp hành Đảng bộ tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân đến năm 2015 và những năm tiếp theo. Ban Dân số - Kế hoạch hóa gia đình xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện kế hoạch hóa gia đình, nâng cao nhận thức về y học dự phòng, để mọi người, trước hết biết tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe của mình. Tỷ lệ phát triển dân số hằng năm còn 1,4%. Phong trào ăn ở hợp vệ sinh được đẩy mạnh.

Công tác xóa đói, giảm nghèo và thực hiện các chính sách xã hội được Đảng ủy quan tâm. Các chính sách đối với người nghèo, người có công được thực hiện nghiêm túc. Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2020 chỉ còn 1,41%. Công tác “đền ơn đáp nghĩa” được cấp ủy, chính quyền thường xuyên quan tâm bằng việc tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho gia đình liệt sỹ, nạn nhân chất độc da cam, các gia đình khó khăn vào dịp lễ, tết; phong trào xây dựng nhà “tình nghĩa” cho các đối tượng chính sách đạt kết quả thiết thực; giải quyết kịp thời các chế độ chính sách cho người có công với cách mạng và các chính sách an sinh xã hội, vận động hỗ trợ tu sửa và xây dựng nhà “tình nghĩa”. Hằng năm, phân công cho các tổ chức, đoàn thể, xóm thăm và tặng quà cho các đối tượng chính sách, trích ngân sách mỗi năm từ 10 - 15 triệu đồng cho các gia đình chính sách.

Từ năm 2011 – 2020, các tổ chức và cá nhân đã mạnh dạn vay vốn mở rộng quy mô sản xuất, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho gia đình và tạo sản phẩm cho xã hội. Dư nợ vốn vay tại các ngân hàng năm tăng mạnh, các nguồn vốn vay đều được Ủy ban nhân dân xã phối hợp với các ngân hàng thẩm định chặt chẽ cả

trước và sau khi vay vốn. Nguồn vốn đều được Nhân dân và các tổ chức sử dụng đúng mục đích, đầu tư có hiệu quả vào sản xuất, kinh doanh, góp phần đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo để phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương, nâng cao đời sống cho Nhân dân.

4. Xây dựng quốc phòng, an ninh vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới

Tình hình thế giới và khu vực đang diễn biến phức tạp. Các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ”, chúng tìm mọi cách để gây kích động, chia rẽ khối đoàn kết toàn dân, chia rẽ giữa các dân tộc, tôn giáo. Trước tình hình đó, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ xã đã đề ra mục tiêu đối với lĩnh vực an ninh, quốc phòng là: Giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội, đảm bảo đơn vị an toàn làm chủ. Phân đấu đảm bảo 100% chỉ tiêu tuyển giao quân, đồng thời thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội. Tiếp tục đẩy mạnh giáo dục pháp luật cho Nhân dân nhằm nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng, ý thức phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, giải quyết tốt vụ việc, đơn thư khiếu nại của công dân ngay tại thôn xóm theo đúng pháp luật.

Ban Chỉ huy Quân sự xã tập trung nâng cao chất lượng cho lực lượng dân quân, xây dựng lực lượng dân quân nòng cốt của địa phương, thực hiện tốt nhiệm vụ huấn luyện quân sự, diễn tập chiến đấu trị an, đảm bảo sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống. Thường xuyên duy trì chế độ hoạt động, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng đạt kết quả tốt. Hằng năm, Ban Chỉ huy Quân sự tổ chức tốt các đợt học tập chính trị, huấn luyện quân sự, tham gia hội thao, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ, đảng viên, điều động quân nhân dự bị động viên tham gia huấn luyện tập trung; tổ chức cho 100% cán bộ, chiến sỹ dân quân nòng cốt học tập về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng. Xã luôn hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân, tổ chức đón tiếp các đồng chí đã hoàn

thành nhiệm vụ trở về địa phương sinh hoạt và công tác; tổ chức lực lượng dân quân lao động xây dựng nông thôn mới. Ban Chỉ huy Quân sự phối hợp với Ban Công an bảo vệ an toàn các ngày lễ, tết và các sự kiện chính trị diễn ra trên địa bàn xã. Hằng năm, tiếp nhận và chi trả chế độ chính sách kịp thời, đầy đủ cho các đối tượng chính sách. Công tác quân sự, quốc phòng của địa phương luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Đảng ủy tiếp tục chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 08-NQ/TW về “Chiến lược an ninh quốc gia, chiến lược bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới”; triển khai Kế hoạch 1261 của Bộ Công an, Nghị quyết số 09-NQ/CP về chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm. Nhờ đó, Nhân dân cảnh giác hơn với những thủ đoạn của bọn tội phạm, đã cung cấp cho công an xã nhiều nguồn tin có giá trị. Ban Công an tổ chức ký cam kết với các hộ gia đình và các hộ chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn phòng, chống cháy nổ; tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc, không để kéo dài. Nhờ đó, phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh trật tự trong địa bàn, các tổ liên gia tự quản về an ninh trật tự, gia đình, công sở an toàn, công dân gương mẫu thực hiện hiệu quả. Làm tốt việc quản lý hộ tịch, hộ khẩu, tạm trú, tạm vắng trên địa bàn xã.

5. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị

Đảng ủy thường xuyên quan tâm, chăm lo công tác giáo dục, chính trị và quán triệt nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, cụ thể hóa bằng các chương trình, kế hoạch. Đồng thời, tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục truyền thống cách mạng, lịch sử, văn hóa của quê hương đất nước. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về xây dựng Đảng gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW, Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị, Đảng ủy thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình trong

sinh hoạt Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI); thường xuyên kiểm tra các chi bộ và cán bộ, đảng viên thực hiện quy chế đề ra; kiểm tra việc thực hiện Điều lệ Đảng, Quy định 47-QĐ/TW, ngày 1/11/2011 của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm, Nghị quyết số 12-NQ/TW về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, Nghị quyết số 25 về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới,... Bên cạnh đó, Đảng bộ cũng đã xây dựng kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt thực hiện Quy định số 57-QĐ/BTCTW và Hướng dẫn số 11-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương; tiến hành rà soát hồ sơ, lý lịch cán bộ, lý lịch đảng viên, không để lọt những người không đủ tiêu chuẩn chính trị vào hàng ngũ của Đảng, góp phần xây dựng tổ chức Đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, vững mạnh.

Hằng năm, Đảng ủy tổ chức sinh hoạt, kiểm điểm kết quả hoạt động của cấp ủy và từng cán bộ, đảng viên một cách nghiêm túc. Nét nổi bật là ý thức tổ chức tính kỷ luật, kỷ cương hành chính được thực hiện nghiêm túc, thái độ, ý thức trách nhiệm đối với công việc được nâng lên, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, vận động Nhân dân mang lại hiệu quả rõ nét. Năm 2020, Đảng bộ có 80% chi bộ đảng được công nhận trong sạch, vững mạnh.

Công tác cán bộ được quan tâm trên cơ sở thực hiện nghiêm túc quy trình nhận xét, đánh giá cán bộ; bổ sung quy hoạch bảo đảm công khai, dân chủ và chất lượng. Hằng năm, Ban Chấp hành Đảng bộ đều có quy hoạch những chức danh chủ chốt của xã giai đoạn 2010 - 2015, 2015 - 2020 và những năm tiếp theo. Đảng ủy thường xuyên cử cán bộ đi đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn và chính trị, vì thế đến năm 2020, 92% cán bộ công chức và chuyên trách có trình độ đại học, 82% cán bộ có trình độ trung cấp chính trị. Đảng ủy đã chăm lo công tác bồi dưỡng, kết nạp đảng viên mới, từng bước trẻ hoá đội ngũ, chỉ riêng nhiệm kỳ 2015 - 2020 đã kết nạp được 39 đảng viên mới, tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ là 372 đồng chí.

Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát, hằng năm, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy đã chủ động xây dựng chương trình và tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát theo chương trình, kế hoạch đề ra. Qua kiểm tra, giám sát đã kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm. Từ năm 2011 - 2020, Đảng ủy đã kiểm tra, giám sát gần 100 cuộc. Đã thi hành kỷ luật 50 đảng viên (trong đó, khiển trách 36 đồng chí, cảnh cáo 12 đồng chí, cách chức 2 đồng chí).

Công tác dân vận có nhiều chuyển biến tích cực góp phần phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ khóa XXVII, khóa XXVIII đã đề ra. Đảng ủy đã triển khai kịp thời các chỉ thị, nghị quyết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tổ chức xã hội thực hiện tốt phong trào dân vận khéo góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường khối đại đoàn kết, tạo niềm tin của Nhân dân vào Đảng, Nhà nước.

Đề nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống, Ban Chấp hành Đảng bộ đã tập trung chỉ đạo: “Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị”. Hội đồng nhân dân tiếp tục đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng hoạt động; tăng cường vai trò giám sát của Thường trực hội đồng và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân đối với hoạt động của Ủy ban Nhân dân và đội ngũ cán bộ công chức; nâng cao chất lượng các kỳ họp, thực hiện nội dung chất vấn và trả lời chất vấn làm sáng tỏ những vấn đề mà cử tri quan tâm. Trên tinh thần đó, Hội đồng nhân dân đã bám vào Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ, thực hiện tốt chức năng quyết định và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế, xã hội ở cơ sở. Định kỳ tổ chức kỳ họp đúng theo luật định, ban hành các nghị quyết phù hợp sát với tình hình thực tế của địa phương và nguyện vọng của cử tri.

Ủy ban nhân dân xã là bộ máy quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh, quốc

phòng, Đảng ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân chủ động đổi mới nội dung, cách thức quản lý, điều hành, xây dựng chương trình kế hoạch công tác, bám sát các chỉ tiêu, chủ động, sáng tạo đề ra những biện pháp, giải pháp thực hiện và hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu nghị quyết các cấp đề ra. Tập trung chỉ đạo thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, tạo sự đột phá trong phát triển kinh tế, xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng tăng. Đồng thời, chỉ đạo cán bộ chính quyền tăng cường công tác dân vận, đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới phong cách lề lối làm việc, làm việc theo quy chế, lấy hiệu quả công tác làm thước đo năng lực, phẩm chất cán bộ. Xây dựng chính quyền vững mạnh toàn diện.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, đổi mới phong cách, lề lối làm việc theo hướng gần gũi với Nhân dân, sâu sát công việc, kịp thời nắm bắt tâm tư, tình cảm của dân, làm tốt cầu nối giữa Nhân dân với Đảng và Nhà nước. Thông qua đổi mới hoạt động, tạo sự hấp dẫn nhằm tập hợp, thu hút đoàn viên, hội viên vào các tổ chức ngày càng đông, thực hiện tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, hương ước của địa phương. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 217-QĐ/TW, quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về công tác giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Các hoạt động có sự đổi mới, bám sát sự chỉ đạo của cấp trên và căn cứ vào tình hình thực tiễn của địa phương. Mỗi chi hội, chi đoàn đều có hình thức, nội dung đăng ký thực hiện như: “Làm theo Bác, thực hành tiết kiệm chung sức xây dựng nông thôn mới”, xây dựng các mô hình “Dân vận khéo”, phong trào xây dựng nông thôn mới, phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, triển khai các hoạt động hỗ trợ vốn, ngày công giúp hội viên khó khăn, gia đình nghèo vươn lên,... Mặt trận Tổ quốc hưởng ứng, phát động các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước và vận động

hội viên, thanh niên tích cực tham gia bảo vệ môi trường và tham gia thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chăm lo cho người nghèo, người khuyết tật, hộ đơn thân, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Phát động các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước và vận động hội viên tích cực tham gia bảo vệ môi trường, tham gia thực hiện các chính sách an sinh xã hội. tổ chức tốt các buổi tiếp xúc cử tri và đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân tỉnh, huyện; tiến hành tốt công tác hiệp thương, giới thiệu người ứng cử vào Hội đồng nhân dân các cấp; triển khai nâng cao chất lượng phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hóa, tổ chức tốt ngày Đại đoàn kết toàn dân (18/11); thực hiện tốt nhiệm vụ tổng kết 5 năm phong trào Đền ơn đáp nghĩa (2008 - 2012), (2012 - 2016), (2016 - 2021),... Trong giai đoạn 2010 - 2020, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể xã Đô Thành luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

III. ĐÔ THÀNH - NHỮNG NỖ LỰC VÀ PHÁT TRIỂN SAU ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ LẦN THỨ XXIX NHIỆM KỲ 2020 - 2025

Phân khởi trước những kết quả đạt được, trong 2 ngày 4 - 5/5/2020, Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Đô Thành lần thứ XXIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 được tổ chức. Đại hội đã nhất trí thông qua Nghị quyết, xác định mục tiêu tổng quát: “Tập trung nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, xây dựng các kết cấu hạ tầng, mạng lưới giao thông nông thôn; thúc đẩy quá trình hình thành các mô hình kinh tế. Ưu tiên phát triển tiểu thủ công nghiệp, khuyến khích công tác xuất khẩu lao động. Giải quyết tốt chính sách xã hội, tăng cường các chế độ an sinh xã hội. Ngăn chặn tệ nạn xã hội, tạo sự đồng thuận cao trong toàn dân. Nâng cao chất lượng cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, giữ vững phong trào giáo dục, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân. Giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể hằng năm đạt xuất

sắc. Phần đầu xã Đô Thành là địa phương khá nhất của huyện Yên Thành về mọi mặt”.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ lần thứ XXIX gồm 15 đồng chí, Ban Chấp hành đã bầu 5 đồng chí vào Ban Thường vụ Đảng ủy. Đồng chí: Nguyễn Hồng Lương được bầu giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, đồng chí Võ Văn Hòa - Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, đồng chí Luyện Xuân Huệ - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

2 năm đầu triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XXIX, mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức đan xen, đặc biệt là ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nhưng với quyết tâm chính trị cao, với khát vọng vươn lên để đổi mới và phát triển, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Đô Thành đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu với tinh thần tập trung quyết liệt, mạnh mẽ, tạo khí thế phấn khởi để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đảng bộ xã đề ra và giành được những kết quả đáng tự hào trên tất cả các lĩnh vực.

1. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế

Kinh tế tiếp tục duy trì ổn định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Đến cuối năm 2022, tổng giá trị thu nhập toàn xã đạt 839,505 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 9,47%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 63,991 triệu đồng/người/năm (tăng 10 triệu đồng so với năm 2021).

Trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, xã đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp nhằm đẩy mạnh việc tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị, thích ứng với biến đổi khí hậu, tích cực vận động, hỗ trợ Nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện sản xuất thực tế theo hướng đa dạng hóa cây trồng, áp dụng luân canh, xen canh trong sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt, đẩy mạnh liên kết giữa nông dân với nhau và với các doanh nghiệp theo chuỗi giá trị, từ khâu cung cấp giống, kỹ thuật cho đến thu hoạch, tiêu thụ nông sản. Nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả đang được người dân địa phương thực hiện

và nhân rộng, cụ thể: Mô hình liên kết sản xuất gắn với bao tiêu sản phẩm giống lúa VT404 ở xóm Nam Vực, diện tích vụ Xuân là 34 ha; Mô hình sản xuất theo phương pháp hiệu ứng hàng biên giống lúa 27P53 vụ Hè - Thu tại xóm Sung Yên là 8ha và mô hình nuôi thâm canh cá trắm cỏ quy mô 1ha. Ngoài ra, xã còn chú trọng công tác dạy nghề gắn với giới thiệu việc làm cho lao động nông thôn. Hằng năm, xã phối hợp các ngành huyện tổ chức mở lớp đào tạo nghề, tập huấn chuyển giao khoa học - kỹ thuật, hỗ trợ phát triển sản xuất giúp hộ nghèo có thêm việc làm, tăng thu nhập bằng các mô hình trồng trọt, chăn nuôi hiệu quả. Chỉ riêng năm 2021, xã phối hợp với Cục Khuyến nông tỉnh và Trung tâm Khuyến nông huyện Yên Thành tổ chức tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản là 14 lớp cho Hội Nông dân và tổ chức 2 cuộc hội thảo đầu bờ học tập kinh nghiệm sản xuất.

Chăn nuôi giai đoạn này gặp nhiều khó khăn do dịch tả lợn Châu Phi bùng phát, ảnh hưởng lớn đến chất lượng và số lượng đàn, trước tình hình đó, Ủy ban nhân dân xã tập trung chỉ đạo làm tốt công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm kịp thời theo lịch thời vụ. Năm 2022, tổng đàn (trâu, bò) có 273 con, đàn lợn 648 con, gia cầm 81.512 con, đàn dê và gia súc khác 1.083 con.

Mặc dầu dịch Covid-19 xảy ra diện rộng trên khắp cả nước nhưng ngành nghề tiểu thủ công nghiệp như: Xây dựng, mộc dân dụng, cửa xẻ gỗ, cơ khí sửa chữa, mua bán vật liệu xây dựng vẫn hoạt động tương đối đều đặn, đem lại mức thu nhập khá ổn định đã tạo việc làm cho hàng trăm lao động.

Thương mại - dịch vụ có bước phát triển đáng kể. Các hoạt động buôn bán phong phú, đa dạng như: vật liệu xây dựng, kinh doanh nhà hàng ăn uống, hàng tạp hóa, hàng nông sản... Các mô hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngày càng mở rộng. Đến năm 2022, số lao động xuất khẩu ở nước ngoài là 1.586 người, mang lại nguồn thu nhập khá ổn định cho người dân. Tỷ trọng ngành nghề công nghiệp - thủ công nghiệp - xây dựng - dịch vụ dần dần chiếm

ưu thế, tạo công ăn việc làm cho người dân, góp phần làm thay đổi cơ bản bộ mặt nông thôn ở Đô Thành.

Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn được Đảng ủy, chính quyền Đô Thành đặc biệt quan tâm, sau 2 năm thực hiện Nghị quyết Đảng bộ xã lần thứ XXIX, xã đã huy động tốt các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là các công trình phúc lợi xã hội phục vụ người dân. Các công trình cơ sở hạ tầng, hệ thống trường lớp, trạm y tế, cơ sở vật chất văn hóa được tu sửa khang trang. Hệ thống giao thông nông thôn được nhựa hóa hoặc bê-tông hóa, vững chắc, từng bước đáp ứng nhu cầu lưu thông, vận chuyển hàng hóa của Nhân dân. Chỉ tính riêng năm 2022, xã đã đầu tư xây dựng các công trình: xây dựng cổng, sân, tường rào, nhà công an xã; Xây dựng và nâng cấp ô tô chợ Vách Bắc; Lắp đặt lan can đài tưởng niệm Liệt sỹ; nâng cấp sân, mái tôn tại khu làm việc của ban Công an xã tổng trị giá 3,298 tỷ đồng; Lấn son 10 phòng học, làm nhà xe, phòng bảo vệ trường tiểu học số 1 bằng nguồn dự án trị giá 312 triệu đồng; Nâng cấp, sửa chữa 10 phòng học trường tiểu học số 1; Nâng cấp nhà thư viện trường Trung học cơ sở sửa chữa và thay mái tôn 4 trường học, tổng trị giá các trình là 656 triệu đồng bằng nguồn vốn ngân sách xã; Khảo sát thiết kế xây dựng 12 phòng học 3 tầng trường Trung học cơ sở ước trị giá 15 tỷ đồng; 6 phòng học 2 tầng trường tiểu học số 1 ước trị giá 6 tỷ đồng; Tiếp cận nguồn vốn nhà nước lập hồ sơ xây dựng mới Trạm Y tế xã ước trị giá 5 tỷ đồng; Khảo sát thiết kế nâng cấp sân trường Tiểu học số 1 ước trị giá 2 tỷ đồng; Khảo sát thiết kế xây dựng hạ tầng khu đất ở vùng Kim Chi, Bắc Vực, Xuân Lai đi Dạ Sơn, ước trị giá 3,5 tỷ đồng. Đặc biệt, với tinh thần “Uống nước nhớ nguồn” tri ân các Anh hùng liệt sỹ đã hy sinh. Năm 2021, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã đã kêu gọi, vận động xã hội hóa từ các Doanh nghiệp, cán bộ và Nhân dân cùng con em xa quê đóng góp xây dựng, tu sửa Đài tưởng niệm liệt sỹ với thiết kế, quy mô hiện đại, tổng kinh phí hơn 1,6 tỷ đồng, công trình khởi công vào năm 2021 và được

cất bằng khánh thành năm 2022 đúng vào dịp kỷ niệm 75 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ 27/7.

2. Xây dựng Nông thôn mới nâng cao

Sau khi được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2014, “không sớm bằng lòng, thỏa mãn với thành tựu đã đạt được”, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân xã Đô Thành, tiếp tục chung sức, đồng lòng nâng “chất” các tiêu chí để xây dựng xã Nông thôn mới nâng cao.

Ngày 07/7/2022, Đảng ủy ra Quyết định số 42-QĐ/ĐU, thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Nông thôn mới nâng cao gồm 28 đồng chí. Ban chỉ đạo họp phân công, giao trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban chỉ đạo.

Từ những bước đi vững chắc trong giai đoạn xây dựng Nông thôn mới, sau khi được công nhận xã đạt chuẩn Nông thôn mới xã Đô Thành bước vào thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới nâng cao và đã trở thành phong trào rộng khắp trên toàn xã. Trong quá trình thực hiện chương trình, dân chủ cơ sở được mở rộng hơn, ý thức và trách nhiệm làm chủ của người dân được nâng cao hơn. Xã xác định xây dựng nông thôn mới luôn là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, không có điểm dừng, xã Đô Thành chủ trương không ngừng nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, nhất là các tiêu chí về sản xuất, văn hóa, y tế, giáo dục và môi trường. “Không chạy theo thành tích; không trông chờ, ỷ lại cấp trên”, xã đặc biệt chú trọng công tác tuyên truyền, vận động để tạo sự thay đổi trong nhận thức dẫn đến những đột phá trong cách làm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về xây dựng Nông thôn mới nâng cao. Từ đó thu hút được sự hưởng ứng tích cực tham gia của người dân với phương châm “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ”, phát huy cao tinh thần đoàn kết, sự đồng thuận, đóng góp công sức, trí tuệ, nguồn lực, sáng kiến của cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới nâng cao.

Dù gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhưng với sự hỗ trợ của các cấp, ngành cùng sự nỗ lực, quyết tâm của Đảng

bộ, chính quyền và Nhân dân, Đồ Thành nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí chưa đạt, với những giải pháp hiệu quả, thiết thực, cụ thể. Đến hết quý I/2023 đã có 12 tiêu chí đạt gồm: (Tiêu chí số 1: Quy hoạch; Tiêu chí số 2: Giao thông; Tiêu chí số 3: Thủy lợi và phòng, chống thiên tai; Tiêu chí số 4: Điện; Tiêu chí số 7: Dịch vụ - Thương mại; Tiêu chí số 8: Thông tin và truyền thông; Tiêu chí số 9: Nhà ở Ddn cư; Tiêu chí số 10: Thu nhập; Tiêu chí số 11: Tỷ lệ Hộ nghèo; Tiêu chí số 16: Tiếp cận pháp luật; Tiêu chí số 18: Chất lượng môi trường sống và Tiêu chí 19: Quốc phòng, an ninh).

Còn 07 tiêu chí chưa đạt gồm: (Tiêu chí số 5: Giáo dục; Tiêu chí số 6: Văn Hóa, Tiêu chí 12: Lao động; Tiêu chí 13: Hình thức tổ chức sản xuất; Tiêu chí 14: Y tế; Tiêu chí 15: Hành chính công; Tiêu chí 17: Môi trường).

Phấn đấu đến hết năm 2023 đạt 15 - 16 tiêu chí và đến giữa năm 2024 xã sẽ hoàn thành về đích nông thôn mới nâng cao.

3. Chăm lo phát triển văn hóa - xã hội

Sự nghiệp văn hóa, giáo dục và y tế tiếp tục phát triển. Trên cơ sở bám sát các nội dung, mục tiêu của chương trình phát triển văn hóa, trong hơn 2 năm qua Đảng ủy đã tập trung chỉ đạo cho các ban, ngành, đoàn thể, tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư,... phong trào ngày càng phát triển rộng khắp được sự đồng tình hưởng ứng của các tầng lớp nhân dân, đến nay đạt được kết quả khá tích cực và toàn diện: năm 2022, có 3.847 hộ đạt gia đình văn hóa, tỷ lệ 91,6%; 99 hộ gia đình văn hoá tiêu biểu; đề nghị Ủy ban Nhân dân huyện công nhận 6 Làng văn hóa; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã tổ chức hội nghị tuyên dương 102 hộ gia đình văn hoá tiêu biểu giai đoạn 2019 - 2021.

Các hoạt động văn hóa lễ hội, phong trào văn hóa văn nghệ ở cơ sở đã từng bước được nâng cao chất lượng, có ý nghĩa sát hợp với thực tế, chuyển theo hướng phục vụ tại cơ sở, đáp ứng một phần nhu cầu hưởng thụ văn hóa lành mạnh của Nhân dân, góp phần tích cực trong việc tuyên truyền thực hiện các nhiệm vụ chính

trị, các chương trình công tác ở từng thời điểm của địa phương, cổ vũ các nhân tố tích cực và phát huy bản sắc dân tộc và truyền thống cách mạng. Tham gia thi đấu các giải thể thao do huyện tổ chức đạt 2 giải nhất, 1 giải nhì, 1 giải 3.

Công tác thông tin tuyên truyền được đặc biệt quan tâm, Ban truyền thanh xã đã cập nhật và đưa thông tin khẩn trương, kịp thời phát tin tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh xã, xóm trong nhiệm vụ phòng, chống dịch sốt xuất huyết, công tác tiêm phòng dịch Covid-19,... đảm bảo tốt công tác phòng, chống dịch trên địa bàn xã hiệu quả. Bằng nguồn vốn đối ứng của Nhà nước, địa phương xây dựng mới hệ thống Đài truyền thanh công nghệ 3G trị giá 1 tỷ đồng, đảm bảo phủ sóng phát tin bài kịp thời đến với mọi người dân.

Việc chăm lo cho gia đình chính sách và nhân dân lao động nghèo tiếp tục được chú trọng thực hiện, qua đó đã giúp cho các đối tượng ổn định và từng bước nâng dần cuộc sống. Chương trình xóa đói giảm nghèo đã được Đảng ủy tập trung thực hiện bằng hàng loạt các biện pháp hỗ trợ đồng bộ như: Cho vay vốn thông qua Quỹ Xóa đói giảm nghèo, miễn giảm học phí cho học sinh, miễn đóng góp nghĩa vụ lao động công ích, đào tạo dạy nghề miễn phí, cấp thẻ bảo hiểm y tế... đến nay đã đạt được kết quả khả quan (cuối năm 2022, rà soát bình xét cho năm 2023 số hộ nghèo toàn xã còn 101 hộ, tỷ lệ là 2,3%; hộ cận nghèo là 112 hộ, tỷ lệ là 2,53%).

Công tác giáo dục đào tạo có bước chuyển biến tích cực, trình độ đội ngũ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn ngày càng tăng, có nhiều giáo viên giỏi cấp huyện, cấp tỉnh và cấp quốc gia, đảm bảo nâng cao chất lượng giảng dạy. Hiệu suất đào tạo và tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp học và số học sinh giỏi hằng năm đều tăng, đáng kể là ở cấp trung học cơ sở. Năm học 2021 - 2022, học sinh giỏi huyện 39 em, cấp tỉnh 09 em, giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh 3 người, giáo viên giỏi cấp huyện 17 người, học sinh khối 9 thi đậu vào trường cấp 3 công lập đạt 80%, chất lượng đại trà 99%.

Hệ thống mạng lưới trường lớp được củng cố và phát triển, các trường học được tu sửa khang trang sạch đẹp, phương tiện và

thiết bị phục vụ giảng dạy được tăng cường, đảm bảo môi trường sư phạm, một số trường được đầu tư đúng mức, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nên đã tạo được uy tín trong phụ huynh, học sinh. Công tác xã hội hóa giáo dục tiếp tục chuyển biến thông qua việc vận động các tổ chức đoàn thể, hội từ thiện và các nhà hảo tâm tham gia đóng góp Quỹ bảo trợ giáo dục, hỗ trợ cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn, hiếu học.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân được quan tâm. Trong 2 năm đại dịch Covid-19 bùng nổ, Trạm y tế xã đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống dịch cấp xã, Tổ Covid cộng đồng. Từ khi dịch Covid-19 bùng phát trên địa bàn xã, cán bộ của Trạm y tế đã nỗ lực khắc phục khó khăn, không quản vất vả, luôn sẵn sàng phòng, chống dịch. Khi nhận thông tin có công dân từ vùng dịch trở về, Trạm y tế xã cử cán bộ lập tức đi xuống tận nơi truy vết bất kể thời gian ngày hay đêm. Trạm y tế xã đã phối hợp với Công an, Đoàn Thanh niên duy trì quản lý nắm bắt thông tin công dân trong xã từ những địa bàn có dịch trở về địa phương. Đến từng hộ gia đình để tuyên truyền, vận động và hướng dẫn người dân thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch. Song song với các hoạt động phòng, chống dịch thì công tác tiêm chủng luôn được Ban Chỉ đạo xã chú trọng, đảm bảo tỉ lệ bao phủ vắc xin đạt kế hoạch. Ngoài ra, Trạm y tế xã còn thực hiện tốt các chương trình Quốc gia về y tế. Trong năm 2022, tổng số lượt người đến khám và điều trị ban đầu tại trạm là 8.895 lượt người (tăng so với năm 2021 là 2.002 lượt người); khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền 3.567 lượt người. Tiêm chủng mở rộng cho các cháu thuộc các đối tượng trong độ tuổi đạt 86%; uống vitamin A đạt 98%. Tỷ lệ phát triển dân số là 1,1% (giảm 0,19% so với năm 2021).

4. Đảm bảo quốc phòng, an ninh

Công tác quân sự, an ninh được thực hiện nghiêm túc theo chủ trương của Đảng và Nhà nước từ xây dựng cơ sở an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu đến kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn, huấn luyện cho dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên,...

luôn được đảm bảo. Trong hơn 2 năm, xã đã huấn luyện, giáo dục chính trị cho hàng trăm người; tiến hành sơ khám tuyển nghĩa vụ quân sự cho thanh niên đúng độ tuổi, hoàn thành và vượt chỉ tiêu giao quân.

Năm 2020, Ban công an xã đã có công an chính quy gồm 5 đồng chí làm việc tại địa phương, sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban an ninh xã, công an huyện và lực lượng chức năng trực thuộc trong việc đảm bảo an toàn, trật tự trị an cho Nhân dân, đặc biệt là năm 2021 và đầu năm 2022 khi dịch Covid-19 bùng nổ. Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật thường xuyên đã tạo ra nề nếp sinh hoạt trong quần chúng nhân dân. Các dòng họ đã tích cực phát huy truyền thống, tham gia bảo vệ an ninh trật tự, phòng, chống các tệ nạn xã hội. Việc phối hợp giữa các lực lượng quân sự và công an ngày càng chặt chẽ đã góp phần ổn định tình hình an ninh địa phương, công tác trực giải quyết các giấy tờ thủ tục cho Nhân dân tại trụ sở công an xã đã được số hóa, nhanh chóng, chính xác.

Công tác đảm bảo hộ khẩu tạm trú, tạm vắng cũng như thực hiện kế hoạch “Giao dịch một cửa” tạo điều kiện thuận lợi, nhanh gọn cho Nhân dân khi giải quyết kịp thời chế độ chính sách cho các quân nhân theo Quyết định số 42/CP-TTg, đối tượng hưởng chế độ theo Quyết định số 62/CP-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Tổ chức hội nghị tuyên truyền trợ giúp pháp lý cho Nhân dân. Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý hộ tịch. Phối hợp Ban Văn hóa chỉ đạo các thôn xóm rà soát, bổ sung hương ước; tuyên truyền các quy định của pháp luật trên hệ thống truyền thanh xã.

5. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị vững mạnh

Trong 2 năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XXIX, công tác giáo dục tư tưởng chính trị luôn được Đảng bộ đặt lên hàng đầu. Việc đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống được quán triệt, triển khai không chỉ trong Đảng bộ mà còn trong quần chúng nhân dân. Thông qua các đợt học tập, tập huấn, bồi dưỡng lý luận chính trị,... trình độ nhận thức, ý thức của đội ngũ cán bộ,

đảng viên ngày càng được nâng lên. Tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình, ý thức xây dựng khối đoàn kết trong Đảng bộ để làm tròn vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở địa phương ngày càng được phát huy. Từ đó, nhận thức của cán bộ, đảng viên được nâng lên rõ rệt và đã tạo không khí phấn khởi, đoàn kết, thống nhất cao, từng bước khắc phục tư tưởng bảo thủ, trì trệ, trông chờ, ỷ lại và cục bộ hẹp hòi, ngại khó trong mỗi cán bộ, đảng viên.

Quán triệt Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về công tác cán bộ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn cũng như các nghị quyết của Trung ương về nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, Đảng bộ xã Đô Thành ngoài việc tăng cường giáo dục tư tưởng chính trị đã nghiêm chỉnh thực hiện công tác tổ chức và sinh hoạt Đảng. Hầu hết đảng viên đều có lập trường, quan điểm vững vàng, luôn nêu cao tính tiên phong, gương mẫu, nghiêm chỉnh chấp hành và thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Do vậy, uy tín của cán bộ, đảng viên nâng lên rõ rệt, củng cố thêm niềm tin của quần chúng nhân dân vào tổ chức Đảng. Qua các đợt học tập chính trị quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên và các chương trình hành động do Huyện ủy phát động, đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ nhận thức sâu sắc và phát huy tốt vai trò của người đảng viên trong thời kỳ đổi mới. Hằng năm, Đảng bộ đều thực hiện nghiêm túc quy trình phân loại, đánh giá cán bộ, đảng viên và các tổ chức trong hệ thống chính trị trên cơ sở chất lượng hoạt động, ý thức công tác và mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Đảng ủy lãnh đạo tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về việc “Tiếp tục đẩy mạnh và học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với việc thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc của cơ quan theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII), thực hiện Kết luận số 21-KL/BCT, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, kiên quyết ngăn chặn,

đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa; Kế hoạch số 80-KH/TU, ngày 7/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An về xây dựng chuyên đề hằng năm học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Qua đó nâng cao tinh thần, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trước sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, trước những biến động xã hội đang đòi hỏi mỗi thành viên trong cộng đồng dân tộc phải ra sức phấn đấu vươn lên hạn chế những tiêu cực do mặt trái của cơ chế thị trường đang làm băng hoại đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Đặc biệt, thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TW về công tác tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đô Thành đã ra Quyết định thành lập Ban chỉ đạo, sưu tầm để biên soạn lịch sử Đảng bộ và Nhân dân xã Đô Thành (1930 - 2023), đây là công trình lịch sử vô cùng ý nghĩa nhằm lưu lại những cột mốc lịch sử trong quá trình phát triển của xã nhà, trở thành tài liệu quan trọng để tuyên truyền, nâng cao nhận thức về truyền thống cách mạng cho cán bộ, đảng viên, Nhân dân và thế hệ trẻ; động viên và khơi dậy lòng yêu quê hương, đất nước, tạo sức mạnh tổng hợp thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh và xây dựng Đảng.

Trong công tác tổ chức cán bộ, ngay sau Đại hội Đảng bộ lần thứ XXIX, cấp ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026 và sau bầu cử bố trí sắp xếp nguồn cán bộ quy hoạch đúng định hướng. Chỉ đạo các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức tốt đại hội nhiệm kỳ. Công tác tổ chức, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được Ban Thường vụ Đảng ủy thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc. Bổ sung quy hoạch A3-A1 đảm bảo đúng quy trình, dựa trên yêu cầu số lượng, tiêu chuẩn từng chức danh, được bàn bạc và thảo luận dân chủ, công khai; đảm bảo cơ cấu ở các độ tuổi, tỷ lệ nữ, trẻ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Trong

quy hoạch thể hiện rõ quan điểm “động” và “mở”, mỗi chức danh quy hoạch từ 2 - 3 người, mỗi người quy hoạch từ 2 - 3 chức danh đảm bảo ở 3 độ tuổi để có sự chuyển tiếp các thế hệ, đáp ứng yêu cầu cho việc bố trí, sử dụng cán bộ trong từng thời kỳ. Hằng năm, trên cơ sở nguồn cán bộ đã được quy hoạch, Đảng ủy xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Việc cử cán bộ đi học được thực hiện dân chủ. Nhiệm kỳ này, Đảng ủy có Quyết định thành lập thêm 2 chi bộ gồm: Chi bộ Công an và Chi bộ Trạm y tế, nâng tổng số chi bộ trong toàn Đảng bộ là 21, với 386 đảng viên.

Công tác phát triển Đảng viên mới được chú trọng. Hằng quý, Đảng ủy có công văn chỉ đạo các chi bộ rà soát, đặc biệt là vùng giáo để giới thiệu quần chúng ưu tú tham gia các lớp nhận thức về Đảng. Chỉ riêng năm 2022, Đảng bộ đã kết nạp được 11 đồng chí đảng viên mới, chỉ tiêu năm 2023 bồi dưỡng kết nạp từ 13-15 quần chúng ưu tú vào Đảng.

Chất lượng sinh hoạt Đảng theo đúng quy chế. Đảng bộ tổ chức sinh hoạt theo định kỳ và học các chỉ thị, nghị quyết từ 4 - 6 kỳ/năm. Sinh hoạt Ban Thường vụ, Ban Chấp hành 12 - 14 kỳ/năm, sinh hoạt chi bộ 12 - 14 kỳ/năm. Chất lượng tổ chức Đảng từng bước được nâng lên, 100% chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có 18 - 23% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Các năm qua, Đảng bộ được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Đảng bộ luôn duy trì tốt chế độ kiểm tra định kỳ đối với các chi ủy, chi bộ, góp phần làm trong sạch và nâng cao chất lượng, phẩm chất đạo đức của cán bộ, đảng viên. Đảng ủy chỉ đạo và xây dựng chương trình kiểm tra giám sát của cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra hàng năm. Trong năm 2022, thực hiện 22 cuộc kiểm tra, giám sát, trong đó có 16 cuộc kiểm tra và 6 cuộc giám sát.

Hội đồng nhân dân xã cũng có nhiều đổi mới trong hoạt động, thể hiện vai trò là cơ quan quyền lực cao nhất ở địa phương. Trong các kỳ họp Hội đồng nhân dân, nhiều ý kiến xác đáng đã được mọi người đưa ra chất vấn, góp phần nâng cao chất lượng kỳ họp, nhất là công tác chuyển dịch cơ cấu mùa vụ trong sản xuất nông nghiệp,

đầu tư cơ sở hạ tầng,... Trên cơ sở phân tích những tồn tại, tiếp thu những ý kiến của cử tri, Hội đồng nhân dân xã đã xem xét, từ đó đưa ra những quyết sách sát đúng với thực tế của địa phương. Ủy ban nhân dân xã luôn đổi mới phương pháp điều hành, quản lý theo tinh thần các văn bản quy phạm pháp luật nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương mà Nghị quyết của cấp ủy, chính quyền cấp trên cũng như của Đảng bộ, Đảng ủy và Hội đồng nhân dân xã ban hành. Các ủy viên ủy ban đã không ngừng nâng cao ý thức, đi sâu, đi sát cơ sở, tháo gỡ khó khăn cho các ban, ngành và thôn xóm. Vì vậy, thời gian qua, Ủy ban nhân dân xã đã làm tròn trách nhiệm trong công tác chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, luôn phối hợp tốt với Ủy ban Mặt trận và các đoàn thể thực hiện hiệu quả các công tác “vì dân vì nước”, các nghị quyết của cấp ủy.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã đã làm tốt chức năng vận động, tập hợp lực lượng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; chủ động, sáng tạo, bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương. Công tác tham mưu cho Ban Thường vụ đề ra và triển khai các chủ trương của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XV, Hội đồng nhân dân các cấp (2021 - 2026). Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tham gia tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt cuộc vận động đoàn kết xây dựng Nông thôn mới đô thị văn minh, xóa đói giảm nghèo, nâng cấp nhà ở cho Nhân dân thông qua các cuộc vận động từ thiện, nhân đạo. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc đã tổ chức vận động ủng hộ chương trình Tết vì người nghèo được 553 suất quà, trị giá 276.500.000 đồng, ủng hộ Quỹ Vì người nghèo số tiền 200.000.000 đồng, phát động toàn dân ủng hộ Quỹ Phòng, chống dịch Covid-19 được 530.685.000 đồng.

Các tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị - xã hội đã phát huy tốt vai trò, vị trí của mình trong việc tuyên truyền và thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương, trong đó có việc giám sát và phản biện xã hội:

Đoàn Thanh niên là lực lượng xung kích trên mọi lĩnh vực và đi đầu trong phong trào thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ, lực lượng nòng cốt trong các phong trào “Thanh niên lập nghiệp”, “Tuổi trẻ giữ nước”, tham gia các công tác cộng đồng như: hiến máu nhân đạo, an sinh xã hội, tham gia nghĩa vụ quân sự, đào tạo nguồn đảng viên trẻ; xây dựng các công trình thanh niên như: Đường cò thanh niên, các khu vui chơi thanh thiếu niên, tham gia tích cực trong công tác thường xuyên duy tu, bảo dưỡng tuyến đường điện thanh niên thấp sáng đường quê tại các thôn, tuyến trung tâm xã.

Hội Phụ nữ tích cực thực hiện phong trào “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”, tích cực thi đua phát triển kinh tế, làm nòng cốt trong xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm và công tác kế hoạch hóa gia đình, góp phần hạ tỷ lệ tăng dân số hằng năm; thực hiện tốt công tác hậu phương quân đội, hoạt động từ thiện, vì cộng đồng trong việc hiến máu nhân đạo; phối hợp với Đoàn Thanh niên triển khai mô hình tiết kiệm cho các hội viên vay vốn phát triển kinh tế, thu gom rác thải, góp đá xây dựng Trường Sa, đăng ký chăm sóc tuyến đường giao thông tự quản,... Đây là những việc làm thiết thực và mang tính nhân văn mà Hội Phụ nữ thực hiện hằng năm.

Hội Nông dân phát động phong trào thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, giúp nhau phát triển kinh tế, thực hiện tốt công tác chuyển đổi nghề, giải quyết việc làm xây dựng nông thôn mới, tổ chức các lớp đào tạo nghề, quyên góp số tiền giúp đỡ hội viên nghèo và gia đình chính sách; làm thủ tục vay ngân hàng cho mô hình phát triển chăn nuôi; tham gia tích cực trong phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, các hoạt động văn nghệ thể thao. Tổ chức giải bóng chuyền các chi hội chào mừng ngày thành lập hội, tổng kết và biểu dương các mô hình sản xuất kinh doanh giỏi.

Hội Cựu chiến binh phát huy truyền thống anh bộ đội Cụ Hồ, là lực lượng có tính tổ chức kỷ luật cao, là lực lượng nòng cốt trong

vai trò bảo vệ Đảng và Nhà nước, bảo vệ Nhân dân, tiếp tục phát triển và trưởng thành về mọi mặt, đóng góp vào phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới, trở thành một trong những lực lượng tham mưu đắc lực cho Đảng ủy, chính quyền trong việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, xã hội, nhất là công tác an ninh tự quản ở thôn, xóm. Vận động hội viên quyên góp quỹ ủng hộ Nghĩa tình đồng đội, ủng hộ hội viên nghèo về nhà ở, thăm hỏi hội viên ốm đau, huy động hội viên tham gia lao động tuyến đường tự quản, phát quang các tuyến đường, xây dựng tuyến đường cờ Cờu chiến binh... Hoạt động tích cực của Hội Cờu chiến binh đã được Huyện hội đánh giá cao.

Công đoàn luôn phát huy vai trò của một tổ chức đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên trên địa bàn. Thực hiện tốt nhiệm vụ chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đoàn viên, thăm hỏi động viên đoàn viên khó khăn, ốm đau, hoạn nạn. Tổ chức lao động chăm sóc cây xanh, đường hoa tuyến đường trung tâm xã. Xây dựng công sở, cơ quan sáng - xanh - sạch - đẹp.

Các tổ chức xã hội nghề nghiệp có nhiều hoạt động phong phú. Hội Người cao tuổi luôn phát huy vai trò mẫu mực, động viên kịp thời người cao tuổi, tham gia tốt các cuộc vận động lớn, đặc biệt là cuộc vận động “Toàn dân xây dựng nông thôn mới”. Hội có nhiều câu lạc bộ như: “Câu lạc bộ thơ”, “Thẻ đục dinh dưỡng”, “Người cao tuổi mẫu mực”, “Sống vui, sống khỏe, sống có ích”. Hội thực sự trở thành sân chơi, nơi hội tụ người cao tuổi, đây là lực lượng quan trọng nhằm tăng cường “khối đại đoàn kết toàn dân”, xứng danh là “cây cao bóng cả”, sống mẫu mực cho con cháu noi theo, vì sự bình yên, hạnh phúc của xóm, thôn.

Các hội: Khuyến học, Cờu giáo chức, Thanh niên xung phong, Chữ thập đỏ,... đã hoạt động theo đúng tôn chỉ, mục đích của hội nêu ra, góp phần tích cực cùng cả hệ thống chính trị hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ của địa phương.

Sau hơn 12 năm thực hiện Nghị quyết 3 kỳ Đại hội Đảng bộ xã: (khóa XXVII, XXVIII, và XXIX) với sự tập trung lãnh đạo, chỉ

đạo của Đảng ủy, quản lý điều hành của chính quyền, sự phối hợp đồng bộ của cả hệ thống chính trị và nhân dân, tình hình kinh tế, xã hội ổn định và tiếp tục phát triển, năng lực sản xuất, thu nhập kinh tế hằng năm đều tăng trưởng khá, đời sống của Nhân dân được cải thiện, đời sống vật chất, tinh thần ngày càng được nâng lên; tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn làm chủ được giữ vững. Có được những kết quả trên, trước hết là nhờ sự nghiệp đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã và đang đi vào cuộc sống, niềm tin của Nhân dân đối với Đảng tiếp tục được củng cố, sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường. Nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân được nâng cao. Ban Chấp hành Đảng bộ đoàn kết thống nhất cao, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của từng chi bộ được nâng lên; dân chủ được phát huy và mở rộng, chính trị xã hội ổn định và chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, vẫn còn có một số hạn chế cần khắc phục đó là: Kinh tế tăng trưởng nhưng chưa thực sự bền vững; chưa khai thác hết tiềm năng lợi thế của địa phương; công tác quản lý đất đai, tài nguyên môi trường còn nhiều bất cập, các tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp và tiềm ẩn, công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị còn có mặt hạn chế, công tác quản lý điều hành của Ủy ban nhân dân có lúc, có nơi còn lúng túng, giải quyết một số vấn đề còn chậm, công tác cải cách hành chính chưa mạnh mẽ.

Những kết quả đạt được và bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo là tiền đề để Đảng bộ và Nhân dân Đô Thành tiếp tục phát huy ý chí tự lực tự cường, tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của cấp trên, tiếp tục phấn đấu giành những thắng lợi mới trong những năm tiếp theo.

KẾT LUẬN

Trải qua hơn 500 năm lịch sử, các thế hệ dân cư sinh tụ trên địa bàn Đô Thành đã kế tiếp nhau khai phá đất đai, tạo lập đồng ruộng và không ngừng bồi đắp cho quê hương mình ngày mỗi thêm trù phú.

Kết quả lao động của nhiều thế hệ dân cư đã biến những vùng lau sậy, sinh lầy, xứ Le Le, rộc Cá Gáy, Thung Sậy, Cồn Địa, những gò đồi sim mua, đá sỏi thành những cánh đồng canh tác màu mỡ, những công trường, những trung tâm kinh tế tiềm năng.

Cũng trong 5 thế kỷ ấy, những người dân sống trên mảnh đất này còn kiến tạo được một đời sống văn hóa, tinh thần phong phú và đa dạng. Hàng chục công trình kiến trúc về Phật giáo, Nho giáo và Thiên Chúa giáo đã lần lượt được các thế hệ dân cư Đô Thành dựng nên trên quê hương mình. Biết bao sinh hoạt văn hóa - văn nghệ đã từng sôi động trên vùng quê này... Tiếc thay, những tác động của thiên nhiên, những biến cố lịch sử, và cả bàn tay của con người đã làm cho bao di sản văn hóa trên mảnh đất này (nhất là các di sản văn hóa vật chất đình, đền, chùa, miếu,...) đã bị mai một dần theo thời gian.

Tuy nhiên, những nét đẹp truyền thống của làng xã vẫn được nuôi dưỡng trong nhiều thế hệ dân cư Đô Thành, mà khởi đầu là ông Hoàng Quý Công - người đầu tiên đến vùng đất Đô Thành ngày nay để khai cơ, lập ấp, nối bước theo ông các dòng họ đến đây sinh cơ lập nghiệp đã cùng nhau đoàn kết đồng lòng vượt qua bao khó khăn để tạo dựng cuộc sống và góp phần xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu mạnh.

Cùng với công cuộc xây dựng đời sống kinh tế - văn hóa, trên trường kỳ lịch sử, các thế hệ dân cư sống trên mảnh đất này đã dũng cảm đem máu xương, tiền của và nghị lực của mình ra

bảo vệ chủ quyền của quốc gia. Đặc biệt, từ ngày Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, thì những đóng góp của mảnh đất và con người Đô Thành cho sự nghiệp giải phóng dân tộc là vô cùng quan trọng. Ngay từ buổi Đảng mới sinh thành, đồng chí Luyện Nhận, người con của quê hương Đô Thành đã có mặt trong hàng ngũ của Ban Chấp hành Đảng bộ Yên Thành cùng với các đồng chí khác lãnh đạo “phong trào cách mạng của quần chúng, góp phần làm nên cao trào 30 - 31 và Xô viết Nghệ - Tĩnh vĩ đại.

Hơn 90 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng (1930 - 2023), Đô Thành đã giành được nhiều kết quả to lớn, tiến những bước dài, vững chắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, qua 15 năm gian khổ đấu tranh, không quản ngại hy sinh, Đảng bộ và Nhân dân Đô Thành cùng cả nước làm nên bước ngoặt vĩ đại của lịch sử dân tộc - Cách mạng Tháng Tám thành công, đưa người dân từ thân phận nô lệ, mất tự do thành người làm chủ xã hội; xây dựng và củng cố chính quyền, đóng góp sức người, sức của, góp phần làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu; cùng quân dân miền Bắc tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, làm tròn nghĩa vụ của hậu phương, cung ứng tới mức cao nhất khí, tài, vật, lực cho đồng bào miền Nam, cùng cả nước làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975, mở ra kỷ nguyên mới - kỷ nguyên của độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước; cùng cả nước tiến hành thắng lợi sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa để xây dựng nông thôn mới. Bản hùng ca hơn 90 năm ấy được viết bằng mồ hôi, nước mắt và cả máu xương của biết bao nhiều thế hệ cha anh.

Sau gần 40 năm đổi mới, Đô Thành từ vùng quê nghèo, trình độ dân trí còn thấp, đời sống vật chất, tinh thần nhiều hạn chế, dưới ánh sáng của Đảng đã dần dần thay da đổi thịt, trở thành một trong những xã nằm trong топ đầu về mọi mặt của huyện Yên Thành.

Suốt chặng đường phát triển của mình, Đảng bộ và Nhân dân Đô Thành luôn phấn đấu không ngừng để xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh. Cùng với chính quyền cách mạng của dân,

do dân và vì dân, Đảng bộ Đô Thành trở thành trụ cột lãnh đạo Nhân dân xây dựng và phát triển quê hương; luôn giữ vững nguyên tắc của một Đảng Cộng sản, tin tưởng tuyệt đối vào đường lối, chủ trương Đảng, tiếp tục thể hiện vai trò lãnh đạo, trở thành trung tâm tập hợp đảng viên, quần chúng,... Đảng bộ đã tiếp thu quán triệt sâu sắc chủ trương đổi mới của Trung ương Đảng, các nghị quyết đại hội Đảng các cấp và áp dụng vào thực tiễn của địa phương; từng bước lãnh đạo Nhân dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đưa đời sống của Nhân dân ngày một tiến nhanh, tiến mạnh trên con đường công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

Trong quá trình lãnh đạo và thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ, chỉ tiêu về chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Đô Thành đã rút ra được một số bài học kinh nghiệm sau:

Một là: Trên cơ sở quán triệt sâu sắc và bám sát đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, các cấp ủy Đảng, chính quyền xã Đô Thành xuyên suốt các thời kỳ đã vận dụng linh hoạt vào thực tiễn địa phương để phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế và khắc phục dần những tồn tại, hạn chế. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào Đảng bộ và Nhân dân xã Đô Thành cũng giữ vững và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, xây dựng và biến các nghị quyết của Đảng có sức sống trong thực tiễn đời sống chính trị - kinh tế và văn hóa - xã hội của địa phương. Thường xuyên nâng cao chất lượng, nội dung trong sinh hoạt Đảng, nâng cao năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức cho mỗi cán bộ, đảng viên. Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát cùng Nhân dân thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, khôi phục và phát triển kinh tế, củng cố quan hệ sản xuất, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước, góp phần vào hoàn thành nhiệm vụ chung của cách mạng cả nước trong từng giai đoạn lịch sử.

Hai là: Xây dựng và phát huy tinh thần đoàn kết trong cán bộ, đảng viên và nhân dân; đoàn kết trong tổ chức cấp ủy, chính quyền

và đoàn thể. Tinh thần đoàn kết đó tạo ra sức mạnh, giúp Nhân dân Đô Thành vượt qua khó khăn, tạo dựng cuộc sống. Việc phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trên nguyên tắc đảm bảo “tập trung dân chủ” được giữ vững. Chính nhờ tinh thần đoàn kết và biết dựa vào dân, vì lợi ích của Nhân dân nên các tổ chức cơ sở Đảng ở Đô Thành từ khi thành lập đến nay đã nhanh chóng hòa mình vào đời sống của nhân dân, cùng với Nhân dân xây dựng quê hương Đô Thành ngày một vững mạnh.

Ba là: Thường xuyên chăm lo công tác bồi dưỡng cán bộ, đảng viên đi đôi với việc củng cố tổ chức cơ sở Đảng. Trong tình hình đất nước và địa phương liên tục có sự thay đổi, việc tăng cường sức chiến đấu của cán bộ, đảng viên và vai trò lãnh đạo của Đảng bộ Đô Thành là hết sức cần thiết và có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của sự nghiệp cách mạng địa phương. Do đó, những biểu hiện thoái hoá biến chất, tư tưởng chậm đổi mới, trông chờ, ỷ lại và bảo thủ ở một bộ phận cán bộ, đảng viên thanh lọc và kiên quyết loại bỏ. Trong đổi mới kinh tế, Đảng bộ và chính quyền kết hợp chặt chẽ việc giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội; chú trọng tìm tòi, vận dụng sáng tạo các phương pháp để phát huy nguồn lực và lợi thế của xã nhà, khai thác các nguồn lực bên ngoài trên cơ sở phát huy nguồn lực tại chỗ.

Quá trình lãnh đạo Nhân dân làm cách mạng, Đảng bộ Đô Thành đã góp phần tô thắm thêm truyền thống vẻ vang của dân tộc. Đảng bộ và Nhân dân xã Đô Thành đã, đang và sẽ nỗ lực, nguyện đoàn kết, phát huy những thành tích đã đạt được, khắc phục thiếu sót, tồn tại và vượt qua khó khăn, ra sức xây dựng quê hương Đô Thành vững về kinh tế, mạnh về quốc phòng - an ninh, văn minh trong cuộc sống.

PHỤ LỤC

I. DANH SÁCH BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

(Theo Quyết định số 394KT/CTN, ngày 17/12/1994 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thọ	1918	
2	Đặng Thị Diêu	1915	
3	Phạm Thị Lung	1904	
4	Trần Thị Bô	1914	
5	Hồ Thị Địch	1927	
6	Nguyễn Thị Tồn	1901	
7	Phạm Thị Thung	1904	
8	Mai Thị Hùy	1909	
9	Nguyễn Thị Huyền	1916	
10	Nguyễn Thị Cảnh	1909	
11	Nguyễn Thị Dương	1904	
12	Lê Thị Tiệu	1901	

II. DANH SÁCH CÁN BỘ LÃO THÀNH CÁCH MẠNG VÀ CÁN BỘ TIỀN KHỞI NGHĨA

TT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
1	Phạm Thị Hồng		Gia Mỹ

2	Hồ Đại		Bắc Vực
3	Hồ Lạc		Xuân Lai
4	Hoàng Ước		Xuân Lai
5	Hoàng Vân		Xuân Lai
6	Hoàng Bổng		Xuân Lai
7	Luyện Nhận		Xuân Lai
8	Võ Nhuệ		Gia Mỹ
9	Nguyễn Thị Tập		Gia Mỹ
10	Nguyễn Thị Nhã		Gia Mỹ
11	Nguyễn Văn		Gia Mỹ

III. DANH SÁCH LIỆT SĨ QUA CÁC THỜI KỲ

TT	Họ và tên	Xóm	Năm hy sinh	Ghi chú
1	Luyện Nhận	Xuân Lai	4/4/1930	
2	Hoàng Ước	Xuân Lai	7/11/1930	
3	Hoàng Vân	Xuân Lai	17/5/1931	
4	Hoàng Bổng	Xuân Lai	17/5/1931	
5	Hồ Lạc	Xuân Lai	17/5/1931	
6	Võ Nhuệ	Gia Mỹ	17/5/1931	
7	Phạm Điểm	Bắc Vực	6/12/1952	
8	Phạm Việt	Bắc Vực	4/1954	
9	Hồ Thái	Bắc Vực	4/1954	
10	Nguyễn Hoạch	Bắc Vực	4/1954	

11	Nguyễn Hồng Thịnh	Hoàng Lò	1953	
12	Luyện Văn Quý	Xuân Lai	14/2/1953	
13	Nguyễn Khang	Nam Vực	15/11/1951	
14	Nguyễn Thị Nhiêu	Phú Xuân	12/1953	
15	Phạm Văn Thầu	Phú Xuân	30/4/1954	
16	Nguyễn Văn Điện	Phú Vinh	12/1/1954	
17	Nguyễn Trọng Đăng	Gia Mỹ	16/8/1950	
18	Lê Văn Cừu	Hạc Linh	25/4/1954	
19	Lê Văn Huyền	Hạc Linh	25/4/1954	
20	Ngô Văn Tình	Đông Thị	4/1954	
21	Phan Đăng Tụ	Đông Thị	1950	
22	Hoàng Quốc Ái	Yên Hội	10/4/1965	
23	Phan Văn Ban	Yên Hội	5/6/1973	
24	Dương Văn Đạt	Yên Hội	4/4/1966	
25	Trần Minh Hoa	Yên Hội	18/6/1969	
26	Phạm Văn Lạc	Yên Hội	9/9/1966	
27	Trần Văn Lưu	Yên Hội	15/3/1967	
28	Trịnh Văn Quyền	Yên Hội	2/2/1972	
29	Nguyễn Trường Thi	Yên Hội	12/4/1967	
30	Phạm Thanh Bình	Yên Hội	19/4/1972	
31	Nguyễn Văn Đường	Yên Hội	22/10/1972	

32	Bùi Văn Tương	Yên Hội	9/7/1982	
33	Phan Văn Bàng	Yên Hội	23/9/1983	
34	Đào Lê Dung	Yên Hội	23/9/1983	
35	Nguyễn Đình Thi	Hoàng Lò	15/1/1965	
36	Nguyễn Văn Tuấn	Hoàng Lò	25/4/1966	
37	Nguyễn Văn Bốn	Hoàng Lò	2/5/1969	
38	Nguyễn Đức Bình	Hoàng Lò	9/1/1969	
39	Nguyễn Hồng Lập	Hoàng Lò	23/6/1970	
40	Phan Đình Chiến	Hoàng Lò	11/8/1970	
41	Nguyễn Ngọc Vũ	Hoàng Lò	12/3/1973	
42	Lê Ngọc Quỳnh	Hạc Linh	4/1970	
43	Lê Đức Huồng	Hạc Linh	23/8/1971	
44	Lê Văn Nhị	Hạc Linh	10/12/1968	
45	Lê Quang Hùng	Hạc Linh	8/2/1968	
46	Lê Xuân Hương	Hạc Linh	4/8/1968	
47	Lê Văn Biên	Hạc Linh	27/4/1975	
48	Lê Quang Chắt	Hạc Linh	25/6/1980	
49	Lê Văn Nhi	Hạc Linh	18/1/1968	
50	Lê Xuân Tiến	Hạc Linh	4/11/1971	
51	Lê Quang Nhật	Hạc Linh	22/3/1970	
52	Lê Sỹ Nhị	Hạc Linh	7/1/1973	

53	Lê Văn Long	Hạc Linh	14/3/1978	
54	Đàm Xuân Thành	Ngọc Sơn	2/4/1972	
55	Đàm Văn Lý	Ngọc Sơn	10/8/1979	
56	Nguyễn Kim Nhung	Ngọc Sơn	16/1/1957	
57	Nguyễn Kim Mai	Ngọc Sơn	30/5/1968	
58	Hoàng Văn Bốn	Xuân Lai	29/8/1968	
59	Luyện Hồng Tâm	Xuân Lai	24/5/1972	
60	Hồ Đại Thành	Xuân Lai	5/1/1973	
61	Luyện Xuân Hàm	Xuân Lai	11/1/1974	
62	Luyện Xuân Hương	Xuân Lai	2/12/1972	
63	Luyện Đức Thung	Xuân Lai	10/3/1979	
64	Hồ Minh Tân	Xuân Lai	30/3/1969	
65	Hoàng Quốc Tiến	Xuân Lai	6/5/1972	
66	Hồ Xuân Hê	Đông Thị	28/2/1966	
67	Bùi Duy Thiện	Đông Thị	5/5/1968	
68	Trần Đại Nghĩa	Đông Thị	23/12/1978	
69	Nguyễn Minh Tuệ	Đông Thị	19/11/1966	
70	Hoàng Công Minh	Đông Thị	9/12/1972	
71	Nguyễn Hữu Thọ	Đông Thị	18/2/1968	
72	Phan Thế Lượng	Đông Thị	4/7/1971	
73	Phan Văn An	Đông Thị	15/1/1981	

74	Bùi Minh Giát	Ngọc Sơn	15/4/1969	
75	Nguyễn Xuân Hòa	Ngọc Sơn	29/3/1970	
76	Nguyễn Hồng Tân	Ngọc Sơn	7/2/1971	
77	Hoàng Tế Hanh	Ngọc Sơn	20/5/1971	
78	Đàm Tài	Ngọc Sơn	27/7/1954	
79	Võ Hồng Tiến	Phú Vinh	11/3/1971	
80	Vũ Văn Ngọc	Phú Vinh	20/10/1965	
81	Võ Đức Yển	Phú Vinh	25/5/1980	
82	Mai Xuân Hiếu	Sung Yên	11/12/1967	
83	Trần Văn Tụng	Sung Yên	30/10/1972	
84	Nguyễn Sỹ Ái	Sung Yên	5/5/1978	
85	Nguyễn Văn Khâm	Kim Chi	10/8/1971	
86	Võ Hải Khanh	Kim Chi	23/8/1968	
87	Nguyễn Thị Tào	Kim Chi	26/4/1966	
88	Lê Hồng Phụng	Kim Chi	1/3/1971	
89	Lê Hồng Minh	Kim Chi	24/2/1972	
90	Vũ Văn Tuyết	Kim Chi	18/1/1985	
91	Nguyễn Nga Văn	Kim Chi	7/2/1968	
92	Phạm Quang Thành	Kim Chi	16/10/1966	
93	Nguyễn Sỹ Hoàng	Kim Chi	20/2/1969	
94	Nguyễn Hồng Tương	Kim Chi	12/3/1976	

95	Võ Thanh Tùng	Kim Chi	9/3/1970	
96	Nguyễn Văn Yên	Kim Chi	16/4/1972	
97	Nguyễn Công Mại	Dạ Sơn	12/10/1969	
98	Nguyễn Quang Trung	Dạ Sơn	10/1/1973	
99	Đồng Minh Tân	Dạ Sơn	27/8/1971	
100	Nguyễn Thanh Long	Phú Xuân	15/7/1966	
101	Lê Văn Hồng	Phú Xuân	25/2/1979	
102	Trần Văn An	Phú Xuân	18/4/1979	
103	Nguyễn Thanh Hải	Phú Xuân	18/1/1969	
104	Nguyễn Kim Cương	Phú Xuân	25/10/1965	
105	Nguyễn Tuấn Bản	Phú Xuân	31/1/1970	
106	Phạm Đình Duyên	Nam Vực	4/7/1967	
107	Phạm Đình Ngọc	Nam Vực	15/10/1970	
108	Nguyễn Văn Tiến	Nam Vực	20/5/1968	
109	Nguyễn Đức Toàn	Nam Vực	15/6/1978	
110	Võ Sỹ Chí	Nam Vực	23/12/1978	
111	Phạm Đình Lê	Nam Vực	26/7/1978	
112	Nguyễn Văn Bá	Nam Vực	11/3/1979	
113	Đặng Ngọc Quyên	Nam Vực	27/4/1975	
114	Nguyễn Văn Vượng	Nam Vực	7/1969	
115	Phạm Văn Thịnh	Nam Vực	25/12/1984	

116	Vũ Văn Toại	Gia Mỹ	15/3/1973	
117	Võ Sỹ Toán	Gia Mỹ	13/11/1972	
118	Nguyễn Ngọc Hồng	Gia Mỹ	2/2/1968	
119	Nguyễn Văn Toan	Gia Mỹ	12/6/1970	
120	Nguyễn Duy Nhất	Gia Mỹ	14/3/1978	
121	Võ Hồng Khánh	Gia Mỹ	22/11/1965	
122	Phạm Văn Tư	Gia Mỹ	20/8/1969	
123	Nguyễn Trọng Cam	Gia Mỹ	2/5/1970	
124	Nguyễn Hồng Khanh	Bắc Vực	10/1958	
125	Lê Thanh Dy	Bắc Vực	18/7/1968	
126	Phạm Đình Bảng	Bắc Vực	25/12/1970	
127	Phạm Sỹ Chắt	Bắc Vực	1/10/1970	
128	Lê Văn Chức	Bắc Vực	20/1/1967	
129	Phạm Văn Sắc	Bắc Vực	19/4/1975	
130	Võ Quốc Nha	Bắc Vực	3/8/1978	
131	Phạm Minh Chính	Bắc Vực	15/3/1970	
132	Phạm Sỹ Tám	Bắc Vực	13/11/1966	

**IV. DANH SÁCH ĐẢNG VIÊN ĐƯỢC TẶNG, TRUY TẶNG
HUY HIỆU 50 NĂM TUỔI ĐẢNG TRỞ LÊN**

TT	Họ và tên	Đơn vị	Huy hiệu	Ghi chú
1	Hoàng Lưu Hương	Ngọc Sơn	75	
2	Nguyễn Thị Loan	Ngọc Sơn	75	

3	Phan Văn Chu	Đông Thị	70	
4	Nguyễn Văn Luyến	Kim Chi	70	
5	Nguyễn Quang Long	Gia Mỹ	70	
6	Hồ Văn Cốc	Nam Vực	70	
7	Nguyễn Văn Hiếu	Nam Vực	70	
8	Phan Yên	Đông Thị	65	
9	Hồ Nhợ	Đông Thị	65	
10	Phan Đăng Trị	Đông Thị	65	
11	Phan Đăng Khoa	Yên Hội	65	
12	Lê Văn Hoàn	Yên Hội	65	
13	Nguyễn Văn Hải	Hoàng Lồ	65	
14	Nguyễn Hồng Khoa	Hoàng Lồ	65	
15	Nguyễn Thị Hành	Hoàng Lồ	65	
16	Trương Đức Thuyên	Bắc Vực	65	
17	Hồ Thị Mịch	Bắc Vực	65	
18	Phạm Thị Láng	Nam Vực	65	
19	Nguyễn Hồng Loan	Nam Vực	65	
20	Ngô Khuyến	Ngọc Sơn	60	
21	Nguyễn Thị Huyền	Xuân Lai	60	
22	Phan Văn Ngợi	Đông Thị	60	
23	Nguyễn Văn Trung	Kim Chi	60	
24	Ngô Tề	Yên Hội	60	
25	Nguyễn Quang Dung	Hoàng Lồ	60	

26	Hồ Ư	Bắc Vực	60	
27	Luyện Hồng Quang	Bắc Vực	60	
28	Võ Sỹ Quế	Nam Vực	60	
29	Phạm Văn Lăng	Nam Vực	60	
30	Lê Đình Quế	Nam Vực	60	
31	Lê Văn Đối	Hạc Linh	60	
32	Lê Đức Hoảng	Hạc Linh	60	
33	Nguyễn Hạt	Xuân Lai	55	
34	Luyện Thị Khuyển	Xuân Lai	55	
35	Ngô Văn Chương	Ngọc Sơn	55	
36	Hoàng Nam Việt	Đông Thị	55	
37	Phan Xuân Hòa	Đông Thị	55	
38	Hoàng Diễm	Đông Thị	55	
39	Trần Cầu	Phú Vinh	55	
40	Vũ Xuân Trường	Phú Vinh	55	
41	Nguyễn Xuân Dục	Phú Vinh	55	
42	Nguyễn Duy Nhất	Phú Vinh	55	
43	Vũ Thị Duyên	Phú Vinh	55	
44	Nguyễn Văn Hồng	Kim Chi	55	
45	Nguyễn Đức Tiến	Kim Chi	55	
46	Nguyễn Trọng Thiện	Sung Yên	55	
47	Hồ Xuân Thành	Yên Hội	55	
48	Lê Đình Hòe	Yên Hội	55	

49	Nguyễn Hồng Tương	Hoàng Lồ	55	
50	Vũ Thị Duyên	Hoàng Lồ	55	
51	Phạm Văn Lập	Gia Mỹ	55	
52	Nguyễn Khắc Khôi	Gia Mỹ	55	
53	Phạm Hồng Thới	Gia Mỹ	55	
54	Võ Văn Bình	Gia Mỹ	55	
55	Phạm Đình Cơ	Bắc Vực	55	
56	Hồ Đức Quyền	Bắc Vực	55	
57	Hồ Đức Chinh	Bắc Vực	55	
58	Nguyễn Thị Quạnh	Bắc Vực	55	
59	Hồ Thành Trinh	Bắc Vực	55	
60	Phạm hồng Xuyên	Bắc Vực	55	
61	Lê Thị Tâm	Bắc Vực	55	
62	Lê Thị Xân	Bắc Vực	55	
63	Phạm Thanh Tơ	Nam Vực	55	
64	Lê Văn Tự	Hạc Linh	55	
65	Lê Hồng Loan	Hạc Linh	55	
66	Lê Văn Viết	Hạc Linh	55	
67	Hoàng Minh Sung	Ngọc Sơn	55	
68	Luyện Hồng Sơn	Xuân Lai	50	
69	Hoàng Bơ	Xuân Lai	50	
70	Luyện Tá Thục	Xuân Lai	50	
71	Luyện Xuân Nguyên	Xuân Lai	50	

72	Hoàng Văn Tính	Xuân Lai	50	
73	Hoàng Văn Quynh	Xuân Lai	50	
74	Trần Oai	Đông Thị	50	
75	Võ Văn Tảo	Phú Vinh	50	
76	Nguyễn Thị Huệ	Phú Vinh	50	
77	Nguyễn Văn Trung	Phú Vinh	50	
78	Nguyễn Xuân Quỳnh	Kim Chi	50	
79	Nguyễn Đức Bính	Kim Chi	50	
80	Nguyễn Hồng Căn	Kim Chi	50	
81	Lê Sỹ Thông	Kim Chi	50	
82	Mai Sỹ Chung	Sung Yên	50	
83	Vũ Thị Do	Sung Yên	50	
84	Võ Sỹ Đức	Sung Yên	50	
85	Nguyễn Văn Hai	Sung Yên	50	
86	Nguyễn Đăng Khoa	Sung Yên	50	
87	Nguyễn Hồng Khuê	Sung Yên	50	
88	Nguyễn Sỹ Tuyên	Sung Yên	50	
89	Nguyễn Văn Minh	Sung Yên	50	
90	Nguyễn Văn Công	Yên Hội	50	
91	Phan Văn Biễn	Yên Hội	50	
92	Trần Đức Khiêm	Yên Hội	50	
93	Trần Đức Thịnh	Yên Hội	50	
94	Trần Văn Thương	Yên Hội	50	

95	Phạm Hồng Sinh	Yên Hội	50	
96	Hồ Thu	Yên Hội	50	
97	Vũ Thị Cự	Hoàng Lồ	50	
98	Nguyễn Văn Xuân	Hoàng Lồ	50	
99	Vũ Thị Mỹ	Hoàng Lồ	50	
100	Nguyễn Hồng Xuynh	Hoàng Lồ	50	
101	Đặng Văn Châu	Gia Mỹ	50	
102	Nguyễn Thị Nhàn	Bắc Vực	50	
103	Phạm Sỹ Khoa	Bắc Vực	50	
104	Nguyễn Hồng Thịnh	Bắc Vực	50	
105	Phạm Văn Nhung	Bắc Vực	50	
106	Luyện Thị Diện	Bắc Vực	50	
107	Lê Xuân Phiêu	Bắc Vực	50	
108	Hoàng Đình Lệ	Bắc Vực	50	
109	Nguyễn Văn Địch	Bắc Vực	50	
110	Nguyễn Nhật	Bắc Vực	50	
111	Phạm Xuân Hồng	Nam Vực	50	
112	Hồ Minh Ân	Nam Vực	50	
113	Nguyễn Trọng Ê	Nam Vực	50	
114	Phan Văn Đương	Nam Vực	50	
115	Nguyễn Văn Liên	Nam Vực	50	
116	Lê Xuân Mai	Nam Vực	50	
117	Lê Quang Túc	Hạc Linh	50	
118	Lê Văn Lương	Hạc Linh	50	

119	Nguyễn Hồng Thái	Phú Xuân	50	
120	Nguyễn Hồng An	Phú Xuân	50	
121	Lê Doan	Bắc Vực	50	
122	Nguyễn Đức Thiện	Bắc Vực	50	
123	Nguyễn Viết Đức	Đông Thị	50	
124	Phạm Nhưong	Gia Mỹ	50	

V. DANH SÁCH LÃNH ĐẠO ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, MẶT TRẬN TỔ QUỐC, CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ XÃ HỘI QUA CÁC THỜI KỲ

1. Bí thư Đảng ủy

TT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Lê Thị Biều	1941 - 1942	Bí thư Chi bộ xã Gia Mỹ tiền thân của Đảng bộ xã Đô Thành
2	Nguyễn Nhị	6/1946 - 3/1947	Bí thư chi bộ xã Đại Gia
3	Nguyễn Hồng Khanh	10/4/1947	Bí thư chi bộ xã Đại Gia
4	Phan Yên	12/1947 - 11/1948	Bí thư chi bộ xã Đại Gia
5	Nguyễn Tài	12/1948 - 11/1949	Bí thư chi bộ xã Đại Gia
6	Nguyễn Hồng Tân	12/1949 - 1/1951	Bí thư chi bộ xã Đại Gia
7	Hồ Vĩnh Tường	2/1951 - 10/1953	Bí thư chi bộ xã Đại Gia
8	Luyện Nghệ	11/1953 - 6/1954	Bí thư chi bộ xã Đô Thành

9	Hồ Tùng	7/1954 - 6/1955	
10	Lê Văn Bơ	7/1955 - 8/1956	
11	Hồ Vĩnh Tường	9/1956 - 12/1957	
12	Lê Đình Phụng	1/1958 - 12/1960	
13	Trần Trọng Ngân	1/1961 - 4/1964	
14	Nguyễn Thái Trạc	5/1964 - 4/1965	
15	Trần Trọng Tài	5/1965 - 10/1965	
16	Nguyễn Thái Trạc	11/1965 - 4/1981	
17	Phạm Lập	5/1981 - 5/1985	
18	Hoàng Minh Ngói	6/1985 - 9/1996	
19	Hoàng Nam Việt	9/1996 - 10/2000	
20	Phan Quốc Thảo	11/2000 - 3/2002	
21	Hồ Chí Cường	6/2002 - 5/2010	
22	Hồ Văn Ngân	6/2010 - 5/2020	
23	Nguyễn Hồng Lương	01/2021 - Nay	

2. Danh sách Ủy viên Thường vụ trực Đảng - Phó Bí thư Trực Đảng ủy

TT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Nguyễn Liêm	12/1956 - 5/1960	(Ủy viên Thường vụ trực Đảng)
2	Trần Trọng Tài	6/1960 - 12/1961	
3	Nguyễn Mân	1/1962 - 12/1962	
4	Nguyễn Đức Tiến	1/1963 - 11/1963	

5	Nguyễn Trạch	12/1963 - 11/1964	
6	Phan Thà	12/1964 - 5/1965	
7	Nguyễn Thái Trạc	6/1965 - 10/1965	
8	Lê Xuân Phiêu	11/1965 - 11/1967	
9	Nguyễn Văn Thái	12/1967 - 11/1969	
10	Lê Văn Đối	11/1969 - 3/1971	
11	Nguyễn Luyến	4/1971 - 4/1972	
12	Hoàng Trị	5/1972 - 9/1973	
13	Phạm Lập	10/1973 - 10/1974	
14	Nguyễn Định	11/1974 - 3/1975	
15	Trần Khiêm	4/1975 - 11/1975	
16	Phạm Lập	12/1975 - 11/1977	
17	Đàm Phổ	12/1977 - 11/1979	
18	Phạm Lập	12/1979 - 4/1981	
19	Võ Thành	5/1981 - 8/1982	
20	Hoàng Minh Ngói	9/1982 - 5/1984	(Phó Bí thư trực Đảng)
21	Lê Tự	6/1984 - 5/1985	
22	Luyện Hồng Quang	6/1985 - 11/1986	
23	Nguyễn Xuân Dục	12/1986 - 11/1987	
24	Phạm Thị Hai	12/1987 - 11/1989	
25	Phạm Thị Hai	12/1989 - 4/1990	
26	Lê Văn Đối	5/1990 - 5/1994	
27	Nguyễn Trường Thi	6/1994 - 9/2000	
28	Hồ Chí Cường	10/2000 - 5/2002	

29	Nguyễn Hồng Cử	6/2002 - 4/2020	
30	Võ Văn Hòa	5/ 2020 - Nay	

3. Danh sách Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã

TT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Hoàng Minh Ngồi	6/1994 - 9/1996	
2	Hoàng Nam Việt	10/1996 - 5/2004	
3	Hồ Chí Cường	6/2004 - 5/2010	
4	Hồ Văn Ngân	5/2010 - 5/2020	
5	Nguyễn Hồng Lương	1/2021 - Nay	

4. Danh sách Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã

TT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Lê Xuân Dương	8/1998 - 5/2004	
2	Nguyễn Văn Xuyên	6/2004 - 11/2013 4/2018 - 5/2020	
3	Nguyễn Văn Hà	12/2013 - 3/2018	
4	Nguyễn Hồng Lương	5/2020 - 12/2021	
5	Nguyễn Thị Hải	07/2021 - Nay	

5. Danh sách Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã

TT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Phạm Cẩm	1/1946 - 5/1946	
2	Phạm Ban	6/1946 - 6/1947	
3	Hồ Quán	7/1947 - 12/1947	
4	Nguyễn Nhật	1/1948 - 12/1952	
5	Võ Ngoan	1/1953 - 6/1953	
6	Trương Đức Thuyên	7/1953 - 7/1954	

7	Vũ Thị Duyên	8/1954 - 5/1955	
8	Trần Trọng Ngân	6/1955 - 9/1956	
9	Phạm Oanh	10/1956 - 5/1958	
10	Nguyễn Hồng Ngân	6/1958 - 6/1962	
11	Nguyễn Thái Trạc	7/1962 - 1/1964	
12	Trần Trọng Tài	2/1964 - 3/1965	
13	Lê Văn Đới	4/1965 - 4/1969	
14	Nguyễn Thái	5/1969 - 12/1970	
15	Nguyễn Hải	1/1971 - 12/1971	
16	Nguyễn Hồng Xuynh	1/1972 - 4/1973	
17	Nguyễn Xuân Tô	5/1973 - 4/1975	
18	Nguyễn Nghị	5/1975 - 5/1977	
19	Hoàng Chuông	6/1977 - 4/1979	
20	Lê Văn Tự	5/1979 - 4/1984	
21	Hoàng Minh Ngói	5/1984 - 5/1985	
22	Phan Quốc Thảo	6/1985 - 9/2000	
23	Nguyễn Trường Thi	10/2000 - 8/2008	
24	Hồ Văn Ngân	9/2008 - 6/2010	
25	Hồ Chí Cường	7/2010 - 10/2013	
26	Nguyễn Văn Xuyên	12/2013 - 3/2018	
27	Nguyễn Văn Hà	4/2018 - 5/2020	
28	Luyện Xuân Huệ	6/2020 - Nay	

5. Danh sách Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã

TT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Phạm Ban	1/1946 - 5/1946	
2	Phan Yên	6/1946 - 6/1947	

3	Võ Chữ	7/1947 - 6/1948	
4	Nguyễn Xuân Quỳ	7/1948 - 12/1949	
5	Phan Chắt	1/1950 - 6/1952	
6	Nguyễn Nhị	7/1952 - 12/1952	
7	Nguyễn Liên	1/1953 - 6/1953	
8	Lê Đức Chinh	7/1953 - 7/1954	
9	Trương Đức Thuyên	8/1954 - 5/1955	
10	Nguyễn Thị Tự	6/1955 - 5/1957	
11	Trần Trọng Tài	6/1957 - 8/1961	
12	Lê Đức Chinh	9/1961 - 4/1963	
13	Lê Văn Đối	5/1963 - 4/1965	
14	Nguyễn Thị Hành	5/1969 - 12/1970	
15	Trần Trọng Ngân	5/1965 - 5/1967	
16	Nguyễn Hải	6/1967 - 12/1968	
17	Phan Tiến Sỹ	1/1969 - 1/1971	
18	Phạm Thị Hải	1/1969 - 1/1971	
19	Nguyễn Xuân Tô	2/1971 - 4/1973	
20	Đàm Quang Phổ	5/1973 - 5/1977	
21	Lê Văn Tự	6/1977 - 6/1979	
22	Phạm Tư	7/1979 - 5/1981	
23	Bùi Châu	5/1981 - 4/1984	
24	Nguyễn Trường Thi	5/1984 - 4/1987	
25	Đàm Quang Phổ	5/1987 - 1/1988	
26	Võ Đình Kiều	2/1988 - 11/1989	
27	Nguyễn Trường Thi	12/1989 - 6/1994	
28	Đàm Trung Thông	6/1994 - 12/1997	

29	Hồ Văn Ngân	1/1998 - 8/2008	
30	Lê Xuân Dương	9/2008 - 5/2020	
31	Hồ Xuân Hương	2004 - 5/2020	
32	Nguyễn Văn Hà	6/2020 - Nay	
33	Nguyễn Thành Trung	11/2022 - Nay	

6. Danh sách Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã

TT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Phạm Cẩm	6/1946 - 11/1946	
2	Nguyễn Nhật	12/1946 - 11/1947	
3	Nguyễn Tao	12/1947 - 11/1948	
4	Nguyễn Định	12/1948 - 10/1949	
5	Hồ Khoan	11/1949 - 12/1950	
6	Nguyễn Nhội	1/1951 - 12/1953	
7	Phạm Oanh	1/1954 - 9/1956	
8	Hồ Khoan	10/1956 - 10/1959	
9	Nguyễn Ninh	11/1959 - 10/1961	
10	Trần Cầu	11/1961 - 5/1969	
11	Trần Ngân	6/1969 - 9/1975	
12	Trần Cầu	10/1975 - 4/1981	
13	Đàm Phổ	5/1981 - 4/1986	
14	Lê Tự	5/1986 - 6/1989	
15	Nguyễn Luyện	7/1989 - 2/1992	
16	Hồ Xuân Thành	3/1992 - 2/1996	
17	Nguyễn Xuân Dục	3/1996 - 9/2000	
18	Lê Xuân Dương	10/2000 - 8/2008	

19	Nguyễn Trường Thi	9/2008 - 4/2015	
20	Võ Văn Hòa	5/2015 - 5/2020	
21	Nguyễn Văn Lĩnh	6/2020 - Nay	

7. Danh sách Trưởng Công an xã

TT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Phạm Cúc	1/1946 - 5/1947	
2	Lê Bản	6/1947 - 9/1953	
3	Hoàng Guộc	10/1953 - 12/1956	
4	Nguyễn Tiến	1/1957 - 12/1959	
5	Lê Đức Chinh	1/1960 - 12/1960	
6	Trần Trọng Tài	1/1961 - 7/1964	
7	Phan Sỹ	8/1964 - 12/1980	
8	Võ Đình Kiều	12/1989 - 9/1990	
9	Nguyễn Trường Thi	10/1990 - 6/1994	
10	Đàm Trung Thông	6/1994 - 12/1997	
11	Hồ Văn Ngân	1/1998 - 4/2004	
12	Phan Quốc Toàn	5/2004 - 8/2011	
13	Nguyễn Văn Hà	9/2011 - 10/2013	
14	Luyện Xuân Huệ	11/2013 - 5/2020	
15	Nguyễn Hồ Dũng	5/2020 - Nay	(Chính quy)

8. Danh sách Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự xã

TT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Nguyễn Đăng	7/1947 - 4/1949	

2	Nguyễn Hồng Khanh	5/1949 - 5/1951	
3	Phan Chu	6/1951 - 5/1953	
4	Lê Khiệu	6/1953 - 6/1954	
5	Hoàng Guộc	7/1954 - 6/1955	
6	Hồ Thế	7/1955 - 6/1956	
7	Nguyễn Ninh	7/1956 - 6/1957	
8	Lê Xuân Phiêu	7/1957 - 8/1959	
9	Võ Thành	9/1959 - 10/1961	
10	Nguyễn Thái Trạc	11/1961 - 4/1962	
11	Phan Khoa	5/1962 - 10/1965	
12	Hồ Nhự	11/1965 - 7/1967	
13	Hồ Niệm	8/1967 - 7/1972	
14	Trần Thương	8/1972 - 4/1975	
15	Nguyễn Sơn	5/1975 - 5/1977	
16	Nguyễn Công	6/1977 - 5/1979	
17	Bùi Châu	6/1979 - 4/1981	
18	Nguyễn Cư	5/1981 - 4/1987	
19	Võ Đình Kiều	5/1987 - 1/1988	
20	Phan Thế Ngại	2/1988 - 4/1992	
21	Trần Chuyên	5/1992 - 3/1994	
22	Luyện Hồng Mậu	3/1994 - 6/1994	
23	Hồ Văn Ngân	6/1994 - 12/1997	
24	Ngô Thành Lập	1/1998 - 5/2004	
25	Hồ Văn Hảo	5/2004 - Nay	

9. Danh sách Bí thư Đoàn Thanh niên

TT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Trịnh Khai	4/1946 - 4/1947	
2	Trương Thuyên	5/1947 - 12/1948	
3	Nguyễn Doãn	12/1948 - 10/1949	
4	Nguyễn Diệt	11/1949 - 11/1951	
5	Nguyễn Thái Trạc	12/1951 - 12/1953	
6	Nguyễn Phương	1/1954 - 5/1955	
7	Nguyễn Mậu	6/1955 - 5/1960	
8	Nguyễn Tuấn	6/1960 - 5/1961	
9	Hồ Thành	6/1961 - 12/1962	
10	Hồ Lệ	1/1963 - 11/1964	
11	Luyện Huân	12/1964 - 12/1965	
12	Trần Thị Nguyệt	1/1966 - 12/1967	
13	Nguyễn Hồng Tương	1/1968 - 11/1968	
14	Đậu Thị Yển	1/1969 - 12/1969	
15	Nguyễn Xuynh	1/1970 - 10/1972	
16	Đàm Phổ	11/1972 - 10/1973	
17	Đàm Thị Kha	11/1973 - 4/1975	
18	Nguyễn Ngọc	5/1975 - 5/1977	
19	Bùi Tương	6/1977 - 5/1979	
20	Lê Túc	6/1979 - 3/1981	
21	Luyện Hồng Thái	4/1981 - 9/1981	
22	Hoàng Minh Ngói	10/1981 - 8/1982	
23	Luyện Hồng Thái	9/1982 - 7/1984	

24	Hoàng Kỳ	8/1984 - 4/1986	
25	Hồ Dung	5/1986 - 10/1987	
26	Hồ Văn Ngân	11/1987 - 7/1994	
27	Nguyễn Hồng Cử	8/1994 - 5/1998	
28	Nguyễn Hồng Lương	5/1998 - 6/2002	
29	Nguyễn Văn Hà	6/2002 - 7/2011	
30	Đàm Trung	8/2011 - 12/2017	
31	Nguyễn Văn Nhật	2/2018 - 6/2018	
32	Nguyễn Thành Trung	6/2018 - 10/2022	
33	Hoàng Thị Phụng	11/2022 - nay	Quyền Bí thư Đoàn xã

10. Danh sách Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ

TT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Lê Thị Miều	6/1946 - 12/1951	
2	Nguyễn Thị Nhuận	1/1952 - 12/1952	
3	Nguyễn Thị Thích	1/1953 - 12/1953	
4	Vũ Thị Mai	1/1954 - 10/1954	
5	Nguyễn Thị Hồng	11/1954 - 11/1957	
6	Vũ Thị Duyên	12/1957 - 11/1960	
7	Nguyễn Thị Hành	12/1960 - 9/1967	
8	Vũ Thị Duyên	10/1967 - 10/1969	
9	Nguyễn Thị Hành	11/1969 - 10/1977	

10	Vũ Thị Mỳ	11/1977 - 3/1989	
11	Vũ Thị Cư	6/1989 - 3/1996	
12	Hồ Thị Thời	4/1996 - 5/2015	
13	Nguyễn Thị Hải	5/2015 - 6/2021	
14	Lê Thị Dung	8/2022 - Nay	

11. Danh sách Chủ tịch Hội Nông dân

TT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Trần Cầu		
2	Nguyễn Văn Thái		
3	Lê Văn Đới		
4	Nguyễn Khắc Khôi	1/1991 - 7/1995	
5	Lê Xuân Dương	7/1995 - 7/1998	
6	Võ Văn Cảnh	7/1998 - 12/2017	
7	Đàm Trung	1/2018 - 6/2022	
8	Phạm Thị Thương	8/2022 - Nay	

12. Danh sách Chủ tịch Hội Cựu chiến binh

TT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Hồ Xuân Thành	10/1990 - 4/1994	
2	Hồ Đức Dinh	4/1994 - 6/1996	
3	Hồ Xuân Thành	6/1996 - 10/2001	
4	Hồ Đức Dinh	10/2001 - 3/2012	
5	Nguyễn Xuân Hữu	3/2012 - Nay	

13. Danh sách Chủ tịch Hội Người cao tuổi

TT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Trương Đức Thuyên	1987 - 1990 1991 - 1994 1995 - 2015	Hội trưởng Hội Phụ lão, Hội trưởng Hội Bảo thọ, Chủ tịch Hội Người cao tuổi
2	Nguyễn Văn Trung	2016 - 2020	Chủ tịch Hội Người cao tuổi
3	Phạm Đình Hà	2020 - nay	Chủ tịch Hội Người cao tuổi

VI. SỰ THAY ĐỔI ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH QUA CÁC THỜI KỲ

Cho đến trước năm 1945, vùng đất Đô Thành đã trải qua nhiều lần phân cắt địa giới và thay đổi tên gọi các đơn vị hành chính. Quá trình đó có thể tóm lược như sau:

- Đầu thế kỷ thứ XIX (1802 - 1820): Đại Độ gồm thôn Ngọc Sơn (bao gồm thôn Ngọc Sơn, Đông Thị, Yên Hội), thôn Phú Vinh, thôn Thọ Vực, Gia Hộ (bao gồm thôn Xuân Lai, Mộ Lam) và thôn Nam Giáp (gồm Gia Mỹ và Hoàng Lồ), là 5 trong số 25 xã, thôn thuộc tổng Quỳnh Trạch, huyện Đông Thành, phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An¹.

- Cuối thế kỷ thứ XIX (năm 1892): Các đơn vị hành chính cấp làng, xã (ở đồng bằng) đều được nhà Nguyễn gọi thống nhất là “thôn”. Đại Độ, Xuân Lai, Gia Mỹ, Phú Tăng và Kim Chi là 5 trong số 29 thôn thuộc tổng Quỳnh Trạch, huyện Yên Thành, phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An².

¹ Theo “Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX”, Nhà xuất bản khoa học xã hội năm 1981.

² Theo Lịch sử xã Đô Thành, NXB Nghệ An, năm 1995.

- Đầu thế kỷ thứ XX (1905): Đại Độ, Kim Chi, Xuân Lai, Phú Tăng, Gia Mỹ là 5 trong số 27 xã thôn thuộc tổng Quý Trạch, huyện Yên Thành, phủ Diễn Châu¹.

- Trước năm 1945, địa bàn Đô Thành gồm các làng Đại Độ, Gia Mỹ, Xuân Lai, Kim Chi và thôn Phú Tăng. Đó là 4 đơn vị hành chính độc lập có lý trưởng và mộc triện riêng. Mặc dầu vậy, Đại Độ vẫn có tên riêng: làng Thọ Vực, làng Phú Vinh, làng Ngọc Sơn.

- Cách mạng Tháng Tám thành công, chính quyền mới đã cho nhập Đại Độ, Gia Mỹ, Xuân Lai và Phú Tăng thành một xã, lấy tên là Đại Gia. Năm 1953, thực hiện chủ trương của huyện Yên Thành, xã Đại Gia được đổi tên là xã Đô Thành. Ngoài phần đất của Đại Độ, Gia Hội và các thôn Xuân Lai, Phú Tăng xưa, xã Đô Thành còn tiếp nhận thêm phần đất đai và dân cư của các xóm Sung Yên của xã Diễn Hồng và Hoa Khê của xã Diễn Yên (huyện Diễn Châu), xóm Hoa Khê là xóm có hộ ít nên đã sáp nhập vào xóm Yên Hội. Lúc này, xã Đô Thành gồm 19 xóm: các xóm Giáo Vực, Đông Vực, Nam Vực, Bắc Vực, Hạc Linh thuộc làng Thọ Vực; các xóm Phú Tăng, Kim Chi, Nam Vinh, Bắc Vinh, Giáo Vinh thuộc làng Phú Vinh; các xóm Yên Hội, Đông Thị, Triêm Vũ thuộc làng Ngọc Sơn; các xóm Bắc Lai, Nam Lai thuộc làng Xuân Lai; các xóm Bắc Mỹ, Nam Mỹ, Hoàng Lồ thuộc làng Gia Mỹ; Sung Yên.

- Hiện nay (năm 2023), Đô Thành có 14 xóm với diện tích tự nhiên là 10,5km². Dân số toàn xã là 4.442 hộ với 18.180 nhân khẩu.

Như vậy, tính từ khi ông Hoàng Quý Công - người đầu tiên đến Am Bản khai cơ, lập nghiệp, đến nay, Đô Thành đã có trên 500 năm lịch sử. Quá trình hình thành và phát triển của làng xã cũng gắn liền với sự trưởng thành của các dòng họ đã và đang lập nghiệp trên vùng đất này.

¹ Niên giám Đông Dương, phần Nghệ An, năm 1905.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đại Nam nhất thống chí* - Quốc sử quán triều Nguyễn.
2. *Tên các làng trên đất Việt Nam* - Viện Hán Nôm, xuất bản năm 2000.
3. *Tên làng xã Việt Nam thế kỷ XX* - Nguyễn Thị The, Phạm Thị Thoa dịch và biên soạn, Nhà xuất bản Hà Nội 1981.
4. *Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: Chặng đường qua 2 thế kỷ*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia 1999.
5. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Nghệ An (tập 1)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia 1998.
6. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Nghệ An (tập 2)*, Nhà xuất bản Nghệ An 1999.
7. Nghệ An: *Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*, Thường vụ Tỉnh ủy, BCH Quân sự tỉnh 1997.
8. Nghệ An: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)* Thường vụ Tỉnh ủy, BCH Quân sự tỉnh Nghệ An 1995.
9. *Xô Viết Nghệ Tĩnh*, Tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh ủy Nghệ An, Nhà xuất bản Nghệ An 2000.
10. *Lịch sử Đảng bộ huyện Yên Thành (1930 - 2017)*, Nhà xuất bản Nghệ An 2017.
11. *Lịch sử xã Đô Thành*, Nhà xuất bản Nghệ An 1995.
12. Các tư liệu tham khảo tại bảo tàng Xô Viết Nghệ Tĩnh, Thư viện tỉnh Nghệ An và lịch sử Đảng bộ các xã trên địa bàn huyện Yên Thành.
13. Các văn bản, tài liệu, sách, báo liên quan về xã Đô Thành còn lưu trữ tại văn phòng Đảng ủy và văn phòng Ủy ban Nhân dân xã Đô Thành.
14. Lời kể của các vị lãnh đạo địa phương qua các thời kỳ và lời kể của các vị lão thành cách mạng.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	5
Chương 1. KHÁI QUÁT VỀ VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI ĐÔ THÀNH.....	7
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN.....	7
1. Vị trí địa lý, địa hình	7
2. Khí hậu	7
3. Tài nguyên.....	8
4. Hệ thống giao thông	9
II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH LÀNG XÓM VÀ SỰ THAY ĐỔI ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH QUA CÁC THỜI KỲ	10
1. Quá trình hình thành các làng Đại Độ, Xuân Lai, Gia Mỹ và thôn Phú Tăng, những hạt nhân cấu thành nên xã Đô Thành ngày nay.....	10
2. Sự thay đổi địa giới hành chính qua các thời kỳ	16
III. TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA LÀNG XÃ TRƯỚC NĂM 1945.....	17
IV. ĐỜI SỐNG VĂN HÓA TINH THẦN.....	20
1. Tế lễ thần linh - tín ngưỡng, và gánh nặng đóng góp của người dân Đô Thành trong lịch sử.....	20
2. Ngày xuân, làng mở cỗ yến	21
3. Cưới xin và ma chay	24
4. Văn nghệ, nhu cầu không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người dân Đô Thành	25
5. Đền, đình, chùa	27
6. Truyền thống hiếu học.....	30
IV. TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC.....	36

Chương 2. PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG- CỦA NHÂN DÂN ĐÔ THÀNH TỪ CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẾN KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP THẮNG LỢI (1954)	39
---	-----------

II. QUÁ TRÌNH GIÁC NGỘ, GÂY DỰNG CƠ SỞ, NHÂN RỘNG PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VÀ THỎI BÙNG NGỌN LỬA XÔ VIẾT (1930 - 1931).....	40
---	----

III. LÀNG GIA MỸ - ĐẦU MỐI QUAN TRỌNG TRONG VIỆC KHÔI PHỤC LẠI CƠ SỞ ĐẢNG Ở YÊN THÀNH.....	46
---	----

IV. TỔNG KHỎI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN (8/1945).....	48
--	----

V. Củng cố và phát huy thành quả của cách mạng	51
---	----

VI. TÍCH CỰC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ QUÊ HƯƠNG, ĐÓNG GÓP SỨC NGƯỜI, SỨC CỦA CHO CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP	54
---	----

1. Tổ chức bộ phòng kháng chiến.....	54
--------------------------------------	----

2. Đẩy mạnh sản xuất, thực hiện tốt các cuộc vận động đảm phụ kháng chiến	56
--	----

3. Dân công phục vụ hỏa tuyến	59
-------------------------------------	----

4. Chi bộ Đảng với công cuộc kháng chiến, kiến quốc ...	61
---	----

Chương 3. CHI BỘ ĐẢNG XÃ ĐÔ THÀNH LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ MIỀN BẮC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, CHI VIỆN CHO MIỀN NAM, THỐNG NHẤT NƯỚC NHÀ (1954 - 1975)	65
---	-----------

I. KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1954 - 1965).....	65
---	----

1. Đấu tranh chống địch cưỡng ép giáo dân di cư	66
2. Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế (1954 - 1957)	67
3. Thực hiện Kế hoạch 3 năm cải tạo và phát triển kinh tế - xã hội (1958 - 1960)	71
II. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1961 - 1965)	77
III. ĐẢNG BỘ ĐÔ THÀNH LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN VỪA CHIẾN ĐẤU, VỪA SẢN XUẤT, GÓP PHẦN ĐÁNH THẮNG HAI CUỘC CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1965 - 1973).....	85
1. Xây dựng hậu phương vững mạnh, góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965 - 1968)	85
2. Tranh thủ điều kiện hòa bình, khôi phục kinh tế, củng cố lực lượng, sẵn sàng chiến đấu (1969 - 1972)	99
IV. ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN HÀN GẮN VẾT THƯƠNG CHIẾN TRANH, KHÔI PHỤC KINH TẾ, CHI VIỆN MIỀN NAM HOÀN THÀNH SỨ MỆNH THỐNG NHẤT TỔ QUỐC (1973 - 1975)	106

Chương 4. ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN ĐÔ THÀNH TRONG THỜI KỲ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC, BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1976 - 2000)..... 113

I. ĐẢNG BỘ ĐÔ THÀNH LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIẾP TỤC KHẮC PHỤC HẬU QUẢ SAU CHIẾN TRANH VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM (1976 - 1980)..... 113

II. ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN CƠ CHẾ SẢN XUẤT MỚI (1981 - 1985).....	119
--	-----

III. NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA THỜI KỲ ĐỔI MỚI (1986 - 1990)	123
--	-----

IV. ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO, THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, CHĂM LO CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI (1991 - 2000)	130
--	-----

Chương 5. ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN ĐÔ THÀNH TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI (2000 - 2023)	143
--	------------

I. ĐÔ THÀNH XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG GIÀU VỀ KINH TẾ, VỮNG MẠNH VỀ CHÍNH TRỊ VÀ VĂN MINH TRONG CUỘC SỐNG (2000 - 2010).....	143
---	-----

1. Tập trung phát triển kinh tế.....	145
--------------------------------------	-----

2. Phát triển văn hóa - xã hội.....	147
-------------------------------------	-----

3. Đảm bảo quốc phòng, an ninh.....	148
-------------------------------------	-----

4. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị	149
--	-----

II. NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ, PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (2010 - 2023)	152
---	-----

1. Đẩy mạnh phát triển kinh tế	154
--------------------------------------	-----

2. Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.....	156
--	-----

3. Phát triển văn hóa - xã hội.....	159
-------------------------------------	-----

4. Xây dựng quốc phòng, an ninh vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới	162
---	-----

5. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị	163
---	------------

III. ĐÔ THÀNH - NHỮNG NỖ LỰC VÀ PHÁT TRIỂN SAU ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ LẦN THỨ XXIX NHIỆM KỲ 2020 - 2025	167
---	------------

1. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế	168
2. Xây dựng Nông thôn mới nâng cao	171
3. Chăm lo phát triển văn hóa - xã hội	172
4. Đảm bảo quốc phòng, an ninh.....	174
5. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị vững mạnh	175

KẾT LUẬN	183
-----------------------	------------

PHỤ LỤC	187
----------------------	------------

TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	214
--------------------------------	------------

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN

37B - Lê Hồng Phong - TP. Vinh

Điện thoại: Giám đốc - Tổng biên tập

0238. 3844748 - 0983524134

Văn phòng: 0238.3840560

Email: nxbnghean@gmail.com

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ ĐÔ THÀNH
(1930 - 2023)**

Chịu trách nhiệm xuất bản và nội dung

GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP

ThS. BÙI THỊ NGỌC

Biên tập: ThS. **Phạm Thị Hằng**

Bìa, trình bày: **Nguyễn Lệ Quyên**

Sửa bản in: **Trần Thị Thuận**

Mã số ISBN:

In cuốn, khổ 143.5x20.5 cm. In tại Công ty TNHH in Phát hành sách Nghệ An. Địa chỉ: số 52, 54 Nguyễn Cảnh Chân, Phường Quang Trung - TP Vinh - Nghệ An.

Đăng ký xuất bản số: /CXBIPH/ /NA. Quyết định xuất bản số: / QĐ-NXBNA, cấp ngày tháng năm 2023.

In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2023.